

VŨ LỰC - TÙY PHÚC DÂN - TRỊNH LỖI

中国经济
KINH TẾ
Trung Quốc



NHÀ XUẤT BẢN
TRUYỀN BÁ NGŨ CHÂU



NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

VŨ LỰC - TÙY PHÚC DÂN - TRỊNH LỖI

KINH TẾ TRUNG QUỐC

Người dịch: ThS. NGUYỄN THỊ THU HẰNG

Hiệu đính và Giới thiệu: TS. DƯƠNG NGỌC DŨNG



**NHÀ XUẤT BẢN
TRUYỀN BÁ NGŨ CHÂU**



**NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

KINH TẾ TRUNG QUỐC

Vũ Lực - Tùy Phúc Dân - Trịnh Lỗi

ISBN: 978-604-58-0242-7

Copyright © 2011 China Intercontinental Press.

Bất kỳ phần nào trong xuất bản phẩm này đều không được phép sao chép, lưu giữ, đưa vào hệ thống truy cập hoặc sử dụng bất kỳ hình thức, phương tiện nào để truyền tải: điện tử, cơ học, ghi âm, sao chụp, thu hình, phát tán qua mạng hoặc dưới bất kỳ hình thức nào khác nếu chưa được sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản.

Ấn bản này được xuất bản tại Việt Nam theo hợp đồng chuyển nhượng bản quyền giữa Nhà xuất bản Truyền bá Ngũ Châu, Trung Quốc và Nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Lời giới thiệu

Có thể nói, không có đề tài thảo luận nào dễ gây tranh cãi như Trung Quốc, đặc biệt tại Việt Nam hiện nay. Phải thành thật thú nhận rằng, tôi là người hâm mộ Trung Quốc “từ đầu đến chân”, nhưng có khi cũng phải rà soát lại sự hâm mộ của mình khi có được thông tin mới. Chẳng ai phủ nhận rằng, Trung Quốc là một đất nước vĩ đại về nhiều mặt. Trên nhiều phương diện như: văn hóa, tổ chức chính trị, quản lý kinh tế, kinh doanh thương mại,... Trung Quốc có thể đóng vai trò làm tấm gương soi cho Việt Nam. Soi để học hỏi những điều tích cực và tránh né những sai lầm mà quốc gia khổng lồ này đã phạm phải (Cách mạng Văn hóa là một ví dụ).

Trên bình diện toàn cầu, việc học hỏi nghiên cứu về quốc gia khổng lồ này lúc nào cũng thu hút được sự quan tâm của giới trí thức và truyền thông. Trong quan hệ quốc tế ngày nay, Trung Quốc nghiêm nhiên đóng vai trò quyết định không thua kém gì so với các siêu cường thế giới khác. Trong bộ sách nổi tiếng “Thế giới đi về đâu?” (NXB. Thế Giới, Hà Nội, 2010), tác giả Grzegorz W. Kolodko đã dành rất nhiều trang giấy cho vai trò của Trung Quốc trong thế giới đương đại. Ông viết: “Trung Quốc đã đi theo con đường của Trung Quốc, là con đường đặc biệt đúng đắn nếu nhìn từ góc độ phát triển” (tr. 316).

Bộ sách Trung Quốc gồm 12 quyển của Nhà xuất bản Truyền bá Ngũ Châu với nhiều hình ảnh minh họa sinh động, đã cung cấp cho người đọc một bức tranh toàn cảnh về Trung Quốc đương đại sau 30 năm cải cách kinh tế. Tất cả các phương diện của kinh tế, văn hóa, xã hội Trung Quốc đều được đề cập đến một cách ngắn gọn, có sức khái quát cao, dễ cho người đọc nắm bắt được những thông tin cơ bản: chế độ chính trị, kinh tế, lịch sử, văn hóa, xã hội, địa lý, pháp luật, ngoại giao, quốc phòng, dân tộc, tôn giáo, khoa học, kỹ thuật, giáo dục, môi trường. Có thể nói đây là bộ bách khoa toàn thư về Trung Quốc hiện đại. Tôi cảm thấy hơi thất vọng khi thấy thiếu những phần bàn về nghệ thuật, điện ảnh, văn học, triết học, ẩm thực, y học, phong thủy, nhưng có lẽ như vậy lại tốt hơn. Nếu những người chủ biên quá ôm đồm, bộ sách chắc chắn sẽ dày gấp đôi, dễ làm người đọc khiếp đảm. Vả lại, đã có khá nhiều các bộ toàn thư khác liên quan đến văn học và triết học rồi, sự đóng góp của bộ sách sẽ không có điểm nhấn rõ rệt.

Điểm nhấn của bộ sách này, theo tôi, gồm có hai điểm. Điểm thứ nhất là người đọc. Thông qua cách trình bày, chúng ta dễ dàng nhận ra độc giả mục tiêu của bộ sách này là các độc giả phổ thông, ham hiểu biết, nhưng không phải là những chuyên gia về Trung

Quốc học. Phương thức trình bày ngắn gọn, giản dị, kèm theo nhiều hình ảnh minh họa, nội dung chuyên sâu hơn một tờ nhật báo, nhưng không nặng nề phân tích như một cuốn sách chuyên khảo. Các doanh nhân bận rộn, các nhà giáo trung học, các sinh viên thuộc chuyên ngành Đông Phương học, Trung Quốc học, Quan hệ Quốc tế, Kinh tế Chính trị, kể cả giới truyền thông báo chí, đều có thể tìm thấy trong bộ sách này những thông tin hữu ích. Điều đáng khen là văn phong tuyên truyền chính trị của lối viết thập niên 60-70 đã được tinh giảm liều lượng khá nhiều, tránh cho người đọc cảm giác khó chịu không cần thiết.

Điểm nhấn thứ hai là nội dung. Chúng ta thấy khá rõ là nội dung xoay quanh các vấn đề hiện đại và đương đại, nhằm giới thiệu một đất nước Trung Quốc hết sức hoành tráng, đang vươn lên tăng trưởng từng ngày, đạt được hết thành tích này đến thành tích khác trong nhiều lĩnh vực đa dạng, đặc biệt là kinh tế, ngoại giao. Sự thành công đầy ấn tượng về kinh tế của Trung Quốc đã khiến Hồ Cẩm Đào từ bỏ đường lối ngoại giao tương đối dè dặt của Đặng Tiểu Bình và đòi hỏi thế giới phải công nhận vai trò lớn hơn của Trung Quốc trong các quyết định chiến lược toàn cầu. Sự vươn lên của Trung Quốc cũng đồng thời báo hiệu vị trí số hai của Nhật Bản trong nền kinh tế thế giới đã kết thúc và ngay cả vị trí siêu cường số một của Mỹ cũng đã lung lay. Đương nhiên con voi Ấn Độ cũng có khả năng trở thành một địch thủ đáng gờm của con rồng Trung Quốc, nhưng ngày đó còn xa. Ấn Độ, trừ việc gia tăng dân số, còn thua Trung Quốc về nhiều phương diện.

Bản dịch sang Việt ngữ đã được thực hiện bởi các cán bộ giảng dạy Trung văn trẻ, các dịch giả cộng tác thường xuyên của Nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, làm việc tích cực trong một thời gian ngắn để hoàn thành đúng hạn, sẽ là một đóng góp đầy ý nghĩa vào kho tư liệu về đất nước và con người Trung Quốc vốn hết sức phong phú trên thị trường kiến thức Việt Nam. Việc phiên dịch tiếng Hoa không hề dễ dàng chút nào vì thói quen thích dùng các thành ngữ, điển tích của các con cháu Khổng Tử, nhưng các dịch giả và đội ngũ biên tập của Nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh đã làm hết sức mình để bảo đảm cho bản dịch tránh khỏi các sơ sót. Dù vậy, các sai lầm liên quan đến việc phiên âm các nhân danh, địa danh, văn hóa, ... chắc chắn là điều khó tránh khỏi. Mong được các bậc thức giả cao minh chỉ chính.

Xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc!

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 1 năm 2012

TS. Dương Ngọc Dũng

Lời Nhà xuất bản

Công cuộc cải cách cũng như những kỳ tích kinh tế mà Trung Quốc giành được đã khiến cho sức mạnh tổng hợp của quốc gia này ngày càng trở nên mạnh mẽ, ảnh hưởng quốc tế cũng mỗi lúc một lớn hơn. Ngày càng có nhiều bạn nước ngoài muốn tìm hiểu và làm quen với đất nước Trung Quốc. Với mong muốn giúp họ có thể tìm được cách nhanh nhất để thực hiện khát vọng này, giúp họ hiểu và nắm bắt được những tình hình cơ bản nhất của Trung Quốc chỉ trong một thời gian ngắn, chúng tôi đã tổ chức một nhóm chuyên gia, học giả bắt tay vào biên soạn “Tủ sách Trung Quốc”.

“Tủ sách Trung Quốc” gồm 12 quyển, lần lượt giới thiệu tình hình cơ bản của quốc gia này ở hầu hết các khía cạnh như địa lý, lịch sử, chính trị, kinh tế, văn hoá, pháp luật, quốc phòng, xã hội, khoa học và giáo dục, môi trường, dân tộc và tôn giáo. Hiểu được những điều ấy chính là những bước đệm đầu tiên cho việc tìm hiểu đất nước Trung Quốc.

Chúng tôi hy vọng thông qua “Tủ sách Trung Quốc” này, độc giả có thể hiểu một cách khái lược về mọi mặt của đất nước Trung Quốc. Trước hết là những nhận thức về lịch sử văn hóa. Lịch sử văn hóa là nền tảng văn minh của mỗi quốc gia. Là một hình thái quan trọng của văn minh nhân loại, văn minh Trung Hoa là một trong những nền văn minh vô cùng độc đáo vẫn được lưu giữ cho đến ngày nay. Tiếp theo là tìm hiểu những tình hình cơ bản của Trung Quốc. Trung Quốc là một nước đang có tốc độ tăng trưởng nhanh, cao nhất thế giới, dân số đông, xuất phát điểm từ một nền kinh tế nghèo khó và phát triển không cân đối. Thế nhưng, vượt lên trên những khó khăn của chính mình, Trung Quốc đã kiên trì đi trên đường lối riêng, kiên trì giữ vững sự phát triển, đồng thời tiếp thu những thành quả văn minh của nhân loại để cuối cùng vạch ra con đường phát triển trong tương lai của mình. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, Trung Quốc giữ vững lập trường coi xây dựng kinh tế làm trọng điểm, kiên trì cải cách mở cửa, về đối nội thì xây dựng một xã hội hòa hợp, về đối ngoại thì thúc đẩy xây dựng một thế giới hòa bình, bền vững và cùng nhau phát triển, cùng nhau phồn thịnh.

Hy vọng rằng “Tủ sách Trung Quốc” này sẽ giúp bạn đọc bước những bước đầu tiên trong “hành trình tìm hiểu Trung Quốc” của mình.

Bắc Kinh năm 2010

Nhà xuất bản Truyền bá Ngũ Châu

Mục lục

9 Lời nói đầu



13 Địa lý kinh tế Trung Quốc



25 Quá trình phát triển của kinh tế Trung Quốc



57 Chế độ và chính sách kinh tế cơ bản của Trung Quốc



87 **Trình độ phát triển và những thành tựu
của kinh tế Trung Quốc**



105 **Những thử thách và xu thế
phát triển của kinh tế Trung Quốc**



119 **Vị trí và vai trò của Trung Quốc
trong kinh tế thế giới**



Lời nói đầu

Trái qua quá trình phát triển nhanh chóng và liên tục trong hơn 30 năm kể từ khi cải cách mở cửa đến nay, kinh tế Trung Quốc đã giành được những thành tựu khiến cả thế giới phải chú ý và trở thành nền kinh tế lớn thứ hai trên thế giới, đứng đầu thế giới về sản lượng công nông nghiệp chủ yếu. Vị trí của Trung Quốc trên trường quốc tế cũng ngày được nâng cao. Từ những hình ảnh “người khổng lồ với đôi chân bằng đất sét” hay “con sư tử phương Đông đang ngủ say” vào thế kỷ XVIII, cho đến hình ảnh “rồng bay khổng lồ” vào thế kỷ XXI, Trung Quốc đã trải qua một quá trình phát triển kinh tế rất dài. Thế nhưng, đối với đại đa số người nước ngoài, Trung Quốc vẫn là một cái gì đó rất xa lạ, thần kỳ, phức tạp và khó thể tưởng tượng.

Kinh tế Trung Quốc phát triển như vũ bão đang trở thành đầu tàu kéo theo sự phát triển kinh tế của thế giới



Ngày 3 tháng 10 năm 2009, 180 sinh viên của các dân tộc học tập tại Đại học Sư phạm Hoa Trung đã thu thập hơn 200 chữ "phúc" bằng giấy, vải thêu, thủ công mỹ nghệ dùng trong thời gian đón Tết từ quê mình rồi ghép lại thành một tấm bản đồ Trung Quốc để cầu chúc cho đất nước Trung Quốc nhân 60 năm thành lập.

Vào thế kỷ thứ XIII, khi Marco Polo – một người phương Tây đi vòng quanh Trung Quốc, những gì ông nhìn thấy đều là sự phồn hoa và giàu có, sau đó ông đã nói cho người phương Tây biết về sự kinh ngạc này. Từ lúc ấy, người phương Tây luôn tràn trề những kỳ vọng đặc biệt đối với đất nước phương Đông thần bí, cổ xưa này. Sau khi phương Tây dùng những con tàu chiến hiện đại mở toang cánh cửa của xã hội nông nghiệp Trung Quốc vào giữa thế kỷ XIX, những gì họ thấy được lại là một đế quốc cổ xưa với những mâu thuẫn xã hội gay gắt và ở khắp nơi, một bên là sự xa xỉ tột cùng của hoàng đế và những thế lực thống trị, bên kia là tầng lớp dân đen cơ cực đói khổ, cùng chính là "châu môn tửu nhục xú, lộ hữu đông tử cốt" (Cửa son rượu thịt để ôi, có thằng đói lá thây phơi ngoài đường). Đế quốc xiêu xiêu vẹo vẹo này có một nền văn hóa Nho giáo khác biệt hoàn toàn với văn hóa phương Tây. Thế nhưng, văn hóa Nho giáo cổ xưa ấy có vẻ như không



đủ sức để kháng cự. Ngay sau đó, nổi đầu chiến tranh cứ thế dày vò đất nước này hơn 100 năm trời.

Mãi đến giữa thế kỷ XX, tức năm 1949 khi nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa thành lập, sau nhiều năm chiến loạn trong ngoài, cuối cùng Trung Quốc cũng giành được độc lập tự chủ và cũng thực sự bắt đầu tiến trình chạy đuổi kinh tế từ khi đó. Hình thức kinh tế kế hoạch trở thành lựa chọn vô cùng hợp lý trong bối cảnh lịch sử vào những năm 50 của thế kỷ XX, đồng thời cũng khiến kinh tế Trung Quốc thể hiện nhiều hơn những sắc thái của chủ nghĩa xã hội truyền thống theo mô hình của Liên Xô.

Đến cuối thập niên 70 của thế kỷ XX, dưới sự lãnh đạo của Đặng Tiểu Bình, Trung Quốc chính thức bước vào con đường cải cách mở cửa. Đường lối này đã giúp cho kinh tế Trung Quốc có được sự phát triển như vũ bão trong hơn 30 năm (mức tăng trưởng bình quân mỗi năm đạt gần 10%), xã hội ổn định hài hòa, nhân dân an cư lạc nghiệp, Trung Quốc cũng đồng thời dần trở thành động lực quan trọng lôi kéo kinh tế thế giới phát triển. Cùng với việc vị trí kinh tế của Trung Quốc ngày càng cao lên, những hiểu lầm và những cách hiểu lệch lạc trong xã hội quốc tế cũng cứ thế dấy lên. Đương nhiên, cũng có một số ít học giả cho rằng, sự phát triển của kinh tế Trung Quốc đã sáng tạo nên "mô hình Trung Quốc", và mô hình này hẳn nhiên được nhân dân trên cả thế giới tôn trọng.

Khi cuộc khủng hoảng kinh tế châu Á xảy ra vào năm 1997, Trung Quốc đã thể hiện rõ "hình tượng của một nước lớn đầy tinh thần trách nhiệm". Ngày nay, đối mặt với những biến động do cuộc khủng hoảng tài chính thế giới mang lại, Trung Quốc lại một lần nữa thể hiện "hình tượng một nước lớn đầy tinh thần trách nhiệm và có năng lực".

Cả thế giới lắng nghe âm thanh của Trung Quốc: Trước hết Trung Quốc sẽ giải quyết cho xong những việc của riêng mình, không gây phiền phức cho thế giới; các nước trên thế giới cần phải điều chỉnh các chính sách kinh tế vĩ mô; xây dựng một trật tự tài chính quốc tế mới công bằng, bình đẳng, bao dung và có trật tự; tích cực phát triển và nâng cao tính tiêu biểu và quyền phát ngôn của Trung Quốc trong cơ cấu tài chính quốc tế; đẩy mạnh hoàn thiện cơ chế quản lý giám sát tài chính quốc tế; đẩy mạnh hoàn thiện hệ thống tiền tệ quốc tế, kiện toàn các cơ chế điều chỉnh và kiểm soát phát hành tiền tệ; phản đối chủ nghĩa bảo vệ dưới mọi hình thức, duy trì ủng hộ môi trường đầu tư thương mại mở cửa tự do; xã hội quốc tế cần tiếp tục quan tâm đến vấn đề phát triển, tích cực ủng hộ và giúp đỡ các nước đang phát triển hơn nữa.

Cả thế giới cũng dõi theo những hành động thực tế của Trung Quốc: cung cấp một khoản cho vay ủng hộ 10 tỷ đô, giúp đỡ những nước thành viên trong Tổ chức hợp tác Thượng Hải ứng phó với những ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính quốc tế; thúc

đẩy các bên trong ngân sách dự trữ ngoại tệ khu vực châu Á với quy mô 120 tỷ đô được thành lập vào cuối năm 2009 cùng đi đến một sự nhất trí; tích cực tham gia kế hoạch đầu tư mạo dịch của công ty tài chính quốc tế; ủng hộ tăng vốn đối với tổ chức Quỹ Tiền tệ Quốc tế; cử nhiều đoàn xúc tiến đầu tư mạo dịch đến các nước thành viên trong Tổ chức Hợp tác Thượng Hải cũng như Mỹ và châu Âu ...

Những điều đó đã khiến cả thế giới dõi theo Trung Quốc, cả thế giới chờ đợi ở Trung Quốc. Thế nhưng, vì lẽ gì Trung Quốc lại có thể khiến cả thế giới phải chờ đợi và dõi theo như vậy? Kinh tế Trung Quốc sẽ tiếp tục tăng trưởng hay sẽ ngưng trệ? Đây là bí quyết thành công của kinh tế Trung Quốc? Liệu rằng Trung Quốc có thể trở thành một đất nước giàu mạnh, hòa hợp và dân chủ hay không? Trung Quốc sẽ đóng góp thêm những gì cho nền kinh tế thế giới? Đó đều là những vấn đề mà cuốn sách này sẽ trả lời một cách tổng quát nhất.

ĐỊA LÝ KINH TẾ TRUNG QUỐC

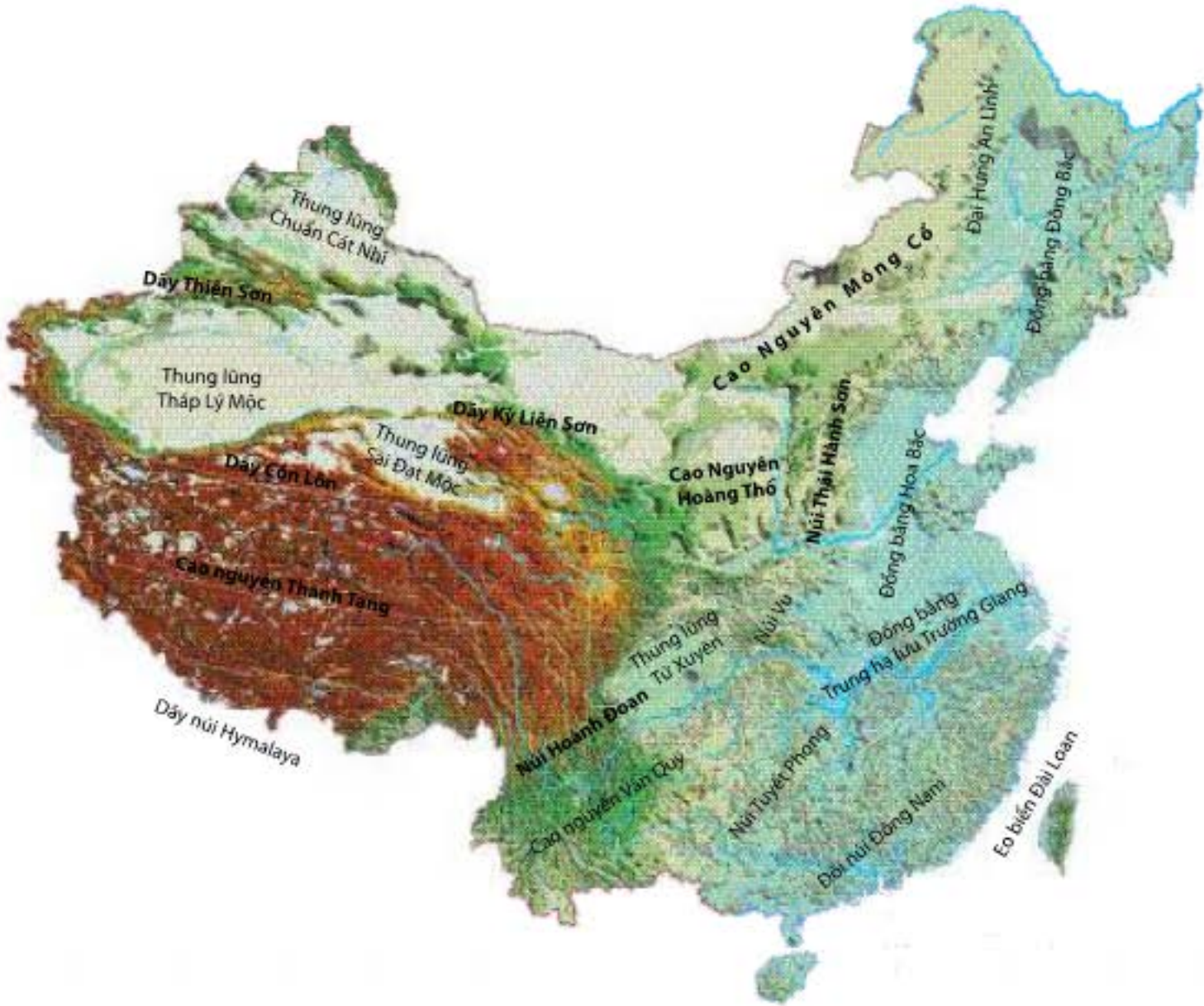
Tìm hiểu về tình hình kinh tế Trung Quốc, trước hết cần tìm hiểu về địa lý kinh tế của Trung Quốc. Địa lý kinh tế của Trung Quốc một mặt đã cung cấp những điều kiện và cơ sở để phát triển kinh tế Trung Quốc, một mặt cũng là yếu tố kìm hãm sự phát triển của kinh tế Trung Quốc (những số liệu thống kê được đề cập đến ở chương này về cơ bản đều căn cứ theo Cục Thống kê Quốc gia Trung Quốc: "Báo cáo thống kê về phát triển xã hội và kinh tế quốc dân của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa", ngày 26 tháng 2 năm 2009).



I. ĐỊA LÝ

Trung Quốc nằm ở phía đông đại lục châu Á, phía bờ tây Thái Bình Dương. Diện tích lục địa khoảng 9,6 triệu km², là nước có diện tích đứng thứ 3 trên thế giới, chỉ sau Nga và Canada. Khoảng cách từ nam đến bắc, từ đông sang tây khoảng hơn 5.000km. Nếu đi máy bay từ Cáp Nhĩ Tân thuộc vùng Đông Bắc Trung Quốc sang Hải Khẩu thuộc phía nam Trung Quốc mất khoảng 6 giờ; nếu đi từ thành phố Trường Xuân thuộc Đông Bắc Trung Quốc đến Ô Lỗ Mộc Tế ở miền Tây Trung Quốc mất khoảng 7 giờ.

Bản đồ địa hình
Trung Quốc.



Biên giới lục địa Trung Quốc dài khoảng 22.800km, phía đông giáp Triều Tiên, phía bắc giáp Mông Cổ, phía đông bắc giáp Nga, phía tây bắc giáp các quốc gia như Kazakhstan, Kyrgyzstan, Tajikistan; phía tây và tây nam giáp với Afganistan, Pakistan, Ấn Độ, Nepal, Bhutan v.v.; phía nam giáp với Myanmar, Lào và Việt Nam. Phía đông và phía nam đối diện với Hàn Quốc, Nhật Bản, Philippines, Brunei, Malaysia, Indonesia v.v..

Trung Quốc là nước có nhiều núi, diện tích vùng núi (núi, đồi và cao nguyên) chiếm khoảng 2/3 tổng diện tích cả nước, thung lũng và đồng bằng chỉ chiếm 1/3. Địa hình Trung Quốc cao ở phía tây và thấp ở phía đông, phần lớn phân bố theo hình bậc thang. Bậc thang cao nhất là cao nguyên Thanh Tạng, độ cao trung bình so với mực nước biển khoảng hơn 4.000m, được gọi là "mái nhà của thế giới". Bậc thang cao thứ hai từ cao nguyên Thanh Tạng hướng về phía bắc và phía đông là cao nguyên Nội Mông Cổ, cao nguyên Hoàng Thổ, cao nguyên Vân Quý và thung lũng Thập Lý Mộc, thung lũng Hoài Khả Nhĩ, thung lũng Tứ Xuyên, độ cao trung bình so với mực nước biển khoảng từ 1.000m đến 2.000m. Bậc thang thứ ba từ đồi Đại Hưng An, dãy núi Đại Hành, núi Vu và núi Tuyết Phong chạy theo hướng phía đông kéo dài đến bờ biển, đa phần là đồng bằng có độ cao dưới 200m so với mực nước biển, ở giữa có đồi và núi thấp với độ cao dưới 1.000m so với mực nước biển. Bậc thang thứ tư là khu vực thềm lục địa cận, độ sâu của nước bình quân không đến 200m.

II. TÀI NGUYÊN

Đến cuối năm 2008, diện tích đất canh tác của Trung Quốc là 121.716.000 héc ta. Đồng bằng Đông Bắc; đồng bằng Hoa Bắc; đồng bằng trung lưu, hạ lưu Trường Giang; tam giác Châu Giang và thung lũng Tứ Xuyên là những khu có diện tích đất canh tác phân bố tập trung nhiều nhất. Với diện tích hơn 350km², đồng bằng Đông Bắc là đồng bằng lớn nhất Trung Quốc, phần lớn là đất đen màu mỡ, sản xuất dồi dào các loại thực phẩm như lúa mì, lúa nước, ngô, đậu tương, cao lương, lanh, củ cải v.v.. Đồng bằng Hoa Bắc phần nhiều là đất nâu, tầng đất dày, các sản phẩm nông nghiệp gồm lúa mì, ngô, kê, sợi bông v.v.. Đồng bằng trung lưu Trường Giang địa hình thấp, mạng lưới sông ngòi và ao hồ dày đặc, là khu vực sản xuất lúa nước và cá nước lợ chủ yếu của Trung Quốc nên có biệt danh là "quê hương lắm cá nhiều thóc"; đồng thời cũng là nơi sản xuất trà và tơ tằm. Thung lũng Tứ Xuyên phần nhiều là đất đỏ, khí hậu ẩm ướt, cây nông nghiệp có thể phát triển quanh năm, chủ yếu trồng lúa nước, rau cải, mía và được mệnh danh là "Thiên phủ chi quốc". Khu tam giác Chu Giang trồng nhiều lúa nước, mỗi năm có thể thu hoạch từ 2 đến 3 lần. Diện tích rừng của Trung Quốc vào khoảng 174,91 triệu héc ta, diện tích đồng cỏ vào khoảng 400 triệu héc ta. Đồng cỏ tự nhiên phân bố đều khắp cả nước, nếu nhìn từ

khu vực hành chính thì diện tích đồng cỏ ở khu tự trị Tây Tạng là lớn nhất, cả khu vực có 70,8468 triệu héc ta, chiếm khoảng 21,40% diện tích đồng cỏ trên cả nước; tiếp theo đó là khu tự trị Nội Mông Cổ, khu tự trị Duy Ngô Nhĩ Tân Cương, tỉnh Thanh Hải. Bốn khu và tỉnh kể trên có diện tích đồng cỏ chiếm 64,65% diện tích đồng cỏ của cả nước. Những nơi có diện tích đồng cỏ khoảng trên 10 triệu héc ta trở lên còn có tỉnh Tứ Xuyên, tỉnh Cam Túc và tỉnh Vân Nam. Đồng cỏ nhân tạo và bán nhân tạo của Trung Quốc có diện tích lớn nhất là ở khu tự trị Nội Mông Cổ, với 4,4334 triệu héc ta. Những nơi có diện tích đồng cỏ trên 1 triệu héc ta còn có tỉnh Tứ Xuyên, khu tự trị Duy Ngô Nhĩ Tân Cương, tỉnh Thanh Hải và tỉnh Cam Túc. Vì có nguồn đồng cỏ dồi dào nên việc phát triển nghề du mục ở các khu vực như Nội Mông Cổ, Cam Túc, Tân Cương, Thanh Hải cũng xuất hiện ưu thế sản nghiệp. Diện tích về đất trồng trọt, rừng và đồng cỏ của Trung Quốc hầu hết đều đứng đầu thế giới về số lượng, nhưng số lượng dân số bình quân lại rất ít. Đất canh tác bình quân đầu người chỉ chiếm $\frac{1}{4}$ đất canh tác bình quân đầu người trên thế giới; diện tích rừng tích lũy bình quân đầu người cũng chỉ chiếm $\frac{1}{8}$ so với bình quân trên thế giới.

Sông ngòi và ao hồ là nguồn nước lợi chủ yếu của Trung Quốc. Tổng lượng của nguồn nước Trung Quốc là 2.712,7 tỷ m³, bình quân đầu người vào khoảng 2.000m³. Tỷ lệ tận dụng nguồn nước khá thấp, hơn nữa lượng nước bình quân đầu người hạn hẹp, nguồn nước bình quân đầu người của Trung Quốc đứng thứ 121 trên thế giới, là một trong 13 nước có nguồn nước bình quân đầu người hạn hẹp nhất trên thế giới. Đồng thời, nguồn nước phân bố cũng không đều, phía nam nhiều, phía bắc ít, dẫn đến tình trạng miền nam thì thường hay xảy ra lũ lụt, miền bắc lại thường xảy ra hạn hán. Tài nguyên thủy điện lưu trữ của Trung Quốc đạt đến 676 triệu KW, đứng đầu thế giới. Hệ thống thủy điện sông Trường Giang nhiều nhất, kể đó là hệ thống thủy điện sông Nhã Lỗ Tạng Bố, thế nhưng tình trạng phân bố cũng không đều, chủ yếu lưu trữ ở khu vực tây nam cách xa vùng duyên hải.

Trữ lượng tài nguyên khoáng sản đã được phát hiện của Trung Quốc hiện nay chiếm khoảng 12% trữ lượng tài nguyên trên toàn thế giới, là nước lớn có trữ lượng khoáng sản đứng thứ 3 trên thế giới (chỉ sau Mỹ và Nga). Nhưng do dân số quá lớn, nguồn khoáng sản bình quân đầu người của Trung Quốc chỉ đạt mức 58% trữ lượng khoáng sản bình quân đầu người của thế giới, có 45 loại khoáng sản có trữ

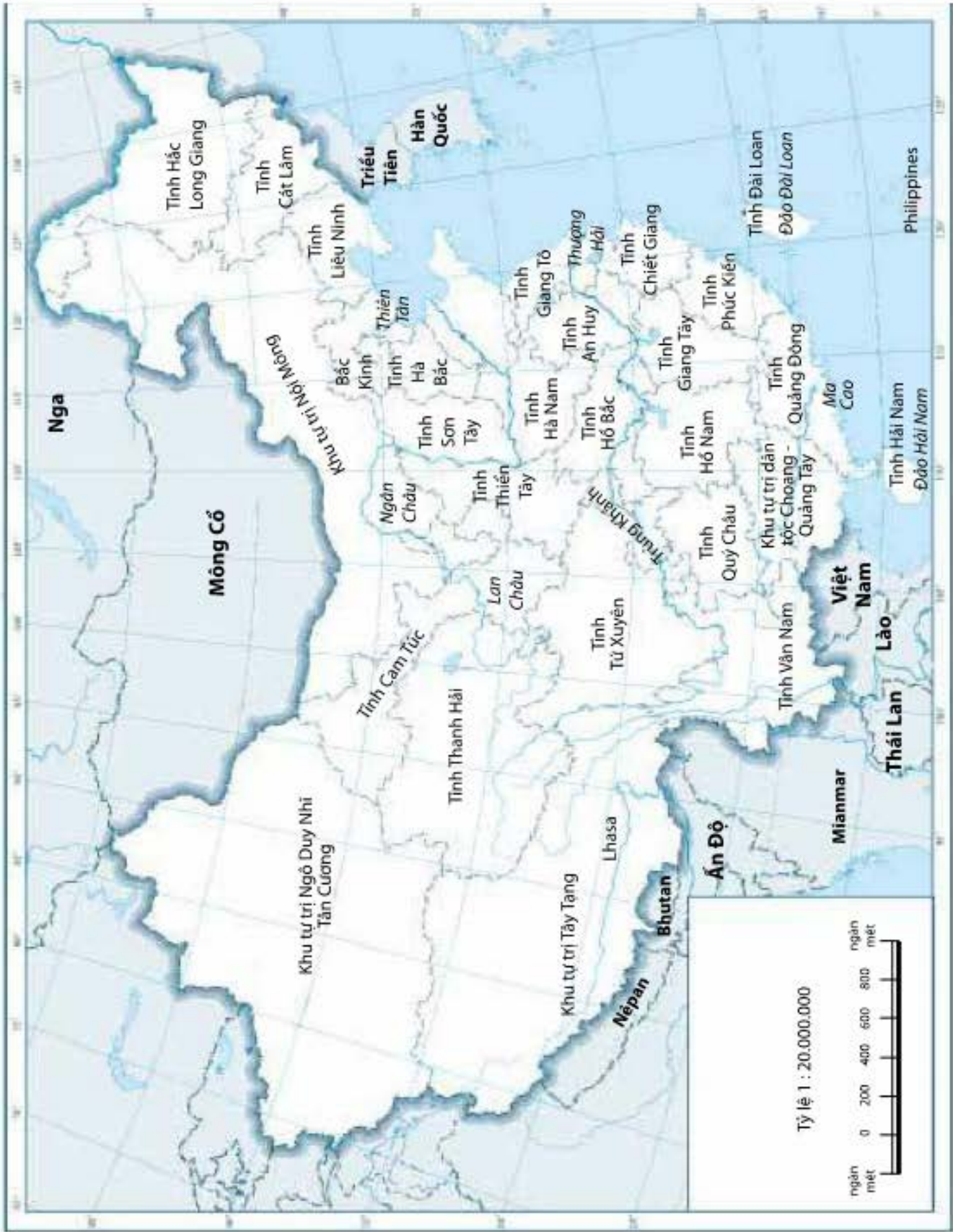
lượng bình quân đầu người thấp hơn một nửa so với bình quân đầu người của thế giới. Những khoáng sản đã được phát hiện ở Trung Quốc hiện nay gồm 171 loại, trong đó trữ lượng của 158 loại khoáng sản đạt đến mức độ có thể khai thác, trong đó bao gồm 10 loại thuộc tài nguyên năng lượng, 41 loại kim loại màu, 8 loại kim loại quý hiếm, 5 loại kim loại đen, 91 loại phi kim và 3 loại tài nguyên khoáng sản dạng lỏng và dạng khí. Trung Quốc có 12 loại tài nguyên khoáng sản đứng đầu thế giới về trữ lượng, đó là vanadium, titanium, tantalum, boron, stibium, vonfram, than chì, muối Glauber, barit, magie (magnesite) và thạch cao. Trữ lượng của các loại khoáng sản như than, sắt, chì, kẽm, đồng, bạc, thủy ngân, thiếc, niken, đá apatit, a-miăng v.v.. đều đứng đầu thế giới. Trong đó trữ lượng than đá luôn duy trì ở mức 1.003,3 tỷ tấn, chủ yếu phân bố ở phía bắc, đặc biệt là ở tỉnh Sơn Tây và khu tự trị Nội Mông Cổ có trữ lượng phong phú nhất. Trữ lượng sắt cũng luôn duy trì ở mức 45,7 tỷ tấn, chủ yếu phân bố ở vùng Đông Bắc, Hoa Bắc và Tây Nam. Các loại khoáng sản như dầu mỏ, khí thiên nhiên, dầu đá phiến, phốt pho v.v.. cũng rất phong phú. Dầu mỏ chủ yếu phân bố ở khu vực tây bắc, tiếp theo là ở khu vực Đông Bắc, Hoa Bắc và thêm lục địa vùng biển cận thuộc duyên hải Đông Bắc.

III. ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH VÀ CÁC KHU KINH TẾ

Hiện nay, Trung Quốc có 34 đơn vị hành chính cấp tỉnh, bao gồm 23 tỉnh, 5 khu tự trị, 4 thành phố trực thuộc trung ương và 2 đặc khu hành chính. Trong lịch sử cũng như về mặt tập quán, các khu hành chính cấp tỉnh đều có tên gọi tỉnh lược. Nơi đóng trụ sở chính quyền nhân dân ở khu hành chính cấp tỉnh được gọi là thủ phủ, Bắc Kinh – nơi chính quyền nhân dân trung ương đóng trụ sở là thủ đô của Trung Quốc. Hương trấn là đơn vị hành chính thấp nhất của Trung Quốc. Khu tự trị, châu tự trị, huyện tự trị là khu tự trị dân tộc, nơi các dân tộc thiểu số tập trung sinh sống, những nơi này đều là bộ phận không thể tách rời của lãnh thổ Trung Quốc.

Trong lịch sử, Hồng Kông và Ma Cao đã từng bị chia cắt với Trung Quốc đại lục. Vào ngày 1 tháng 7 năm 1997, Trung Quốc đã khôi phục lại chủ quyền đối với Hồng Kông và thành lập Đặc khu hành chính Hồng Kông; và đến ngày 20 tháng 12 năm 1999, Trung Quốc đã khôi phục lại chủ quyền đối với Ma Cao và thành lập Đặc khu hành chính Ma Cao. Đài Loan và đại lục đều thuộc đất nước Trung Quốc.

BẢN ĐỒ NƯỚC CỘNG HÒA NHÂN DÂN TRUNG HOA



Theo sự phân chia trong điều tra kinh tế toàn quốc lần thứ hai vào năm 2008, Trung Quốc đại lục chia làm ba vùng kinh tế: miền Đông, miền Trung và miền Tây. Khu vực miền Đông bao gồm Bắc Kinh, Thiên Tân, Hà Bắc, Liêu Ninh, Thượng Hải, Giang Tô, Triết Giang, Phúc Kiến, Sơn Đông, Quảng Đông, Hải Nam; khu vực miền Trung bao gồm Sơn Tây, Cát Lâm, Hắc Long Giang, An Huy, Giang Tây, Hà Nam, Hồ Bắc, Hồ Nam; khu vực miền Tây bao gồm Nội Mông Cổ, Quảng Tây, Trùng Khánh, Tứ Xuyên, Quý Châu, Vân Nam, Tây Tạng, Thiểm Tây, Cam Túc, Thanh Hải, Ninh Hạ, Tân Cương.

Ba vùng kinh tế lớn có thể tiếp tục chia nhỏ thành miền Đông, miền Trung, miền Tây và Đông Bắc. Miền Đông bao gồm 10 tỉnh là Bắc Kinh, Thiên Tân, Hà Bắc, Thượng Hải, Giang Tô, Triết Giang, Phúc Kiến, Sơn Đông, Quảng Đông, Hải Nam; miền Trung bao gồm 6 tỉnh là Sơn Tây, An Huy, Giang Tây, Hà Nam, Hồ Bắc, Hồ Nam; miền Tây bao gồm 12 tỉnh thành và khu vực là Nội Mông Cổ, Quảng Tây, Trùng Khánh, Tứ Xuyên, Quý Châu, Vân Nam, Tây Tạng, Thiểm Tây, Cam Túc, Thanh Hải, Ninh Hạ, Tân Cương; Đông Bắc bao gồm 3 tỉnh là Liêu Ninh, Cát Lâm và Hắc Long Giang.

IV. DÂN SỐ

Trung Quốc là nước có dân số đông nhất thế giới. Vào cuối năm 2008, tổng dân số của Trung Quốc đại lục vào khoảng 1,32802 tỷ dân. Đặc khu hành chính Hồng Kông có dân số khoảng 6,930 triệu người, Đặc khu hành chính Ma Cao có dân số khoảng 530 ngàn người. Trung Quốc cũng là một trong những nước có mật độ dân số dày đặc nhất thế giới, mật độ dân số bình quân là 134 người / km². Nhưng mật độ dân số phân bố không đều: Khu vực duyên hải miền Đông mật độ dân số dày đặc, mật độ bình quân hơn 400 người / km²; khu vực miền Trung bình quân hơn 200 người / km²; khu vực cao nguyên miền Tây mật độ dân số thưa thớt, bình quân mỗi km² không tới 10 người.

Từ khi tiến hành cải cách mở cửa từ năm 1978 đến nay, cùng với việc thực hiện quán triệt chính sách kế hoạch hóa gia đình, mức độ sinh đẻ của người dân Trung Quốc không ngừng giảm xuống. Tỷ lệ dân số Trung Quốc so với tỷ lệ dân số thế giới đã từ 22,2% vào năm 1980 giảm xuống 20,1% vào năm 2007, đồng thời từ mô hình sinh đẻ truyền thống "sinh nhiều, tử vong ít, tăng trưởng tự nhiên nhiều" đã chuyển đổi sang mô hình hiện đại "sinh ít, tử vong ít, tăng trưởng tự nhiên ít". Cùng với sự nâng cao mức sống và những tiến bộ trong sự nghiệp y tế công cộng, tình hình sức khỏe tổng thể của dân số Trung Quốc đã có những cải thiện tích cực. Tỷ lệ tử vong ở trẻ sơ sinh liên tục giảm xuống. Tuổi thọ bình quân dự đoán có sự tăng lên rõ rệt. Trình độ học vấn của người dân cũng đã tăng lên thấy rõ. Mức độ đô thị hóa dân số của Trung Quốc cũng đã đạt mức 45,7%.

Dân số quá đông là quốc sự chủ yếu nhất của Trung Quốc.



V. THÀNH THỊ

Cùng với sự tiến nhanh trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa và đô thị hóa của Trung Quốc, số lượng thành phố cũng như quy mô thành thị của Trung Quốc không ngừng được mở rộng. Vào cuối năm 2007, số lượng thành phố của Trung Quốc đã lên đến 655 thành phố, các thành phố cấp địa phương trở lên là 287 thành phố. Các khu trực thuộc thành phố (không bao gồm các huyện trực thuộc thành phố) có dân số 2 triệu người trở lên lên đến 36 khu; các thành phố có dân số từ 1 triệu đến 2 triệu lên đến 83 thành phố. Quy mô thành phố không ngừng được mở rộng. Diện tích đất của các khu vực hành chính thành phố thuộc cấp địa phương trở lên (không bao

Bảng 1-1. Cơ cấu dân số của Trung Quốc năm 2008

Chia theo giới tính		Chia theo khu vực		Chia theo tuổi tác		
Nam	Nữ	Thành thị	Nông thôn	14 tuổi trở xuống	15 đến 59 tuổi	60 tuổi trở lên
51.5%	48.5%	45.7%	54.3%	19.0%	69.0%	12%

gồm các huyện trực thuộc thành phố) là 622 triệu km². Sự phát triển của các thị trấn, thị xã nhỏ cho thấy một cục diện mới, số lượng thị trấn tăng lên nhanh chóng. Cho đến cuối năm 2008, dân số thành phố của Trung Quốc là 607 triệu người, mức độ đô thị hóa đạt đến 45,68%, tăng lên 35% so với năm 1949.

Cho đến cuối năm 2007, sự phân bố theo khu vực trong số lượng tổng thể của các thành phố ở Trung Quốc như sau: Hoa Bắc (77 thành phố), Đông Bắc (90 thành phố), Hoa Đông (188 thành phố), Hoa Nam (177 thành phố), Tây Nam (65 thành phố), Tây Bắc (60 thành phố), Đài Loan (39 thành phố), Hồng Kông - Ma Cao (2 thành phố).

Tình hình phân bố theo tỉnh trong số lượng tổng thể của các thành phố ở Trung Quốc như sau: Tỉnh Sơn Đông (48 thành phố), tỉnh Quảng Đông (44 thành phố), tỉnh Giang Tô (40 thành phố), tỉnh Hà Nam (39 thành phố), tỉnh Hồ Bắc (36 thành phố), tỉnh Triết Giang (33 thành phố), tỉnh Hà Bắc (33 thành phố), tỉnh Tứ Xuyên (32 thành phố), tỉnh Liêu Ninh (31 thành phố), tỉnh Hắc Long Giang (31 thành phố),

Những năm gần đây, mức độ đô thị hóa của Trung Quốc có sự phát triển nhanh chóng, đồng thời, tiến trình đô thị hóa được mong đợi là sẽ còn tiếp tục tăng nhanh trong tương lai



tỉnh Hồ Nam (29 thành phố), tỉnh Cát Lâm (28 thành phố), tỉnh Phúc Kiến (23 thành phố), tỉnh An Huy (22 thành phố), tỉnh Sơn Tây (22 thành phố), tỉnh Giang Tây (21 thành phố), khu tự trị dân tộc Choang - Quảng Tây (21 thành phố), khu tự trị Duy Ngô Nhĩ – Tân Cương (21 thành phố), khu tự trị Nội Mông Cổ (20 thành phố), tỉnh Vân Nam (17 thành phố), tỉnh Cam Túc (16 thành phố), tỉnh Thiểm Tây (13 thành phố), tỉnh Quế Châu (13 thành phố), tỉnh Hải Nam (8 thành phố), khu tự trị dân tộc Hồi – Ninh Hạ (7 thành phố), tỉnh Thanh Hải (3 thành phố), khu tự trị Tây Tạng (2 thành phố).

VI. TÌNH HÌNH GIAO THÔNG VÀ VẬN TẢI

Cùng với sự phát triển của kinh tế, điều kiện giao thông vận tải của Trung Quốc cũng được cải thiện rõ rệt. Vào năm 2008, các lộ trình đường sắt của Trung Quốc là 80 ngàn km, lộ trình đường bộ là 3.730.000 km, lộ trình vận chuyển đường sông là 123.000 km, lộ trình vận chuyển của hàng không dân dụng là 2.462.000 km, lượng hàng hóa vận chuyển lên đến 25,9 tỷ tấn hàng, lượng chu chuyển hàng hóa lên đến 11.030,1 tỷ tấn – km. Số lượng đầu máy xe lửa lên đến 18.437 đầu, số lượng xe hơi sở hữu của người dân lên đến 50,996 triệu chiếc, tàu thủy vận chuyển dân dụng lên đến 184.190 chiếc, thông lượng vận tải hàng hóa tại các cảng chủ yếu ở duyên hải vào khoảng 4,3 tỷ tấn.

Cuối năm 2007, xây dựng 12 tuyến đường chủ yếu nhất trên cả nước xuyên suốt “ngũ tung thất hoành (năm dọc bảy ngang)”. Đến năm 2010, mạng lưới đường cao tốc chủ yếu nhất của quốc gia về cơ bản đã được hình thành, đẳng cấp kỹ thuật trên các tuyến đường chính của quốc gia và các tỉnh ngày càng được nâng cao; về cơ bản đã xây dựng được 8 tuyến đường trục nối giữa các tỉnh; có 14 tuyến đường trong “ngũ xạ lưỡng tung thất hoành” thuộc quy hoạch xây dựng mạng lưới đường cao tốc trọng điểm (“Ngũ xạ”: Bắc Kinh – Thượng Hải, Bắc Kinh – Phúc Châu, Bắc Kinh – Hồng Kông Ma Cao, Bắc Kinh – Côn Minh, Bắc Kinh – Cáp Nhĩ Tân; “lưỡng tung”: Thẩm Dương – Hải Khẩu, Bao Đầu – Mậu Minh; “thất hoành”: Thanh Đảo – Ngân Xuyên, Nam Kinh – Lạc Dương, Thượng Hải – Tây An, Thượng Hải – Trùng Khánh, Thượng Hải – Côn Minh, Phúc Châu – Ngân Xuyên, Quảng Châu – Côn Minh), đồng thời nỗ lực để đến năm 2010 về cơ bản sẽ thông đường.

Đến năm 2010, bố cục tầng lớp của các cảng ở vùng duyên hải cũng từng bước được hoàn thiện, bố cục cảng chuyên môn hóa với hệ thống vận chuyển ở quy mô lớn như than đá, dầu thô, chất lỏng khí thiên nhiên, quặng sắt, công-ten-nơ v.v.. đều đã được hình thành về cơ bản. Xây dựng 3 trung tâm vận chuyển quốc tế trọng điểm, đó là Thượng Hải, Thiên Tân và Đại Liên.

VII. MÔI TRƯỜNG

Do dân số đông và mức độ phát triển kinh tế không cao nên trong quá trình phát triển kinh tế, Trung Quốc luôn phải đối mặt với vấn đề bảo vệ môi trường và hệ sinh thái. Ngay từ năm 1972, Trung Quốc đã tham gia hội nghị quốc tế về vấn đề bảo vệ môi trường do Liên Hiệp Quốc chủ trì. Nhưng cùng với tốc độ phát triển nhanh chóng của kinh tế Trung Quốc, áp lực về vấn đề môi trường cũng mỗi năm một gia tăng. Đến năm 2007, công tác tiết kiệm năng lượng và giảm thiểu khí thải của Trung Quốc đã giành được những tiến triển nổi bật, lượng COD (nhu cầu ô xy hóa học – lượng ô xy cần thiết để ô xy hóa tất cả các hợp chất hữu cơ và hợp chất vô cơ trong

Trải qua thời kỳ đầu phát triển công nghiệp hóa, Trung Quốc nhanh chóng ý thức được tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường sinh thái. Qua những biện pháp hữu hiệu được thực hiện trong những năm gần đây, công tác bảo vệ môi trường của Trung Quốc đã giành được những hiệu quả rõ rệt. Tấm ảnh này chụp vào ngày 4 tháng 9 năm 2006, thành phố Thẩm Dương, tỉnh Liêu Ninh đẹp biết bao dưới cảnh trời xanh mây trắng



nước) và lượng khí thải sulfur dioxide cũng giảm. Đến năm 2008, trên cả nước đã hoàn thành việc trồng cây gây rừng với diện tích 4.770 triệu héc ta, số lượng khu bảo tồn thiên nhiên cũng lên đến 2.538 khu, trong đó có 303 khu bảo tồn thiên nhiên cấp quốc gia. Đất ngập nước thiên nhiên cũng được bảo vệ nhiều hơn. Chức năng sinh thái ngày càng được khôi phục và cải thiện. Công tác xử lý tình trạng xói mòn đất có được những tiến triển mới. Những hoạt động giao lưu và hợp tác quốc tế của Trung Quốc trong lĩnh vực bảo vệ môi trường ngày càng năng động hơn. Hiện nay, Trung Quốc đã kí kết hiệp định hợp tác môi trường với rất nhiều quốc gia trên thế giới.

Trước khi Hội nghị về biến đổi khí hậu được chính thức khai mạc tại Copenhagen, Đan Mạch từ ngày 7 đến ngày 18 tháng 12 năm 2009, chính phủ Trung Quốc đã công bố mục tiêu kiểm soát lượng khí thải nhà kính đến năm 2020 như sau: Đến năm 2020, lượng khí thải của carbon dioxide trên đơn vị GDP cũng giảm xuống từ 40% đến 45% so với năm 2005, cao hơn rất nhiều so với những lời hứa đối với vấn đề giảm thiểu khí thải nhà kính của các nước lớn khác. Điều đó không chỉ thể hiện việc chính phủ Trung Quốc mong muốn cố gắng hết mình trong vấn đề này vì nhân dân của chính họ, mà cũng thể hiện thái độ đầy tinh thần trách nhiệm đối với tương lai của toàn nhân loại. Trung Quốc đang tham gia công tác bảo vệ môi trường toàn cầu với một tinh thần hợp tác tích cực và thái độ rất cởi mở.

QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN CỦA KINH TẾ TRUNG QUỐC

Quá trình phát triển của kinh tế Trung Quốc là một câu chuyện kể rất dài, thể hiện khát vọng theo đuổi và không ngừng tìm tòi của nhân dân Trung Quốc đối với công cuộc công nghiệp hóa và hiện đại hóa. Sáu mươi năm phong ba bão táp khiến cho người Trung Quốc càng trưởng thành hơn, càng lý trí hơn và càng tự tin hơn để tiếp tục đi trên con đường mình chọn lựa, mở ra một nền kinh tế xã hội chủ nghĩa mang màu sắc Trung Quốc bằng thực tiễn và suy nghĩ của riêng mình.



I. GIAI ĐOẠN TÍCH LŨY VÀ ƯU TIÊN PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP NẶNG: TỪ NĂM 1949 ĐẾN 1978

Vào ngày 1 tháng 10 năm 1949, sự thành lập của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa đã kết thúc hơn 100 năm đầy biến động xã hội của Trung Quốc đại lục. Một chính phủ lớn mạnh được thành lập đã cung cấp cho việc phát triển kinh tế một sự bảo đảm, thế nhưng, nếu muốn thực sự đứng lên thì vẫn cần phải phát triển kinh tế.



Khi ấy, những gì còn giành lại cho chính phủ mới của Trung Quốc chỉ là một sự đổ nát. Năm 1949, sản lượng lương thực bình quân của Trung Quốc chỉ vền vền 71 kg/ 1 sào ruộng, thấp hơn mức độ bình quân của thế giới 4kg. Năng suất lao động rất thấp. Sản xuất công nghiệp cho thấy rõ sự tụt hậu. Sản lượng gang thép chỉ đạt 410 nghìn tấn, sản lượng dầu thô cũng chỉ đạt 120 nghìn tấn.

Từ năm 1949 đến năm 1953, chính sách cải cách ruộng đất thực hiện trên phạm vi cả nước đã giúp cho người nông dân Trung Quốc lần đầu tiên được sở hữu ruộng đất trong lịch sử mấy ngàn năm, chính điều đó đã kích thích tinh thần tích cực trong sản xuất của mọi người. Trong ảnh là những người dân cơ cực ở vùng Đông Bắc sau cải cách ruộng đất, họ đang đóng cọc trên khu vực ruộng đất của mình.

Sau khi nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa thành lập vào năm 1949, nhiệm vụ quan trọng nhất của chính phủ chính là phải khôi phục và phát triển kinh tế quốc dân. Khi ấy, phương châm kinh tế của chính phủ Trung Quốc là “Quan tâm cả công và tư, lao động và tư sản cùng có lợi (lao tư lưỡng lợi), thành phố và nông thôn cùng hỗ trợ cho nhau, tiến hành giao lưu trong và ngoài nước”. Chính phủ thông qua hàng loạt các chính sách kinh tế có hiệu quả, thống nhất tiền tệ và tài chính, thực hiện cân bằng thu chi tài chính, xóa bỏ tình trạng lạm phát “ác tính” kéo dài suốt 13 năm, đồng thời gia tăng quyền lực của chính phủ trong vấn đề chi phối nguồn vốn, áp đặt luôn mối quan hệ giữa chính phủ trung ương và chính quyền địa phương. Thông qua hàng loạt biện pháp chính sách cải cách và khôi phục kinh tế, chính phủ Trung Quốc đã nhanh chóng khôi phục sản xuất vốn đã bị phá hỏng trong chiến tranh, đồng thời tăng thêm cơ hội việc làm, thực hiện ổn định xã hội. Ở các vùng nông thôn, chính phủ đã thực hiện triệt để phương án cải

KHỞI ĐIỂM THẤP CỦA KINH TẾ TRUNG QUỐC

Do sự trì trệ của công nghiệp hóa, Trung Quốc cận đại luôn bị các thế lực phương Tây chèn ép, uy hiếp. Những loạn lạc trong và ngoài nước liên tục xảy ra, nhân dân cơ cực, đói khổ, bệnh tật; vị trí của Trung Quốc trên trường quốc tế ngày càng bị tụt hậu. Kể từ năm 1840, chỉ trong thời gian 100 năm ngắn ngủi ấy, Trung Quốc đã trải qua tất cả 12 cuộc chiến tranh và cách mạng lớn, trong đó có 6 lần là chiến tranh chống sự xâm lược của chủ nghĩa đế quốc (chiến tranh thuốc phiện lần thứ nhất, chiến tranh thuốc phiện lần thứ hai, chiến tranh Trung – Pháp, chiến tranh Trung – Nhật năm Giáp Ngọ, chiến tranh chống lại sự xâm lược của Liên quân tám nước, chiến tranh chống Nhật), 6 lần là chiến tranh trong nước (phong trào Thái Bình Thiên Quốc, phong trào Nghĩa Hòa Đoàn, cách mạng Tân Hợi, cách mạng lần thứ hai, chiến tranh Bắc phạt, đại chiến Trung Nguyên, chiến tranh cách mạng ruộng đất, chiến tranh giải phóng). Sự xâm lược của chủ nghĩa đế quốc, sự áp bức của chủ nghĩa phong kiến và những cuộc chiến tranh vừa kể trên đã gây ra những tổn thất kinh tế gián tiếp hoặc trực tiếp khiến cho kinh tế Trung Quốc phát triển rất chậm chạp, trình độ phát triển rất thấp.

Nếu nhìn theo chiều dọc, khi nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa thành lập vào năm 1949, thu nhập quốc dân bình quân đầu người của Trung Quốc chỉ là 66,1 đồng. Từ năm 1840 đến năm 1949, mức độ tăng trưởng bình quân của GDP không đến 1%. Trong giá trị tổng sản lượng công nông nghiệp vào năm 1949, tỷ lệ giá trị tổng sản lượng nông nghiệp chiếm 70%, giá trị tổng sản lượng công nghiệp chỉ chiếm 30%, trong 30% này, giá trị tổng sản lượng công nghiệp nặng chỉ chiếm vền vẹn 7,9%. Trung Quốc vẫn là một nước nông nghiệp lạc hậu, đói nghèo.

Nếu nhìn theo chiều ngang, trong khoảng thời gian từ năm 1820 đến năm 1950, kinh tế thế giới giành được những tiến triển khổng lồ chưa từng có. GDP của thế giới tăng trưởng 8,68 lần, GDP bình quân đầu người trên thế giới tăng lên 4,17 lần. Trong đó, GDP bình quân đầu người của nước Mỹ tăng lên 8,61 lần, ở các nước Tây Âu tăng lên 4,73 lần, ở Nhật Bản tăng lên 3,88 lần. Thế nhưng ở Trung Quốc khi ấy, GDP bình quân đầu người lại giảm. Theo kết quả nghiên cứu của nhà kinh tế học người Anh – Angus Maddison, GDP của Trung Quốc đã từ mức tương đương 90% GDP bình quân của thế giới vào năm 1820 giảm xuống còn lại mức tương đương 21% vào năm 1950. GDP của Trung Quốc đã từ mức chiếm 1/3 GDP toàn cầu giảm xuống còn mức chiếm 1/22 GDP toàn cầu.

cách ruộng đất, thực hiện chính sách “người trồng trọt ắt phải có ruộng”. Sự biến thiên chế độ này đã làm cho cơ cấu chiếm hữu tư liệu sản xuất là đất đai ở nông thôn xảy ra những thay đổi rõ rệt: Kinh tế địa chủ cơ bản bị xóa bỏ, thay vào đó là toàn bộ kinh tế tiểu nông với đơn vị kinh doanh là gia đình. Ở thành thị, chính phủ Trung Quốc xóa bỏ đặc quyền kinh tế của chủ nghĩa đế quốc tại Trung Hoa, vùi chôn “tư bản quan liêu” với chủ thể là tư bản nhà nước, thiết lập thể chế kinh tế quốc doanh đồng thời tiến hành kiểm soát và quản lý đối với kinh tế cá thể và kinh tế tư nhân, sát nhập vào hệ thống kinh tế chủ nghĩa dân chủ kiểu mới. Đến năm 1952, chỉ trong vòng 5 năm, Trung Quốc đã hoàn thành nhiệm vụ khôi phục kinh tế quốc dân sản lượng các sản phẩm chủ yếu của công nông nghiệp trên cả nước hầu hết đều vượt qua mức độ cao nhất trong lịch sử trước năm 1949, mức sống của người dân cũng được nâng lên rõ rệt.

Cùng với việc khôi phục và phát triển kinh tế quốc dân, môi trường bên ngoài của Trung Quốc cũng xảy ra nhiều thay đổi. Vào tháng 6 năm 1950, cuộc chiến tranh Triều Tiên bùng nổ. Để bảo vệ an ninh quốc gia, đặc biệt là để cơ sở công nghiệp ở vùng Đông Bắc không bị uy hiếp, Trung Quốc đã cử đội quân tình nguyện tham gia chiến tranh Triều Tiên. Đến tháng 7 năm 1953, hiệp ước đình chiến mới được ký kết giữa hai bên Nam Bắc Triều tại Triều Tiên, cuộc chiến tranh kéo dài đúng 3 năm. Trung Quốc một mặt vừa phải khôi phục lại nền kinh tế, một mặt vừa phải cung cấp đảm bảo chiến tranh. Nhân dân Trung Quốc đã vượt qua thử thách này, thực hiện nhiệm vụ vừa cung cấp đảm bảo chiến tranh, vừa tiến hành mục tiêu xây dựng kinh tế, vừa ổn định đời sống của nhân dân, nhưng cũng vì thế mà phải hy sinh và mất mát rất nhiều. Theo sự đánh giá của tác giả cuốn "Cambridge: Lịch sử nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa", chi phí dùng trong chiến tranh của Trung Quốc lên đến 10 tỷ đô. Không chỉ như vậy, cục diện chiến tranh lạnh và chiến tranh Triều Tiên còn ảnh hưởng nhiều đến chiến lược phát triển kinh tế của Trung Quốc.

Ngay từ thời kỳ đầu khi nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa mới thành lập vào năm 1949, để tạo cho công cuộc phát triển kinh tế một môi trường quốc tế tốt đẹp, Trung Quốc đã từng có ý định thay đổi mối quan hệ với các nước lớn ở phương Tây. Thế nhưng, do nguyên nhân chiến tranh lạnh, Trung Quốc không thể không lựa chọn giải pháp liên minh với Liên Xô - là đầu tàu của phe xã hội chủ nghĩa trên thế giới.

Gia nhập liên minh xã hội chủ nghĩa không chỉ giúp cho Trung Quốc có đồng minh và bạn bè trong xã hội quốc tế, mà còn nhận được sự viện trợ cho việc phát triển kinh tế, có tấm gương để học tập theo. Thể chế kinh tế kế hoạch của Liên Xô đã từng giành được những thành tựu vô cùng to lớn trong thập niên 30 của thế kỷ XX, không những trở thành nền móng cho những thắng lợi của Liên Xô trong cuộc chiến tranh chống phát xít mà trong quá trình khôi phục kinh tế sau chiến tranh cũng giành được nhiều thành tựu nổi bật, giúp Liên Xô tăng thêm thực lực kinh tế và nâng cao vị trí quốc tế, ngoài ra còn giúp Liên Xô có được sự kính trọng của cả thế giới. Từ trên xuống dưới, Trung Quốc luôn khát vọng có được công cuộc công nghiệp hóa nhanh chóng và sự tôn trọng của thế giới đó. Trung Quốc hy vọng sẽ đẩy mạnh phát triển kinh tế, nhanh chóng thay đổi hình tượng lạc hậu và nghèo khó của mình trong bối cảnh hòa bình ổn định ở cả quốc nội và quốc ngoại.

Phù hợp với đường lối công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa với phương châm là ưu tiên phát triển công nghiệp nặng, Trung Quốc đã lựa chọn mô hình kinh tế kế hoạch và chế độ công hữu đơn nhất. Trong thời kỳ đó, sự lạc hậu của công nghiệp nặng Trung Quốc đã trở thành nút thắt ngăn cản kinh tế phát triển, cũng ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc xây dựng lực lượng quốc phòng. Không có ngành công nghiệp nặng phát triển mạnh, an ninh quốc gia của Trung Quốc sẽ không được đảm bảo, như thế sẽ bị đánh, bị ức hiếp, đó chính là bài học xương máu mà nhân dân Trung Quốc đã rút ra được sau hơn 100 năm. Vì thế, vào đầu thập niên 50 của thế kỷ XX, lãnh đạo của Trung Quốc khi đó đã coi việc ưu tiên phát triển công nghiệp nặng là việc quan trọng nhất trong công cuộc công nghiệp hóa. Thực hiện chiến lược ưu tiên phát triển công nghiệp nặng trong điều kiện nguồn vốn vô cùng cạn kiệt thời đó, rõ ràng cần phải dựa vào sự cung cấp nguồn vốn từ “bàn tay thấy được” của chính phủ. Đối với những sản phẩm như lương thực, sợi bông, gang thép, than đá, xi măng, điện lực v.v., trong điều kiện điều chỉnh thị trường không thể tăng cường cung cấp một cách có hiệu quả trong một khoảng thời gian ngắn, mà mức độ đàn hồi của nhu cầu cũng rất nhỏ, trong tình hình tiền vốn vô cùng cạn kiệt, sản phẩm nông nghiệp dự trữ rất hạn hẹp, đồng thời cơ cấu cung cấp và tiêu dùng đều rất đơn lẻ, thì việc vận dụng lực lượng của chính phủ, thông qua kinh tế kế hoạch để tập trung xây dựng công nghiệp là cách làm chiếm ưu thế nhất. Vì vậy, bắt đầu từ năm 1953, song song với việc triển khai xây dựng kinh tế ở quy mô lớn, Trung Quốc cũng bắt đầu bước vào thời kỳ quá độ của xã hội chủ nghĩa với đặc điểm là chế độ công hữu đơn nhất và kinh tế kế hoạch.

KẾ HOẠCH 5 NĂM

Kế hoạch 5 năm là một bộ phận của kế hoạch kinh tế quốc dân, chủ yếu là tiến hành quy hoạch đối với những hạng mục xây dựng lớn, phân bổ lực lượng sản xuất và quan hệ giữa các tỷ lệ quan trọng của kinh tế quốc dân trên cả nước, để ra mục tiêu và phương hướng đối với tương lai phát triển của kinh tế quốc dân. Từ khi nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa được thành lập vào năm 1949 đến nay, ngoài thời kỳ điều chỉnh của kinh tế quốc dân từ năm 1963 đến năm 1965, suốt thời gian còn lại từ năm 1953 đến năm 2005, Trung Quốc đã thực hiện 10 lần “kế hoạch 5 năm”, hiện nay đang thực hiện “kế hoạch 5 năm” lần thứ 11 (2005 – 2010) và đổi tên thành “quy hoạch 5 năm”.

Trong thời kỳ diễn ra kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (từ năm 1953 đến năm 1957), Trung Quốc triển khai xây dựng kinh tế ở quy mô lớn với biện pháp chủ đạo là nhập thiết bị kỹ thuật tiên tiến của Liên Xô. Việc bắt đầu tiến hành và hoàn thành một số hạng mục lớn đã bước đầu thay đổi diện mạo nghèo xơ nghèo xác của công nghiệp Trung Quốc. Trong đó nổi bật nhất là 156 công trình do Liên Xô viện trợ xây dựng. Những ban ngành công nghiệp và lực lượng sản xuất được hình thành bởi các công trình này không chỉ bổ sung rất nhiều vào khoảng trống trong kinh tế quốc dân, tăng cường năng lực sản xuất của các khâu vốn dĩ rất yếu kém mà đồng thời còn nhanh chóng nâng cao trình độ khoa học kỹ thuật trong việc phát triển công nghiệp của Trung Quốc, giúp Trung Quốc bước đầu xây dựng được nền tảng công nghiệp của mình.

Xây dựng công nghiệp hóa ở quy mô lớn cần phải có nguồn vốn, nguồn tài nguyên và nguồn lương thực lớn nhưng Trung Quốc lại thiếu hụt mọi thứ. Trong tình hình chiến tranh lạnh khi đó, ngoài nguồn vốn viện trợ vô cùng ít ỏi của Liên Xô, phần còn lại Trung Quốc buộc phải tự thân tích lũy, mà nhiệm vụ tích lũy vốn trong nước phần lớn đều rơi

156 CÔNG TRÌNH VÀ BỐ CỤC CÔNG NGHIỆP CỦA TRUNG QUỐC

Trong 156 công trình được Liên Xô giúp đỡ xây dựng vào thời kỳ thực hiện “kế hoạch 5 năm lần thứ nhất”, có 150 công trình đã đi vào thi công thực tế, bao gồm: 44 nhà máy quân sự (trong đó có 12 công ty hàng không, 10 nhà máy công nghiệp quân sự, 16 nhà máy công nghiệp binh khí, 2 nhà máy công nghiệp hàng không vũ trụ, 4 nhà máy công nghiệp hàng hải); có 20 nhà máy luyện kim (trong đó có 7 nhà máy công nghiệp gang thép, 13 nhà máy kim loại màu); có 7 công ty công nghiệp hóa học, 24 xí nghiệp gia công cơ giới, 52 công ty năng lượng (trong đó có 25 nhà máy điện và công nghiệp than đá, 2 nhà máy công nghiệp dầu); có 3 nhà máy công nghiệp nhẹ và công nghiệp y tế. Mục đích chủ yếu trong việc xây dựng các hạng mục này là để Trung Quốc xây dựng hệ thống công nghiệp cơ sở và hệ thống công nghiệp quốc phòng, từ đó đặt nền móng cho những bước cơ bản đầu tiên trong công cuộc công nghiệp hóa của Trung Quốc.

Xây dựng công cuộc công nghiệp hóa trong thời kỳ “kế hoạch 5 năm lần thứ nhất” với 156 công trình làm cốt lõi đã giúp cho trình độ kỹ thuật công nghiệp của Trung Quốc từ tình trạng lạc hậu thua kém so với các nước phát triển gần 100 năm đã nhanh chóng đạt đến trình độ của thập niên 40 trong thế kỷ XX. Đến năm 1957, Trung Quốc lần lượt xây dựng 8 khu công nghiệp lớn với trung tâm là các thành phố lớn và vừa: đó là khu công nghiệp Đông Bắc với Thẩm Dương, An Sơn là trung tâm; khu công nghiệp Hoa Bắc với Bắc Kinh, Thiên Tân, Đường Sơn là trung tâm; khu công nghiệp Sơn Tây với Thái Nguyên là trung tâm; khu công nghiệp Hồ Bắc với Vũ Hán là trung tâm; khu công nghiệp Trịnh Lạc Biện với Trịnh Châu là trung tâm; khu công nghiệp Thiểm Tây với Tây An là trung tâm; khu công nghiệp Cam Túc với Lan Châu là trung tâm; khu công nghiệp Xuyên Nam với Trùng Khánh là trung tâm.

Kế hoạch “5 năm lần thứ nhất” đã khiến cho tình trạng 70% công nghiệp và thành phố công nghiệp phân bố dày đặc ở khu vực duyên hải miền Đông vào thời gian trước năm 1949 xảy ra những thay đổi mang tính cơ bản.

vào nền nông nghiệp vô cùng lạc hậu. Nếu muốn nhanh chóng nâng cao trình độ sản xuất nông nghiệp và tận dụng một cách triệt để nguồn nhân lực thì hợp tác hóa là một cách làm có thể lựa chọn trong hoàn cảnh đó. Vì vậy chính phủ đẩy nhanh các bước hợp tác hóa nông nghiệp, đến cuối năm 1956, số nông dân tham gia hợp tác xã nông nghiệp đã chiếm tỷ lệ 96,3% toàn bộ các hộ nông nghiệp trên cả nước, công tác cải tạo nông nghiệp xã hội chủ nghĩa đã hoàn thành một cách thuận lợi chỉ trong vòng 4 năm.

Thông qua hợp tác xã nông nghiệp, nhà nước đã chuyển chế độ tư hữu tư liệu sản xuất mà các hộ nông nghiệp sở hữu sang thành chế độ sở hữu tập thể; phương thức kinh doanh sản xuất của nông nghiệp cũng chuyển biến từ kinh doanh sản xuất gia đình theo kiểu từng nhà từng hộ trước đây sang phương thức cùng kinh doanh sản xuất tập thể. Vào giai đoạn cuối của chế độ hợp tác hóa, do yêu cầu quá gấp gáp, công tác quá sơ lược, những biến động về quyền tài sản quá nhanh chóng và hình thức cũng quá mức đơn lập v.v.. đã khiến cho một số hợp tác xã đi ngược lại với nguyên tắc tự nguyện để cùng có lợi nên kinh tế tập thể không mang lại tính ưu việt như những gì mọi người mong đợi. Cùng lúc đó, nhà nước còn thông qua cách độc quyền mua bán đối với những sản phẩm nông nghiệp phụ, làm cho người nông dân mất đi sự chi phối tự do, mà chủ yếu là quyền lợi đối với các sản phẩm dư thừa có được trong lao động.

Việc hợp tác hóa công nghiệp cũng hết sức thuận lợi. Năm 1953, số người tham gia hợp tác hóa thủ công nghiệp từ 3,9% tăng lên 26,9% vào năm 1955, cho đến năm 1956 con số này đã tăng thành 91,7%. Công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với thủ công nghiệp về cơ bản đã hoàn thành.

Đối với công cuộc cải tạo công thương nghiệp tư nhân, trên thực tế đã được bắt đầu từ năm 1949. Thời gian trước năm 1952, chủ yếu là thông qua hình thức “gia công đặt hàng” và “bao tiêu”. Sau năm 1953, thực hiện “hợp doanh công tư” đối với các xí nghiệp có điều kiện chín muồi, đến nửa cuối năm 1955 đã tiến hành “hợp doanh công tư” đối với toàn bộ ngành này. Chính phủ thông qua hình thức mua lại các xí nghiệp để tiến hành công tư hợp doanh một cách toàn diện, khiến cho chủ các xí nghiệp chỉ lấy lãi suất cố định và giao lại toàn bộ quyền quản lý kinh doanh của xí nghiệp, từ đó hoàn thành công việc cải tạo xã hội chủ nghĩa. Đến cuối năm 1956, kinh tế tư nhân về cơ bản không còn tồn tại nữa, kinh tế cá thể còn lại không đáng là bao, cơ cấu chế độ sở hữu của Trung Quốc về cơ bản được hình thành bởi kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể.

Trong thời kỳ “kế hoạch 5 năm lần thứ nhất”, về tổng thể, kinh tế Trung Quốc phát triển khá mạnh, tỷ lệ giữa các ngành nghề cũng khá đồng đều. Tổng giá trị sản phẩm của công – nông nghiệp bình quân mỗi năm tăng 10,9%, thu nhập quốc dân tăng bình quân mỗi năm 8,9%. Học giả người Mỹ Fairbank đã đưa ra những đánh giá rất cao đối với những thành tựu Trung Quốc đạt được trong thời kỳ “kế hoạch 5 năm lần thứ nhất”: So với cục diện tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc vào nửa đầu thế kỷ XX, kế hoạch “5

năm lần thứ nhất” có vai trò thúc đẩy mang tính quyết định; so với tỷ lệ tăng trưởng GDP bình quân đầu người / năm là 2,5% của hầu hết các nước đang phát triển mới độc lập khi ấy thì kinh nghiệm của Trung Quốc cũng rất thành công.

Thế nhưng, tình hình tốt đẹp ấy kéo dài không bao lâu. Vào năm 1958, rút kinh nghiệm từ những hạn chế trong thể chế kinh tế của Liên Xô, để thúc đẩy kinh tế phát triển nhanh hơn nữa, Trung Quốc bắt đầu chính sách “đại nhảy vọt” và phong trào công xã hóa nhân dân. Chính sách “đại nhảy vọt” đã khiến cho chỉ tiêu tăng trưởng của công nghiệp lên mức quá cao, xa rời thực tế. Do nguồn nguyên liệu và nguồn vốn thiếu hụt nghiêm trọng, chính phủ Trung Quốc đã nỗ lực lấy lao động để thay thế nguồn vốn. Kết quả là, luyện gang thép theo cách bản địa không những không thể hoàn thành chỉ tiêu đối với gang thép một cách thuận lợi, mà còn lãng phí một lực lượng lao động rất lớn. Ở các vùng nông thôn, những hợp tác xã bậc cao cũng tiếp tục diễn biến thành công xã nhân dân “quy mô lớn, mức độ công hữu hóa cao”. Phong trào công xã hóa nhân dân đã đi ngược lại với mong muốn của người nông dân, đánh mất tính chất tự nguyện cùng nhau có lợi của kinh tế hợp tác, không những tính tích cực trong sản xuất của người nông dân bị tổn hại nghiêm trọng, mà còn hình thành nên tình trạng “không chừng” và “phóng đại” trong kinh doanh sản xuất, kết quả, không những việc sản xuất lương thực bị tụt giảm mà còn lãng phí một lượng lương thực rất lớn. Cùng với sự xuất hiện của các thảm họa tự nhiên, sản xuất nông nghiệp bị giảm xuống một cách nghiêm trọng đã dẫn đến “nạn đói” xảy ra từ năm 1959 đến năm 1961, làm cho một lực lượng dân số rất lớn bị tử vong một cách không bình thường. Do chính sách đại nhảy vọt và phong trào công xã hóa nhân dân xa rời thực tế một cách nghiêm trọng, nền kinh tế quốc dân bị rơi vào một hoàn cảnh vô cùng khó khăn. Trong vòng 3 năm, nông nghiệp giảm xuống 22,8%, tỷ lệ tích lũy quá lớn đã dẫn đến mức sống của cư dân mỗi năm giảm xuống 4.9%, thâm hụt tài chính cũng tăng lên nhanh chóng.

Năm 1961, nền kinh tế quốc dân bước vào giai đoạn điều chỉnh, chính phủ thông qua việc thu nhỏ quy mô xây dựng cơ bản, nỗ lực đầu tư vào nông nghiệp và tiến hành điều chỉnh đối với cơ cấu kinh tế, nền kinh tế quốc dân lại bước vào quỹ đạo phát triển mới mang tính tốt đẹp hơn. Qua mấy năm điều chỉnh, nông nghiệp, công nghiệp nhẹ và công nghiệp nặng đều có những bước phát triển khá

"ĐẠI NHẢY VỌT" VÀ "CÔNG XÃ NHÂN DÂN"

Phong trào "đại nhảy vọt" là phong trào diễn ra vào khoảng thời gian từ năm 1958 đến năm 1960, Đảng Cộng sản Trung Quốc đã triển khai đường lối của "cánh tả" trên phạm vi cả nước. Phong trào "đại nhảy vọt" theo đuổi tốc độ cao trong phát triển sản xuất, với mục tiêu là thực hiện chỉ tiêu rất cao trong sản xuất công nông nghiệp, yêu cầu sản lượng của các sản phẩm nông công nghiệp chủ yếu phải ở mức tăng trưởng gấp hai lần, gấp mấy lần thậm chí gấp mười mấy lần. Mặc dù điểm xuất phát của đường lối này là cố gắng thay đổi tình trạng lạc hậu của kinh tế Trung Quốc, nhưng do việc coi nhẹ các quy luật kinh tế khách quan, căn bản không thể nhanh chóng thay đổi tình trạng lạc hậu của kinh tế văn hóa Trung Quốc. Phong trào "đại nhảy vọt" đã dẫn đến tình trạng mất cân đối trong tỷ lệ của kinh tế quốc dân, đồng thời gây ra những khó khăn kinh tế nghiêm trọng.

Từ năm 1958 đến năm 1984 là thời kỳ công xã nhân dân tồn tại phổ biến nhất ở Trung Quốc, nó thuộc tổ thức "hợp nhất chính xã", tức là hợp nhất các cơ quan chính quyền cơ sở (ủy ban nhân dân thôn xã) với cơ quan lãnh đạo các tổ chức kinh tế tập thể (ủy ban quản lý xã), sau đó thống nhất quản lý các công việc của toàn thôn, toàn xã. Công xã nhân dân vừa là tổ chức sản xuất, cũng vừa là chính quyền cơ sở. Trong thời gian đầu công xã nhân dân vừa thành lập, tư liệu sản xuất thực hiện chế độ sở hữu công xã đơn lập, về mặt phân phối thì thực hiện kết hợp giữa chế độ tiền lương và chế độ bao cấp, đồng thời xóa bỏ chế độ tự sở hữu đất, thu nhỏ các nghề phụ của những gia đình là thành viên trong công xã, gây thương tích cho tính tích cực sản xuất của nhân dân, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự phát triển của lực lượng sản xuất nông thôn. Về sau, qua nhiều lần điều chỉnh, kể từ sau năm 1962, đại đa số công xã nhân dân đều thực hiện chế độ "ba cấp sở hữu, đội là cơ bản", hồi phục và mở rộng chế độ tự sở hữu đất và các nghề phụ của gia đình. Nhưng vẫn tồn tại những khuyết điểm như tình trạng quản lý quá tập trung, phương thức kinh doanh quá đơn lập và chủ nghĩa bình quân trong phân phối v.v.. Sau năm 1978, cùng với việc thực hiện chế độ khoán kinh doanh đến từng hộ gia đình ở rộng khắp các vùng nông thôn Trung Quốc mà chủ yếu là chế độ trách nhiệm sản xuất nông nghiệp, công xã nhân dân đều bị thay thế bởi thôn hoặc thị xã.

cân bằng. So sánh với năm 1960, tổng giá trị sản phẩm nông nghiệp đã tăng 42,2%, tổng giá trị sản phẩm công nghiệp nhẹ tăng 27,5%, giá trị sản phẩm công nghiệp nặng giảm xuống còn 37,2%; tình trạng tài chính quốc gia cũng có những bước biến chuyển theo chiều hướng tốt, đồng thời tỷ lệ tích lũy giảm xuống, mức tiêu thụ trong đời sống thực tế của cư dân thành thị và nông thôn cũng được nâng cao lên 25,7%. Xây dựng hệ thống công nghiệp của Trung Quốc và khoa học kỹ thuật đều giành được những tiến bộ vượt bậc.

Cuộc "Cách mạng văn hóa" bùng nổ vào năm 1966 lại một lần nữa làm gián đoạn tiến trình phát triển kinh tế bình thường của Trung Quốc. Trong những biến động của "cuộc cách mạng văn hóa"



Cầu lớn bắc qua sông Trường Giang tại Nam Kinh được thông xe toàn bộ vào ngày 29 tháng 12 năm 1968 là một trong những thành quả xây dựng quan trọng nhất trong thời kỳ "cách mạng văn hóa". Đây là cây cầu lớn đặc biệt đầu tiên có hai tầng đường bộ và đường sắt do Trung Quốc tự thiết kế, tự thi công, tự xây dựng và sử dụng toàn bộ nguyên vật liệu trong nước. Sau khi được xây dựng, cây cầu này cũng đã trở thành một trong những cây cầu lớn đứng đầu thế giới về đẳng cấp. 40 năm kể từ khi cây cầu được xây dựng, đã có hơn 400 triệu lượt xe và hàng triệu chuyến xe lửa qua lại. Ảnh chụp vào ngày 29 tháng 12 năm 2008, kỷ niệm 40 năm thành lập cây cầu Trường Giang, Nam Kinh

kéo dài ròng rã 10 năm trời, cải cách thể chế kinh tế của Trung Quốc lại tiếp tục tiến hành tìm tòi, thăm dò khám phá. Nền kinh tế quốc dân Trung Quốc tuy đã gặp phải những tổn thất lớn nhưng vẫn có được những tiến triển nhất định. Ngoài hai năm 1967 và 1968, tổng giá trị sản phẩm công nông nghiệp đều phát triển theo hướng đi lên. Sản xuất lương thực luôn duy trì ở mức phát triển khá ổn định. Trong các mặt như công nghiệp giao thông, xây dựng cơ bản và khoa học kỹ thuật đều giành được những thành tựu quan trọng, trong đó bao gồm một số đường sắt mới và việc xây dựng cầu bắc qua sông Trường Giang tại Nam Kinh cũng như việc đầu tư khoa học kỹ thuật tiên tiến của một số xí nghiệp quy mô lớn, sự thành công trong thử nghiệm bom Hydro và phục hồi khởi động vệ tinh nhân tạo, việc nuôi trồng thành công giống lúa lai Indica và mở rộng phạm vi trồng trọt v.v.. Thế nhưng, do sự hỗn loạn của đời sống kinh tế, đời sống xã hội và đời sống chính trị, sản xuất công nông nghiệp vẫn bị những ảnh hưởng nặng nề, sự dị dạng trong cơ cấu sản xuất cứ thế phát triển, tính tích cực của những người lao động bị ức chế, tỷ lệ sản xuất không được nâng cao dù chỉ là chút ít, nhân lực và tài sản bị tổn thất nghiêm trọng, mức sống của người dân không được nâng cao trong suốt một thời gian dài.

ĐẠI CÁCH MẠNG VĂN HÓA

Đại cách mạng văn hóa giai cấp vô sản (gọi tắt là "đại cách mạng văn hóa" hoặc "văn cách") là một cuộc vận động chính trị trọng đại được bắt đầu vào năm 1966 và kết thúc vào năm 1976. Mười năm "đại cách mạng văn hóa" ngày nay được phổ biến cho rằng là giai đoạn mang tính thảm họa đầy biến động bất an kể từ khi nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa được thành lập đến nay, thường được gọi là "mười năm biến động" hoặc "mười năm thảm họa".

Ngày 27 tháng 6 năm 1981, Đại hội Đảng Cộng sản Trung Quốc lần thứ 6 khóa 11 đã thông qua "Nghị quyết về những vấn đề lịch sử của Đảng từ khi thành lập nước cho đến nay", chỉ rõ: "Cách mạng văn hóa' từ tháng 5 năm 1966 cho đến tháng 10 năm 1976 đã khiến cho Đảng, nhà nước và nhân dân gặp phải những khó khăn và tổn thất nghiêm trọng nhất kể từ khi thành lập nước", " 'Đại cách mạng văn hóa' là một phát động sai lầm của lãnh đạo, bị tập đoàn phản cách mạng lợi dụng, gây ra cho Đảng, nhà nước và nhân dân các dân tộc những rối loạn nội bộ mang tính thảm họa nghiêm trọng".

Vào năm 1976, hai năm sau khi cuộc "cách mạng văn hóa" kết thúc, tuy chính phủ Trung Quốc ra sức sửa chữa lại những sai lầm xảy ra trong 10 năm trước, hồi phục trật tự kinh tế trở lại bình thường, nhưng vẫn chưa bắt đầu tiến hành cải cách chuyên sâu hơn đối với thể chế kinh tế chỉ mang lại hiệu quả rất thấp, mặt khác lại bắt đầu cuộc "nhảy vọt" mới, điều đó đã khiến cho cơ cấu sản nghiệp vốn dĩ không hề cân đối và quan hệ kinh tế căng thẳng tột đỉnh lại càng trở nên nổi trội hơn, những vấn đề trong kinh tế không được giải quyết hiệu quả, vẫn có 250 triệu người rơi vào tình trạng đói nghèo trên cả nước.

Nói tóm lại, từ năm 1949 đến năm 1978, thông qua chiến lược tích lũy cao và ưu tiên phát triển công nghiệp nặng, Trung Quốc đã xây dựng được một hệ thống kinh tế quốc dân tương đối hoàn chỉnh và hệ thống công nghiệp khá độc lập, nhưng song song với điều đó, trong quá trình phát triển kinh tế cũng xuất hiện nhiều vấn đề nghiêm trọng, mà những vấn đề này rất khó giải quyết trong chế độ khung của nền kinh tế kế hoạch và chế độ công hữu đơn lập.

II. GIAI ĐOẠN CẢI CÁCH MỞ CỬA ĐẨY MẠNH TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ TỪ NĂM 1978 ĐẾN NĂM 2002

Đại hội Đảng Cộng sản Trung Quốc lần thứ 3 khóa 11 được mở vào cuối năm 1978 là một sự kiện mang tính bước ngoặt đối với Trung Quốc. Trên thực tế, kỳ họp lần này đã hình thành nên một tập thể lãnh đạo mới với



Đặng Tiểu Bình là kiến trúc sư trưởng trong việc thiết kế cuộc cải cách mở cửa và công cuộc xây dựng hiện đại hóa của Trung Quốc. Trong ảnh là bức họa Đặng Tiểu Bình tại Thâm Quyển, Quảng Đông.

Đặng Tiểu Bình là chủ chốt. Ông có một câu nói nổi tiếng rằng: "Bất kể là mèo đen hay mèo trắng, chỉ cần bắt được chuột thì đó là mèo tốt". Cũng với thái độ rất thực tế ấy, ông đã chèo lái con thuyền kinh tế của Trung Quốc đi vào một hành trình mới, đó là hành trình cải cách mở cửa.

Con thuyền kinh tế Trung Quốc đi theo hướng cải cách mở cửa cũng có mối quan hệ mật thiết với môi trường trong nước và quốc tế khi ấy. Vào thập niên 60 thế kỷ XX, mối quan hệ giữa Trung Quốc và Liên Xô trở nên xấu đi. Đến năm 1971, Trung Quốc khôi phục lại vị trí hợp pháp trong Liên Hợp Quốc. Tháng 2 năm 1972, Trung Quốc và Mỹ đã ban hành Thông cáo Thượng Hải, mối quan hệ Trung – Mỹ đi đến bình thường hóa. Sau đó, Thủ tướng Nhật Bản Tanaka đến thăm Trung Quốc, Trung Quốc và Nhật Bản cũng chính thức thiết lập mối quan hệ ngoại giao. Tháng 9 năm 1973, Tổng thống Pháp Pompidou đến thăm Trung Quốc, mối quan hệ Trung Pháp bước vào một giai đoạn mới. Tất cả những điều đó đã tạo cho công cuộc cải cách mở cửa của Trung Quốc một môi trường quốc tế khác hoàn toàn với thời kỳ đóng cửa. Đồng thời, sự lớn mạnh của Nhật Bản và "bốn con rồng nhỏ" châu Á (4 nước và khu vực công nghiệp hóa mới là Hàn Quốc, Singapore, Đài Loan và Hồng Kông) cũng khiến Trung Quốc phải tự nhìn lại mình. Trước và sau năm 1978, các chuyến viếng thăm liên tục của lãnh đạo quốc gia Trung Quốc cũng làm cho chính phủ Trung Quốc thấy được sự lạc hậu của mình, họ càng ý thức được rằng tính tất yếu và tính cấp bách của công cuộc cải cách mở cửa.

Với vai trò là kiến trúc sư trưởng trong công cuộc cải cách mở cửa của Trung Quốc, tại Đại hội Đảng Cộng sản Trung Quốc lần thứ 3 khóa 11 vào năm 1978, Đặng Tiểu Bình nói: “Một Đảng, một nhà nước, một dân tộc nếu chỉ xuất phát từ chủ nghĩa kinh nghiệm, tư duy cứng nhắc, mê tín dị đoan, thì sẽ không bao giờ có thể tiến lên phía trước, sức sống sẽ dừng lại, và Đảng, nhà nước cũng sẽ không còn nữa”. “Đối với một số xí nghiệp, một bộ phận công nhân nông dân cần mẫn, cố gắng trong lao động, gặt hái nhiều thành tích thì phải cho phép họ có thu nhập cao hơn và cuộc sống cũng phải tốt hơn”. Những lời nói của Đặng Tiểu Bình đã viết lên một chương mới trong công cuộc cải cách mở cửa của Trung Quốc.

Cải cách thể chế kinh tế bắt đầu từ việc “phân cấp quyền lực và chuyển giao lợi nhuận”. Ở các thành phố, quyền tự chủ của chính quyền thành phố và các xí nghiệp quốc doanh từng bước được mở rộng; còn ở nông thôn, quyền tự chủ trong sản xuất kinh doanh được chuyển cho các gia đình của nông dân, tức là chuyển hình thức sản xuất kinh doanh tập thể sang hình thức kinh doanh gia đình với nòng cốt là “chế độ khoán trách nhiệm sản xuất tới từng hộ gia đình”. Công cuộc cải cách này nhận được sự ủng hộ nhiệt tình của đông đảo quần chúng nhân dân. Đến đầu năm 1983, đội sản xuất tiến hành thực hiện chế độ khoán trách nhiệm sản xuất tới từng hộ gia đình đã chiếm 93% tổng số đội sản xuất trên cả nước.

Trên cơ sở chế độ khoán trách nhiệm sản xuất tới từng hộ gia đình được thực hiện một cách phổ biến, vào tháng 10 năm 1983, chính phủ trung ương quyết định xóa bỏ công xã nhân dân, xây dựng chính phủ thôn (xã) thành chính quyền cơ sở, đồng thời thành lập ủy ban thôn thành những tổ chức tự trị mang tính quần chúng. Đến mùa xuân năm 1985, việc cải cách chế độ này đã hoàn thành cơ bản trên phạm vi cả nước.

Từ năm 1982 đến 1986, để ủng hộ công cuộc cải cách nông thôn, chính phủ trung ương Trung Quốc đã cho ra đời tổng cộng 5 “văn kiện số 1” (Công văn thứ nhất do chính phủ

TIỂU CƯƠNG, AN HUY: ĐỊA PHƯƠNG ĐI ĐẦU TRONG CẢI CÁCH NÔNG THÔN

Vào một ngày tháng 12 năm 1978, 18 hộ gia đình sống tại thôn Tiểu Cương, huyện Phụng Dương, tỉnh An Huy không muốn tiếp tục những ngày tháng chịu đói khổ trong chế độ “sản xuất tập thể” nữa, họ tập trung lại và thể là sẽ phân ruộng đất đến từng hộ, và họ cùng nhau in vân tay của mình lên “khế ước sinh tử”, rồi viết mấy dòng chữ ngoằn ngoèo lên “thỏa thuận bí mật” như sau: Nếu như bí mật này bị phát hiện, các cán bộ thôn phải vào tù thì toàn bộ các xã viên của đội sản xuất cùng có trách nhiệm nuôi dưỡng con cái của các cán bộ đến khi chúng 18 tuổi. Đồng thời, họ đảm bảo rằng các sản phẩm sau khi “khoán trách nhiệm sản xuất đến từng hộ gia đình” sẽ được phân chia như sau: Thứ nhất phải hoàn thành việc thu mua của nhà nước, thứ hai phải trích ra đủ cho tập thể, phần còn lại mới là của mình. Từ đó, chế độ “sản xuất tập thể” bị chế độ “khoán trách nhiệm đến từng hộ gia đình” thay thế, Trung Quốc bước vào giai đoạn cao trào của công cuộc cải cách nông thôn.

trung ương Trung Quốc công bố mỗi năm). Năm “văn kiện số 1” này đã phản ánh quá trình hồi quy quyền lợi cho người nông dân trong việc kinh doanh sản xuất nông nghiệp: Năm 1982, thừa nhận tính hợp pháp của chế độ khoán trách nhiệm đến từng hộ gia đình để người nông dân có quyền tự chủ trong việc kinh doanh sản xuất; năm 1983, nới lỏng kiểm soát đối với công thương nghiệp ở nông thôn tạo điều kiện để người nông dân có quyền tự lựa chọn nghề nghiệp cho bản thân; năm 1984, khai thông các luồng phân phối, người nông dân có quyền lợi xử lý sản phẩm nông nghiệp của mình trong thị trường tự do; năm 1985, xóa bỏ chế độ mua bán độc quyền, quyền tự chủ của người nông dân lại được mở rộng thêm một bước; năm 1986, tăng cường đầu tư vào nông nghiệp, điều chỉnh mối quan hệ giữa nông thôn và thành thị, người nông dân có quyền phát triển bình đẳng hơn, kiện toàn hơn.



Vào ngày 24 tháng 11 năm 1978, 18 hộ nông dân thuộc đội sản xuất ở thôn Tiểu Cương, huyện Phụng Dương, tỉnh An Huy đã bí mật in 18 dấu vân tay màu đỏ tươi, mở đầu cho việc thực hiện chế độ sản xuất trách nhiệm “khoán đến từng hộ gia đình”, để nghị “nộp đủ cho nhà nước, nộp đủ cho tập thể, phần còn lại là của mình”, từ đó chính thức mở ra bức rèm của công cuộc cải cách nông thôn ở Trung Quốc

Sự thay đổi trong chế độ đã giúp cho hiệu quả kinh tế trong nông nghiệp Trung Quốc xảy ra nhiều biến đổi rất lớn. Từ năm 1978 đến năm 1985, tổng sản lượng lương thực đã từ 304,77 triệu tấn tăng lên 379,11 triệu tấn, tăng 24,4%, sản lượng bông cũng từ 21,67 triệu tấn tăng lên 41,47 triệu tấn, tăng 91,4%. Thu nhập thuần bình quân của các hộ gia đình ở nông thôn từ 133,6 nhân dân tệ đã tăng lên 397,6 nhân dân tệ. Nếu so sánh với hằng số giá cả thì mức thu nhập này đã tăng lên 168,9%.

Sự gia tăng nhanh chóng trong sản lượng nông nghiệp và mức thu nhập của nông dân một mặt đã nâng cao sức mua của nông dân, mở rộng thị trường nông thôn, hầu hết nông dân không chỉ xây nhà mới mà còn giúp họ sở hữu được “tứ đại kiện” là xe đạp, máy khâu, máy cassette và đồng hồ; mặt khác, do sự xuất hiện của việc dư vốn và dư sức lao động nên các xí nghiệp hương trấn nông thôn cũng “bất ngờ xuất hiện”. Các xí nghiệp hương trấn không chỉ tăng thêm cơ hội việc làm cho nông dân mà còn góp phần rất lớn trong việc nâng cao thu nhập của họ. Sự thành công trong cuộc cải cách nông thôn không chỉ trở thành tấm gương cho cuộc cải cách xí nghiệp ở thành thị mà còn đặt một nền móng cơ bản về vật chất cho sự phát triển kinh tế.



Song song với việc mở rộng quyền tự chủ đối với các xí nghiệp nhà nước và đối với các hộ nông dân, tính tích cực của chính quyền địa phương cũng được phát huy trong tiến trình cải cách thể chế quản lý tài chính. Năm 1980, chính phủ trung ương thực hiện cải cách thể chế quản lý tài chính, xác định rõ ràng phạm vi thu chi của trung ương và của chính quyền địa phương. Sự cải cách này đã huy động được tính tích cực của chính quyền địa phương trong việc “quản lý các công việc về tài chính”, mở rộng thêm quyền thu chi tài chính của chính quyền địa phương.

Cải cách kinh tế cũng được tiến hành song song với việc mở cửa đối ngoại. Chính phủ Trung Quốc khuyến khích và hỗ trợ nhiều hình thức xuất khẩu để thu ngoại tệ, chủ động nhập các thiết bị khoa học tiên tiến; đồng thời tận dụng vốn đầu tư nước ngoài bằng nhiều hình thức, nhanh chóng mở rộng quy mô thu hút đầu tư. Trung Quốc đã thay đổi quan niệm tư tưởng “vừa không có nợ trong nước, vừa không có nợ ngoài nước”, tích cực tiến hành các khoản vay quốc tế. Tiêu chí rõ ràng nhất trong việc mở cửa đối ngoại là việc mở ra những đặc khu kinh tế. Năm 1980, bốn thành phố duyên hải Trung Quốc là Thẩm Quyến, Chu Hải, Sán Đầu và Hạ Môn đều được xây dựng các đặc khu kinh tế. Cái “đặc biệt” của đặc khu thể hiện hai phương diện

Cung cấp sản phẩm nông nghiệp từ tình trạng thiếu hụt trong thời gian dài đã chuyển biến tốt hơn, tổng sản lượng cân bằng hơn và luôn được mùa dư giả

chính sách kinh tế và thể chế quản lý. Đặc khu kinh tế không chỉ có xí nghiệp nhà nước và xí nghiệp tập thể, mà còn có một số lượng lớn các công ty góp vốn trong và ngoài nước, công ty liên doanh hợp tác và công ty đầu tư nước ngoài. Chính sách kinh tế của các đặc khu cũng được mở rộng, đồng thời có nhiều ưu đãi hơn, các công ty có quyền tự chủ lớn hơn. Đặc khu kinh tế không chỉ phát huy tác dụng thu hút vốn nước ngoài và nhập kỹ thuật tiên tiến mà còn trở thành đội tiên phong và nơi thí điểm cho cuộc cách mạng thị trường hóa.

Trung Quốc thực hiện chính sách mở cửa đối ngoại cũng phù hợp với tình hình kinh tế quốc tế khi ấy. Nguy cơ khủng hoảng dầu mỏ xảy ra vào thập niên 70 của thế kỷ XX đã khiến cho hầu hết những nước phát triển kinh tế đều cảm nhận sâu sắc rằng, việc nâng cao giá thành sẽ làm tổn hại đến ưu thế cạnh tranh của sản phẩm. Vì thế, cần phải thông qua việc phân phối nguồn vốn trên toàn cầu để hạ giá thành sản phẩm. Một lựa chọn hợp lý là hướng đến xây dựng xưởng sản xuất ở những nước có cơ sở mặt bằng, nguồn nguyên

Ranh giới mở cửa
đối ngoại của Trung
Quốc – Đặc khu kinh
tế Thẩm Quyến, tỉnh
Quảng Đông



liệu và nguồn lao động tương đối rẻ. Trung Quốc đại lục mở cửa, những nơi giáp ranh với Hồng Kông, Ma Cao như Thẩm Quyến, Chu Hải chính là những nơi thu hút được các nhà đầu tư đến từ Hồng Kông, Ma Cao đến để đầu tư xây dựng nhà máy. Sán Đầu và Hạ Môn đều là những quê hương nổi tiếng của các Hoa kiều, cũng là những nơi có sức thu hút đối với nguồn đầu tư nước ngoài và nguồn vốn từ Hoa kiều. Các công ty ở những nước có nền kinh tế phát triển đương nhiên cũng nhìn thấy được cơ hội tiến sang Trung Quốc.

Bốn đặc khu kinh tế này đã gặt hái được những thành tựu huy hoàng, đặc biệt là Thẩm Quyến. Chỉ trong một khoảng thời gian rất ngắn, Thẩm Quyến đã từ một làng chài nhỏ trở thành một thành phố hiện đại hóa vào bậc nhất. Đặc khu kinh tế không chỉ là tiên phong cho cuộc cải cách thành phố, mà cũng cửa ngõ để nhân dân Trung Quốc nhận thức và hiểu biết thế giới.

Sự thành công trong công cuộc cải cách nông thôn đã cổ vũ đắc lực cho chính phủ và nhân dân Trung Quốc, đồng thời cũng tạo nền tảng vật chất cho các bước cải cách tiếp theo. Tháng 10 năm 1984, Đại hội Đảng Cộng sản Trung Quốc lần thứ 3 khóa 12 của Trung Quốc đã đưa ra "Quyết định về cải cách thể chế kinh tế của Trung ương Trung Quốc", cải cách một cách toàn diện cũng được triển khai từ đó. Tư tưởng chỉ đạo trong đường lối cải cách cũng rất rõ ràng, hơn thế còn có cơ sở lý luận. Cơ sở lý luận này chính là lý luận giai đoạn sơ cấp của chủ nghĩa xã hội. Tiêu chuẩn để đánh giá cải cách cũng không còn là quan hệ sản xuất như thế nào nữa, mà là có thuận lợi cho việc phát triển lực lượng sản xuất hay không. Vai trò của thị trường trở nên nổi bật. Trong phương châm chính sách kinh tế của trung ương đã chỉ rõ cơ chế vận hành của Trung Quốc là "Nhà nước điều chỉnh thị trường, thị trường dẫn dắt xí nghiệp". Kinh tế tư nhân không còn là đối tượng mà chủ nghĩa xã hội nhất định phải tiêu diệt nữa mà trở thành một sự bổ sung cần thiết và có lợi đối với chế độ công hữu kinh tế.

Dưới sự dẫn dắt của tư tưởng cải cách trong việc xây dựng kinh tế sản phẩm chủ nghĩa xã hội, một số biện pháp cải cách quan trọng liên tục được đề ra, vai trò của cơ chế thị trường trong vấn đề triển khai nguồn vốn ngày càng lớn hơn. Quản lý kế hoạch mang tính chỉ thị trở thành đối tượng cải cách thể chế kế hoạch, thể chế đầu tư, thể chế tài chính, thể chế lưu thông và thể chế thuế quan. Năm 1982, Đại hội Đảng Cộng sản Trung Quốc lần thứ 12 đã đưa ra ba cách thức là kế hoạch mang tính chỉ thị, kế hoạch mang tính chỉ đạo và điều chỉnh thị trường, đều là những biện pháp để triển khai nguồn vốn, hơn thế còn cần phải thu nhỏ lại phạm vi kế hoạch mang tính chỉ thị. Cùng với việc rút lui của chính phủ trong vấn đề quản lý kế hoạch và sự thâm nhập của cơ chế thị trường, giá cả cũng xuất hiện ba hình thức: Chính phủ định giá, chính phủ chỉ đạo giá và giá thị trường tự do, trạng thái giá cả này chính là thời kỳ "hệ thống hai giá" mà mọi người thường nói.

Ba lực lượng chủ yếu lôi kéo nền kinh tế chính là tiêu dùng, đầu tư và xuất khẩu. Trong thời đại kinh tế kế hoạch, sự tăng trưởng của kinh tế Trung Quốc chủ yếu thông

qua sự lôi kéo của đầu tư (tích lũy cao). Chính phủ xác định rõ tỷ lệ tích lũy và tiêu dùng, đối tượng nắm giữ đầu tư cũng là chính phủ, do chính phủ dựa vào nhu cầu mà tiến hành bố cục đầu tư v.v.. Cách làm này có một tính hợp lý nhất định trong lịch sử nhưng cũng có rất nhiều sai sót. Cũng giống như điều chỉnh thị trường, điều chỉnh chính phủ cũng tồn tại những vấn đề “trục trặc”. Vì vậy, khi thể chế kế hoạch tiến hành cải cách vào năm 1984, chính phủ đã nói lỏng quyền thẩm định các hạng mục xây dựng một cách thích hợp, tăng cường các luồng đầu tư, để đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư, trong mặt quản lý các hạng mục đầu tư cũng ra sức lôi kéo cơ chế cạnh tranh của thị trường.

Là huyết mạch trong vấn đề vận hành kinh tế, cải cách tài chính cũng cần phải được thực hiện. Ngân hàng không thể chỉ là địa điểm kế toán và thu nộp thuế của chính phủ nữa, các cơ quan cũng không thể chỉ là toa xe của chính phủ. Tiền vốn là một yếu tố sản xuất vô cùng quan trọng, nếu muốn yếu tố sản xuất này phát huy được sức đóng góp về lợi nhuận lớn nhất thì cần phải xây dựng thị trường tài chính, để tiền vốn có thể lưu động, từ đó để cho các ngân hàng, các công ty xí nghiệp trở thành đối tượng cung và cầu một cách có kiểm soát đối với thị trường tài chính. Năm 1979, Ngân hàng Nông nghiệp Trung Quốc và Ngân hàng Trung Quốc đã tách ra từ Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc và thành lập chi nhánh. Năm 1983, Ngân hàng Công thương Trung Quốc và Ngân hàng Xây dựng Trung Quốc cũng tiếp tục tách ra để hoạt động độc lập. Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc không còn thực hiện việc kinh doanh mang tính thương mại nữa, mà là cơ sở chủ quản các chính sách tài chính vĩ mô của quốc gia, giữ vững sự ổn định tiền tệ. Đồng thời, các cơ quan tài chính ngoài hệ thống ngân hàng cũng trỗi dậy, bao gồm công ty bảo hiểm nhân thọ Trung Quốc, Công ty đầu tư ủy thác quốc tế Trung Quốc v.v...

Thể chế lưu thông cũng có những thay đổi rất lớn so với trước đây. Khi trước, chính phủ thay thế cho thị trường. Ngày nay từng bước để cho quan hệ cung cầu của thị trường phát huy lại vai trò, từng bước để các công ty thương mại trở thành chủ thể có kiểm soát trên thị trường. Thống nhất phân bổ các loại hàng hóa nguyên vật liệu, kiểm soát các loại giá cả đều đã từng bước được thu hẹp, bao gồm cả sản phẩm nông nghiệp và sản phẩm công nghiệp.

Mở cửa đối ngoại được tiến hành chuyên sâu hơn nữa. Do xu thế phát triển kinh tế rất tốt của bốn đặc khu kinh tế, đến tháng 4 năm 1984, trung ương quyết định tiếp tục mở cửa 14 thành phố cảng thuộc vùng duyên hải là Đại Liên, Đảo Tấn Hoàng, Thiên Tân, Yên Đài, Thanh Đảo, Cảng Liên Vân, Nam Thông, Thượng Hải, Ninh Ba, Ôn Châu, Phúc Châu, Quảng Châu, Trạm Giang, Bắc Hải, từng bước thiết lập thành các khu khai phá kinh tế, đẩy nhanh các bước tận dụng đầu tư và nhập kỹ thuật tiên tiến. Năm 1985, mở ba khu tam giác là Khu tam giác Trường Giang, Khu tam giác Châu Giang và Khu tam giác Mãn Giang thành những vùng duyên hải mở. Đến năm 1988, tiếp tục quyết định mở bán đảo Giao Đông (Sơn Đông) và bán đảo Liêu Đông (Liêu Ninh) thành khu khai phá kinh tế duyên hải. Cũng trong năm này, thiết lập Đặc khu kinh tế Hải Nam.

Hàng loạt những biện pháp này đã khiến cho kinh tế Trung Quốc và cơ cấu xã hội xảy ra những biến đổi lớn. Cùng với tiến trình cải cách chuyên sâu, các loại chủ thể thị trường dần dần phát triển mạnh lên, các loại thị trường cũng từng bước trưởng thành. Mỗi quan hệ đại diện ủy thác của các xí nghiệp quốc doanh và nhà nước cũng không ngừng được cải thiện. Các xí nghiệp thôn xã lớn mạnh một cách không ngờ. Với những nhu cầu cấp thiết và sự ủng hộ cật lực về chính sách của chính phủ, kinh tế cá thể và kinh tế tư nhân cũng không ngừng phát triển lớn mạnh. Tốc độ phát triển của các xí nghiệp “tam tư” (tức là xí nghiệp góp vốn giữa Trung Quốc và nước ngoài, xí nghiệp hợp tác giữa Trung Quốc và nước ngoài và xí nghiệp 100% vốn nước ngoài) cũng không ngừng gia tăng, hiệu quả của việc thu hút vốn đầu tư nước ngoài và thiết bị kỹ thuật cũng không ngừng được cải thiện. Mỗi quan hệ giữa Trung Quốc và thế giới ngày càng trở nên chặt chẽ hơn.

Hàng loạt chính sách cải cách này đã khiến cho diện mạo kinh tế của Trung Quốc có những thay đổi lớn. GDP của Trung Quốc đã từ 720,81 tỷ nhân dân tệ vào năm 1984 tăng lên 1.504,28 tỷ nhân dân tệ vào năm 1988, nếu tính theo hằng số giá cả, thì con số này đã tăng lên 53,4%. Ba ngành cơ cấu cũng ngày càng trở nên hợp lý hơn, ngành thứ hai và thứ ba tăng trưởng khá nhanh. Mức sống của người dân cũng không ngừng được nâng cao. Tổng ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa từ mức 53,55 tỷ đô vào năm 1984 đã tăng lên 102,79 tỷ đô vào năm 1988. Tổng ngạch đầu tư nước ngoài sử dụng vào thực tế từ 2,87 tỷ đô vào năm 1984 tăng lên 10,23 tỷ đô vào năm 1988, tỷ lệ đầu tư trực tiếp nước ngoài từ mức tương đương với 0,5% của GDP vào năm 1984 đã tăng lên 0,8% vào năm 1988.

Cùng với công cuộc cải cách mở cửa ngày càng được tiến hành mạnh mẽ, tư tưởng chèo lái con thuyền kinh tế của chính phủ và Đảng Cộng sản Trung Quốc cũng ngày một trưởng thành hơn. Vào năm 1985, Đặng Tiểu Bình đưa ra tư tưởng “hai đại cục”; năm 1987, Đại hội Đảng Cộng sản Trung Quốc lần thứ 13 đưa ra tư tưởng chiến lược của ba bước phát triển kinh tế. Những tư tưởng này vừa giúp cho nhân dân Trung Quốc có mục tiêu phấn đấu, cũng vừa giúp cho kinh tế Trung Quốc tiến lên phía trước một cách vững vàng hơn.

Cải cách mở cửa cũng đồng hành cùng một số vấn đề, ví dụ như tình trạng lạm phát, cơ cấu kinh tế mất cân bằng và tình trạng phủ bại v.v.. “Đột phá giá cả” vào năm 1988 đã từng khiến cho người dân sợ hãi, lo lắng vật giá sẽ leo thang. “Đột phá giá cả” xuất phát từ mục đích tốt, với ý định nhanh chóng giải quyết sự lệch lạc của giá cả gây ra những trở ngại đối với vấn đề cải cách xí nghiệp và thị trường, nhưng do không nắm vững được nhịp độ nên đã dẫn đến hiện tượng tranh giành mua hàng và tình trạng lạm phát. Những phong ba trong chính trị vào năm 1989 cũng đã từng làm cho trật tự kinh tế trở nên hỗn loạn. Vốn dĩ trong tâm lý của người dân vẫn còn dấu ấn tư tưởng trong những năm kinh tế kế hoạch. Khi gặp phải tình trạng hỗn loạn kinh tế vào năm 1988 và những phong ba trong chính trị vào năm 1989, những nhận thức sai lầm vốn đã ăn sâu vào gốc rễ tư tưởng

TƯ TƯỞNG “HAI ĐẠI CỤC”

Vào tháng 9 năm 1988, Đặng Tiểu Bình chủ trương: “Những vùng duyên hải cần đẩy nhanh mở cửa đối ngoại, để khu vực rộng lớn với 200 triệu dân này nhanh chóng phát triển, từ đó kéo theo khu vực đại lục cũng phát triển, đây là một vấn đề liên quan đến đại cục. Đại lục cần phải tập trung hỗ trợ đến toàn đại cục này. Ngược lại, khi phát triển đến một mức độ nhất định, yêu cầu khu vực duyên hải cũng phải bỏ sức lực nhiều hơn nữa để giúp đỡ lục địa phát triển, đó cũng là đại cục. Và khi ấy, khu vực duyên hải cũng phải phục tùng theo đại cục này”. Tư tưởng này về sau được khái quát lại thành tư tưởng “hai đại cục”. Từ thập niên 80 đến thập niên 90 của thế kỷ 20, khu vực duyên hải nhận được rất nhiều chính sách ưu đãi kinh tế và mở cửa đối ngoại, “chiến lược phát triển miền Tây” và chiến lược “chấn hưng vùng công nghiệp Đông Bắc” được trung ương đề ra vào cuối thập niên 90 đều là những chiến lược để thực hiện tư tưởng “hai đại cục”. Bên cạnh đó, những thành tựu phát triển kinh tế mà Trung Quốc gặt hái được trong hơn 30 năm cải cách mở cửa cũng đã chứng minh tư tưởng chiến lược “hai đại cục” là hoàn toàn đúng đắn.

lại nổi cộm lên. Những bài học và vấn đề này một mặt đã giúp cho chính phủ Trung Quốc có thêm được nhiều kinh nghiệm quản lý hơn, mặt khác cũng là nhiệm vụ bức thiết đang chờ được trung ương giải quyết.

Vào đầu năm 1992, Đặng Tiểu Bình lần lượt đi thị sát Vũ Xương, Thẩm Quyến, Chu Hải, Thượng Hải và phát biểu những câu nổi tiếng trong “nói chuyện với miền Nam”. Những lời nói này đã cho thấy ý nghĩa to lớn của công cuộc cải cách mở cửa, giải thích những nguyên tắc cơ bản trong lý luận kinh tế thị trường của xây dựng xã hội chủ nghĩa có ý nghĩa to lớn và sâu sắc đối với công cuộc cải cách mở cửa và xây dựng hiện đại hóa của Trung Quốc. Cuộc nói chuyện này cũng đã mở ra một phong trào giải phóng tư tưởng mới, phá vỡ tư tưởng cổ hủ luôn trói buộc trong đầu mọi người, đó là họ “xã” và họ “tư”. Cũng trong tình hình ấy, năm 1992, Đại hội Đảng Cộng sản Trung Quốc lần thứ 14 đã xác định rõ mục tiêu xây dựng thể chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa. Vào tháng 11 năm 1993, kỳ họp thứ 3 Đại hội Đảng Cộng sản Trung Quốc lần thứ 14 đã thông qua “Quyết định về những vấn đề trong việc xây dựng thể chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa”. Và thế là, bắt đầu từ đầu năm 1992, hàng loạt thể chế như thuế quan, tài chính, ngoại hối, mậu dịch thương mại, kế hoạch và đầu tư v.v.. không ngừng được tiến hành cải cách chuyên sâu hơn; đồng thời, mối quan hệ giữa chính phủ, thị trường và xí nghiệp cũng được hợp thức hóa thêm bước nữa, thể chế kiểm soát và điều chỉnh vĩ mô cũng kiện toàn hơn.

Từ thập niên 90 thế kỷ XX đến nay, xu thế kinh tế toàn cầu hóa và khu vực hóa đang ngày một rõ nét hơn. Nếu muốn phát triển, chắc chắn Trung Quốc sẽ phải tiếp tục hòa nhập vào thế giới. Đồng thời, qua nhiều năm phát triển, thị trường của bên mua đã được hình thành từ năm 1997, đánh dấu thời đại kinh tế thiếu thốn do những bó buộc của mô hình bao cấp đã qua đi. Tiêu điểm trong phát triển kinh tế đã không còn là những chỗ không hoàn thiện của thời bao cấp trước đây, mà là không đủ nhu cầu trong thị trường của bên mua. Vì vậy, chính phủ cần phải chuyển hướng kiểm soát điều chỉnh kinh tế vĩ

mô, thể là hàng loạt chính sách, biện pháp với mục đích chính là để mở rộng nhu cầu trong nước lẫn lượt ra đời.

Năm 1997, Đại hội Đảng Cộng sản Trung Quốc lần thứ 15 đã đưa ra phương hướng thay đổi chế độ và phát triển kinh tế: điều chỉnh và hoàn thiện cơ cấu chế độ sở hữu, nhanh chóng thúc đẩy cải cách xí nghiệp quốc doanh; hoàn thiện cơ cấu phân phối và phương thức phân phối; phát huy đầy đủ vai trò của cơ chế thị trường, kiện toàn hệ thống kiểm soát điều chỉnh vĩ mô; tăng cường vị trí cơ bản của nông nghiệp, điều chỉnh và tối ưu hóa cơ cấu kinh tế; thực hiện chiến lược giáo dục khoa học chấn hưng đất nước và chiến lược có thể phát triển bền lâu; nâng cao mức độ mở cửa đối ngoại.

Chính phủ Trung Quốc thực hiện chính sách kinh tế “mở rộng nhu cầu trong nước” và “để phòng rủi ro tài chính”, bao gồm chính sách tài chính tích cực và chính sách tiền tệ ổn định, bền vững cũng như một số biện pháp liên quan khác. Ví dụ: cải cách chế độ y tế, cải cách chế độ nhà ở và cải cách chế độ giáo dục. Vào 6 tháng cuối năm 1998, thời kỳ phân nhà theo phúc lợi đã kết thúc hoàn toàn. Tỷ lệ cư dân mua dự án khu dân cư thương mại ngày càng cao. Chế độ đảm bảo xã hội cũng dần được xây dựng và kiện toàn. Để giải những rủi ro về mặt tài chính, năm 1999, chính phủ trung ương đã thành lập Công ty Quản lý Tài sản Tín Đạt Trung Quốc, Công ty Quản lý Tài sản Đông Phương Trung Quốc, Công ty Quản lý Tài sản Hoa Dung Trung Quốc và Công ty Quản lý Tài sản Trường Thành Trung Quốc, lần lượt mua và quản lý tài sản không hoạt động của 4 ngân hàng thương nghiệp nhà nước. Bên cạnh đó còn tăng cường quản lý giám sát đối với tài chính.

Cuộc khủng hoảng tài chính châu Á diễn ra vào năm 1997 đã thổi đến cơn thuyến kinh tế của Trung Quốc những trận gió ngược chiều, nhưng do chính phủ áp dụng những biện pháp hữu hiệu một cách kịp thời nên kinh tế Trung Quốc vẫn phát triển một cách ổn định. Các xí nghiệp quốc doanh lớn và vừa đã bước ra khỏi hoàn cảnh khó khăn, thực hiện mục tiêu “thoát khỏi khó khăn trong 3 năm”, đời sống của nhân dân cũng liên tục được nâng cao. Thu nhập quốc dân bình quân đầu người đã đi trước trong việc thực hiện mục tiêu tăng gấp 3, người dân dần dần bước vào xã hội ấm no hạnh phúc. Năm 1997, sau khi Trung Quốc đã đi trước trong việc thực hiện nhiệm vụ “tăng gấp ba” đối với kinh tế quốc dân và hình thành thị trường của bên mua, vấn đề thu hẹp lại khoảng cách giữa các vùng duyên hải và lục địa, đặc biệt là với những vùng ở miền Tây đã được đưa vào chương trình làm việc và trở thành biện pháp mang tính chiến lược để mở rộng nhu cầu trong nước. Năm 1999, chính phủ trung ương đưa ra chiến lược “đại khai phá miền Tây”, đồng thời lập nên những chính sách kinh tế tương ứng và những biện pháp cụ thể. Ngay sau đó các tỉnh ở khu vực miền Tây cũng đưa ra khẩu hiệu “miền Trung lớn mạnh”.

Sau khi bước vào thế kỷ mới, cải cách thể chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa của Trung Quốc càng chuyên sâu hơn nữa và giành được những tiến triển mang tính đột phá. Các yếu tố thị trường như tiền vốn, kỹ thuật và lực lượng lao động từng bước được chuẩn

hóa và phát triển. Năm 2002, thị trường công nợ, thị trường cổ phiếu và thị trường vốn của Trung Quốc đều đã giành được những bước tiến rõ rệt. Thị trường bất động sản trở thành một thị trường quan trọng lôi kéo đầu tư, tỷ lệ đóng góp cho GDP ngày càng lớn. Đồng thời, Trung Quốc lại dung hòa vào hệ thống kinh tế thế giới thêm một bước nữa, trong đó tiêu chí rõ rệt nhất chính là việc chính thức gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) vào năm 2001, trở thành nước thành viên thứ 143.

Việc đăng cai Thế vận hội thành công vào năm 2001 cũng làm tăng thêm niềm tin của nhân dân trong và ngoài nước đối với sự tăng trưởng kinh tế ổn định lâu dài của Trung Quốc, từ đó đã lôi kéo mức đầu tư và tiêu dùng của năm 2002 tăng trưởng. Đăng cai Thế vận hội thành công cũng phát huy vai trò lôi kéo trực tiếp đối với đầu tư. Năm 2002, việc xây dựng các cơ sở hạ tầng như địa điểm tổ chức Thế vận hội Bắc Kinh v.v.. đã được triển khai một cách toàn diện đã mở rộng đầu tư hơn nữa và lôi kéo GDP của Trung Quốc tăng trưởng.

Năm 2002, Trung Quốc bắt đầu gặt hái những lợi ích của việc gia nhập WTO. Các nhà đầu tư nước ngoài nườm nượp kéo đến Trung Quốc, sức nóng này trước đây chưa từng xảy ra. Lần đầu tiên Trung Quốc trở thành quốc gia thu hút vốn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài lớn nhất trên thế giới. Xuất khẩu mậu dịch cũng tăng lên nhanh chóng, hiệu ứng lôi kéo của xuất khẩu đối với GDP càng rõ rệt hơn. Những mặt tốt của việc gia nhập WTO không chỉ thể hiện ở tác động

Từ thập niên 90 của thế kỷ XX đến nay, thị trường chứng khoán Trung Quốc đã trải qua một quá trình từ những bước chập chững đầu tiên cho đến khi trưởng thành, đội ngũ người tham gia thị trường cổ phiếu không ngừng lớn mạnh



lôi kéo kinh tế tăng trưởng trong năm đó, mà còn thúc đẩy công cuộc cải cách thể chế kinh tế tiến thêm một bước. Để phù hợp với thế giới, Trung Quốc tiến hành cải cách thể chế chuyên sâu hơn nữa. Cùng bước song song trong hành trình cải cách là việc điều chỉnh cơ cấu kinh tế.

Năm 2002, Đảng Cộng sản Trung Quốc triệu tập Đại hội Đảng Cộng sản Trung Quốc lần thứ 16. Hội nghị đã đưa ra mục tiêu xây dựng toàn diện xã hội ấm no hạnh phúc trong 20 năm đầu của thế kỷ XXI, đó là: làm cho kinh tế phát triển nhanh hơn, làm cho dân chủ càng kiên toàn hơn, làm cho khoa học kỹ thuật càng tiến bộ hơn, làm cho văn hóa càng phồn thịnh hơn, làm cho xã hội càng hài hòa hơn và làm cho đời sống nhân dân càng được cải thiện hơn. Muốn xây dựng một xã hội ấm no hạnh phúc, phương hướng chiến lược cơ bản là kiên trì xây dựng kinh tế làm nòng cốt, không ngừng giải phóng và phát triển lực lượng sản xuất. Để thực hiện được những mục tiêu nói trên, do những trói buộc trong vấn đề tiền vốn, môi trường và dân số nên nếu cứ tiếp tục đi theo quan niệm phát triển và phương thức phát triển trước đây là điều rõ ràng không thể mang lại hiệu quả.

III. GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN PHỐI HỢP DƯỚI SỰ DẪN DẮT CỦA “QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN KHOA HỌC”: TỪ NĂM 2003 ĐẾN 2010

Cùng với việc thực lực kinh tế từng bước được nâng cao và tốc độ trong tiến trình công nghiệp hóa, đô thị hóa càng nhanh thì sự phức tạp của vấn đề môi trường và năng lượng mà Trung Quốc phải đối mặt trong phát triển kinh tế cũng càng nổi bật, yêu cầu đối với việc chuyển biến phương thức tăng trưởng kinh tế cũng ngày càng trở nên bức thiết. Liệu rằng kinh tế Trung Quốc có phát triển lành mạnh hay không, có tiếp tục dẫn đầu trong phát triển kinh tế thế giới hay không, điều đó phụ thuộc vào vấn đề tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc có chuyển biến từ hình thức mở rộng sang hình thức chuyên sâu để tiếp tục duy trì phát triển hay không.

Trung Quốc là một nước đang có tốc độ tăng trưởng nhanh nhưng sự phát triển kinh tế rất mất cân đối, không chỉ nguồn tài nguyên bình quân đầu người thiếu thốn nghiêm trọng, mà điều kiện địa lý cũng phức tạp đa dạng, việc phân bố nguồn tài nguyên và dân số cũng không đồng đều. Cải cách mở cửa nhiều năm đã giúp cho tổng thể kinh tế của Trung Quốc có được sự phát triển nhanh chóng, nhưng khoảng cách giữa thành thị và nông thôn, khoảng cách giữa các khu vực cũng như khoảng cách trong thu nhập giữa các tầng lớp nhân dân lại ngày càng lớn. Liệu rằng có giải quyết được những vấn đề này hay không, đó cũng là những thử thách lớn đối với chính phủ Trung Quốc.

Ngoài ra, làm thế nào để tiến hành cải cách toàn diện ở mức độ chuyên sâu, làm thế nào để hợp thức hóa mối quan hệ giữa chính phủ và thị trường, làm thế nào để thay đổi và chuẩn hóa chức năng của chính phủ, tất cả những điều này cũng yêu cầu chính phủ Trung Quốc phải cân nhắc kỹ lưỡng để đưa ra phương án giải quyết.

Năm 2003 là một năm xảy ra nhiều biến cố khôn lường, dịch SARS lan tràn đã khiến cho một số ngành nghề gần như rơi vào tình trạng đóng băng, tốc độ tăng trưởng kinh tế bỗng chốc giảm sút. Thế nhưng những biến cố ấy không thể ngăn cản tiến trình hiện đại hóa của Trung Quốc, cũng trong năm ấy, Trung Quốc đã khắc phục được những ảnh hưởng của dịch SARS, hạn hán mất mùa và áp lực tăng giá của đồng nhân dân tệ để duy trì được tốc độ tăng trưởng, điều chỉnh cơ cấu kinh tế giành được những tiến triển tích cực, mức sống của người dân tiếp tục được nâng cao; ngoài ra việc chiến thắng dịch SARS cũng được coi là cơ hội để Trung Quốc tiến hành cải cách cơ cấu chính phủ.

Năm 2003, Trung Quốc bắt đầu thí điểm cải cách thuế vụ ở nông thôn. Đây là một lần điều chỉnh rất lớn trong mối quan hệ về lợi ích của chính phủ và nông dân kể từ khi Trung Quốc thực hiện chế độ khoán trách nhiệm sản xuất đến từng hộ gia đình từ năm 1978 đến nay. Sau khi tiếp tục chiến lược "đại khai phá miền Tây", năm 2003, chính phủ Trung Quốc lại tập trung hướng đến vùng Đông Bắc, đưa ra chiến lược chấn hưng cơ sở công nghiệp cũ ở Đông Bắc nhằm làm cho phương hướng phát triển kinh tế khu vực cân bằng hơn và phối hợp phát triển hài hòa hơn.

Năm 2003 cho chúng ta biết rằng: Công nghiệp hóa của Trung Quốc đang bước vào một giai đoạn mới, sự tăng trưởng của ngành chế tạo, sự nâng cấp của cơ cấu sản nghiệp, sự chuyên môn hóa đối với khoa học kỹ thuật cao và sự mở cửa đối ngoại ở quy mô lớn hơn làm cho xu thế tăng trưởng mạnh mẽ của kinh tế Trung Quốc không gì có thể cản trở, bất cứ khó khăn nào cũng không thể làm chùn bước công cuộc hiện đại hóa của Trung Quốc. Đồng thời, năm 2003 cũng cho chúng ta biết rằng, Trung Quốc cần phải đi theo đường lối công nghiệp hóa mới, những vấn đề như dân số, tài nguyên, môi trường và điều phối cơ cấu kinh tế đều là những thử thách rất lớn mà công cuộc công nghiệp hóa của Trung Quốc cần phải đối mặt; phải giải quyết như thế nào đối với vấn đề "tam nông" (tức là nông nghiệp, nông thôn và nông dân), vấn đề tài chính, vấn đề xí nghiệp quốc doanh v.v.. vẫn cần phải tiếp tục nghiên cứu.

Đối diện với những vấn đề, nhiệm vụ và thử thách này, trong kỳ họp thứ 3 Đại hội Đảng Cộng sản Trung Quốc lần thứ 16 vào năm 2003, chính phủ trung ương Trung Quốc đã đưa ra tư tưởng mới trong việc chỉ đạo phát triển kinh tế, tức là quan điểm phát triển khoa học "dĩ nhân vi bản" (lấy con người làm gốc), đồng thời đề ra nguyên tắc phải lấy "5 thống nhất trừ hoạch" (đó là thống nhất trừ hoạch phát triển thành thị và nông thôn, thống nhất trừ hoạch phát triển khu vực, thống nhất trừ hoạch phát triển kinh tế - xã hội, thống nhất trừ hoạch phát triển hài hòa giữa con người và thiên nhiên, thống nhất trừ hoạch phát triển trong nước và mở cửa đối ngoại) để phối hợp toàn diện phát triển kinh tế Trung Quốc. Ý nghĩa cốt lõi của phát triển khoa học là phát triển, trọng tâm là "dĩ nhân vi bản", yêu cầu cơ bản là phối hợp toàn diện để phát triển bền vững, phương pháp cơ bản là thống nhất trừ hoạch. Bốn phương diện này gắn kết với nhau, thống nhất hữu cơ với nhau, thực chất là thực hiện phát triển kinh tế và xã hội vừa chất lượng, vừa nhanh chóng.

Tại phiên họp thứ 4 Đại hội Đảng Cộng sản Trung Quốc lần thứ 16 tiến hành vào năm 2004, chính phủ Trung Quốc lại đưa ra ý tưởng về xây dựng xã hội chủ nghĩa và xã hội hài hòa. “Xã hội càng hài hòa hơn” vốn là nội dung quan trọng trong việc xây dựng xã hội an no hạnh phúc một cách toàn diện. Đại hội lần này nhấn mạnh, nêu rõ ý nghĩa của một xã hội hài hòa đối với sự phát triển kinh tế Trung Quốc. Xã hội hài hòa là xã hội dân chủ pháp trị, công bằng chính nghĩa, thành tín hữu ái, tràn đầy sức sống, ổn định trật tự và con người cùng hài hòa với tự nhiên. Nhưng nếu muốn xây dựng một xã hội như thế cần phải thực hiện một cách toàn diện quan điểm phát triển khoa học, đem những tinh túy của quan điểm phát triển khoa học quán triệt vào mọi mặt của xây dựng kinh tế xã hội.

Năm 2004 là “năm quan điểm phát triển khoa học” của Trung Quốc. Trong năm này, mọi người sử dụng khái niệm “quan điểm phát triển khoa học” ngày càng nhiều hơn, “dĩ nhân vi bản”; “toàn diện”; “hài hòa”, “bền vững” dần dần ăn sâu vào tâm thức của mọi người. Nó thay đổi sự tăng trưởng theo kiểu nhảy vọt một cách cô lập của GDP và trở thành tiêu chuẩn cuối cùng để đánh giá mức độ phát triển và chất lượng phát triển.

Năm 2004 cũng là “năm của nông dân” ở Trung Quốc. Sau 18 năm, trung ương lại quan tâm đến vấn đề “tam nông” qua cách thức gửi “văn kiện số 1”. Trong những dự đoán cơ bản là “thời đại thành phố tài trợ cho nông thôn, công nghiệp tài trợ cho nông nghiệp đã đến”, cùng với sự khuyến khích của chính sách “hai miễn giảm, ba trợ cấp” (tức là miễn giảm thuế nông nghiệp, xóa bỏ thuế quan đối với những đặc sản nông nghiệp ngoại trừ thuốc lá, thực hiện trợ cấp trực tiếp cho những nông dân trồng lương thực, thực hiện trợ cấp giống tốt cho nông dân ở một số khu vực và thực hiện trợ cấp cho nông dân trong mua bán máy móc nông cụ), 900 triệu nông dân đã nhận được “tiền vàng thực sự” của cải cách. Diện tích gieo hạt đối với cây lương thực đã kết thúc một cục diện giảm sút trong nhiều năm, mức độ tăng sản lượng lương thực đạt mức lớn nhất trong 10 năm trở lại, thu nhập của những nông dân trồng lương thực cũng đã được nâng lên đáng kể.

Năm 2004 còn là năm quan trọng để Trung Quốc tăng cường và cải thiện điều chỉnh vĩ mô, cũng là năm kinh tế quốc dân phát triển không hề bình thường, ngoài ra còn là năm mà xây dựng kinh tế và phát triển các sự nghiệp xã hội đều gặt hái được những thành tựu mới. Trung ương áp dụng hàng loạt các biện pháp để tăng cường và cải thiện điều chỉnh kiểm soát vĩ mô, giúp cho kinh tế Trung Quốc giữ được trạng thái phát triển nhanh và ổn định, kéo dài giai đoạn tăng trưởng của chu kỳ kinh tế.

Năm 2005, một lần nữa trung ương lại coi việc ủng hộ “tam nông” làm chủ đề trong “văn kiện số 1”. Đồng thời còn nhân cơ hội Phi thuyền Thần Châu số 6 chở phi hành gia bay vào vũ trụ thành công mỹ mãn, Trung Quốc tiếp tục nhấn mạnh tính quan trọng của khả năng tự chủ sáng tạo. Những biện pháp quan trọng trong việc cải cách tỷ lệ ngoại hối của đồng nhân dân tệ, cải cách phân chia công bằng quyền cổ phiếu cũng như việc niêm yết Ngân hàng Thương nghiệp v.v.. cũng được tiến hành đồng bộ.



Năm 2006, thuế nông nghiệp đã từng có hơn 2000 năm lịch sử lúc này đã được xóa bỏ hoàn toàn, hầu hết nông dân Trung Quốc đều nhận được ưu đãi thực sự

Cũng trong năm 2005, kinh tế Trung Quốc tiếp tục duy trì trạng thái phát triển mạnh mẽ, chỉ số mức độ của vật giá tăng lên ổn định, đầu tư tài chính vào nông nghiệp cũng tiếp tục gia tăng. Trong năm này, kiểm soát điều chỉnh vĩ mô vừa được duy trì vừa được kiểm soát, đầu tư tài sản cố định (FAI) tăng tốc không giảm, đạt 20% trở lên. Đầu tư và tiêu dùng (bất động sản, xe hơi) dần dần tăng mạnh, nhu cầu trong nước cho thấy nền kinh tế, chính sách mở rộng nhu cầu trong nước bước đầu cho thấy hiệu quả.

Trong phiên họp thứ 5 Đại hội Đảng Cộng sản Trung Quốc lần thứ 16 tiến hành vào năm 2006, chính phủ trung ương Trung Quốc đưa ra: Xây dựng nông thôn mới xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ lịch sử trọng đại trong tiến trình hiện đại hóa của Trung Quốc. Cần phải căn cứ theo yêu cầu "phát triển sản xuất, cuộc sống giàu có, nông thôn văn minh, nông thôn sạch đẹp, quản lý dân chủ", kiên trì xuất phát từ tình hình thực tế của mỗi khu vực, tôn trọng ý nguyện của nông dân, thiết thực đẩy mạnh xây dựng nông thôn kiểu mới một cách ổn định.

Xây dựng nông thôn kiểu mới xã hội chủ nghĩa là một quyết sách quan trọng được Trung Quốc đưa ra trong một điều kiện lịch sử mới, là sự thống nhất trù hoạch phát triển thành thị và nông thôn, là sự cụ thể hóa trong việc thực hiện phương châm "công nghiệp tài trợ nông nghiệp, thành thị tài trợ nông thôn".

Bắt đầu từ năm 2006, chế độ thuế nông nghiệp kéo dài suốt hơn 2.000 năm của Trung Quốc đã được tuyên bố là xóa bỏ hoàn toàn, nông dân trên cả nước đã được giảm bớt gánh nặng với 126,5 nhân dân tệ. Từ đó, nông nghiệp và nông dân Trung Quốc bước vào một thời đại mới, quan hệ giữa nông nghiệp và công nghiệp cũng bước vào một thời đại mới. Năm 2006, sáng tạo khoa học kỹ thuật lại được nhấn mạnh một lần nữa. Trong Đại hội Khoa học Kỹ thuật, Trung Quốc đưa mục tiêu chiến lược cho việc xây dựng một quốc gia sáng tạo.

Vào năm 2006, việc thẩm định quy hoạch 5 năm về phát triển xã hội và kinh tế quốc dân lần thứ 11 của Trung Quốc đã được thông qua. So với kế hoạch 5 năm lần thứ 10 và những kế hoạch 5 năm trước đó, triết lý và đường lối cải cách kinh tế của "quy hoạch 5 năm lần thứ 11" này đã có những thay đổi mang tính cách mạng. "Tiên phú

luận” (để cho một số người và một số khu vực có điều kiện thực hiện việc làm giàu trước), một đường lối phát triển chiếm lĩnh hơn 20 năm trời trong tiến trình cải cách mở cửa của Trung Quốc đã chuyển biến thành “thuyết cùng nhau làm giàu” (những cá nhân và khu vực đã giàu có giúp đỡ mọi người và những khu vực khác để cùng nhau làm giàu), thu ngắn khoảng cách giàu nghèo, đảo chiều xu hướng phân hóa giai cấp trong xã hội, trở thành chủ đề phát triển kinh tế mới mẻ. Hơn nữa, “kế hoạch” chuyển thành “quy hoạch”, chỉ khác nhau ở một con chữ nhưng cũng đã cho thấy được sự thay đổi triệt để trong phương thức quản lý kinh tế của chính phủ, thể hiện giới hạn cao nhất trong quan điểm phát triển khoa học.

Từ khái niệm “vừa nhanh chóng vừa chất lượng” vào năm 2005 đến khái niệm “vừa chất lượng vừa nhanh chóng” vào năm 2006, cho đến Hội nghị Công tác Kinh tế Trung ương họp vào năm 2007 đã xác định rõ và đưa ra cương lĩnh công tác kinh tế của năm 2008 phải là “giữ vững ưu tiên chữ tốt”. Vai trò của chữ “chất lượng” trong biện pháp và chính sách phát triển kinh tế của Trung Quốc không ngừng được đề cao cho thấy chính phủ trung ương đã thay đổi cách thức tăng trưởng kinh tế, thực hiện quyết tâm làm cho kinh tế quốc dân phát triển toàn diện, hài hòa và bền vững.

Năm 2006, Trung Quốc bắt đầu đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới. Trong ảnh là quang cảnh của sơn thôn bình thường ở huyện Cám, tỉnh Giang Tây được chụp vào tháng 2 năm 2006



Cùng nhịp với kinh tế thế giới, trong thế kỷ mới, Trung Quốc luôn duy trì được chiều phát triển đi lên của các chu kỳ kinh tế; hơn thế, mức phát triển luôn rất cao, trạng thái lạm phát thấp. Nhưng đến năm 2007, áp lực của sự leo thang giá cả tăng lên. “Ngăn ngừa tình trạng giá cả leo thang mang tính cơ cấu diễn biến thành tình trạng lạm phát” cũng là nhiệm vụ hàng đầu của chính phủ Trung Quốc trong công tác điều chỉnh kiểm soát vĩ mô. Để giảm thiểu tính lưu động của tiền tệ, chính phủ còn thông qua việc tăng lãi suất và tăng giá đồng nhân dân tệ để kìm hãm mức độ leo thang quá nhanh của giá cả cũng như cơn sốt bất hợp lý của thị trường cổ phiếu.



Năm 2007, vấn đề tiết kiệm năng lượng, giảm thiểu khí thải ở Trung Quốc lần đầu tiên xuất hiện “bước ngoặt” trong lịch sử. Trong 3 quý đầu năm, tỷ lệ tiêu thụ năng lượng so với đơn vị GDP đã giảm 3% trên cả nước, lượng khí thải sulfur dioxide và lượng COD cũng lần đầu tiên xuất hiện xu hướng “cả hai cùng giảm”. Những điều này đã khiến nhân dân Trung Quốc thấy được hy vọng thực hiện tổng mục tiêu trong “Cương yếu” “quy hoạch 5 năm lần thứ 11” đã đề ra, tức là trong thời gian 5 năm, từ năm 2006 đến

năm 2010, thực hiện giảm thiểu khoảng 20% tỷ lệ tiêu thụ năng lượng trên đơn vị tổng giá trị sản phẩm quốc nội, giảm thiểu 20% tổng lượng chất thải chủ yếu gây ô nhiễm.

Đối diện với môi trường mới và xu thế phát triển kinh tế mới, Đại hội Đảng Cộng sản Trung Quốc lần thứ 17 tiếp tục nêu rõ phương hướng chiến lược và mục tiêu của việc phát triển kinh tế. Đại hội cũng đã đưa ra yêu cầu mới cho mục tiêu phấn đấu thực hiện xây dựng xã hội ấm no hạnh phúc toàn diện, tức là phải tăng cường tính hài hòa trong phát triển, cố gắng thực hiện phát triển kinh tế vừa chất lượng vừa nhanh chóng.

Việc thay đổi phương thức phát triển đã giành được những tiến triển lớn trên cơ sở tối ưu hóa cơ cấu, nâng cao hiệu quả, giảm bớt tiêu thụ, bảo vệ môi trường, thực hiện tăng tổng giá trị sản phẩm quốc nội bình quân đầu người đến năm 2020 tăng gấp 3 lần so với năm 2000. Muốn thực hiện được mục tiêu to lớn này, cần phải kiện toàn hệ thống

Là một nội dung quan trọng trong chiến dịch tiết kiệm năng lượng và giảm thiểu khí thải, bắt đầu từ ngày 1 tháng 6 năm 2008, Trung Quốc cấm cung cấp bao ni lông miễn phí cho khách mua hàng ở tất cả các siêu thị, khu thương mại, chợ. Điều đó cũng cho thấy Trung Quốc đang bước lên vị trí hàng đầu trong lĩnh vực bảo vệ môi trường của thế giới.

thị trường hiện đại, tối ưu hóa mô hình phát triển trong nước, cải cách chuyên sâu thể chế tài chính thuế vụ và nhanh chóng thay đổi hình thức phát triển kinh tế.

Vấn đề “tam nông” của Trung Quốc là vấn đề trọng đại liên quan đến đại cục, cũng là vấn đề trọng điểm và là điểm khó nhất trong việc xây dựng xã hội ấm no hạnh phúc toàn diện của Trung Quốc. Báo cáo tại Đại hội Đảng Cộng sản Trung Quốc lần thứ 17 đã đặc biệt nhấn mạnh đến vấn đề thống nhất trù hoạch phát triển thành thị và nông thôn, đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới xã hội chủ nghĩa, và đây được coi là công việc quan trọng nhất trong tất cả các việc quan trọng của Đảng Cộng sản Trung Quốc.

Năm 2008, do những ảnh hưởng của thiên tai và của cuộc khủng hoảng tài chính quốc tế, người dân Trung Quốc đã trải qua một năm vô cùng bất thường. Trong năm này, giá cả của một số lượng lớn các sản phẩm quốc tế thay đổi chóng mặt, khủng hoảng tài chính toàn cầu tiếp tục nghiêm trọng hơn, có một mối liên hệ mật thiết với kinh tế toàn cầu, kinh tế Trung Quốc cũng gặp phải những biến động rất lớn trong môi trường ngoài nước, chẳng khác gì “đường sắt tàu trượt”. Ngoài ra, thiên tai băng tuyết xảy ra vào đầu năm và trận động đất kinh hoàng ở Vãn Xuyên, Tứ Xuyên xảy ra vào ngày 12 tháng 5 cũng khiến cho thị trường lớn nhất thế giới mới trỗi dậy có cơn sóng tăng trưởng cao gấp đôi này cảm thấy áp lực khôn lường.

Để ứng phó với những thay đổi trong trạng thái kinh tế thế giới, Trung Quốc đã đưa ra chính sách điều chỉnh kiểm soát vĩ mô phù hợp, đảm bảo kinh tế tăng trưởng nhanh và ổn định (tỷ lệ tăng trưởng đạt đến 8,7%). Từ khi đưa ra mục tiêu “hai ngăn chặn” vào đầu năm (ngăn chặn tình trạng kinh tế tăng trưởng từ trạng thái quá nhanh chuyển sang trạng thái cơn sốt kinh tế, ngăn chặn tình trạng giá cả leo thang mang tính cơ cấu diễn biến thành tình trạng lạm phát), cho đến cuối năm chuyển thành chính sách “một đảm bảo, một kiểm soát” (tức là đảm bảo duy trì kinh tế phát triển nhanh chóng ổn định, kiểm soát vật giá leo thang quá nhanh), rồi đến chính sách “đảm bảo tăng trưởng” đưa ra vào tháng 9, rồi tiếp tục đến “đảm bảo tăng trưởng, mở rộng nhu cầu trong nước” vào tháng 11, cho đến mục tiêu “đảm bảo tăng trưởng, mở rộng nhu cầu trong nước, điều chỉnh cơ cấu” được đề ra từ Hội nghị Công tác Kinh tế Trung ương. Tính hữu hiệu của việc thay đổi chính sách kịp thời cho thấy rõ vị trí quan trọng trong việc chèo lái con thuyền kinh tế của chính phủ Trung Quốc trong những thời kỳ bất thường.

Nếu nói rằng năm 2008 là năm vô cùng khó khăn của kinh tế Trung Quốc, thì đến năm 2009, kinh tế Trung Quốc vẫn phải đối mặt với những thử thách vô cùng cam go. Khi thiên tai băng tuyết xảy ra vào đầu năm 2008 dẫn đến tình trạng thiếu thốn nhiệt điện, thì một số công ty lớn của Trung Quốc đã dự trù thời gian lạm phát đối với thị trường thế giới, sau đó tích trữ hàng hóa với mục đích hạ giá thành sản phẩm. Tích trữ hàng hóa thì sẽ phải giảm thiểu nhu cầu. Xuất khẩu – một trong ba cỗ xe đi đầu lôi kéo GDP của Trung Quốc tăng trưởng từ nhiều năm nay bỗng chốc thuyền giảm cũng làm cho kinh tế Trung Quốc đối diện với những khó khăn nghiêm trọng. Để đảm bảo kinh tế

không bị rơi vào tình trạng tụt dốc, Trung Quốc cần phải tiếp tục mở rộng đầu tư và nhu cầu tiêu dùng.

Với yêu cầu thúc đẩy đầu tư và tiêu dùng, chính phủ Trung Quốc đã đưa ra hàng loạt kế hoạch, chủ yếu bao gồm bốn nội dung sau: Một là đầu tư chính phủ ở quy mô lớn (thực hiện kế hoạch đầu tư trong hai năm với tổng ngạch là 4.000 tỷ nhân dân tệ, trong đó tổng ngạch đầu tư của chính phủ trung ương là 1.180 tỷ nhân dân tệ); Hai là điều chỉnh và chấn hưng các ngành nghề trên diện rộng; Ba là ra sức tận dụng sự hỗ trợ của khoa học kỹ thuật; Bốn là ra sức nâng cao mức độ đảm bảo xã hội.

Chính phủ Trung Quốc đặt rất nhiều niềm tin vào mục tiêu thực hiện mức độ tăng trưởng kinh tế 8% vào năm 2009. Nguyên nhân là do: Thứ nhất, Trung Quốc đang nằm trong giai đoạn phát triển rất nhanh chóng trong các lĩnh vực công nghiệp hóa, thị trường hóa và đô thị hóa, đồng thời cũng đang bước vào thời kỳ mở rộng tiêu dùng và nâng cấp cơ cấu. Trong 1,3 tỷ dân số Trung Quốc có 700 triệu nông dân nên xét về mật dân số hay khu vực, Trung Quốc cũng luôn là một trong những thị trường quan trọng nhất của thế giới; Thứ hai, Trung Quốc có một nguồn lao động vô cùng phong phú và rất có thể về nhân tài; Thứ ba, trải qua 30 năm cải cách mở cửa, đặc biệt là công cuộc cải cách hệ thống tài chính trong 10 năm gần đây, hệ thống tài chính của Trung Quốc về cơ bản rất vững chắc và ổn định, đây cũng là điều kiện hỗ trợ rất đắc lực cho việc phát triển kinh tế.

Những phán đoán và chính sách được chính phủ Trung Quốc áp dụng hoàn toàn chính xác và rất hiệu quả. Theo số liệu thống kê của Cục Thống kê Quốc gia Trung Quốc gửi đi vào ngày 22 tháng 10 năm 2009, tỷ lệ tăng trưởng của GDP Trung Quốc trong 3 quý đầu năm 2009 là 7,7%, trong đó tỷ lệ tăng trưởng vào quý 3 là 8,9%. Người phát ngôn của Cục Thống kê Quốc gia cho biết, kế hoạch thúc đẩy kinh tế của Trung Quốc đã giành được những hiệu quả rõ rệt, kinh tế phục hồi ổn định và tiếp tục tăng trưởng, việc thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế với tỷ lệ 8% là hoàn toàn có thể. Trước tình hình Trung Quốc có những biến chuyển rất tốt đối với những chỉ tiêu đã đề ra, vào ngày 22 tháng 7 năm 2009, Tổ chức Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) bày tỏ rằng, theo những số liệu gần đây, kinh tế Trung Quốc đã bắt đầu đi trước trong việc hồi phục. IMF còn ca ngợi rằng, những chính sách tài chính và chính sách tiền tệ tích cực của chính phủ Trung Quốc đã góp phần ngăn chặn sự tụt dốc của nền kinh tế thế giới, hỗ trợ rất nhiều cho sự phục hồi kinh tế vào năm 2009 và năm 2010; đồng thời cũng đã đóng góp rất nhiều cho sự ổn định trên toàn cầu. Trong "Bản tin quý Kinh tế Trung Quốc" ra ngày 4 tháng 11, Ngân hàng Thế giới đã từ tỷ lệ tăng trưởng dự đoán đối với kinh tế Trung Quốc vào năm 2009 là 7,2% tăng lên thành 8,4%, đồng thời Ngân hàng Thế giới chỉ ra rằng, đó là vì các phương án khuyến khích kinh tế của Trung Quốc phát huy hiệu quả hơn cả mong đợi. Ngày 2 tháng 12 năm 2009, Liên Hợp Quốc đã gửi đi nội dung chủ yếu trong báo cáo "Tình hình, xu thế và triển vọng kinh tế thế giới năm 2010" sớm hơn thường lệ. Báo cáo cho rằng, nếu như các chính sách kích thích kinh tế hiện nay vẫn tiếp tục được duy trì, thì

BỐN NGÀN TỶ ĐẦU TƯ CỦA TRUNG QUỐC

Tháng 11 năm 2008, để đối phó với tình hình khủng hoảng tài chính thế giới ngày càng nghiêm trọng và ngăn chặn những ảnh hưởng bất lợi của khủng hoảng tài chính, chính phủ Trung Quốc đã quyết định thực hiện chính sách tài chính tích cực và nới lỏng chính sách tiền tệ ở mức độ phù hợp, cho ra đời 10 biện pháp mở rộng nhu cầu trong nước, bao gồm nhanh chóng xây dựng các công trình dân sinh, cơ sở hạ tầng, môi trường sinh thái và xây dựng sau thiên tai v.v.. Để thực hiện 10 biện pháp này, ước tính đến cuối năm 2010 chính phủ sẽ phải đầu tư số tiền khổng lồ 4.000 tỷ nhân dân tệ.

Với con số đầu tư 4.000 tỷ nhân dân tệ tương đương với 13% tổng ngạch kinh tế và 23% tổng ngạch đầu tư của Trung Quốc vào năm 2008. Trong 4.000 tỷ đầu tư, có 1.180 tỷ nhân dân tệ là khoản đầu tư gia tăng từ trung ương, chiếm 29,5% tổng quy mô đầu tư. Số tiền chủ yếu lấy từ khoản đầu tư trong dự toán của trung ương, quỹ mang tính chính phủ trung ương, cũng như từ các ban tài chính chính phủ và quỹ xây dựng hồi phục sau thiên tai của chính phủ trung ương; số còn lại là 2.820 tỷ nhân dân tệ, chiếm 70,5% tổng quy mô đầu tư, chủ yếu lấy từ dự toán của các chính quyền địa phương, trái phiếu của các chính quyền địa phương do ban tài chính chính phủ cấp phát, những khoản vay chính sách, trái phiếu của xí nghiệp (công ty), giấy bạc trung hạn (medium-term note), khoản vay ngân hàng và thu hút đầu tư của người dân v.v..

Về tổng thể, "4.000 tỷ đầu tư" sẽ bao gồm 7 mặt sau:

- Các công trình dân dụng, chủ yếu là những khu nhà ở đảm bảo, bao gồm nhà cho thuê giá rẻ, cải tạo rừng, nguồn nước, khu nhà ổ chuột v.v.. Tổng quy mô khoảng 400 tỷ nhân dân tệ.

- Các công trình dân dụng ở nông thôn: Bao gồm nước, điện, đường sá, không khí, nhà ở, tức là hệ thống nước uống an toàn, cải tạo mạng lưới điện, xây dựng đường sá, cải tạo khí đốt, cải tạo những khu nhà ở nguy hiểm và định cư cho dân du mục. Tổng quy mô là 370 tỷ nhân dân tệ.

- Xây dựng cơ sở hạ tầng, đường sắt, đường bộ, sân bay, thủy lợi v.v.. Tổng quy mô khoảng 1.500 tỷ nhân dân tệ.

- Các phương diện trong sự nghiệp xã hội như giáo dục, y tế, văn hóa, kế hoạch sinh đẻ v.v.. Tổng quy mô khoảng 150 tỷ nhân dân tệ.

- Các công trình sinh thái, tiết kiệm năng lượng, giảm khí thải. Tổng quy mô khoảng 210 tỷ nhân dân tệ.

- Điều chỉnh cơ cấu và cải tạo kỹ thuật. Tổng quy mô khoảng 370 tỷ nhân dân tệ.

- Xây dựng và khôi phục sau thiên tai đối với các khu vực bị tổn hại nghiêm trọng sau trận động đất ở Văn Xuyên, tổng quy mô là 1.000 tỷ nhân dân tệ.

Vào quý 1 năm 2009, những chính sách mở rộng đầu tư nói trên đã bắt đầu cho thấy rõ vai trò lôi kéo kinh tế phát triển: đầu tư của trung ương lôi kéo tốc độ tăng trưởng nhanh chóng trong đầu tư vào tài sản cố định trên toàn xã hội, đồng thời cũng thúc đẩy đầu tư vào các lĩnh vực trọng điểm tăng lên nhanh chóng. Ngoài ra, trong vận hành kinh tế cũng xuất hiện những thay đổi tích cực, sản xuất công nghiệp và giá cả của một số sản phẩm đầu tư đã dần dần đi vào ổn định.



Mặc dù bị ảnh hưởng nghiêm trọng trong cuộc khủng hoảng kinh tế tài chính toàn cầu nhưng do thực hiện những chính sách kinh tế đối phó rất hiệu quả nên trong 3 quý đầu năm 2009, tỷ lệ GDP của Trung Quốc vẫn tăng trưởng 7,7% so với cùng kỳ năm ngoái, trong đó riêng quý 3, tỷ lệ tăng trưởng lên đến 8,9%, xếp vào hàng ngũ đứng đầu thế giới.

Điều đó cho thấy kinh tế Trung Quốc luôn đứng đầu trong việc góp phần hồi phục kinh tế thế giới.

Mặc dù vậy, chính phủ Trung Quốc vẫn giữ một thái độ rất bình tĩnh. Ngày 23 tháng 7 năm 2009, Cục Chính trị Trung ương Trung Quốc mở hội nghị và cho rằng, kinh tế hiện nay vẫn tồn tại những nhân tố bất ổn, yêu cầu vẫn phải coi việc tiếp tục thúc đẩy phát triển kinh tế ổn định và nhanh chóng là nhiệm vụ hàng đầu trong công tác kinh tế vào 6 tháng cuối năm. Từ ngày 5 đến ngày 7 tháng 12 năm 2009, Hội nghị Công tác Kinh tế Trung ương được tổ chức tại Bắc Kinh, nhìn lại những cái được và mất của kinh tế Trung Quốc trong năm 2009, đồng thời triển khai công tác kinh tế năm 2010. Hội nghị chỉ rõ, công tác kinh tế năm 2010 sẽ coi việc thay đổi cách thức thúc đẩy phát triển là trọng điểm, cần coi việc mở rộng nhu cầu trong nước, đặc biệt là thúc đẩy nhu cầu tiêu dùng của cư dân là trọng điểm, thúc đẩy đô thị hóa một cách chắc chắn, tối ưu hóa cơ cấu ngành nghề, cố gắng để việc điều chỉnh cơ cấu kinh tế giành được những bước tiến triển rõ rệt. Bên cạnh đó, năm 2010, Trung Quốc sẽ tiếp tục giữ vững tính liên tục và tính ổn định của các chính sách kinh tế vĩ mô, tiếp tục thực hiện chính sách tài chính tích cực và nới lỏng chính sách tiền tệ ở mức độ phù hợp. Hội nghị này được tiến hành với mong muốn thúc đẩy kinh tế Trung Quốc tăng trưởng trở lại một cách ổn định, đồng thời đẩy nhanh việc điều chỉnh cơ cấu kinh tế của Trung Quốc.

kinh tế thế giới sẽ dần dần hồi phục vào năm 2010, thực hiện được mức độ tăng trưởng thấp là 2,4%. Các nền kinh tế đang phát triển thị trường trở thành động lực chủ yếu trong tăng trưởng kinh tế thế giới vào năm 2010, trong đó tăng trưởng kinh tế của các nền kinh tế đang phát triển ở khu vực châu Á có tốc độ nhanh nhất, dự tính tốc độ tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc và Ấn Độ sẽ lần lượt là 8,8% và 6,5%.

CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KINH TẾ CƠ BẢN CỦA TRUNG QUỐC

Trải qua 30 năm cải cách mở cửa, chế độ kinh tế của Trung Quốc hiện nay đã khác biệt rất lớn so với năm 1978. Trong khoảng thời gian từ năm 1949 đến năm 1978, mục đích thay đổi chế độ của Trung Quốc là để xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế kế hoạch xã hội chủ nghĩa. Nhưng ngày nay, mục đích cuối cùng của việc thay đổi chế độ ở Trung Quốc chính là thể chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa. Trong quá trình thay đổi của chế độ, thông qua sự kế thừa những bản sắc văn hóa cổ đại, tiếp thu những thành quả gặt hái được trong thực tiễn, học hỏi kinh nghiệm từ chế độ tiên tiến của nước ngoài, Trung Quốc đã hình thành nên một chế độ kinh tế cơ bản mang đậm màu sắc Trung Quốc.



I. THỂ CHẾ KINH TẾ THỊ TRƯỜNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA MANG MÀU SẮC TRUNG QUỐC

Xây dựng thể chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa là phương hướng phát triển của thể chế kinh tế Trung Quốc, cũng là đường lối cơ bản nhất để thực hiện công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa và đô thị hóa của đất nước này và khiến cho kinh tế xã hội chủ nghĩa của Trung Quốc hiện nay mang đậm màu sắc Trung Quốc và khác hoàn toàn so với thời kỳ trước năm 1978, khi các nước xã hội chủ nghĩa trên thế giới đều coi kinh tế kế hoạch và chế độ công hữu đơn lập là đặc trưng của kinh tế xã hội chủ nghĩa.

Sau khi nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa được thành lập vào năm 1949, trước hoàn cảnh quốc tế cũng như hoàn cảnh trong nước lúc bấy giờ, trên phương diện thể chế kinh tế, Trung Quốc đã từng bước xây dựng thể chế kinh tế kế hoạch tập trung cao độ. Hiệu quả của thể chế kinh tế kế hoạch này luôn thay đổi theo mức độ lớn hay nhỏ trong quy mô và cơ cấu kinh tế, trong điều kiện giá thành thông tin tương đối thấp, nhu cầu tiêu dùng và cơ cấu cung cấp sản phẩm khá đơn lẻ, thì việc phân phối nguồn vốn theo kế hoạch cũng có một sự hợp lý nhất định. Nhưng, cùng với sự lớn mạnh không ngừng của nền kinh tế, cơ cấu trong nhu cầu tiêu dùng cũng ngày càng phức tạp hơn, và trong hoàn cảnh cơ cấu sản phẩm cũng ngày một đa dạng hơn, thì những điểm yếu của kinh tế kế hoạch cũng ngày một rõ nét hơn.

Điều đầu tiên mà kinh tế thị trường mang lại cho người dân Trung Quốc chính là sự phong phú đa dạng trong các sản phẩm sinh hoạt.



Những điểm yếu trong thể chế kinh tế kế hoạch của Trung Quốc thể hiện ở những mặt sau: (1) Hình thức của chế độ sở hữu ngày càng đơn lập, tức là toàn bộ đều là chế độ công hữu, các chế độ sở hữu khác bị bài xích; hơn thế, trong kinh tế của chế độ công hữu thì kinh tế nhà nước lại đứng ở vị trí thống trị. (2) Trên phương diện quản lý kinh doanh của kinh tế thuộc chế độ công hữu, bất kể là kinh tế nhà nước hay kinh tế tập thể, quyền đưa ra những quyết sách trong kinh doanh đều nằm trong tay các cấp chính quyền, xí nghiệp trở thành vật sở hữu của cơ cấu chính quyền các cấp, hoàn toàn mất đi tính tự chủ, mà chẳng qua chỉ là một xí nghiệp nhỏ trong xí nghiệp rất lớn của chính phủ. Biện pháp quản lý kinh tế của chính phủ chủ yếu là phương pháp hành chính, tức là chi phối nguồn vốn thông qua các sắc lệnh hành chính và phân bổ các đối tượng cụ thể. (3) Chức năng điều phối nguồn vốn của thị trường rất kém, thậm chí về cơ bản không phát huy được vai trò. (4) Về phương diện phân phối thu nhập, thực hiện quản lý kế hoạch quá mức tập trung, không chỉ các xí nghiệp quốc doanh “ăn cơm đại táo” của nhà nước, mà các nhân viên trong xí nghiệp cũng ăn “cơm đại táo” của xí nghiệp; hơn thế trong nội bộ kinh tế tập thể cũng thực hiện phương thức phân phối theo chủ nghĩa bình quân, các thành viên “làm nhiều làm ít đều như nhau, làm tốt hay không tốt cũng như nhau”, vì thế cả xí nghiệp cũng như các cá nhân đều thiếu tính tích cực trong kinh doanh sản xuất.

30 năm thực tiễn trước đổi mới đã chứng minh, chế độ công hữu đơn lẻ và thể chế kế hoạch này ngày càng không thể thích ứng với nhu cầu phát triển kinh tế, thậm chí còn trở thành trở ngại cho sự phát triển kinh tế. Sau đó, Đảng Cộng sản và chính phủ Trung Quốc bắt đầu từng bước nghiên cứu hình thức và mục tiêu cải cách thể chế kinh tế. Vì không có kinh nghiệm và mô hình có sẵn để áp dụng, Trung Quốc áp dụng phương pháp nghiên cứu tìm tòi theo cách “vừa dò đá vừa qua sông”, quá trình tìm tòi nghiên cứu này cũng tiến hành cùng với sự thay đổi về nhận thức đối với mối quan hệ giữa kế hoạch và thị trường.

CƠM ĐẠI TÁO

Tại các công ty nhà nước, mọi công việc, mọi đơn vị đều không kinh doanh dựa theo phương thức kinh tế thị trường, đãi ngộ không tương xứng với lợi ích sáng tạo, cho dù là lời hay lỗi thì tất cả mọi người cũng đều hưởng như nhau, giống như ăn cơm trong một nồi cơm thật to của cả nhà nước.

Trong giai đoạn đầu tiên của công cuộc cải cách (từ năm 1978 đến năm 1984), dựa trên tư tưởng theo lối chủ nghĩa thực tế thực dụng của Đặng Tiểu Bình, đó là “bất kể là mèo trắng hay mèo đen, chỉ cần bắt được chuột thì đó là mèo tốt” và “phải để cho một số người giàu lên”, Trung Quốc vẫn kiên trì chế độ công hữu, nhưng bên cạnh đó cũng cho phép một số ít hộ kinh tế cá thể và kinh tế tư nhân phát huy những vai trò nhất định trong lĩnh vực sản xuất và lưu thông, trên phương diện quản lý của chính phủ đối với kinh tế quốc dân, cũng không phải tất cả đều là kinh tế kế hoạch như trước đây nữa, mà lúc này đã chú ý hơn đến việc phát huy vai trò điều tiết thị trường, tức là thực hiện kinh tế sản phẩm một cách có kế hoạch. Nhưng cho đến thời điểm này, tư tưởng của mọi người vẫn chưa được giải phóng hoàn toàn, chưa ai dám phá vỡ cái khung tổng thể của kinh tế kế hoạch, điều tiết thị trường chỉ có thể phát huy những tác dụng hỗ trợ, đúng như quan điểm khi đó là “quản lý kế hoạch là chủ yếu, điều tiết thị trường là thứ yếu”.

Một khi cơ chế thị trường đã thâm nhập sẽ khó tránh khỏi việc xảy ra những mâu thuẫn và xung đột nhất định đối với thể chế quản lý kế hoạch trước đó. Chính vì vậy, đến năm 1984, trung ương đã đưa ra khái niệm “kinh tế sản phẩm có kế hoạch”. Điều đó có nghĩa là mọi người ý thức được rằng tính chất của kinh tế xã hội chủ nghĩa vẫn là kinh tế sản phẩm. Năm 1987, Đại hội Đảng Cộng sản Trung Quốc lần thứ 13 đã tiếp tục có những nhận thức sâu sắc hơn đối với kinh tế xã hội chủ nghĩa, mục tiêu cải cách được xác định là “nhà nước điều chỉnh kiểm soát thị trường, thị trường dẫn dắt các xí nghiệp”, trên thực tế cơ chế thị trường được cho là cần phải phát huy vai trò điều tiết mang tính cơ bản.

Cơn sốt kinh tế xảy ra vào năm 1988 cũng như việc tiến hành “chấn chỉnh quản lý” ngay sau đó đã dẫn đến nhu cầu của người dân đối với sự quản lý và điều chỉnh kiểm soát vĩ mô của chính phủ. Quản lý kế hoạch một lần nữa lại được nhấn mạnh, nhưng phương hướng cải cách thị trường hóa về cơ bản không thay đổi. Trên thực tế, nhu cầu của mọi người dân đối với quản lý kế hoạch đã diễn biến thành nhu cầu đối với sự điều chỉnh kiểm soát vĩ mô của nhà nước.

Sau khi đã nghiên cứu về cả lý luận và thực tiễn ở cả hai mặt trái và phải, cuối cùng, đến năm 1992, Trung Quốc đã lấy thể chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa là mục tiêu của công cuộc cải cách. Xây dựng thể chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa cần có 3 yếu tố trụ cột sau đây: (1) Xây dựng thể chế thị trường với nhiều thành phần kinh tế cùng tồn tại và chế độ xí nghiệp hiện đại với mấu chốt là “chế độ cổ phần hóa”; (2) Hình thành cơ chế vận hành kinh tế vĩ mô với thị trường là yếu tố quyết định giá cả, cơ chế thị trường phát huy vai trò mang tính cơ bản trong việc tạo vốn; (3) Xác lập phương pháp điều chỉnh kiểm soát vĩ mô với tài chính và tiền tệ là đòn bẩy chủ yếu nhất. Trong thể chế kinh tế này, vai trò điều phối nguồn vốn của thị trường không những được nhấn mạnh một lần nữa, mà còn đứng ở vị trí quan trọng nhất. So với thể chế kinh tế kế hoạch, ba sự thay đổi nói trên chính là những cải cách về chế độ mang tính cơ bản nhất.



Thế chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa kết hợp chặt chẽ với tình hình cơ bản trong nước, đường lối lịch sử đặc biệt cũng như giai đoạn phát triển hiện nay của Trung Quốc, nó cũng kết hợp chặt chẽ với những đòi hỏi của nhân dân Trung Quốc đối với chế độ xã hội chủ nghĩa. Chính vì vậy, ngoài những thuộc tính cơ bản của kinh tế thị trường nói chung, kinh tế thị trường của Trung Quốc còn có một số đặc trưng khác biệt so với kinh tế thị trường của nhiều quốc gia khác trên thế giới:

Thứ nhất là, vị trí chủ thể của chế độ công hữu. Nếu xét về cơ cấu của chế độ sở hữu, kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa của Trung Quốc là mô hình kinh tế thị trường vận hành trong điều kiện bao gồm nhiều thành phần kinh tế trong đó có cả kinh tế tư nhân cùng nhau phát triển nhưng vẫn coi chế độ công hữu là chủ thể. Đặc điểm này khác biệt với kinh tế thị trường với nền tảng là chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất. Quả thực như vậy, cùng với sự thúc đẩy nhanh chóng của việc cải cách thị trường, những nội hàm trong chế độ công hữu cũng dần dần phát sinh nhiều thay đổi. Ví dụ như năm 1997, Đại hội Đảng Cộng sản Trung Quốc lần thứ 15 đã mở rộng phạm trù của chế độ công hữu kinh tế thành mô hình xí nghiệp chế độ cổ phần với cổ phần của nhà nước đóng vai trò chủ đạo. Nhưng dù như thế thì mô hình này vẫn khác

Ngày 5 tháng 3 năm 2009, phiên họp lần thứ hai Đại hội Đại biểu Nhân dân toàn Trung Quốc khóa 11 đã khai mạc tại Đại Lễ đường Nhân dân (tòa nhà Quốc hội) để nghe và đánh giá báo cáo của Thủ tướng về công tác chính phủ, kiểm tra tình hình thực hiện của Quốc hội trong kế hoạch phát triển xã hội và kinh tế quốc dân vào năm 2008 cũng như báo cáo sơ thảo phương án kế hoạch phát triển xã hội và kinh tế quốc dân năm 2009; báo cáo về việc thực hiện dự toán của địa phương và chính phủ trung ương trong năm 2008 cũng như báo cáo sơ thảo về phương án dự đoán của địa phương và trung ương trong năm 2009. Chính phủ Trung Quốc sẽ bắt tay vào việc điều chỉnh kiểm soát vĩ mô đối với thị trường trong khung thể chế kinh tế thị trường.

biệt với các nước chủ nghĩa tư bản phương Tây. Vừa muốn giữ vững vai trò chủ đạo của chế độ công hữu, vừa muốn thực hiện mô hình kinh tế thị trường, đó là một sự nghiệp vĩ đại chưa từng có trong lịch sử.

Thứ hai là, thể chế chính trị đa đảng hiệp thương với sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc là nền tảng chính trị của việc vận hành kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa. Với nước lớn như Trung Quốc, việc xây dựng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, cũng như sự thống nhất của đất nước, sự toàn vẹn về lãnh thổ, sự đoàn kết của nhân dân, sự hài hòa của xã hội, sự phát triển của dân chủ... đều cần có một chính đảng mạnh mẽ để lãnh đạo đất nước. Nếu không có một chính Đảng có ý thức đối với công cuộc hiện đại hóa, có năng lực lãnh đạo và luôn đại diện cho lợi ích của đông đảo quần chúng nhân dân thì khó có thể hoàn thành trách nhiệm trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa, cũng không thể đảm bảo chắc chắn nhất đối với sự thống nhất của đất nước. Những thực tiễn từ khi cải cách mở cửa đến nay đã chứng minh, Đảng Cộng sản Trung Quốc không chỉ có khả năng kêu gọi nhân dân Trung Quốc đứng lên mà hoàn toàn có khả năng giúp cho nhân dân Trung Quốc giàu lên. Thể chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa là con đường tất yếu để thực hiện cuộc phục hưng vĩ đại của dân tộc Trung Hoa, là một sự nghiệp khai sáng vô cùng khó khăn, cần phải có sự điều chỉnh kiểm soát vĩ mô một cách mạnh mẽ của chính phủ mới có thể tạo ra cho kinh tế thị trường một môi trường kinh tế xã hội ổn định, an ninh, trật tự và công bằng.

Thứ ba là, thực hiện xã hội công bằng chính nghĩa, thực hiện toàn thể nhân dân ấm no hạnh phúc là mục tiêu đòi hỏi đối với thể chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa của Trung Quốc. Công bằng chính nghĩa là một chủ đề bất tận khi nhân loại theo đuổi một xã hội tốt đẹp, là một khuynh hướng giá trị của tiến bộ và phát triển xã hội. Trung Quốc thời cổ đại, Khổng Tử đã đưa ra tư tưởng: "Hữu quốc hữu gia giả, bất hoạn quả nhi hoạn bất quân, bất hoạn bản nhi hoạn bất an. Cái quân vô bản, hòa vô quả, an vô khuynh" (người có nước (vua) có nhà (các quan, chủ các ấp phong) không lo nghèo thiếu mà lo sự phân phối không quân bình, không lo ít dân mà lo xã tắc không yên. Phân phối quân bình thì dân không nghèo, hòa thuận thì dân sẽ không ít, như vậy xã tắc sẽ yên ổn, chính quyền không nghiêng đổ). Thực hiện xã hội công bằng chính nghĩa là yêu cầu cơ bản và nhiệm vụ trọng đại của xã hội chủ nghĩa mang màu sắc Trung Quốc. Thực hiện toàn thể nhân dân ấm no hạnh phúc cũng tương tự. Thực hiện kinh tế thị trường, tuy cho phép tồn tại một khoảng cách hợp lý trong thu nhập, khuyến khích một bộ phận làm giàu trước, nhưng cũng là cách người đi trước giàu sẽ kéo theo người phía sau giàu, để đạt được mục tiêu cuối cùng là tất cả cùng giàu.

II. CHÍNH PHỦ VÀ THỊ TRƯỜNG BẮT TAY HỢP TÁC

Mối quan hệ giữa chính phủ và thị trường là một trong những mối quan hệ quan trọng mà bất cứ quốc gia nào cũng đều cần phải xử lý. Trong lý luận kinh tế, mối quan hệ này cũng chiếm một vị trí vô cùng quan trọng.

Vào giai đoạn đầu thời đại kinh tế kế hoạch của Trung Quốc, chính phủ phát huy vai trò khá lớn. Bởi vì vào thời kỳ đó, an ninh quốc gia là vấn đề quan trọng nhất, kinh tế quốc dân lúc này mang màu sắc của kinh tế thời chiến, hơn thế, quy mô của kinh tế quốc dân cũng khá nhỏ bé, chi phí thông tin tương đối thấp, cơ cấu nhu cầu và cơ cấu cung cấp của cả xã hội cũng khá đơn lẻ. Ngoài ra, để có chỗ đứng trên vũ đài thế giới, Trung Quốc cần phải tập trung phát triển công nghiệp nặng và sự nghiệp quốc phòng. Vì vậy, cũng cần phải có một tổ chức có đủ sức mạnh để tiến hành điều phối nguồn vốn. Và tổ chức có sức mạnh lớn nhất, đương nhiên là chính phủ.

Thực tế chứng minh, trong thời kỳ đầu xây dựng kinh tế của nước Trung Hoa mới, thông qua việc tiến hành điều phối nguồn vốn, chính phủ cũng đã hoàn thành sứ mệnh của lịch sử. Trung Quốc xây dựng một hệ thống công nghiệp độc lập, đặt những bước chân vững chãi vào thị trường thế giới. Trong điều kiện môi trường quốc tế liên tục phong tỏa, việc dùng nông nghiệp để tích lũy vốn và dựa vào xuất khẩu để thu ngoại tệ cũng đã giành được nguồn vốn cần thiết cho công cuộc công nghiệp hóa.

Cùng với sự phát triển lớn mạnh không ngừng trong quy mô kinh tế quốc dân và xu thế ngày càng phức tạp trong cơ cấu tiêu dùng và cơ cấu cung cấp, chi phí cho việc thu thập thông tin của chính phủ cũng ngày càng cao, những lỗ hổng trong việc thông qua chính phủ để điều phối nguồn vốn cũng ngày càng nổi bật. Chính vì thế, sau khi cải cách mở cửa tiến hành vào năm 1978, trong phương diện vận hành kinh tế vi mô, chính phủ từ từ chuyển vị trí cho thị trường, để trong quá trình phát triển kinh tế, cơ chế thị trường ngày càng phát huy vai trò điều phối nguồn vốn mang tính cơ bản.

Sự thay đổi chế độ như vậy đã giúp cho kinh tế phát triển và gặt hái được những thành tựu rõ rệt. Trong hơn 30 năm kể từ khi cải cách mở cửa đến nay, các chỉ tiêu trong công nghiệp, nông nghiệp, ngành nghề thứ 3, mậu dịch đối ngoại cho đến tổng lượng GDP, GDP bình quân đầu người đều có sự tăng vọt. Đến năm 2008, Trung Quốc đã trở thành một nền kinh tế lớn thứ 3 trên thế giới, chỉ đứng sau Mỹ và Nhật Bản. Đời sống của nhân dân được nâng cao một cách ổn định, cả xã hội đều có được sự hài hòa và an ninh.

Lịch sử phát triển kinh tế của phương Tây cũng đã chứng minh chính phủ và thị trường có thể phát huy những vai trò hoàn toàn khác nhau trong điều kiện lịch sử khác nhau. Trung Quốc là một quốc gia đang thay đổi trên cả 2 mặt là thể chế kinh tế và cơ cấu sản nghiệp, sự phối hợp hài hòa giữa vai trò của chính phủ và thị trường là một điều không thể thiếu. Khuynh hướng cải cách chế độ của Trung Quốc là thể chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa, thị trường là chế độ cơ bản để điều phối nguồn vốn là điều không thể nghi ngờ. Xét về những khía cạnh cấu thành nên kinh tế thị trường thì Trung Quốc hiện nay đã là một quốc gia kinh tế thị trường, có những yếu tố của thị trường sản xuất và thị trường sản phẩm, hầu hết giá cả của các sản phẩm đều do mối quan hệ cung cầu của thị trường quyết định, chỉ có một số rất ít giá cả của những sản phẩm quan trọng

liên quan đến an ninh quốc gia, quốc kế dân sinh thì sẽ do chính phủ kiểm soát. Thế nhưng, nhiệm vụ tiếp tục thực hiện công cuộc thị trường hóa của Trung Quốc vẫn đang tiếp diễn. Ví dụ, hệ thống tín dụng, hệ thống pháp chế và trật tự kinh tế v.v.. phù hợp với thị trường kinh tế vẫn đang trong giai đoạn chờ đợi được từng bước hoàn thiện.

Một sự thực cơ bản là, trong quá trình thay đổi, chính phủ phát huy một vai trò khá lớn. Trước hết, cải cách thị trường của Trung Quốc không chỉ là một quá trình chuyển đổi từ kinh tế kế hoạch sang kinh tế thị trường mà đồng thời còn là một quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa. Trong quá trình này, mâu thuẫn kinh tế và mâu thuẫn xã hội vô cùng phức tạp, cần phải bồi dưỡng cho chủ thể của thị trường, phải thay đổi quan niệm hành vi của mọi người, phải xây dựng kiên toàn một trật tự thị trường, tất cả những điều này đều cần có vai trò dẫn dắt và chủ đạo nhất định của chính phủ. Tiếp theo là, Trung Quốc không chỉ là một quốc gia có diện tích rộng, sự khác biệt về điều kiện tự nhiên rất lớn, mà trên rất nhiều phương diện như dân tộc, văn hóa, cách sống, giai đoạn phát triển v.v.. ở các nơi cũng hình thành nên rất nhiều sự khác biệt. Đối với một nước lớn như thế, không thể không có một chính phủ thống nhất, có đủ sức mạnh để chèo lái con thuyền kinh tế. Sự trở về thuận lợi của Hồng Kông, Ma Cao và thực hiện "một nước hai chế độ", điều này không thể tách rời sức mạnh to lớn của chính phủ trung ương; tương tự như vậy, các chiến lược phát triển kinh tế mang tính khu vực như "đại khai phá miền Tây", "trấn hưng vùng Đông Bắc" và "vực miền Trung dậy" v.v.. cũng không thể tách rời sự phối hợp của chính quyền địa phương và chính phủ trung ương.

Công cuộc cải cách của Trung Quốc không chỉ là cải cách về thể chế kinh tế mà còn bao gồm cả cải cách về thể chế chính trị. Đúng như Đặng Tiểu Bình nói, không có sự cải cách thể chế chính trị đứng ra đảm bảo, thì cải cách thể chế kinh tế cũng không thể thành công.

Là một nước lớn với 1,3 tỷ dân nên việc thúc đẩy cải cách thể chế chính trị ở Trung Quốc cần phải có sự lãnh đạo và được tiến hành từng bước. Nếu không có một lớp lãnh đạo ổn định và vững chắc, không có từng bước nhất định, ắt sẽ dẫn đến một sự "dân chủ giả tạo" đầy hỗn loạn. "Dân chủ" kiểu này không thể đảm bảo quyền lợi thực sự cho nhân dân Trung Quốc, cũng không có lợi cho sự phát triển bền vững của kinh tế Trung Quốc.

Nhấn mạnh vai trò của chính phủ không phải là phủ định hoặc đánh giá thấp thị trường mà ngược lại, vai trò mang tính nền tảng của thị trường không ngừng mạnh lên cùng với sự hoàn thiện không ngừng của công cuộc cải cách thị trường. Trong quá trình chuyển đổi và duy trì kinh tế phát triển ổn định, chính phủ Trung Quốc không chỉ là trọng tài tiến hành giám sát, điều tiết thị trường, duy trì trật tự thị trường, mà còn là "vận động viên" trong hoạt động kinh tế thị trường, ví dụ thông qua đầu tư của chính phủ hoàn thành bố cục đầu tư công nghiệp và xây dựng cơ sở hạ tầng, từ đó còn lôi kéo kinh tế tăng trưởng; và trên cả phương diện liên quan đến an ninh quốc gia và hoạt động kinh



tế mang tính lũng đoạn tự nhiên. Cùng với quy mô kinh tế không ngừng tăng lên và chế độ thị trường không ngừng được hoàn thiện, tư cách "vận động viên" của chính phủ cần phải giảm bớt, tài chính của các cấp chính quyền địa phương cũng từ "tài chính dưới hình thức xây dựng" chuyển đổi thành "tài chính dưới hình thức phục vụ", vai trò trong quá trình vận hành kinh tế vĩ mô cũng chuyển từ vai trò của một "vận động viên" sang vai trò của một "trọng tài". Đương nhiên, Trung Quốc là một quốc gia coi chế độ công hữu là chủ thể, vì vậy, chính phủ còn tham gia quản lý các xí nghiệp quốc doanh với vai trò của một người ủy thác. Nhưng cùng với sự chuẩn hóa không ngừng của thị trường yếu tố sản xuất như thị trường lao động, thị trường bất động sản, thị trường tài chính, thị trường kỹ thuật v.v.. và cùng với việc hệ thống thị trường được thống nhất một cách có trật tự trên cả nước, vai trò của thị trường cũng ngày càng mạnh lên.

Công cuộc cải cách thị trường của Trung Quốc vẫn chưa hoàn thiện, Trung Quốc vẫn đang trên con đường tiến hành chuyển đổi. Trong giai đoạn lịch sử này, chính phủ và thị trường cần phải phối hợp với nhau, cùng nhau phát huy tác dụng. Kinh tế thị trường của Trung Quốc không giống với những quốc gia phát triển ở phương Tây, mối quan hệ giữa chính phủ và thị trường của Trung Quốc cũng

Thực tế đã chứng minh, điều chỉnh và kiểm soát vĩ mô của chính phủ Trung Quốc rất hiệu quả. Trong hình là Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc – một ngân hàng trung ương Trung Quốc đã phát huy rất nhiều vai trò quan trọng trong các lĩnh vực như chính sách tài chính, tiền tệ v.v..

khác biệt với phương Tây. Trung Quốc vừa phải phát huy vai trò của chính phủ trong việc ổn định sự phát triển kinh tế, vừa phải phát huy vai trò mang tính nền tảng của thị trường trong việc phân phối nguồn vốn. Chính phủ là chính phủ trong thể chế thị trường, thị trường là thị trường dưới sự quản giám của chính phủ. Cả hai nhân tố hỗ trợ lẫn nhau, bổ sung cho nhau.

III. CHÍNH PHỦ TRUNG ƯƠNG VÀ CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG TRÊN CON THUYẾN KINH TẾ

Trung Quốc là một quốc gia đa dân tộc, đất rộng người đông, giữa các khu vực không chỉ có sự khác biệt rất lớn về điều kiện tự nhiên mà trên nhiều phương diện khác như cơ cấu sản xuất, trình độ phát triển kinh tế, dân tộc, ngôn ngữ, kế thừa văn hóa, cách sống v.v.. cũng đều tồn tại những sự khác biệt lớn. Có những nơi, trình độ phát triển kinh tế luôn ở mức cao nhưng có những khu vực, trình độ phát triển kinh tế lại luôn ở trạng thái thấp. Phát triển kinh tế rất không đồng đều chính là một trong những đặc điểm cơ bản của kinh tế Trung Quốc từ thời cận đại cho đến nay. Hiện nay, Trung Quốc có 34 khu hành chính cấp tỉnh, trong đó các tỉnh có quy mô ở mức trung bình cũng đã có diện tích đất đai và dân số ngang ngửa với những nước lớn ở châu Âu.

Với một nước có diện tích khu vực rộng lớn và nhiều tính đa dạng như Trung Quốc, làm thế nào để xử lý tốt mối quan hệ giữa trách nhiệm và quyền lợi của chính phủ trung ương và chính quyền địa phương, làm thế nào để phát huy được tính tích cực của cả chính phủ trung ương và chính quyền địa phương luôn là những vấn đề quan trọng đối với chính phủ Trung Quốc. Để tập trung lực lượng làm nên việc lớn thì cần phải tập trung quyền lợi vào chính phủ trung ương là chủ yếu, nhưng nếu muốn phát huy tiềm năng của chính quyền địa phương thì cần phải giao cho chính quyền địa phương những quyền hạn nhất định trong quản lý, đương nhiên, cùng với việc quyền lực của chính quyền địa phương ngày một gia tăng có thể sẽ xảy ra tình trạng chủ nghĩa bảo hộ khu vực và sự cạnh tranh quá mức giữa các khu vực, khoảng cách của sự phát triển kinh tế giữa các khu vực cũng có thể càng lớn hơn, từ đó dẫn đến tình trạng mất ổn định, không hài hòa trên toàn xã hội.

Trong thời đại kinh tế kế hoạch trước khi cải cách mở cửa, Trung Quốc luôn rơi vào trạng thái tuần hoàn và lặp đi lặp lại giữa “nới lỏng” và “thu hồi”, đồng thời còn xuất hiện đặc trưng quản lý kinh tế là “hễ nới lỏng thì sống, hễ quản lý chặt thì chết”. “Nới lỏng” ở đây có nghĩa là chính phủ trung ương giao cho chính quyền địa phương một số quyền lợi nhất định nào đó trong việc quản lý kinh tế, từ đó có thể khuyến khích tính tích cực của chính quyền địa phương. “Thu hồi” ở đây có nghĩa là chính phủ trung ương thu hồi lại những quyền lợi vốn dĩ đã được giao cho chính quyền địa phương để tăng cường kiểm soát của trung ương đối với kinh tế.

Từ khi cải cách mở cửa đến nay, cùng với quá trình cải cách thị trường càng chuyên sâu, cải cách phân quyền ở các địa phương cũng giành được những bước tiến triển lớn. Trên phương diện kinh tế, cuộc cải cách phân quyền ở các địa phương chủ yếu thể hiện ở những mặt sau:

Thứ nhất là, quyền thu chi tài chính chuyển giao cho chính quyền địa phương. Trong thời đại kinh tế kế hoạch, Trung Quốc áp dụng thể chế thu chi tài chính của trung ương và địa phương đều do trung ương thống nhất quy định, phân cấp quản lý. Sau khi cải cách mở cửa, là một khâu quan trọng trong phân quyền kinh tế, Trung Quốc đã tiến hành 3 lần cải cách thể chế tài chính vào các năm 1980, 1985 và 1988, thực hiện “chế độ khoán trách nhiệm tài chính” giữa chính quyền địa phương và chính phủ trung ương, tức là: Thiết lập mối quan hệ khoán trách nhiệm độc lập giữa chính quyền địa phương và chính phủ trung ương, dựa trên một tỷ lệ hoặc tổng kim ngạch nhất định giao nộp cho tài chính trung ương một phần trong thu nhập tài chính của địa phương, phần còn lại có thể do chính quyền địa phương tự do sử dụng. Thông qua sự thay đổi chế độ này, tuy đã khuyến khích được tính tích cực của chính quyền địa phương, thúc đẩy kinh tế phát triển, nhưng kể từ khi cải cách mở cửa cho đến nay, tỷ lệ của tài chính trung ương trong thu nhập tài chính của cả nước luôn trong tình trạng giảm sút, cho đến năm 1994, trước khi thực hiện “chế độ phân thuế”, thì tỷ lệ này đã giảm xuống còn khoảng 22%, khả năng kiểm soát điều chỉnh vĩ mô của chính phủ trung ương đã bị suy yếu.

Nông thôn giàu có ở khu vực duyên hải miền Đông Trung Quốc



Thứ hai là, sự nói lỏng quyền hạn quản lý trong các xí nghiệp quốc doanh. Trước khi cải cách mở cửa, phần lớn các xí nghiệp quốc doanh lớn và vừa đều lệ thuộc vào các ban ngành của chính phủ, tức là đều quy về “quản lý”. Cùng với việc chính phủ thực hiện cải cách “phân cấp quyền lực và chuyển giao lợi nhuận” đối với các xí nghiệp quốc doanh thì mối quan hệ lệ thuộc và quyền hạn trong quản lý của hầu hết các xí nghiệp quốc doanh cũng đã được chính phủ trung ương giao lại cho chính quyền địa phương các cấp.

Thứ ba là, để phát huy tính tích cực và tính chủ động của chính quyền địa phương trong phát triển kinh tế, trung ương đã để cho các chính quyền địa phương tự xem xét trong điều kiện của mình, từng bước chuyển giao hầu hết các quyền hạn có liên quan đến việc phát triển kinh tế địa phương, đặc biệt là quyền quyết định, quyền phân phối nguyên vật liệu, quyền mậu dịch đối ngoại đối với các hạng mục đầu tư nhỏ và vừa.

Thông qua việc cải cách phân quyền của trung ương đối với địa phương, tính tích cực của các chính quyền địa phương được phát huy rõ rệt. Là một chủ thể kinh tế độc lập, chính quyền địa phương đã phát huy những vai trò rất lớn trong việc phát triển kinh tế địa phương. Thế nhưng, việc gì cũng vậy, có lợi ắt sẽ có hại. Chính quyền địa phương là cơ quan thi hành các chính sách của chính phủ, nhưng đồng thời lại là chủ thể theo đuổi lợi ích cho riêng mình. Vì lợi ích của chính quyền địa phương và chính phủ trung ương không có tính nhất trí hoàn toàn, nên đã dẫn đến mối quan hệ giữa chính quyền địa phương và chính phủ trung ương vừa là hợp tác với nhau, nhưng cũng tồn tại những mâu thuẫn và xung đột.

Phát huy tính tích cực của các chính quyền địa phương là một trong những nguyên nhân quan trọng dẫn đến sự thành công trong công cuộc cải cách mở cửa của Trung Quốc. Cùng với việc thực hiện cải cách phân quyền ở địa phương, chính quyền địa phương nhận thức được rằng, lợi ích và sự phát triển kinh tế có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, vì thế lại càng tích cực quán triệt các phương châm chính sách của trung ương, bên cạnh đó, trong đường lối cải cách chế độ mà Trung Quốc đã thiết kế, chính quyền địa phương đóng vai trò là đối tượng tích cực sáng tạo, dũng cảm trong thực tiễn.

Vì lợi ích địa phương, chính quyền địa phương tích cực tiến hành cải cách xí nghiệp quốc hữu, phát triển và hỗ trợ cho các ngành nghề trụ cột của địa phương, tích cực đầu tư cho thị trường sản phẩm và thị trường yếu tố sản xuất, mạnh dạn thu hút đầu tư nước ngoài và triển khai mậu dịch đối ngoại, theo tinh thần chỉ thị của trung ương, dốc sức đẩy mạnh cải cách chế độ.

Sự thành công trong cải cách nông thôn gắn kết chặt chẽ với chính quyền địa phương. Việc cố tình bỏ qua đối với những hành vi cải cách tự phát của nông dân ở những nơi như An Huy, Tứ Xuyên v.v., cuối cùng lại là sự chuyển đổi chế độ trong kinh doanh sản xuất nông nghiệp được trung ương thừa nhận. Cải cách trong xí nghiệp quốc doanh, cải cách thể chế bảo trợ xã hội, cải cách thuế quan ở nông thôn cũng đều do

chính quyền địa phương tiến hành thí điểm và thực nghiệm, từ đó đề ra kinh nghiệm và phương án cải cách cho chính phủ trung ương, cuối cùng phương án này trở thành sự chuyển đổi chế độ phổ cập trên cả nước.

Trong mô hình cải cách từng bước của Trung Quốc, nếu không có sự động viên khuyến khích của chính phủ trung ương đối với chính quyền địa phương, cũng như sự ủng hộ tích cực của chính quyền địa phương đối với chính phủ trung ương, thì công cuộc cải cách không thể hoàn thành một cách thuận lợi. Chính từ sự hỗ trợ qua lại trong quan hệ giữa trung ương và địa phương mới giúp cho việc cải cách của Trung Quốc không phải trải qua những biến động quá lớn, mới giúp cho kinh tế của Trung Quốc trong hơn 30 năm cải cách mở cửa giành được sự tăng trưởng vượt bậc.

Đương nhiên, là một nước lớn có sự phát triển kinh tế không đồng đều, Trung Quốc rất cần sự điều chỉnh và kiểm soát kinh tế vĩ mô của chính phủ trung ương, chính vì thế quyền lợi của chính quyền địa phương cũng không thể quá lớn. Bởi vì chính quyền địa phương là một chủ thể lợi ích, không gánh vác trách nhiệm cân bằng kinh tế tổng hợp trên cả nước, để theo đuổi lợi ích lớn nhất của khu vực, thường hay áp dụng những chính sách đi trái với tinh thần chỉ đạo của chính phủ trung ương. Ví dụ, để chạy theo tốc độ tăng trưởng của GDP, chính quyền địa phương thực hiện đầu tư một cách quá ồ ạt. Nếu xét từ cục bộ, cách đầu tư như thế có vẻ như hợp lý, nhưng nếu xét trên phương diện toàn quốc, thì nó lại tồn tại những vấn đề như xây dựng trùng lặp, bố cục không hợp lý v.v..

Để bảo vệ cho những xí nghiệp của địa phương mình, chính quyền địa phương có thể còn thông qua các biện pháp chính sách ngăn chặn không cho sản phẩm công nghiệp ở những nơi khác thâm nhập, hoặc sẽ hạn chế hàng nông sản, nguyên vật liệu hoặc nguồn năng lượng của địa phương mình phát tán ra ngoài, đây là một hành vi thuộc chủ nghĩa bảo hộ của địa phương, hiện tượng kinh tế theo kiểu “phong kiến chư hầu” được chính quyền địa phương cố tình tiến hành ngăn cách và bảo vệ thị trường đi ngược lại với tinh thần xây dựng một hệ thống thị trường thống nhất trên toàn quốc của chính phủ.



Ở khu vực Tây Trung Bộ của Trung Quốc, trình độ phát triển kinh tế còn quá thấp kém so với khu vực phát triển ở miền Đông. Hình chụp vào tháng 12 năm 2007, quần chúng dân tộc thiểu số ở huyện tự trị gia tộc Ngũ Phong Thổ, tỉnh Hồ Bắc cuối cùng cũng đã được dùng nước máy an toàn, vệ sinh.

Để nâng cao mức thu chi tài chính của chính phủ, đến năm 1994, Trung Quốc thực hiện cải cách chế độ phân thuế. Cuộc cải cách này đã xác định rõ ranh giới về mức độ thu thuế và nguồn thu thuế của trung ương và địa phương, biện pháp này đã thay đổi xu thế thu nhập tài chính của chính phủ đã nhiều năm liền bị giảm sút, nâng cao khả năng điều chỉnh kiểm soát kinh tế vĩ mô của chính phủ và nâng cao mức độ cung cấp sản phẩm công cộng trên cả nước.

Cũng trong khía cạnh đó, chính phủ còn thông qua hàng loạt biện pháp giao lưu đa khu vực đối với các cán bộ dân sự cấp tỉnh, khôi phục lại quyền uy và khả năng của tài chính trung ương, đã ngăn chặn hữu hiệu đối với những hành vi theo kiểu "trên có chính sách, dưới có đối sách". Chính vì có sự cố gắng đảm bảo của tài chính trung ương nên chính phủ Trung Quốc mới có thể thông qua cách chuyển đổi chi trả để nâng cao mức độ xây dựng cơ sở hạ tầng ở những khu vực dân tộc cũng như những khu vực có sự phát triển kinh tế lạc hậu.

Năm 2001, để thúc đẩy phát triển kinh tế ở khu vực lục địa miền Tây, thu nhỏ khoảng cách trong phát triển kinh tế giữa khu vực duyên hải miền Đông và khu vực miền Tây, chính phủ Trung Quốc đã đưa ra chiến lược "đại khai phá miền Tây". Ban tài chính trung ương bắt đầu nghiêng về miền Tây, tập trung xây dựng đầu tư đối với cơ sở hạ tầng ở khu vực này, đồng thời còn đưa ra những chính sách ưu đãi khác. Từ khi chiến lược "đại khai phá miền Tây" được thực hiện đến nay, thực tiễn đã chứng minh rằng, chính sách của chính phủ Trung Quốc đã nâng cao tốc độ phát triển kinh tế ở khu vực miền Tây, có tác dụng giảm bớt khoảng cách giữa hai miền Đông và Tây.

Khu vực Đông Bắc đã từng là khu công nghiệp nặng của Trung Quốc. Từ khi cải cách mở cửa đến nay, do việc chuyển đổi gặp nhiều khó khăn nên tốc độ phát triển kinh tế chậm chạp. Để chấn hưng khu công nghiệp vùng Đông Bắc, với tiền đề tập trung nâng cao năng lực tài chính, chính phủ Trung Quốc thông qua hàng loạt các chính sách để đẩy nhanh phát triển khu công nghiệp Đông Bắc. Ngay sau đó, phát triển kinh tế vùng miền Trung cũng nhanh chóng được đưa vào tầm nhìn của chính phủ, chiến lược "vực dậy miền Trung" đã được đưa ra.

Mối quan hệ giữa trung ương và địa phương là một bài toán khó trong phát triển kinh tế, bài toán ấy lại càng khó hơn đối với một nước lớn có sự phát triển kinh tế không cân bằng. Trong thời kỳ đầu mới cải cách mở cửa, chính nhờ việc phát huy tính tích cực của chính quyền địa phương mới giúp cho kinh tế có được sự phát triển rõ nét. Cùng với sự nâng cao của mức độ phát triển kinh tế, sự tăng cường trong khả năng tài chính của chính phủ trung ương càng có thể giảm bớt căng thẳng trong hàng loạt vấn đề như cách biệt giữa các khu vực, khoảng cách trong thu nhập v.v.. Có thể thấy, cùng với sự thay đổi về điều kiện, cần phải xử lý mối quan hệ giữa trung ương và địa phương một cách hợp lý.

Kinh tế Trung Quốc muốn thực hiện duy trì tốc độ phát triển nhanh chóng thì vẫn còn phải đối mặt với rất nhiều vấn đề. Muốn giải quyết tốt những vấn đề này, cần phải có sự hỗ trợ thật hài hòa giữa chính phủ trung ương và chính quyền địa phương, cần phải năng động điều chỉnh ranh giới lợi ích giữa trung ương và địa phương trong điều kiện thay đổi về thể chế kinh tế và nâng cao trình độ phát triển kinh tế, từ đó mới có thể giúp cho chính phủ phát huy được hiệu suất cao nhất của mình.

IV. CƠ CẤU CHẾ ĐỘ SỞ HỮU HỖN HỢP VỚI CHỦ THỂ LÀ CHẾ ĐỘ CÔNG HỮU

Cơ cấu chế độ sở hữu là nói đến các hình thức chế độ sở hữu tư liệu sản xuất không giống nhau chiếm tỷ lệ và vị trí trong hình thái kinh tế xã hội, cũng như mối quan hệ tương hỗ của chúng với nhau. Đứng ở vị trí chi phối và vai trò chủ đạo, tính chất của chế độ sở hữu đã quyết định tính chất của cơ cấu chế độ công hữu trong xã hội này. Cơ cấu của chế độ sở hữu của Trung Quốc đã trải qua một quá trình thay đổi rất mạnh mẽ.

Sau năm 1949, Trung Quốc bước vào xã hội kinh tế chủ nghĩa dân chủ mới, tồn tại 5 thành phần kinh tế: Kinh tế nhà nước với tính chất xã hội chủ nghĩa; kinh tế hợp tác xã với tính chất nửa xã hội chủ nghĩa; kinh tế cá thể nông nghiệp và thủ công nghiệp; kinh tế chủ nghĩa tư bản tư nhân và kinh tế chủ nghĩa tư bản nhà nước. Từ năm 1953 đến năm 1956, chính phủ Trung Quốc đã hoàn thành cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với cá thể nông nghiệp, cá thể thủ công nghiệp và công thương nghiệp chủ nghĩa tư bản. Trải qua “ba đợt cải tạo lớn”, về cơ bản Trung Quốc đã xóa bỏ được chế độ tư hữu, thực hiện chế độ công hữu, làm cho Trung Quốc từ một xã hội chủ nghĩa dân chủ mới bước sang xã hội xã hội chủ nghĩa. Ngành nông nghiệp và thủ công nghiệp cá thể bị đổi thành kinh tế tập thể xã hội chủ nghĩa, còn kinh tế chủ nghĩa tư bản thì đổi thành kinh tế quốc doanh xã hội chủ nghĩa.

Lý luận chủ nghĩa xã hội truyền thống cho rằng, xóa bỏ chế độ tư hữu có nghĩa là đã bước vào xã hội chủ nghĩa. Vì thế, do ảnh hưởng của các nhân tố như ô hình của Liên Xô và chiến lược ưu tiên phát triển công nghiệp nặng v.v., Trung Quốc một mực theo đuổi “tính tiên tiến” trong hình thức của chế độ công hữu, phát động “một lớn, hai công, ba thuần” (tức là mục tiêu của mô hình xã hội chủ nghĩa mà kinh tế kế hoạch để xương; “lớn” có nghĩa là quy mô của những tổ chức cơ sở như công xã nhân dân càng lớn càng tốt; “công” có nghĩa là mức độ công hữu hóa càng cao càng tốt; “thuần” có nghĩa là các thành phần kinh tế của chủ nghĩa xã hội càng đơn thuần càng tốt), đồng thời coi các thành phần kinh tế ngoài chế độ công hữu là “cái đuôi của chủ nghĩa tư bản”, tiến hành bài xích, đả kích và hạn chế, coi chế độ công hữu đơn lập là chế độ kinh tế cơ bản một cách rất phiến diện.

Trước công cuộc cải cách mở cửa vào năm 1978, về cơ bản, chế độ công hữu kinh tế của Trung Quốc thống nhất toàn nước, chỉ có 140 ngàn hộ kinh doanh cá thể, 150 ngàn

nhân viên làm việc, kinh tế tư nhân và kinh tế nước ngoài hầu như không thấy bóng dáng. Thế nhưng thực tế đã chứng minh, mô hình chế độ sở hữu này quá mức xa rời hiện thực, hiện thực đó là trình độ tổng thể của lực lượng sản xuất trong giai đoạn đó của Trung Quốc là quá thấp, trình độ xã hội hóa sản xuất không cao và còn có sự phân tầng và không đồng đều, chính vì thế đã khiến cho sự phát triển lực lượng sản xuất bị trói buộc. Trên thực tế, cùng là một chế độ sở hữu nhưng nằm trong các giai đoạn phát triển của lực lượng sản xuất không giống nhau, thì cũng có thể áp dụng những hình thức thực tế khác nhau. Hình thức thực tế của chế độ công hữu hoàn toàn có thể, hơn thế cần được đa dạng hóa, không chỉ bao gồm chế độ sở hữu nhà nước, chế độ sở hữu tập thể, hợp tác xã, chế độ hợp tác cổ phần, mà còn nên bao gồm thành phần chế độ công hữu trong nhiều hình thức của chế độ sở hữu kinh tế hỗn hợp. Tất cả đã phản ánh rằng, nên mạnh dạn tận dụng các hình thức tổ chức và phương thức kinh doanh của quy luật sản xuất xã hội hóa.

Trước đây, Trung Quốc chủ yếu lý giải chế độ công hữu là ưu thế về số lượng và cơ cấu, đặc biệt là đối với các xí nghiệp quốc doanh; trong đó, cho rằng số lượng tuyệt đối của tài sản nên chiếm số tương đối trong tổng tài sản xã hội, bên cạnh đó cũng cho rằng, đã là kinh tế tập thể chế độ công hữu, còn cần phải nhanh chóng quá độ sang chế độ sở hữu toàn dân.

Năm 1997, Đại hội Đảng Cộng sản Trung Quốc lần thứ 15 đã phá vỡ những nhận thức mơ hồ đối với “vị trí chủ thể của chế độ công hữu” mà không hề có sự phân biệt về khu vực, không phân biệt về ngành nghề và không coi trọng chất lượng, đồng thời Đại hội đã đưa ra ý kiến rằng, vị trí chủ thể của chế độ công hữu chủ yếu thể hiện qua những mặt sau: tài sản công hữu chiếm ưu thế trong tổng tài sản xã hội; kinh tế quốc doanh kiểm soát huyết mạch của kinh tế quốc dân, phát huy vai trò chủ đạo đối với phát triển kinh tế. Nếu xét về mặt toàn quốc, thì những điều này có thể có sự khác biệt đối với khu vực và ngành nghề. Tài sản công hữu chiếm ưu thế, phải có ưu thế mạnh hơn, càng phải quan tâm đến vấn đề nâng cao chất lượng. Kinh tế quốc doanh đóng vai trò chủ đạo, chủ yếu được thể hiện trên khả năng kiểm soát. Chỉ cần nhà nước kiểm soát huyết mạch kinh tế, khả năng kiểm soát và khả năng cạnh tranh của các kinh tế nhà quốc hữu được tăng cường, tỷ trọng của kinh tế quốc hữu giảm bớt một chút, cũng không ảnh hưởng đến tính chất xã hội chủ nghĩa của Trung Quốc. Cùng với sự thay đổi của thời đại, nội dung của kinh tế quốc hữu cũng thay đổi. Trước đây là quốc hữu quốc doanh, quyền sở hữu quyền kinh doanh hợp hai thành một, hiện nay là quốc hữu nắm giữ, chủ thể đầu tư đa nguyên hóa, có một lượng lớn đầu tư xã hội, đặc biệt là những công ty quốc hữu đã niêm yết trên sàn cổ phiếu hiện nay, nắm giữ một lượng lớn đầu tư từ bên ngoài.

Tiến trình hình thành chế độ kinh tế cơ bản của Trung Quốc cũng là một quá trình phát triển mạnh mẽ từ nhỏ đến lớn, từ yếu đến mạnh của chế độ kinh tế ngoài công hữu. Đầu thập niên 80 của thế kỷ XX, xuất phát từ góc độ giải quyết việc làm ở thành thị và tạo việc làm cho nguồn lao động dồi dào ở nông thôn, Trung Quốc đã khuyến khích phát



Trải qua 30 năm phát triển, kinh tế tư nhân đang dần dần trở thành đối tượng đóng góp chủ yếu nhất cho sự tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc. Trong hình là dây chuyền sản xuất điện thoại di động của một công ty kỹ thuật tư nhân.

triển kinh tế cá thể, chưa phát triển đến mức đứng từ bề mặt chế độ kinh tế xã hội chủ nghĩa cơ bản để cân nhắc đến vấn đề chế độ kinh tế ngoài công hữu, chỉ là “coi người lao động kinh tế cá thể trong một phạm vi nhất định nào đó như là một sự bổ sung cần thiết cho chế độ kinh tế công hữu”. Cùng với sự phát triển thực tiễn của công cuộc cải cách mở cửa, vai trò thúc đẩy kinh tế quốc dân tăng trưởng, mở rộng cơ hội việc làm trong xã hội, giúp thị trường trở nên sôi động hơn và giúp cho cuộc sống của nhân dân thuận tiện hơn... của chế độ kinh tế ngoài công hữu càng ngày càng nổi bật, tương ứng với điều đó, chính phủ Trung Quốc cũng bắt đầu khẳng định chế độ kinh tế ngoài công hữu có tính tất yếu cho sự phát triển đối với trình độ của lực lượng sản xuất hiện có. Năm 1982, Đại hội Đảng Cộng sản Trung Quốc lần thứ 12 đã nêu rõ: “Khuyến khích người lao động kinh tế cá thể phát triển thích hợp trong phạm vi quy định của nhà nước và dưới sự quản lý công nghiệp và thương mại, được coi là sự bổ sung cần thiết và hiệu quả đối với chế độ kinh tế công hữu”.

Xuất phát từ thực tế trong giai đoạn sơ kỳ của xã hội chủ nghĩa, Đại hội Đảng Cộng sản Trung Quốc lần thứ 15 tổ chức vào năm 1997 nêu rõ: kinh tế ngoài công hữu là một bộ phận cấu thành quan trọng của kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa. Năm 2002, Đại hội Đảng Cộng sản Trung Quốc lần thứ 16 đã báo cáo tổng kết về kinh nghiệm thực tế trong cuộc cải cách chế độ sở hữu, và đưa ra hai nội dung “không hề dao động”: “Cần phải củng cố và phát triển chế độ công hữu một cách không hề dao động, cần phải khuyến khích, ủng hộ và dẫn dắt phát triển chế độ kinh tế ngoài công hữu một cách không hề dao động”; chỉ rõ “các chế độ sở hữu kinh tế hoàn toàn có thể phát huy ưu thế của bản

thân mình trong một phần của thị trường, cùng thúc đẩy lẫn nhau, cùng nhau phát triển”, “không thể nhìn nhận hai chế độ sở hữu này là đối lập nhau”, cần phải coi hai chế độ sở hữu này “thống nhất trong tiến trình xây dựng hiện đại hóa xã hội chủ nghĩa”, tức là phải làm cho chế độ công hữu và chế độ kinh tế ngoài công hữu phát huy ưu thế sở hữu của chính nó, cùng phụ thuộc và bổ sung cho nhau; phải làm cho chế độ công hữu và chế độ kinh tế ngoài công hữu cùng cạnh tranh và thúc đẩy lẫn nhau, làm cho hai chế độ cùng tác động với nhau trong cạnh tranh và cùng phát triển; phải làm cho chế độ công hữu và chế độ kinh tế ngoài công hữu cùng thâm thấu và tiếp xúc với nhau.

Báo cáo tại Đại hội Đảng Cộng sản Trung Quốc lần thứ 17 tổ chức vào năm 2007 tiếp tục nêu rõ “kiên trì bình đẳng bảo vệ quyền sở hữu, hình thành các kiểu cạnh tranh bình đẳng trong chế độ sở hữu kinh tế, cùng nhau thúc đẩy mô hình mới”, nhấn mạnh nội dung của chế độ kinh tế xã hội chủ nghĩa cơ bản. Trung Quốc còn xây dựng và hoàn thành pháp quy để thúc đẩy chế độ kinh tế ngoài công hữu phát triển, hoàn thiện chế độ pháp luật bảo vệ tài sản tư nhân. Năm 1999, Đại hội Đại biểu Nhân dân toàn quốc lần thứ 3 sửa đổi hiến pháp đã xác định rõ “kinh tế cá thể, kinh tế tư nhân trong phạm vi quy định của pháp luật, là bộ phận cấu thành quan trọng của kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa”. Năm 2004, Đại hội Đại biểu Nhân dân toàn quốc lần thứ 4 về sửa đổi hiến pháp đã thừa nhận vị trí luật pháp của những tài sản tư hữu hợp pháp. Năm 2005, Quốc vụ viện đưa ra “những ý kiến về việc khuyến khích ủng hộ và dẫn dắt phát triển kinh tế chế độ ngoài công hữu như kinh doanh cá thể v.v..”. Năm 2007, hàng loạt quy định luật pháp có liên quan đến việc tiến hành cải cách chế độ kinh tế công hữu, thúc đẩy phát triển kinh tế chế độ ngoài công hữu như “Luật về quyền sở hữu tài sản”, “Luật về thuế thu nhập của xí nghiệp”, “Luật về phản đối lũng đoạn”, “Luật về hợp đồng lao động” v.v.. lần lượt ra đời.

Tóm lại, đối với những nhận thức trong giai đoạn sơ kỳ của chủ nghĩa xã hội, cuối cùng Trung Quốc đã xác lập chế độ kinh tế cơ bản trong giai đoạn xã hội chủ nghĩa sơ kỳ là: “coi chủ thể là chế độ công hữu, nhiều chế độ sở hữu kinh tế khác cùng nhau phát triển”. Cùng với sự phát triển của thực tiễn, Trung Quốc sẽ còn tiếp tục nhận thức về vấn đề cơ cấu của chế độ sở hữu một cách chuyên sâu hơn, phát triển và làm phong phú thêm lý luận kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa, từ đó dẫn dắt phát triển kinh tế Trung Quốc đi vào thực tiễn.

V. CHẾ ĐỘ PHÂN PHỐI VỪA CÔNG BẰNG VỪA HIỆU QUẢ

Chế độ phân phối là một vấn đề lý luận và vấn đề thực tiễn rất quan trọng. Phân phối không chỉ là khâu quan trọng trong quá trình tái sản xuất xã hội, có vai trò then chốt trong việc liên kết giữa sản xuất và tiêu dùng, mà còn có thể thể hiện mối quan hệ về lợi ích giữa các chủ thể lợi ích kinh tế trong một chế độ xã hội nhất định, đồng thời phản ánh rõ mọi nhân tố quyết định đằng sau mối quan hệ lợi ích này. Chế độ phân phối có hợp lý và hiệu

quả hay không có liên quan trực tiếp đến sự phát triển bền vững, nhanh chóng và lành mạnh của nền kinh tế quốc dân, đến an toàn xã hội và sự ổn định lâu dài của quốc gia.

Trong hơn 20 năm kể từ khi cải tạo xã hội chủ nghĩa hoàn thành vào năm 1956 cho đến khi cải cách mở cửa vào năm 1978, về phương diện chế độ phân phối thu nhập, phân phối theo lao động là phương thức phân phối duy nhất trong thời kỳ này, hình thức cụ thể như sau: Các xí nghiệp thuộc chế độ sở hữu toàn dân, các cơ quan và đơn vị hành chính sự nghiệp cũng như những xí nghiệp tập thể ở thành phố đều thực hiện chế độ tiền lương; còn kinh tế tập thể ở nông thôn thực hiện chế độ phân công. Đặc điểm chủ yếu như sau:

Trước hết, chính phủ đứng ở vị trí chủ đạo tuyệt đối trong chế độ phân phối thu nhập. Các xí nghiệp chế độ sở hữu toàn dân ở thành thị thực hiện chế độ 8 bậc lương, các đơn vị hành chính sự nghiệp như các cơ quan chính phủ và khoa học giáo dục y tế v.v.. thực hiện chế độ lương theo cấp độ. Chính phủ quy định cụ thể tiêu chuẩn lương đối với từng ngành nghề và từng cấp bậc lương. Ở nông thôn, chính phủ quy định nghiêm ngặt nguyên tắc, phương pháp phân phối và tỷ lệ tiêu dùng tích lũy đối với kinh tế tập thể, đội sản xuất là đơn vị kinh doanh tập thể cơ bản nhất (bình quân mỗi đội sản xuất có khoảng 30 hộ nông dân), nông dân tiến hành phân công dựa trên mức độ nhiều ít của lực lượng lao động, mức độ lớn nhỏ trong sức bền của lao động và mức độ mạnh yếu của lực lượng lao động, đồng thời dựa trên phân công để tham gia vào phân phối lao động trong đội sản xuất, hệ số của phân công quyết định bởi tình hình thu nhập của đội sản xuất. Thu nhập thuần của đội sản xuất quyết định bởi số lượng và giá cả của các sản phẩm nông nghiệp, mà giá cả sản phẩm nông nghiệp khi ấy hầu hết đều do nhà nước lên kế hoạch quản lý, vì thế mức độ thu nhập của nông dân còn chịu sự kiểm soát trong kế hoạch giá cả của nhà nước.

Thứ hai, tồn tại một chủ nghĩa bình quân rất nặng nề. Tiêu chuẩn lương và cấp bậc lương trong cùng một ngành nghề, cùng một đơn vị cơ bản đều thống nhất trên cả nước (chỉ có một sự khác biệt rất nhỏ giữa các khu vực). Đồng thời, mức tiền lương của các nhân viên trong xí nghiệp không có liên quan gì với tình trạng kinh doanh tốt hay xấu, hiệu quả kinh tế cao hay thấp của xí nghiệp đó. Giữa các xí nghiệp, chỉ cần cấp bậc lương giống nhau, thì cho dù làm việc ở xí nghiệp có hiệu quả kinh tế cao hay làm việc trong xí nghiệp hiệu quả kinh tế thua lỗ, cũng đều nhận được một số tiền lương như nhau. Trong kinh tế tập thể ở nông thôn, người nông dân sẽ do đội sản xuất phân công công việc rồi lao động tập thể, sau đó dựa vào công của từng nhân khẩu để phân phối những nhu yếu phẩm trong cuộc sống như lương thực v.v., vì vậy ở nông thôn cũng tồn tại khuynh hướng phân phối bình quân rất nặng nề.

Từ khi cải cách mở cửa đến nay, trong lĩnh vực phân phối, Trung Quốc đã tiến hành hàng loạt cải cách. Trọng điểm chính là việc khắc phục khuynh hướng chủ nghĩa bình quân nặng nề tồn tại trong chế độ phân phối thu nhập trước đây, khuyến khích tinh thần

tích cực trong sản xuất của mọi tầng lớp nhân dân. Vào năm 1978, Đặng Tiểu Bình là người đầu tiên đề ra rằng: "Cần cho phép một số nơi, một số ngành nghề, một bộ phận công nhân, nông dân có thu nhập cao hơn, cuộc sống giàu có lên do sự cần mẫn lao động và những thành tích lớn của họ".



Trung Quốc khuyến khích người dân ở mọi nơi có nhiều hơn thu nhập mang tính tài sản.

Thực tiễn trong cải cách chế độ phân phối, chính là việc coi chế độ khoán trách nhiệm sản xuất đến từng hộ gia đình được thực hiện phổ biến ở nông thôn vào những năm đầu thập niên 80 của thế kỷ XX là bước đột phá. Chế độ khoán trách nhiệm sản xuất đến từng hộ gia đình đã phân chia rõ quan hệ trong quyền lợi, trách nhiệm và lợi ích giữa nhà nước, tập thể và cá nhân, đã gắn liền thu nhập của nông dân với thành quả lao động của họ một cách hiệu quả nhất. Sự thành công trong cuộc cải cách chế độ phân phối ở nông thôn đã có ảnh hưởng vô

cùng sâu sắc đối với việc cải cách chế độ phân phối ở Trung Quốc sau này.

Đại hội Đảng Cộng sản Trung Quốc lần thứ 3 khóa 17 vào năm 1984 đã nêu rõ, tiền lương của các nhân viên trong xí nghiệp sẽ do các xí nghiệp đó tự quyết định dựa trên tình hình kinh doanh của mình, nhà nước chỉ thu thuế đối với tiền thưởng vượt quá hạn ngạch. Trong nội bộ xí nghiệp, cần phải mở rộng khoảng cách đối với lương, mở rộng cấp bậc, để thể hiện cho thấy rằng nếu chăm chỉ thì được thưởng, nếu lười biếng thì bị phạt, nếu làm giỏi thì được thưởng, nếu làm kém thì bị phạt, thể hiện cho thấy rằng nếu làm nhiều thì hưởng nhiều, nếu làm ít thì hưởng ít; thể hiện rõ ràng sự khác biệt trong thu nhập giữa lao động trí óc và lao động chân tay, lao động phức tạp và lao động đơn giản, lao động lành nghề và lao động chưa lành nghề, lao động nặng nhọc và lao động nhẹ nhàng v.v.. Đồng thời, cần phải thay đổi tình hình thu nhập thấp đối với lao động trí óc.

Tháng 1 năm 1985, Quốc vụ viện gửi "Thông báo về vấn đề cải cách tiền lương tại các xí nghiệp quốc doanh", quyết định bắt đầu từ năm 1985, tại các xí nghiệp quốc doanh lớn và vừa áp dụng biện pháp trả lương cho nhân viên dao động tùy theo tỷ lệ của hiệu quả kinh tế. Cùng với những nhận thức ngày càng sâu sắc hơn đối với giai đoạn xã hội chủ nghĩa sơ kỳ, Đại hội Đảng Cộng sản Trung Quốc lần thứ 13 đã chủ trương phân phối thu nhập coi phân phối lao động là

chính yếu, các hình thức phân phối khác là phụ, trong đó bao gồm thu nhập phi lao động hợp pháp; chính sách phân phối vừa phải có lợi cho những xí nghiệp có khả năng kinh doanh và những người lao động thật sự, giúp họ giàu lên, tạo khoảng cách trong thu nhập một cách hợp lý, vừa phải ngăn chặn chênh lệch giàu nghèo, kiên trì phương hướng cùng nhau làm giàu, thể hiện công bằng xã hội với tiền đề là thúc đẩy nâng cao hiệu quả kinh tế.

Năm 1992, Đại hội Đảng Cộng sản Trung Quốc lần thứ 14 nêu rõ, việc xây dựng chế độ kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa làm cho cuộc cải cách chế độ phân phối bước vào một đường lối đúng đắn, đó là vừa phù hợp với quy luật kinh tế vĩ mô, vừa thích hợp với tình hình quốc nội của Trung Quốc. Đại hội lần này cũng đề ra: Trong chế độ phân phối, coi chế độ phân phối theo lao động là chủ yếu, các phương thức phân phối khác là phụ, phải chú ý đến cả hiệu quả và vấn đề công bằng. Tiếp theo, trong báo cáo tại Đại hội Đảng Cộng sản Trung Quốc lần thứ 15 nêu rõ, cho phép và khuyến khích những nhân tố sản xuất như tư bản, kỹ thuật v.v.. tham gia vào phân phối thu nhập. Đồng thời cũng chủ trương cần phải kết hợp phương thức phân phối theo lao động và phân phối theo yếu tố sản xuất lại với nhau, từ đó xác định rõ vị trí của hình thức phân phối theo yếu tố sản xuất. Ngoài ra còn nhấn mạnh yêu cầu không ngừng hoàn thiện cơ cấu phân phối, vừa phải kiên trì ưu tiên hiệu quả, thúc đẩy kinh tế phát triển, vừa phải chú ý đến vấn đề công bằng, thúc đẩy ổn định xã hội.

Năm 2002, Đại hội Đảng Cộng sản Trung Quốc lần thứ 16 dựa trên lý luận phân phối, đưa ra giới hạn rõ ràng đối với việc phân phối dựa trên yếu tố sản xuất và nêu ra ý kiến làm thế nào để quán triệt nguyên tắc “chú trọng hai việc” đó là “ưu tiên hiệu quả, chú ý công bằng”. Thứ nhất là đã xác định rõ lao động, tư bản, kỹ thuật và quản lý là những yếu tố sản xuất cơ bản, bên cạnh đó, cũng không phủ nhận vai trò tích cực của những yếu tố sản xuất như tri thức, tài nguyên, thông tin v.v.. trong vấn đề làm giàu; hai là, xác định rõ yếu tố sản xuất phân phối dựa trên mức đóng góp; ba là, đưa ra câu trả lời rõ ràng về mối quan hệ giữa hiệu quả và công bằng, tức là “trong phân phối sơ cấp phải chú trọng hiệu quả, phát huy vai trò thị trường, khuyến khích một số người thông qua thực lực lao động, kinh doanh hợp pháp để dẫn đầu trong việc làm giàu. Trong phân phối thứ cấp phải chú trọng công bằng, tăng cường chức năng điều tiết của chính phủ đối với phân phối thu nhập, điều chỉnh chênh lệch thu nhập quá lớn.

Tóm lại, chế độ phân phối của Trung Quốc đã trải qua quá trình chuyển đổi như sau: Từ việc phân phối dựa trên lao động trong giai đoạn đầu đã chuyển đổi thành phân phối dựa trên yếu tố sản xuất như hiện nay; từ việc ưu tiên công bằng đã chuyển đổi thành ưu tiên hiệu quả, chú ý công bằng, và cho đến hiện nay là coi trọng cả hiệu quả và công bằng.

VI. THÀNH THỊ VÀ NÔNG THÔN TRONG SỰ PHÁT TRIỂN THỐNG NHẤT TRÙ HOẠCH

Điều chỉnh tốt mối quan hệ giữa thành thị và nông thôn là một vấn đề quan trọng mà Trung Quốc cần phải đối mặt trong tiến trình công nghiệp hóa, đô thị hóa và hiện đại hóa. Xét từ góc độ kinh tế, hàm ý trong mối quan hệ giữa thành thị và nông thôn về cơ bản cũng giống như mối quan hệ giữa công nghiệp và nông nghiệp. Giải quyết tốt mối quan hệ giữa thành thị và nông thôn, nói từ một góc độ ý nghĩa nào đó, tức là xử lý đúng đắn vấn đề trong sự phát triển hài hòa giữa công nghiệp và nông nghiệp.

Sau khi nước Trung Quốc mới được thành lập, cùng với sự phục hồi của kinh tế quốc dân, công nghiệp hóa trở thành một vấn đề quan trọng hàng đầu trong việc xây dựng kinh tế quốc dân. Xoay quanh mục tiêu này, mối quan hệ giữa thành thị và nông thôn cần phải xử lý tốt hai vấn đề: Thứ nhất là làm thế nào để đẩy nhanh phát triển nông nghiệp, để trong điều kiện đất chật người đông, giải quyết được vấn đề cơm no áo ấm cho nông dân Trung Quốc và tích lũy nguồn vốn cho công cuộc công nghiệp hóa; hai là trong chiến lược ưu tiên phát triển công nghiệp nặng, làm thế nào để hài hòa được mối quan hệ giữa thành thị và nông thôn (quan hệ giữa công nghiệp và nông nghiệp), giữ được ổn định xã hội trong điều kiện tiêu dùng thấp, đảm bảo nhanh chóng thực hiện công cuộc công nghiệp hóa của Trung Quốc.

Biện pháp được áp dụng khi ấy là đi theo đường lối hợp tác hóa nông nghiệp, có ba mục tiêu chủ yếu: Một là cải tạo kinh tế tiểu nông lạc hậu, làm cho nông nghiệp có được sự phát triển; Hai là đảm bảo cung cấp những tích lũy cần thiết cho công nghiệp hóa; Ba là giữ vững ổn định xã hội và tránh sự phân hóa lưỡng cấp trong quá trình thực hiện công nghiệp hóa và tích lũy cao.

Nhưng sau khi công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa được hoàn thành với mục tiêu là chế độ công hữu đơn lập và kinh tế kế hoạch, tính ưu việt của kinh tế xã hội chủ nghĩa không hề xuất hiện như những gì mọi người kỳ vọng. Về mối quan hệ giữa thành thị và nông thôn, do vấn đề ấm no vẫn chưa hề được giải quyết, phần thặng dư cung cấp cho công cuộc công nghiệp hóa vô cùng hạn hẹp, nên nhà nước không ngừng tăng cường kiểm soát đối với kinh tế nông thôn, không chỉ có rất nhiều loại hình kinh doanh ở nông thôn không thể phát triển lên được, mà còn hạn chế dân số nông thôn di chuyển lên

thành thị, thậm chí còn phát động dân số thành thị di chuyển ngược về nông thôn (ví dụ trong thời kỳ “cách mạng văn hóa”, các thanh niên trí thức ở thành thị đến nông thôn), tiến trình đô thị hóa vô cùng chậm chạp.

Sau năm 1949, trải qua gần 30 năm phát triển, tuy rằng Trung Quốc đã có rất nhiều tiến bộ trong việc hiện đại hóa nông nghiệp, đặc biệt là trong việc mở rộng kỹ thuật tiên tiến, sử dụng điện, phân bón, thuốc trừ sâu cho đến việc xây dựng thủy lợi đồng ruộng v.v., nhưng do những ảnh hưởng trong 10 năm “đại cách mạng văn hóa” và sự trói buộc của tư tưởng “cánh tả”, nông nghiệp và nông thôn vẫn bị hạn chế trong thể chế kinh tế kế hoạch, nông dân vẫn bị tù túng trong những khu vực nông thôn lạc hậu với sự chia rẽ giữa thành thị và nông thôn.

Trước năm 1978, do chế độ kinh doanh tập thể theo kiểu “chính xã hợp nhất”¹ đã trói buộc tính tích cực của người nông dân, sự tăng trưởng của các sản phẩm nông nghiệp như lương thực luôn luôn không thể đáp ứng được nhu cầu tăng trưởng dân số, cư dân thành thị và nông thôn sống rất khốn đốn, vấn đề ấm no của nhân dân trên cả nước không được giải quyết, có đến 250 nông dân sống trong điều kiện thấp kém hơn so với chuẩn nghèo. Còn ở thành thị, vấn đề việc làm cũng ngày càng nghiêm trọng, chính sách lớp lớp thanh niên trí thức ở thành thị đổ về nông thôn đã gây ra thái độ bất mãn của cư dân thành thị, đặc biệt là giới trẻ, không những không thể tiếp tục mà còn trở thành vấn đề nguy hiểm đối với sự ổn định xã hội. Mối quan hệ giữa thành thị và nông thôn đối diện với một bước ngoặt quan trọng.

Trước khi cải cách mở cửa, sự ủng hộ của nông dân và nông thôn đối với công nghiệp hóa và đô thị hóa chủ yếu là thông qua việc cung cấp thuế nông nghiệp và các sản phẩm nông nghiệp giá rẻ (thông qua độc quyền mua và bán cũng như chuyển động hình kéo). Nói cách khác, tức là nông thôn thông qua việc cung cấp thặng dư nông nghiệp cho thành thị để tích lũy nguồn vốn và giảm



Trung Quốc đã bước vào một giai đoạn mới, giai đoạn “công nghiệp hỗ trợ cho nông nghiệp”. Ảnh chụp vào ngày 29 tháng 4 năm 2008, nông dân ở huyện Lễ tỉnh Cam Túc đang khoe những “lợi ích” do chính sách nông thôn mới mang lại cho ông.

¹ Tức là thể chế công xã nhân dân ở nông thôn Trung Quốc, vừa là tổ chức chính quyền cơ sở, vừa là tổ chức kinh tế tập thể.

giá thành cho cuộc công nghiệp hóa. Đồng thời, còn hạn chế tình trạng nông dân di chuyển lên thành phố để giảm nhẹ áp lực cho thành phố và duy trì trật tự xã hội. Đương nhiên, cũng có một bộ phận nông dân chuyển lên thành phố thông qua các hình thức như đi học, nhập ngũ, đi làm có kế hoạch, thế nhưng số người di chuyển theo dạng này rất hạn chế.

Sau khi cải cách mở cửa, hình thức ủng hộ của nông dân và nông thôn đối với công cuộc công nghiệp hóa và đô thị hóa có sự thay đổi rất lớn. Cùng với việc xóa bỏ hoàn toàn chế độ “độc quyền mua bán” đối với các sản phẩm nông nghiệp và xu thế thị trường hóa hàng nông sản, tỷ lệ thông qua thặng dư nông nghiệp để ủng hộ một cách trực tiếp hay gián tiếp cho công cuộc công nghiệp hóa, đô thị hóa ngày càng thấp đi, nhưng việc ủng hộ công cuộc công nghiệp hóa bằng cách nông dân cung cấp lực lượng lao động rẻ và tài nguyên nông thôn (tiền bạc và đất đai v.v..) lại ngày càng trở thành phương thức chủ yếu.

Thứ nhất, lực lượng lao động lớn với giá rất rẻ mà nông dân cung cấp, đã cung cấp một nguồn nhân lực dồi dào giá rẻ cho sự phát triển kinh tế từ khi cải cách mở cửa đến nay, góp phần rất lớn cho việc hạ giá thành của công cuộc công nghiệp hóa và tốc độ tích lũy nguồn vốn của xí nghiệp, đặc biệt là đã cung cấp sự tích lũy nguồn vốn rất nhanh chóng cho sự phát triển của các xí nghiệp xuất khẩu và các xí nghiệp tập trung nhiều lao động.

Thứ hai, từ khi cải cách mở cửa đến nay, người nông dân không chỉ cung cấp tài nguyên đất đai giá rẻ cho việc phát triển thành thị, khu vực khai phá kinh tế cũng như số lượng lớn các công trình cơ sở hạ tầng như giao thông v.v., mà nhiều thành phố còn thông qua việc mua lại đất của nông dân và chuyển nhượng quyền sử dụng, có được một lượng đất đai lớn để thu nguồn vốn, bổ sung vào nguồn vốn thiếu thốn cho sự phát triển thành thị, cách làm này được gọi là cách phát triển thành phố theo kiểu “kinh doanh”.

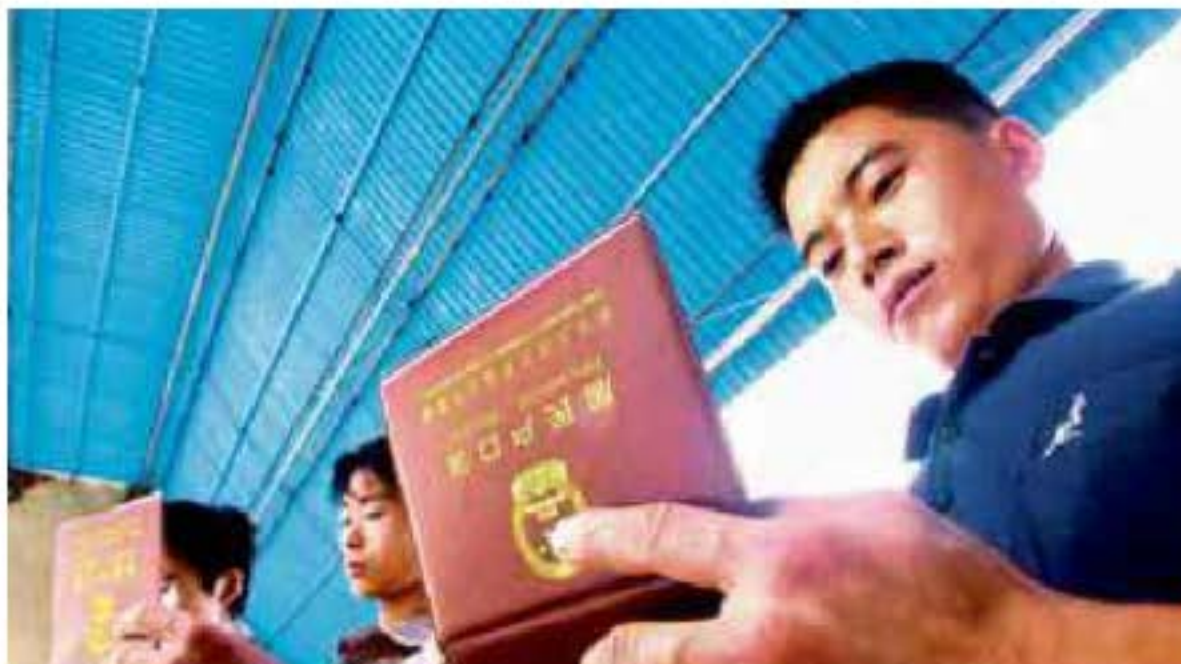
Thứ ba, nông dân thông qua hình thức dùng các xí nghiệp hương trấn để thúc đẩy các thị trấn nhỏ phát triển và trực tiếp đầu tư cho thành phố, trực tiếp chuyển lên cho thành phố một lượng vốn nông thôn rất lớn.

Ba cách ủng hộ mới của nông thôn đối với công nghiệp và thành thị nói trên, là động lực chủ yếu đối với sự phát triển nhanh

chóng của kinh tế Trung Quốc, đặc biệt là đối với sự phát triển vượt bậc của mậu dịch đối ngoại, cũng là một nguyên nhân quan trọng đối với sự mở rộng nhanh chóng trong quy mô không gian của thành phố.

Ngoài ra, sau năm 1978, sự tăng trưởng nhanh chóng trong việc cung cấp hàng nông sản, không chỉ là tiền đề cho sự “dị quân đột khởi” (sự nổi lên đột ngột của một nhóm mới hoàn toàn khác biệt) của các xí nghiệp hương trấn, mà sau khi nhà nước tiến hành cải cách thị trường và xóa bỏ chế độ trợ cấp lương thực đối với cư dân thành phố, việc nông dân cung cấp hàng nông sản còn đảm bảo cho cư dân thành thị có hàng nông sản giá thấp và giữ được sự ổn định giá cả trong đời sống tiêu dùng, đóng góp rất lớn cho cuộc cải cách và phát triển.

Kể từ khi cải cách mở cửa đến nay, việc thay đổi mối quan hệ giữa nông thôn và thành thị đã thúc đẩy cả nền kinh tế quốc dân nhanh chóng phát triển, mức độ đô thị hóa được nâng cao và về cơ bản đã đạt được xã hội ấm no hạnh phúc trên cả nước; đồng thời cũng làm cho sự chênh lệch trong phát triển giữa thành thị và nông thôn, cũng như sự chênh lệch trong thu nhập của cư dân thành thị và nông thôn sau khi đã được thu nhỏ lại trong một khoảng thời gian ngắn ngủi vào trước thập niên 80 thế kỷ XX, nay lại bắt đầu lớn lên về khoảng cách. Trong thu nhập của cư dân thành thị, nếu như tính cả những phúc lợi ở dạng ẩn cũng như những ưu đãi vào đó, thì mức chênh lệch trong thu nhập của cư dân thành thị và cư dân nông thôn có thể lên đến 6/1. Rõ ràng, mức lớn lên của sự chênh lệch này không hề phù hợp với mục tiêu cùng nhau làm giàu.



Cải cách chế độ hộ tịch đã giúp cho nhiều người dân nông thôn trở thành cư dân thành thị.

Cùng với sự phát triển lớn mạnh của kinh tế Trung Quốc, nhà nước đã có khả năng để thay đổi mối quan hệ giữa thành thị và nông thôn: đó là nông nghiệp ủng hộ công nghiệp, nông thôn ủng hộ thành phố, chuyển đổi thành mối quan hệ giữa thành thị và nông thôn kiểu mới, đó là công nghiệp hỗ trợ nông nghiệp, thành phố lôi kéo nông thôn cùng phát triển.

Năm 2002, Đại hội Đảng Cộng sản Trung Quốc lần thứ 16 đã đưa nhận thức về mối quan hệ giữa thành thị và nông thôn lên một tầm cao mới. Đại hội nêu rõ, giải quyết vấn đề “tam nông” cần thống nhất trừ bị phát triển kinh tế xã hội thành thị nông thôn, chọn ra những hạn chế trong cách làm truyền thống trước đây, đó là nông nghiệp lo cho nông nghiệp, nông thôn lo cho nông thôn, nông dân lo cho nông dân, đặt việc giải quyết vấn đề “tam nông” vào toàn cục phát triển kinh tế xã hội và vị trí hàng đầu để cân nhắc.

Tháng 3 năm 2004, trong phiên họp thứ 3 Đại hội Đại biểu Nhân dân toàn quốc khóa 10, Thủ tướng Ôn Gia Bảo đã đưa ra kế hoạch từng bước miễn giảm thuế nông nghiệp trong vòng 5 năm, đồng thời tăng cường chi phí tài chính đối với các cơ sở giáo dục ở nông thôn. Trong Hội nghị Công tác Kinh tế Trung ương mở vào tháng 12 cùng năm, Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Trung Quốc Hồ Cẩm Đào đã nhấn mạnh: “Về tổng thể, hiện nay Trung Quốc đã bước vào giai đoạn phát triển công nghiệp thúc đẩy nông nghiệp, thành phố lôi kéo nông thôn. Chúng ta nên theo xu hướng này, tăng cường tự giác điều chỉnh mô hình phân phối thu nhập quốc dân, ủng hộ phát triển ‘tam nông’ một cách tích cực hơn nữa”.

Theo những nhận thức mới đối với mối quan hệ công nghiệp và nông nghiệp, mối quan hệ giữa thành thị và nông thôn, năm 2005 chính phủ Trung Quốc đã tiến hành những điều chỉnh lớn đối với mối quan hệ giữa thành thị và nông thôn, thực hiện một bước ngoặt mang tính lịch sử. Vào tháng 3 năm 2005, Thủ tướng Ôn Gia Bảo tiếp tục đề ra ý tưởng công nghiệp và thành thị phải “hỗ trợ ngược lại” cho nông nghiệp và nông thôn. Trong buổi họp báo tiến hành vào ngày 14 tháng 3 năm 2005, ông tuyên bố: “Chúng ta đã bắt đầu bước vào giai đoạn thứ hai”, “Giai đoạn thứ hai, tức là giai đoạn thực hiện phương châm thành phố ủng hộ nông thôn, công nghiệp hỗ trợ cho nông nghiệp, tiến hành ‘cho phép nhiều hơn, lấy đi ít hơn, nới lỏng kiểm soát hơn’ với nông dân”. Trong 5 năm từ năm 2003 đến năm 2007, chi phí dùng cho “tam nông” của tài chính nhà nước lên đến mức 1.600 tỷ nhân dân tệ, gấp 11 lần so với thời gian 29 năm trước khi cải cách (từ năm 1950 đến năm 1978), gấp 2,3 lần trong khoảng thời gian 24 năm (từ năm 1979 đến năm 2002). Năm 2008, tài chính trung ương đầu tư cho “tam nông” lên đến 595,5 tỷ nhân dân tệ, tăng lên 163,7 tỷ nhân dân tệ, tăng 37,9% so với năm trước đó, trong đó trợ cấp trực tiếp về lương thực, trợ cấp tổng hợp cho vốn nông nghiệp, trợ cấp giống lương thực và trợ cấp mua máy móc nông nghiệp lên đến 103 tỷ nhân dân tệ, tăng gấp 2 lần so với năm trước đó; ba lần nâng đáng kể đối với giá mua tối thiểu của lương thực, mức nâng giá vượt quá 20%. Năm 2009, để giảm bớt những ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tiền tệ thế giới

đối với thu nhập của nông dân và kinh tế nông thôn Trung Quốc, tài chính trung ương lên kế hoạch đầu tư vào “tam nông” 716,1 tỷ nhân dân tệ, tăng lên 120,6 tỷ nhân dân tệ so với năm 2008, mức độ gia tăng lên đến 20,25%.

Với tiêu chí công nghiệp hỗ trợ nông nghiệp, thành phố ủng hộ nông thôn, xây dựng nông thôn xã hội chủ nghĩa kiểu mới do quốc gia phát động trên cả nước, mối quan hệ giữa công nghiệp và nông nghiệp cũng như mối quan hệ giữa thành thị và nông thôn bước vào một giai đoạn lịch sử mới. Nhưng cũng cần nhìn thấy rằng, con đường công nghiệp hóa, đô thị hóa và hiện đại hóa nông nghiệp của Trung Quốc vẫn còn rất dài, những bó buộc về nguồn vốn và môi trường sẽ còn căng thẳng hơn 30 năm trước đây. Thế nhưng, Trung Quốc vẫn sẽ kiên trì thông qua việc chính phủ thay đổi quan niệm, chuyển dịch chi trả tài chính và phát triển kinh tế để thống nhất trừ hoạch phát triển thành thị và nông thôn.

VII. QUAN HỆ KINH TẾ ĐỐI NGOẠI BÌNH ĐẲNG CÙNG CÓ LỢI

Cải cách đối nội và mở cửa đối ngoại là hai bánh xe thúc đẩy phát triển kinh tế Trung Quốc, chúng có mối quan hệ đẳng lập với nhau. Không có cải cách mở cửa, sẽ không có diện mạo phát triển kinh tế của Trung Quốc ngày hôm nay. Trước đây, Trung Quốc đã từng tìm sự sống còn của mình trong môi trường phong tỏa kinh tế đối với bên ngoài; ngày nay, Trung Quốc đã liên kết chặt chẽ với thế giới.

Trong thời kỳ đầu cải cách mở cửa, mậu dịch đối ngoại được coi là biện pháp bổ sung để chủ nghĩa xã hội mở rộng tái sản xuất, giới hạn ở việc trao đổi giữa không và có, điều tiết giữa thiếu và thừa, bên cạnh đó vẫn thực hiện quản lý kế hoạch mang tính chỉ thị ở mức độ tập trung cao, do công ty mậu dịch quốc doanh tập trung thống nhất kinh doanh, mậu dịch đối ngoại không bao giờ có thể phù hợp với nhu cầu phát triển của kinh tế.

Sau khi cải cách mở cửa, Trung Quốc thông qua việc tăng cường xây dựng các cửa khẩu mậu dịch đối ngoại và nới lỏng quyền kinh doanh mậu dịch đối ngoại, thay đổi thể chế quản lý kinh doanh mậu dịch đối ngoại tập trung cao độ trước đây; việc thực hiện các chính sách giảm thuế xuất khẩu đã thúc đẩy đắc lực cho xuất khẩu; thông qua việc vận dụng các biện pháp kinh tế như giá cả, tỷ giá hối đoái, tỷ lệ lãi suất, giảm thuế, cho vay xuất khẩu v.v.. để điều chỉnh và kiểm soát mậu dịch đối ngoại. Đồng thời với việc lựa chọn chiến lược xây dựng đặc khu kinh tế và mở cửa khu vực duyên hải, Trung Quốc mở cửa đối ngoại và phát triển kinh tế định hướng xuất khẩu và đã mang lại những bước đột phá lớn. Trong danh sách các nước xuất khẩu trên thế giới, xuất khẩu của Trung Quốc đã từ vị trí thứ 26 vào năm 1980 nhảy lên vị trí thứ 14 vào năm 1989.

Để thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, năm 1979 Trung Quốc ban bố "Luật doanh nghiệp hợp tác kinh doanh trong và ngoài nước của Nước Cộng hòa Nhân dân



Ngày càng có nhiều công ty nước ngoài có mối liên hệ chặt chẽ với kinh tế Trung Quốc.

Trung Hoa", năm 1980 lại tiếp tục phê chuẩn cho 3 nhà đầu tư nước ngoài đầu tiên. Năm 1986, Quốc vụ viện ban bố "Quy định về khuyến khích đầu tư nước ngoài". Kể từ đó, Trung Quốc lần lượt thực hiện một số chính sách đặc biệt đối với những đặc khu kinh tế, mở các thành phố ven biển và trong khu vực kinh tế mở vùng duyên hải để thu hút đầu tư nước ngoài, mở rộng quyền thẩm định của chính quyền địa phương đối với đầu tư nước ngoài, phát huy tính tích cực của các khu vực trong việc tận dụng đầu tư nước ngoài, cải thiện môi trường đầu tư, thúc đẩy phát triển thu hút đầu tư nước ngoài.

Vào thập niên 90 thế kỷ XX, Trung Quốc lập ra chế độ thả nổi tỷ giá một cách có quản lý, thực hiện chế độ ngân hàng kết hối, xóa bỏ tình trạng găm giữ ngoại tệ, hủy bỏ kế hoạch mang tính chỉ thị đối với xuất nhập khẩu, tiến hành mời thầu công khai đối với một số hạn ngạch hàng xuất khẩu; từng bước nới lỏng quyền kinh doanh trong ngoại thương, tiến hành chuyển đổi chế độ thẩm định đối với quyền kinh doanh ngoại thương sang chế độ đăng ký; tích cực thúc đẩy các công ty thương mại chuyển đổi cơ chế kinh doanh tiến hành chế độ

cổ phần thí điểm; hoàn thiện chính sách miễn giảm thuế xuất khẩu, vận dụng các biện pháp thông hành quốc tế như cho vay xuất khẩu, bảo hiểm tín dụng xuất khẩu v.v.. để ủng hộ phát triển ngoại thương.

Bên cạnh đó, mô hình mở cửa đối ngoại đa phương diện, nhiều tầng lớp, nhiều lĩnh vực đã dần dần được hình thành. Năm 1990, trung ương quyết định mở cửa phát triển khu phố Đông Thượng Hải. Năm 1992, các khu vực được mở cửa đối ngoại tiếp tục được mở rộng, 6 thành phố cảng gần sông như Trùng Khánh, Vũ Hán, Cửu Giang v.v., 13 thành phố biên giới lục địa như Mãn Châu Lý v.v.. và tất cả các tỉnh thành lục địa đều được mở cửa, đồng thời thực hiện các chính sách kinh tế khu vực để khuyến khích đầu tư ngoại thương một cách linh hoạt. Mấy năm sau, lại tiếp tục mở cửa hàng loạt các huyện thị có điều kiện phù hợp.

Vào thập niên 90 thế kỷ XX, căn cứ vào những thay đổi của tình hình trong và ngoài nước, chính phủ Trung Quốc lần lượt đưa ra chiến lược “thăng lợi từ chất lượng”, chiến lược “đa nguyên hóa thị trường”, chiến lược “thương mại lớn”, chiến lược “dùng khoa học kỹ thuật để chấn hưng mậu dịch thương mại”, ngoại thương mậu dịch của Trung Quốc đã thực hiện được bước nhảy vọt lần thứ hai. Trong khoảng thời gian từ năm 1990 đến năm 1999, tăng trưởng bình quân năm của xuất khẩu là 14%, năm 1999, xuất khẩu của Trung Quốc đã nhảy lên đứng ở vị trí thứ 9 trên toàn thế giới.

Năm 1999, dựa trên những thay đổi của tình hình phát triển cả trong và ngoài nước, chính phủ Trung Quốc đã từ việc tập trung cao độ vào các chiến lược và sự phát triển toàn diện của quốc gia, đề ra chiến lược “đi ra ngoài” một cách rõ ràng cụ thể. Yêu cầu các khu vực, các ban ngành cùng nhau cố gắng, nhanh chóng xây dựng hệ thống thúc đẩy, hệ thống đảm bảo, hệ thống giám sát quản lý và hệ thống dịch vụ đối với chiến lược “đi ra ngoài”, dốc sức phát triển đầu tư nước ngoài mở xưởng chế biến và lắp ráp, đầu tư nước ngoài phát triển nguồn vốn, thầu các công trình đối ngoại và hợp tác lao động v.v..

Năm 2001, với tiêu chí gia nhập tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), mở cửa đối ngoại của Trung Quốc bước vào một giai đoạn mới: Từ việc mở cửa một cách hữu hạn đối với phạm vi, lĩnh vực và trong khu vực đã chuyển sang mở cửa một cách đa phương diện, nhiều tầng lớp và nhiều lĩnh vực; từ việc mở cửa thí điểm mang tính chính sách đã chuyển sang mở cửa mang tính chế độ trong khuôn

khổ pháp luật; từ việc tự mở cửa thị trường một cách đơn lập đã chuyển sang mở cửa thị trường hai bên giữa Trung Quốc với các nước thành viên của Tổ chức Thương mại Thế giới; từ việc mở cửa và chấp nhận những nguyên tắc mậu dịch quốc tế một cách bị động đã chuyển sang mở cửa và chủ động tham gia để lập ra những nguyên tắc mậu dịch quốc tế; từ việc mở cửa và chỉ có thể dựa vào cơ chế trao đổi hai bên để điều chỉnh mối quan hệ mậu dịch đã chuyển sang mở cửa và có thể dựa vào cơ chế kết hợp trao đổi đa phương và cùng nhau thúc đẩy mậu dịch.

Gia nhập WTO đã mở ra cho Trung Quốc một lối đi mới để tham gia vào toàn cầu hóa kinh tế, mở ra một không gian mới cho việc phát triển kinh tế quốc dân và phát triển xã hội. Từ khi gia nhập WTO đến nay, theo như thỏa thuận, Trung Quốc đã mở cửa rất nhiều lĩnh vực dịch vụ trong nước như tài chính, điện tín, kiến trúc, phân phối, pháp luật, du lịch, giao thông v.v.. Đồng thời lập ra, sửa chữa cũng như xóa bỏ hơn 3.000 điều khoản pháp luật, chính sách pháp quy và những quy tắc trong ban ngành, tăng cường bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, môi trường đầu tư từng bước được hoàn thiện, quy mô tận dụng đầu tư nước ngoài ngày càng được mở rộng, 15 năm liên tiếp đứng đầu trong danh sách các nước đang phát triển, tận dụng đầu tư nước ngoài thực tế bình quân mỗi năm đạt gần 59 tỷ đô la. Trong khoảng thời gian từ năm 2000 đến năm 2007, mậu dịch đối ngoại đã thực hiện được mức tăng trưởng nhanh chóng, bình quân mỗi năm đạt 24,3%, năm 2008, tổng ngạch mậu dịch đối ngoại của Trung Quốc đã đạt mức 2561,1 tỷ đô, trở thành nước lớn thứ ba trên thế giới về mậu dịch đối ngoại. Trung Quốc đã liên thông với cả thế giới.

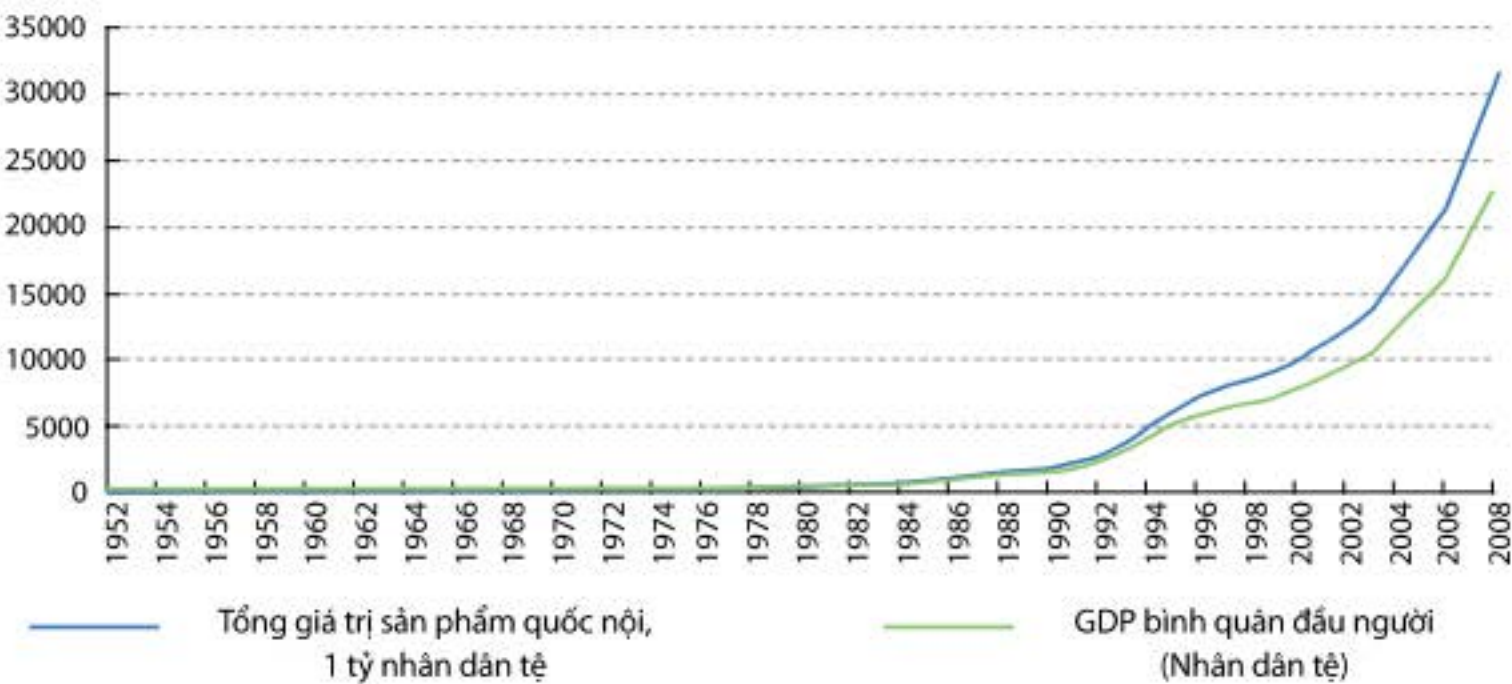
TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN VÀ NHỮNG THÀNH TỰU CỦA KINH TẾ TRUNG QUỐC

Sáu mươi năm kể từ khi nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa thành lập đến nay, là quá trình nghiên cứu không ngừng của Chính phủ và nhân dân Trung Quốc để dần dần tìm ra một con đường phát triển phù hợp với bản sắc Trung Quốc. Cho đến nay, những thành tựu mà Trung Quốc đạt được trong phát triển kinh tế là rất lớn. Điều đó được thể hiện cụ thể trong sự tăng trưởng liên tục của kinh tế tổng hợp; sự gia tăng không ngừng của sản lượng bình quân đầu người, sự cải thiện không ngừng trong trình độ giáo dục, y tế; tổ chức của dân số được nâng cao, mức độ đô thị hóa không ngừng phát triển và đời sống nhân dân ngày càng được cải thiện.



I. KINH TẾ QUỐC DÂN TĂNG TRƯỞNG NHANH CHÓNG

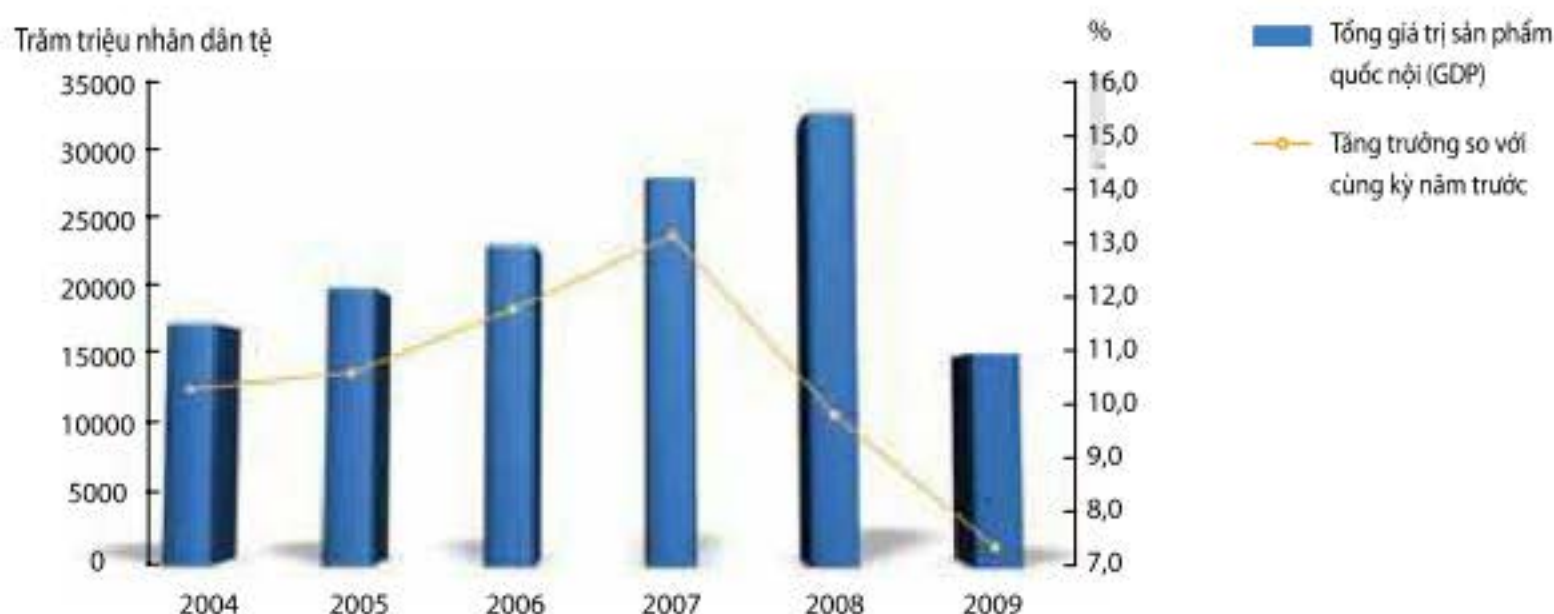
Theo kết quả điều tra kinh tế toàn quốc lần thứ hai được Cục Thống kê Quốc gia Trung Quốc công bố vào ngày 25 tháng 12 năm 2009, GDP của Trung Quốc đã từ 67,9 tỷ nhân dân tệ vào năm 1952 tăng lên thành 31.405,5 tỷ nhân dân tệ vào năm 2008, vượt qua cột mốc lớn là 30 ngàn tỷ nhân dân tệ, tăng 9,6% so với năm 2007; GDP bình quân đầu người cũng từ 118 nhân dân tệ vào năm 1952 tăng lên 22.689 nhân dân tệ vào năm 2008. Bất kể là về kinh tế tổng hợp hay mức GDP bình quân đầu người của Trung Quốc đều được nâng cao rất nhiều trong vòng 60 năm qua (xem Biểu đồ 4-1). Nếu tính theo tỷ giá giữa đồng nhân dân tệ và đồng đô la vào ngày 1 tháng 12 năm 2009 là 6,827 / 1 thì GDP bình quân đầu người của Trung Quốc đã vượt qua cột mốc lớn là 3.000 đô. Năm 2008, Trung Quốc trở thành nền kinh tế lớn thứ 3 trên thế giới (GDP xếp thứ 3 trên thế giới), chỉ sau Mỹ và Nhật Bản, và hy vọng sẽ vượt qua Nhật Bản vào năm 2010 để trở thành nền kinh tế lớn thứ 2 trên thế giới.



Nguồn số liệu: Cục Thống kê Quốc gia Trung Quốc: "Niên giám thống kê Trung Quốc" (Các năm tương quan)

Biểu đồ 4-1.
Sự thay đổi trong GDP và GDP bình quân đầu người
của Trung Quốc: 1952 – 2008

Trước khi cải cách mở cửa, tốc độ tăng trưởng GDP của Trung Quốc có nhiều biến động lớn, điều này có liên quan đến mô hình tăng trưởng kinh tế trong thể chế kinh tế kế hoạch của Trung Quốc. Song song với việc đầu tư ở quy mô lớn, có thể dự đoán kinh tế cần phải tiếp tục điều chỉnh. Khoảng thời gian ba năm, từ năm 1959 đến năm 1961, là thời kỳ kinh tế quốc dân vô cùng khó khăn, GDP xuất



Nguồn số liệu: Cục Thống kê Quốc gia Trung Quốc: "Báo cáo thống kê về phát triển xã hội và kinh tế quốc dân của Nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa năm 2008"

Biểu đồ 4-2.

Tổng giá trị sản phẩm quốc nội và tốc độ tăng trưởng từ năm 2004 đến sáu tháng đầu năm 2009

hiện tình trạng tụt dốc mạnh. Trong thời kỳ "đại cách mạng văn hóa" từ năm 1966 đến năm 1976, kinh tế cũng đã từng xuất hiện tình trạng tụt giảm. Sau khi cải cách mở cửa vào năm 1978, sự dao động của kinh tế Trung Quốc giảm bớt, mặc dù chu kỳ kinh tế vẫn còn tồn tại. Tại thời điểm khủng hoảng tài chính tiền tệ ở châu Á vào năm 1998, GDP của Trung Quốc từng rơi vào điểm thấp, sau đó tỷ lệ tăng trưởng dần dần nhích lên. Những năm gần đây, tốc độ tăng trưởng GDP của Trung Quốc luôn giữ ở mức 10% trở lên (xem Biểu đồ 4-2). Chính sự phát triển nhanh chóng này đã đảm bảo cho sự tăng trưởng nhanh chóng và ổn định trong tổng lượng GDP và mức độ GDP bình quân đầu người của Trung Quốc.

Cùng với sự tăng trưởng nhanh chóng của GDP Trung Quốc, tổng sản lượng hàng nông nghiệp và hàng công nghiệp chủ yếu cũng tăng lên rất nhanh. Năm 2008, tổng sản lượng lương thực của Trung Quốc lên đến 528,5 triệu tấn. Tổng sản lượng lương thực cũng như tổng sản lượng trên một đơn vị đều lập kỷ lục mới trong lịch sử, đều đã thực hiện được mức tăng trưởng liên tục trong 5 năm. Số lượng hàng thủy sản và các sản phẩm về sữa cũng lần lượt vượt qua 47 triệu tấn và 36 triệu tấn (xem Bảng 4 -1). Sản lượng lương thực tăng liên tục nhiều năm, ngoài những nhân tố là điều kiện thời tiết thuận lợi cho sản xuất lương thực, cũng còn do những nhân tố là các chính sách ủng hộ của chính phủ. Năm 2008, mức độ ủng hộ của chính phủ trong chính sách tăng cường cho nông

Bảng 4-1.
Sản lượng sản phẩm nông nghiệp chủ yếu của Trung Quốc: 1978 - 2008

Sản lượng sản phẩm nông nghiệp chủ yếu (vạn tấn)	1978	1990	2000	2006	2007	2008
Lương thực	30.476,5	44624,3	46.217,5	49.804,2	50.160,3	52871
Sợi bông	216,7	450,8	441,7	753,3	762,4	749,2
Dầu	521,8	1613,2	2594,8	2640,3	2568,7	2952,8
Mía	2111,6	5762,0	6828,0	9709,2	11295,1	12415,2
Củ cải đường	270,2	1452,5	807,3	750,8	893,1	1004,1
Chè	26,8	54,0	68,3	102,8	116,5	125,8
Hoa quả	657,0	1874,4	6225,1	17102,0	18136,3	19220,2
Các loại thịt			6013,9	7089,0	6865,7	7278,7
Các loại sữa			919,1	3302,5	3633,4	3781,1
Hàng nông sản	465,4	1237,0	3706,2	4583,6	4747,5	4894,9

Nguồn số liệu: Cục Thống kê Quốc gia Trung Quốc: "Niên giám thống kê Trung Quốc: 2008" và "Báo cáo thống kê về phát triển xã hội và kinh tế quốc dân của Nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa năm 2008"

Bảng 4-2.
Sản lượng sản phẩm công nghiệp chủ yếu của Trung Quốc: 1978 - 2008

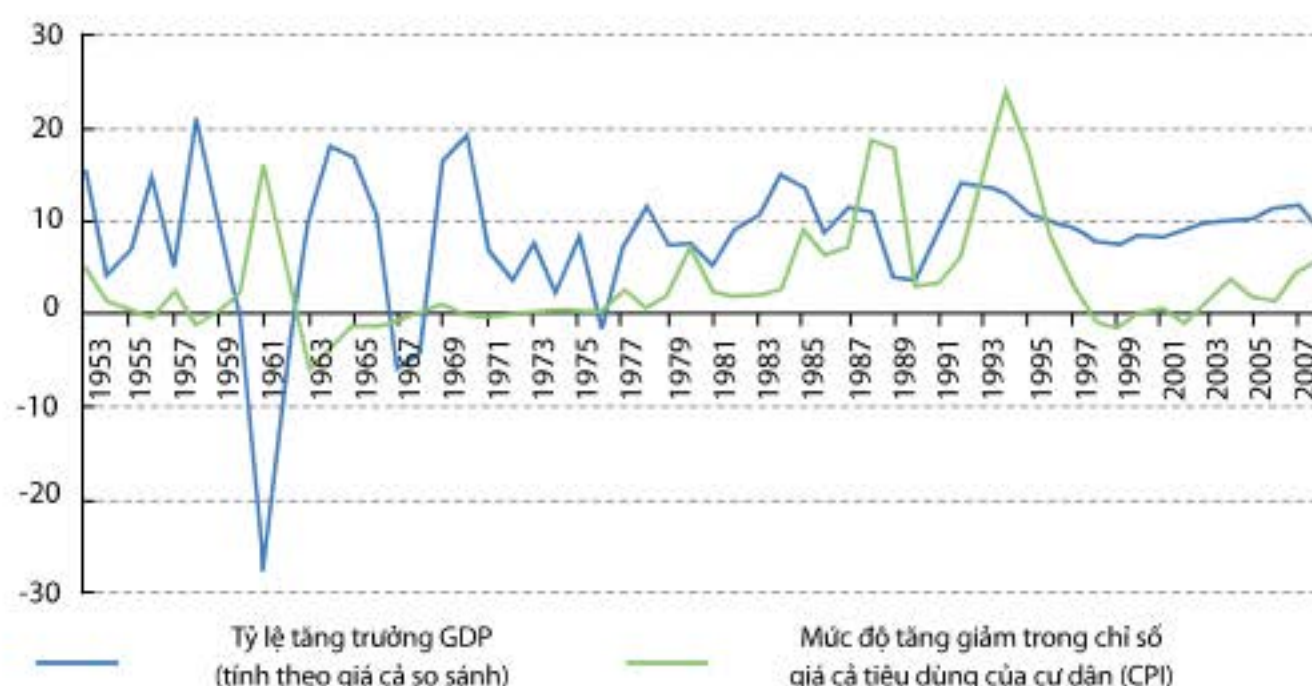
Sản lượng sản phẩm công nghiệp chủ yếu	1978	1990	2000	2006	2007	2008
Vải (trăm triệu mét)	110	189	277	599	675	710
Đường thành phẩm (vạn tấn)	227	582	700	949	1271	1449,5
Tủ lạnh đồ điện gia dụng (vạn chiếc)	2,8	463	1279	3531	4397	4756,9
Máy điều hòa nhiệt độ trong phòng (vạn chiếc)	0,02	24	1827	6849	8014	8230,9
Máy giặt gia dụng (vạn chiếc)	0,04	663	1443	3561	4005	-----
Ti vi màu (vạn chiếc)	0,38	1033	3936	8375	8478	9033,1
Than đá thô (trăm triệu tấn)	6,18	10,80	12,99	23,73	25,26	27,93
Dầu thô (vạn tấn)	10405	13831	16300	18477	18632	19000
Khí thiên nhiên (mét khối)	137,3	153,0	272,0	585,5	692,4	760,8
Lượng phát điện (trăm triệu KW/h)	2566	6212	13556	28657	32816	34668,8
thép thô (vạn tấn)	3178	6635	12850	41915	48929	50091,5
Sắt thép (vạn tấn)	2208	5153	13146	46893	56561	58488,1
Xi măng (vạn tấn)	6524	20971	59700	123676	136117	140000

Nguồn số liệu: Cục Thống kê Quốc gia Trung Quốc: "Niên giám thống kê Trung Quốc: 2008" và "Báo cáo thống kê về phát triển xã hội và kinh tế quốc dân của Nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa năm 2008"

ng nghiệp, ưu đãi cho nông nghiệp càng mạnh mẽ. Sản lượng sản phẩm công nghiệp chủ yếu cũng tăng rất mạnh, năm 2008, sản lượng than thô đạt gần 2,8 tỷ tấn, sản lượng dầu thô cũng đạt mức 190 triệu tấn (xem Bảng 4-2). Rất nhiều sản phẩm công nghiệp của Trung Quốc có sản lượng đứng đầu thế giới.

II. VẬT GIÁ TƯƠNG ĐỐI ỔN ĐỊNH

Cùng với sự tăng trưởng kinh tế, chỉ số giá cả tiêu dùng của cư dân Trung Quốc (CPI) cũng có nhiều biến động. Trước khi cải cách mở cửa vào năm 1978, ngoại trừ thời gian ba năm từ 1959 đến 1961 là thời kỳ khó khăn của kinh tế quốc dân nên có nhiều biến động lớn, những thời kỳ còn lại mức giá tổng thể tương đối ổn định, chỉ số giá cả tiêu dùng (CPI) cũng thay đổi không lớn. Điều này có liên quan đến đặc điểm của thể chế kinh tế kế hoạch. Trong thời kỳ thể chế kinh tế kế hoạch, giá cả không phải do quan hệ cung cầu của thị trường quyết định, mà là do chính phủ quyết định. Sau khi cải cách mở cửa, giá cả xảy ra nhiều biến động cùng với những thay đổi trong quan hệ cung cầu của thị trường. Xuất hiện 4 lần lạm phát khá rõ nét. Lần thứ nhất là đầu thập niên 80 thế kỷ XX, chủ yếu là do thời kỳ đầu cải cách mở cửa, quy mô đầu tư và chi phí tài chính tăng trưởng quá nhanh nên đã dẫn đến lạm phát; lần thứ hai là vào năm 1984 – 1985,

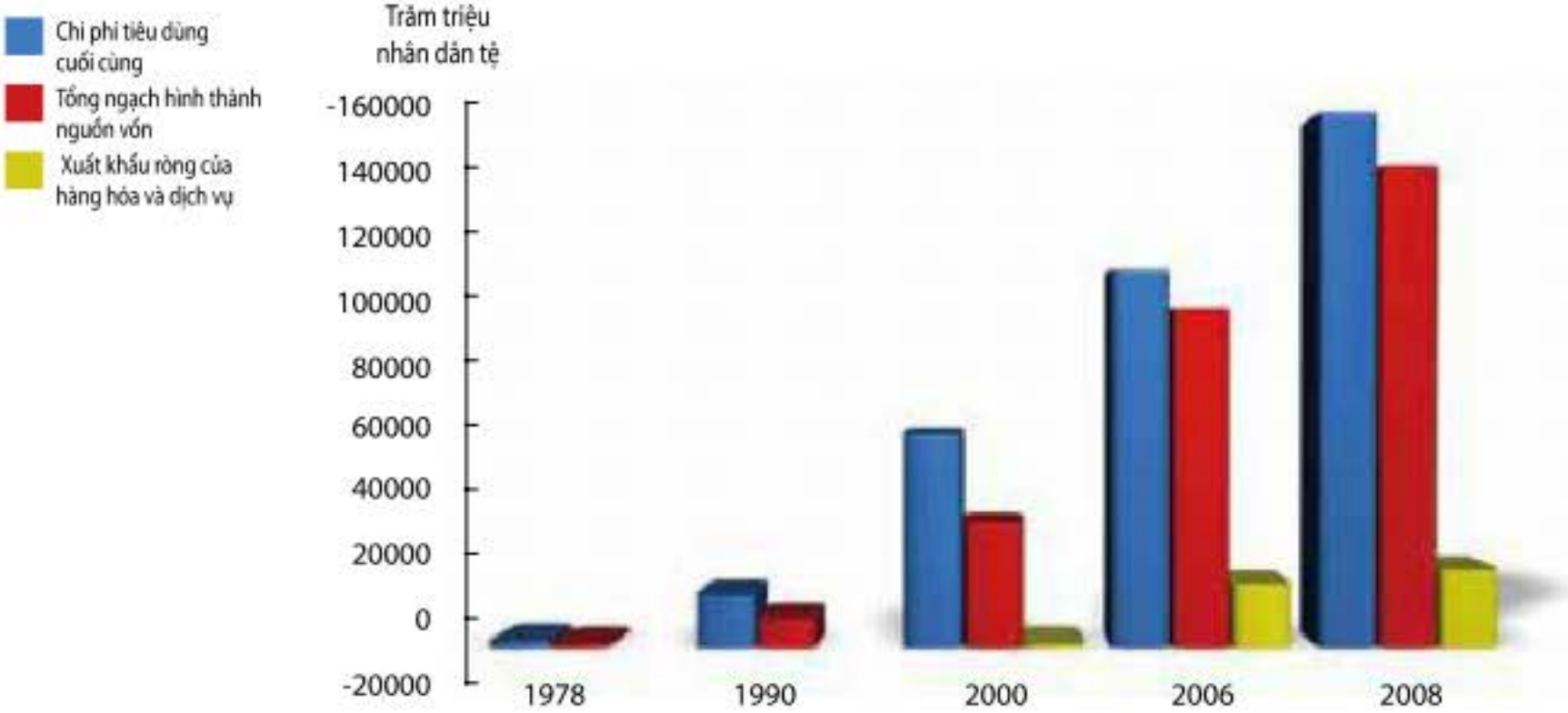


Nguồn số liệu: Cục Thống kê Quốc gia Trung Quốc: "Niên giám thống kê Trung Quốc" (năm tương quan) và "Tóm lược thống kê Trung Quốc: 2009"

Biểu đồ 4-3.

Tỷ lệ tăng trưởng của GDP và những biến động trong CPI của Trung Quốc: 1953 – 2008

thể hiện ở quy mô đầu tư tài sản cố định quá lớn đã dẫn đến tổng nhu cầu xã hội quá nóng, thu nhập từ lương tăng trưởng vượt quá tỷ lệ nâng cao trong lao động sản xuất đã dẫn đến giá thành tăng vọt vì thế đã đẩy giá thành lên, cùng với sự mở rộng nhanh chóng về quy mô xây dựng cơ sở hạ tầng, nhu cầu tiêu dùng xã hội và sự tập trung vào thị trường tín dụng, kinh tế đã xuất hiện tình trạng quá nóng, lạm phát ngày càng nghiêm trọng; lần thứ ba là vào cuối thập niên 80, do khoảng thời gian 1984 – 1985, trung ương áp dụng chính sách thắt chặt, nhưng trong tình hình vẫn chưa hoàn toàn cho thấy được hiệu quả thì đến năm 1986 lại bắt đầu nới lỏng toàn diện, điều đó đã dẫn đến lạm phát nghiêm trọng về lượng nhu cầu. Trong thời gian đó, chỉ số vật giá bán lẻ vào năm 1988 đã tăng vọt và lập kỷ lục cao nhất trong 60 năm kể từ khi nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa được thành lập. Sự leo thang của vật giá và tình trạng đổ xô đi mua hàng đã dẫn đến hàng loạt các vấn đề xã hội; lần thứ 4 là vào khoảng thời gian từ năm 1993 đến năm 1995, xảy ra sau chuyến đi thăm miền Nam của Đặng Tiểu Bình, tốc độ tăng trưởng của kinh tế Trung Quốc bước vào làn xe cao tốc, nguyên nhân chủ yếu là quy mô đầu tư vào tài sản cố định mở rộng quá nhanh và sự hỗn loạn kéo dài trong tiền tệ. Sau 3 năm điều chỉnh, đến năm 1996 Trung Quốc đã thực hiện



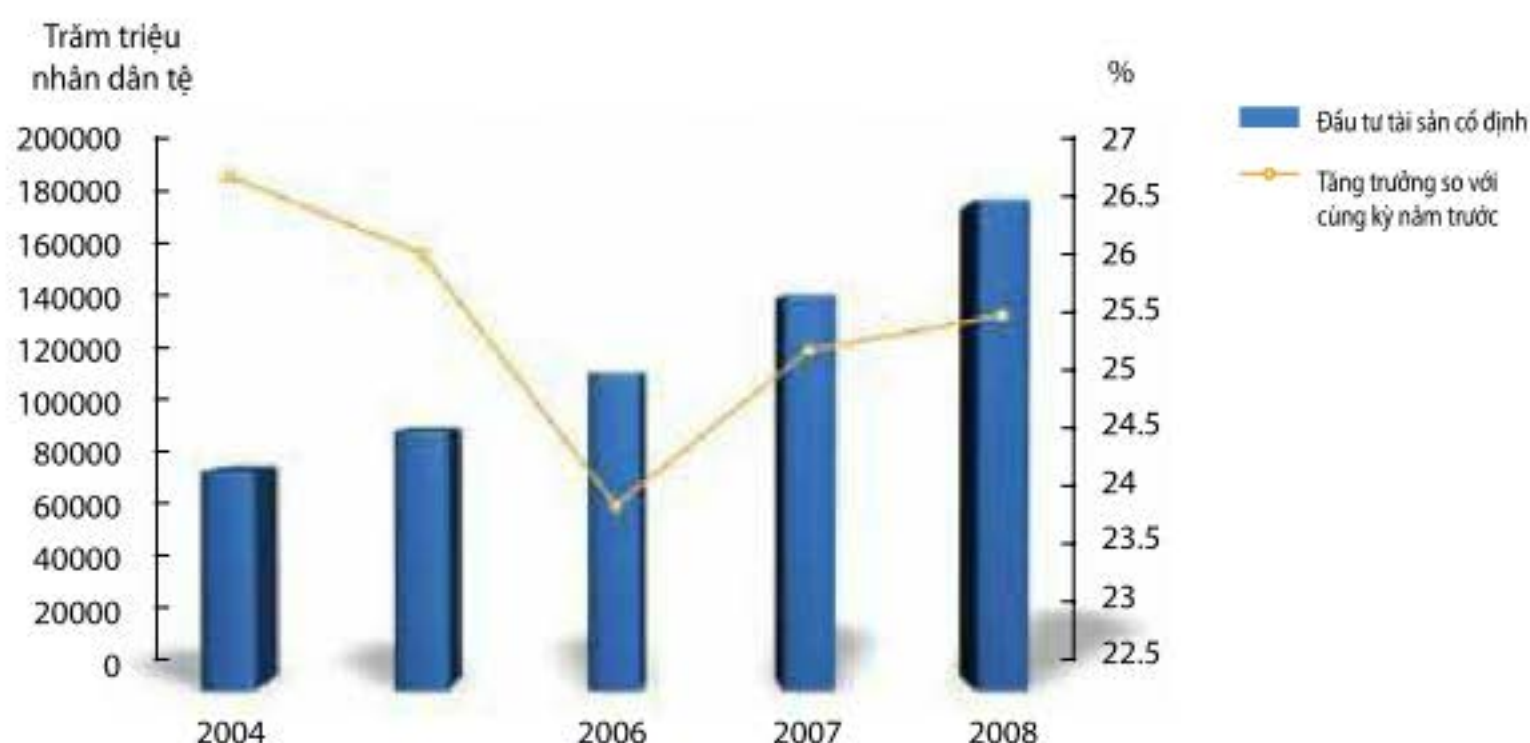
Nguồn số liệu: Cục Thống kê Quốc gia Trung Quốc: "Tóm lược thống kê Trung Quốc: 2009"

Biểu đồ 4-4.

Tiêu dùng, đầu tư và xuất khẩu ròng kéo theo tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc: 1978 – 2008

được cuộc “tiếp đất nhẹ nhàng”. Từ khi bước vào thế kỷ XXI đến nay, cùng với sự vươn lên của kinh tế thế giới, kinh tế Trung Quốc cũng đã xuất hiện xu thế tốt đẹp, đó là tăng trưởng cao và lạm phát thấp (xem Biểu đồ 4-3).

Ba đầu tàu lôi kéo kinh tế Trung Quốc tăng trưởng là đầu tư, tiêu dùng và xuất khẩu ròng. Năm 1978, quy mô của đầu tư và tiêu dùng đều không lớn, còn về mặt xuất khẩu ròng, thậm chí còn thâm hụt 1,14 tỷ đô. Từ khi bước vào thế kỷ XXI đến nay, chi phí tiêu dùng cuối cùng, tổng ngạch hình thành nguồn vốn cũng như xuất khẩu ròng hàng hóa và dịch vụ đều tăng mạnh. Năm 2008, giá trị đạt được ở ba lĩnh vực này lần lượt là 14.911,26 tỷ nhân dân tệ; 13.361,23 tỷ nhân dân tệ; 2.413,49 tỷ nhân dân tệ (xem Biểu đồ 4-4).



Nguồn số liệu: Cục Thống kê Quốc gia Trung Quốc: “Báo cáo thống kê về phát triển xã hội và kinh tế quốc dân của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa năm 2008”

Biểu đồ 4-5.

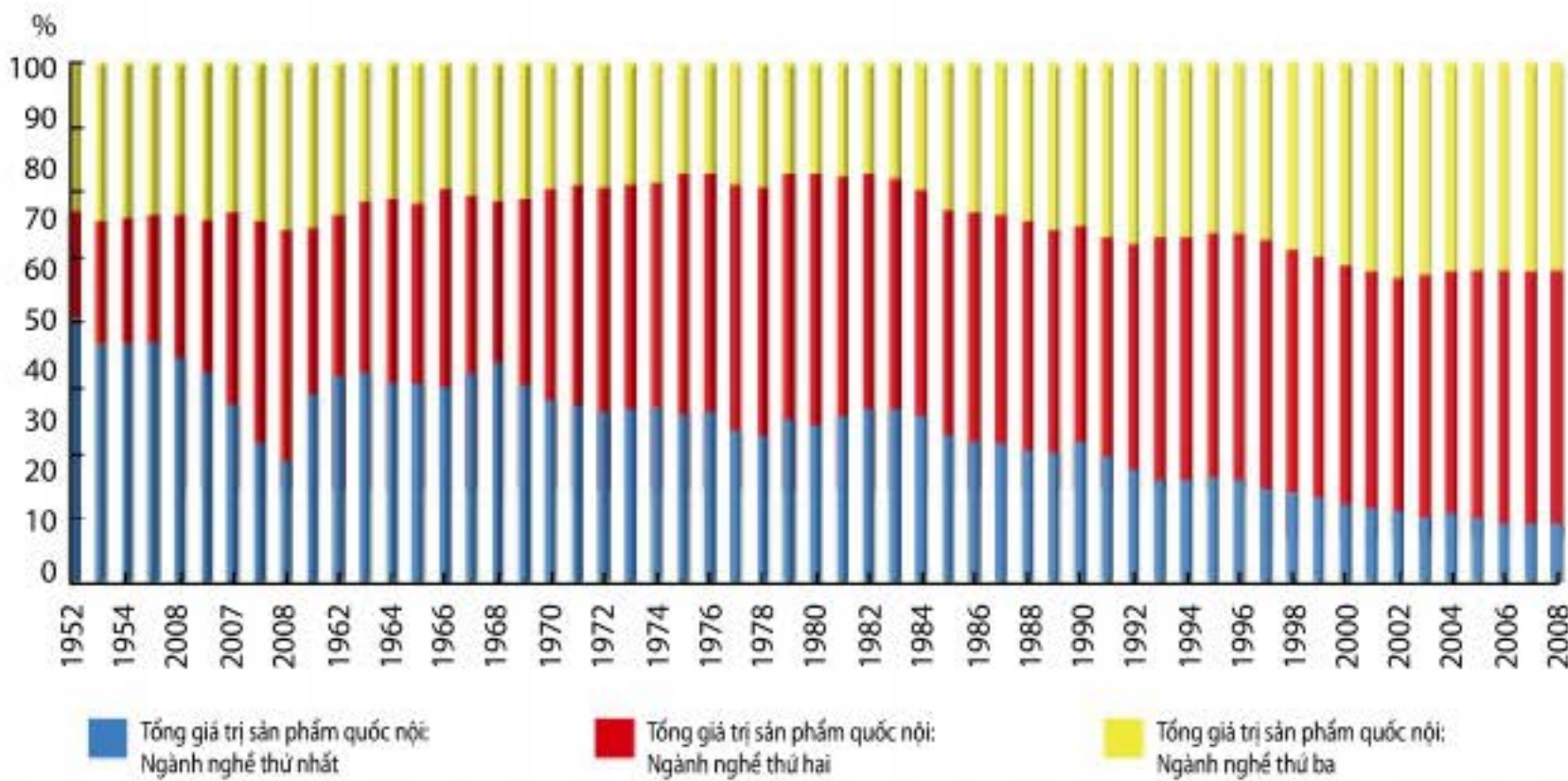
Tốc độ tăng trưởng và đầu tư tài sản cố định
của Trung Quốc: 2004 – 2008

Những năm gần đây, kim ngạch đầu tư tài sản cố định của Trung Quốc không ngừng tăng lên, năm 2004 là 7.047,7 tỷ nhân dân tệ, đến năm 2008 đã đạt mức 17.228,1 tỷ nhân dân tệ. Tỷ lệ tăng trưởng cũng có xu thế mở rộng, năm 2004 tỷ lệ tăng trưởng trong đầu tư tài sản cố định là 24,8%, năm 2008 đã đạt mức 25,5% (xem Biểu đồ 4- 5).

III. CƠ CẤU NGÀNH NGHỀ KHÔNG NGỪNG CẢI THIỆN

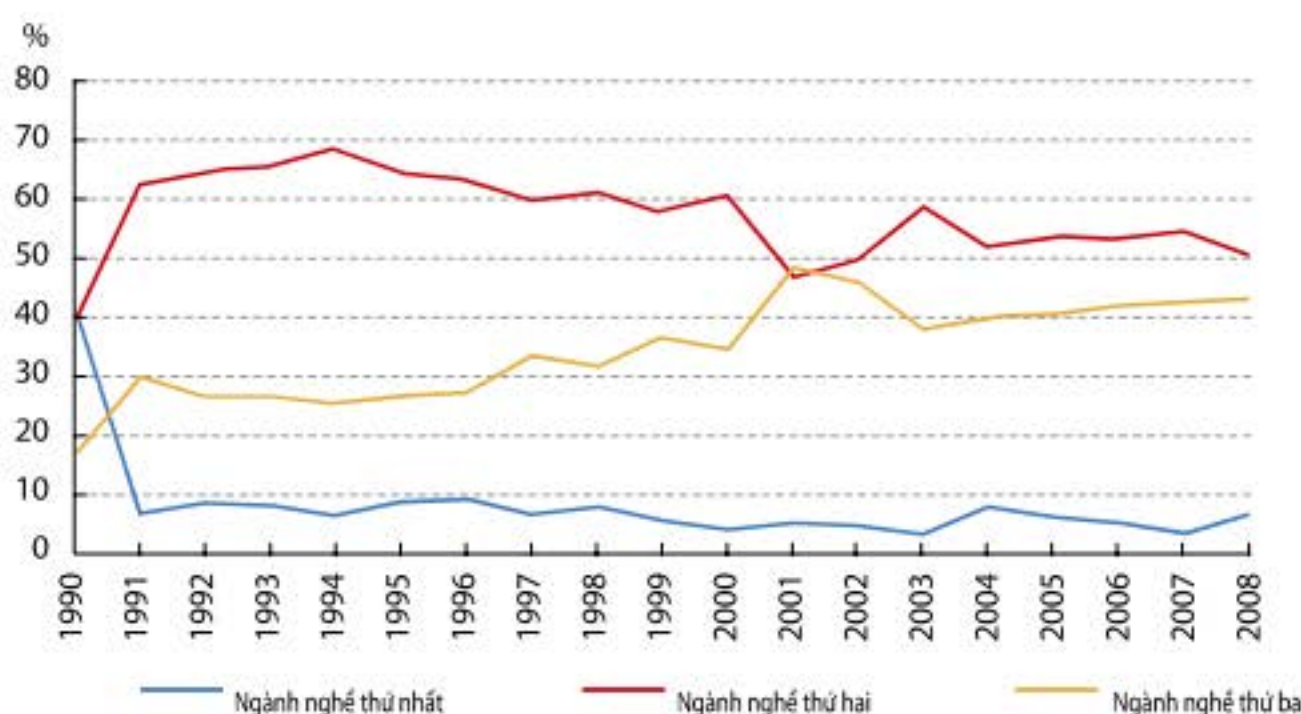
Trong phát triển kinh tế 60 năm nay, về tổng thể, cơ cấu ngành nghề của Trung Quốc thể hiện rõ xu thế cải thiện không ngừng. Tỷ lệ của nhóm ngành nghề thứ nhất¹ có xu hướng giảm về tổng thể, tỷ lệ trong tổng giá trị sản phẩm quốc nội đã từ 50% (năm 1952) giảm xuống chỉ còn hơn 10% vào năm 2008. Trong thời kỳ "đại nhảy vọt", tỷ lệ nông nghiệp cho thấy một sự sụt giảm bất thường, sau đó mới dần dần tăng trở lại. Tỷ lệ của nhóm ngành nghề thứ hai² có xu thế gia tăng về tổng thể, từ mức 20% vào năm 1952 đã tăng lên mức gần 50% vào năm 2008. Cùng với cơ sở kinh tế Trung Quốc và những chính sách điều chỉnh, tỷ lệ này đã phần trăm cũng đã có sự dao động. Nhất là trong thời gian "đại nhảy vọt", tỷ lệ này đã tăng lên một cách không bình thường, sau đó mới dần dần trở lại trạng thái bình thường. Tỷ lệ phần trăm trong tổng giá trị sản phẩm quốc nội của nhóm ngành nghề thứ ba³ thể hiện hai quá trình, từ lớn đến

1 Tiếng Anh: Primary industry, chỉ các ngành nghề thuộc lĩnh vực nông nghiệp, cụ thể như trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, ngư nghiệp.
2 Tiếng Anh: Manufacturing industry, chỉ các ngành nghề thuộc lĩnh vực chế tạo, gia công, chế biến v.v., cụ thể là công nghiệp (như khai thác, chế tạo, điện lực, khí đốt...) và xây dựng.
3 Tiếng Anh: Tertiary industry, chỉ các ngành nghề không trực tiếp sản xuất hàng hóa, chủ yếu cung cấp dịch vụ cho quá trình sản xuất, tiêu dùng v.v..



Nguồn số liệu: Cục thống kê Quốc gia Trung Quốc: "Niên giám thống kê Trung Quốc" (năm tương quan)

Biểu đồ 4-6.
Sự cải thiện trong cơ cấu ngành nghề của Trung Quốc: 1952 – 2008



Nguồn số liệu: Cục Thống kê Quốc gia Trung Quốc: "Niên giám thống kê Trung Quốc" (năm tương quan)

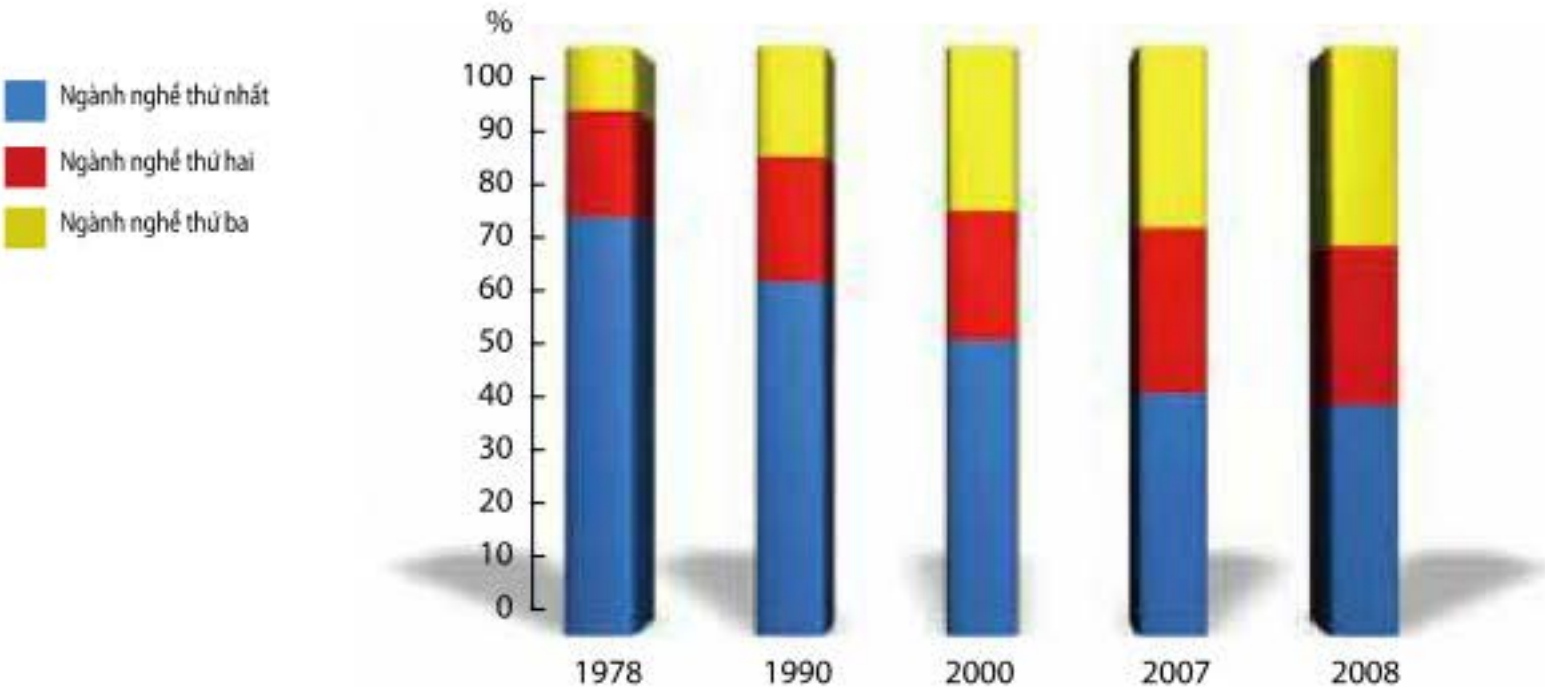
Biểu đồ 4-7.

Mức đóng góp đối với sự tăng trưởng GDP của ba ngành nghề ở Trung Quốc: 1991 – 2008

nhỏ, rồi lại từ nhỏ đến lớn. Trước khi cải cách mở cửa vào năm 1978, tỷ lệ của nhóm ngành nghề thứ ba có xu thế giảm dần, đó là do Trung Quốc đầu tư vào công nghiệp ở quy mô lớn. Sau khi cải cách mở cửa, tỷ lệ của nhóm ngành nghề thứ ba ở Trung Quốc đã dần dần tăng lên, từ mức 20% vào đầu thập niên 80 thế kỷ XX đã tăng lên mức 40% vào năm 2008 (xem Biểu đồ 4-6). Sáu mươi năm nay, cơ cấu ngành nghề của Trung Quốc đã xảy ra những thay đổi rất lớn, hoàn thành sự chuyển đổi trong giai đoạn đầu tiên (từ nông nghiệp đến công nghiệp), sau đó đã bước vào quá trình chuyển đổi sang giai đoạn thứ hai (từ công nghiệp đến dịch vụ).

Từ thập niên 90 của thế kỷ XX đến nay, trong ba cơ cấu ngành nghề của Trung Quốc, về tổng thể, tỷ lệ đóng góp của nhóm ngành nghề thứ nhất đối với sự tăng trưởng của GDP luôn có xu thế giảm xuống, chỉ riêng trong năm 2004 có sự gia tăng trong một khoảng thời gian ngắn, đó là do lợi ích từ việc chính phủ thực hiện chính sách ủng hộ nông nghiệp, ưu đãi nông nghiệp trong năm đó. Tỷ lệ đóng góp đối với sự tăng trưởng GDP của nhóm ngành nghề thứ hai về tổng thể cũng có chiều hướng giảm; chỉ riêng nhóm ngành nghề thứ ba, tỷ lệ đóng góp cho sự tăng trưởng của GDP luôn ở xu thế gia tăng (xem Biểu đồ 4-7). Năm 2008, mức đóng góp của nhóm ngành nghề thứ nhất là 6,5%; mức đóng góp của nhóm ngành nghề thứ hai là 50,6%; mức đóng góp của nhóm ngành nghề thứ ba là 42,9%.

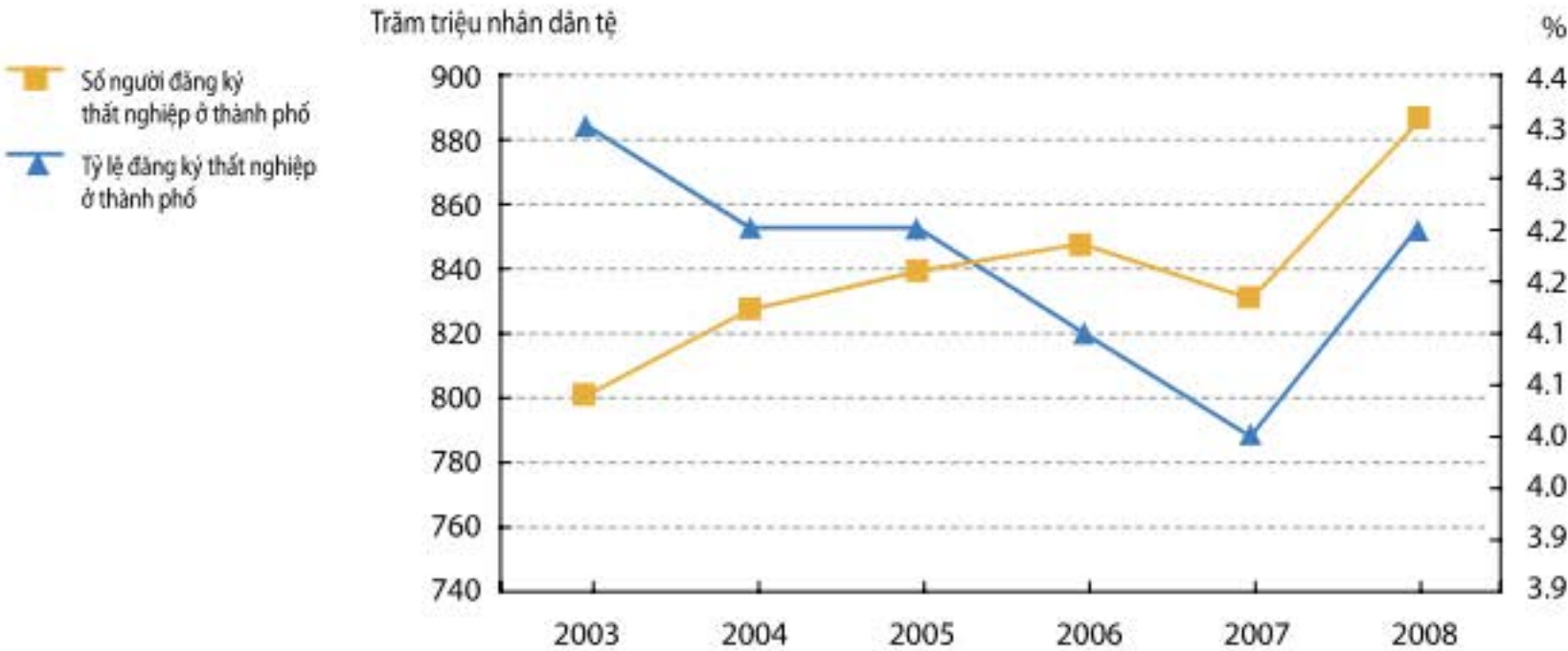
Từ thập niên 90 thế kỷ XX đến nay, tỷ lệ lôi kéo GDP tăng trưởng của các ngành nghề thứ nhất không ngừng giảm sút nhưng sự lôi kéo GDP tăng trưởng của các ngành nghề thứ ba lại không ngừng gia tăng; trong khi đó sự lôi kéo GDP tăng trưởng của các ngành nghề thứ hai sau thời kỳ giảm sút vào những năm giữa và cuối thập niên 90, khi bước vào thế kỷ mới đã có sự tăng trở lại trong dao động.



Nguồn số liệu: Cục Thống kê Quốc gia Trung Quốc: "Niên giám thống kê Trung Quốc: 2008" và "Tóm lược thống kê Trung Quốc: 2009"

Biểu đồ 4-8.

Sự thay đổi trong cơ cấu ngành nghề của Trung Quốc: 1978 – 2008



Nguồn số liệu: Cục Thống kê Quốc gia Trung Quốc: "Tóm lược Thống kê Trung Quốc: 2009"

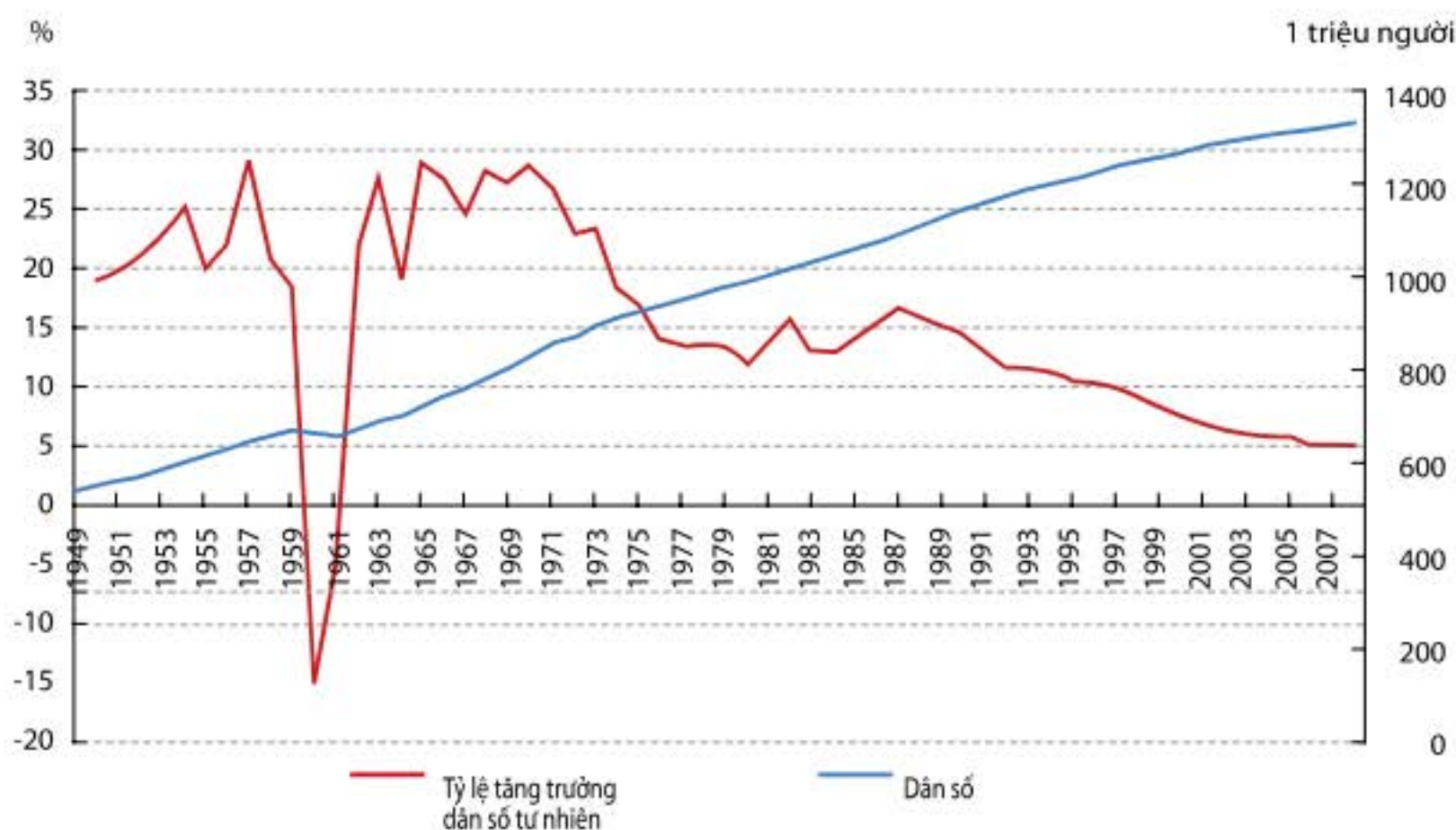
Biểu đồ 4-9.

Số người đăng ký thất nghiệp ở thành phố và sự thay đổi trong tỷ lệ đăng ký thất nghiệp ở thành phố: 2003 – 2009

Hiện nay, lực lượng lôi kéo chủ yếu vẫn dựa vào nhóm ngành nghề thứ hai, nhất là công nghiệp. Trung Quốc đã trở thành nước chế tạo lớn, cũng chính là “công xưởng thế giới” mà người ta hay gọi. Cùng với sự phát triển của kinh tế Trung Quốc và sự cải thiện trong cơ cấu ngành nghề, xu thế lôi kéo GDP tăng trưởng của nhóm ngành nghề thứ ba sẽ vượt qua so với các ngành nghề thứ hai.

VI. TỪNG BƯỚC NÂNG CAO MỨC ĐỘ VÀ CƠ CẤU VIỆC LÀM

Từ khi cải cách mở cửa vào năm 1978 đến nay, cơ cấu việc làm của Trung Quốc đã xảy ra những biến đổi rõ rệt. Số người làm việc trong nhóm ngành nghề thứ nhất giảm theo từng năm, từ mức 70,5% vào năm 1978 đã giảm xuống còn 39,6% vào năm 2008; Số người làm việc trong nhóm ngành nghề thứ hai tăng lên theo từng năm, từ mức 17,3% vào năm 1978 đã tăng lên mức 27,2% vào năm 2008; Số người làm việc trong nhóm ngành nghề thứ ba cũng có xu hướng tăng lên mỗi năm, hơn thế mức độ tăng trưởng còn nhanh hơn so với nhóm ngành nghề thứ hai, tỷ lệ trong cơ cấu việc làm của nhóm ngành nghề thứ ba đã từ mức 12,2% vào năm 1978 tăng lên mức 33,2% vào năm 2008 (xem Biểu đồ 4-8).



Biểu đồ 4-10.

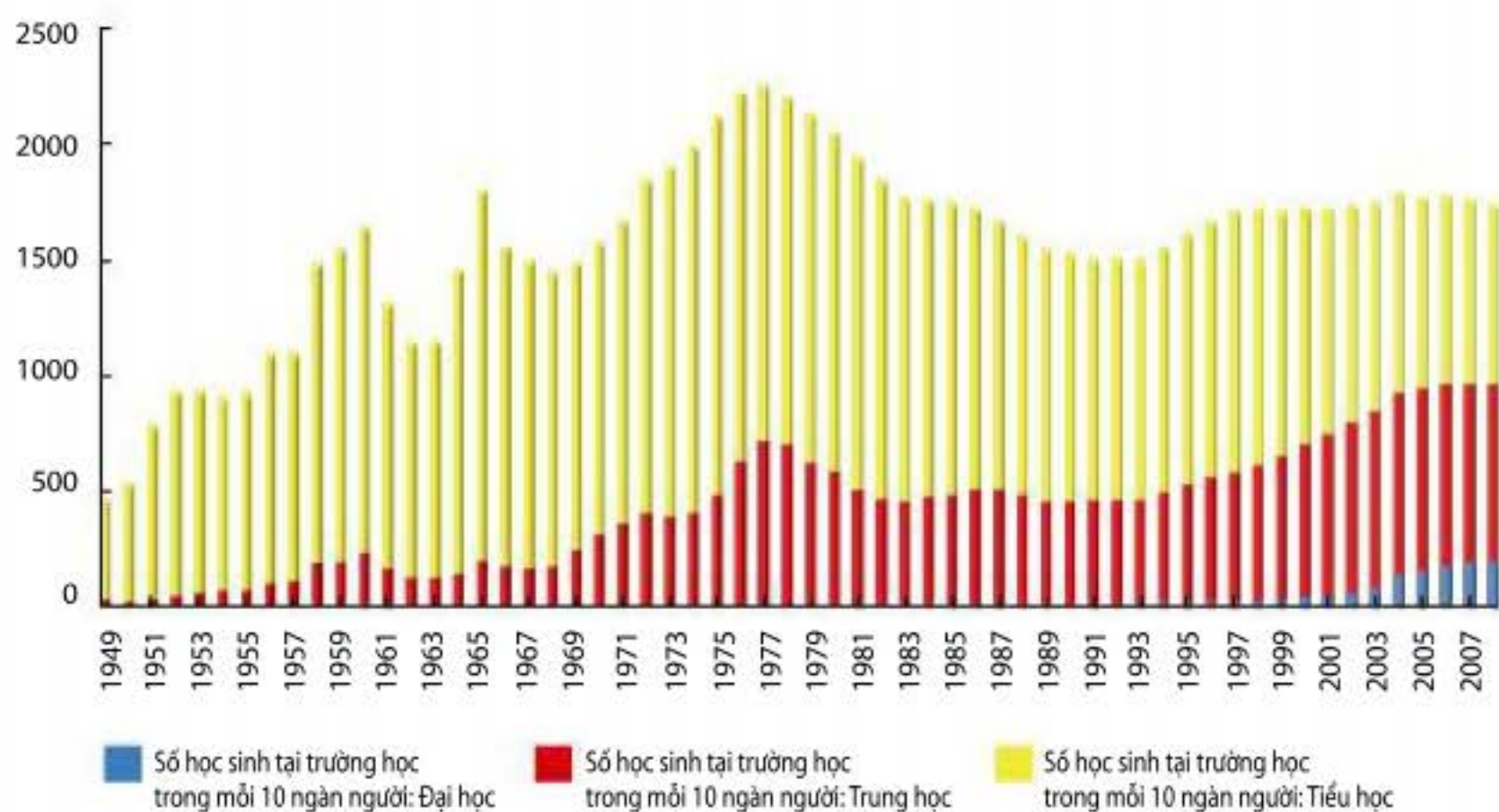
Tổng dân số của Trung Quốc và sự thay đổi
trong tốc độ tăng trưởng dân số: 1949 – 2008

Vì Trung Quốc là một nước lớn, dân số đông và đang trong giai đoạn giữa và cuối của thời kỳ công nghiệp hóa nên việc mở rộng việc làm ở thành thị luôn là vấn đề được chính phủ ưu tiên hàng đầu. Cùng với sự phát triển của kinh tế Trung Quốc, mấy năm gần đây, số người đăng ký thất nghiệp ở thành phố đã từ 8 triệu người vào năm 2003 tăng lên 8,47 triệu người vào năm 2006, đến năm 2007 giảm xuống còn 8,3 triệu người. Tỷ lệ đăng ký thất nghiệp ở thành phố có xu thế giảm xuống từng năm, từ mức 4,3% vào năm 2003 đã giảm xuống còn 4% vào năm 2007 (xem Biểu đồ 4-9). Điều này đã cho thấy những nỗ lực của chính phủ Trung Quốc trong vấn đề giải quyết việc làm.

V. TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG DÂN SỐ GIẢM THEO TỪNG NĂM

Trải qua 60 năm phát triển, tổng dân số của Trung Quốc đã từ 540 triệu người năm 1949 tăng lên 1,328 tỷ người vào năm 2008. Ngoài khoảng thời gian từ cuối thập niên 50 đến đầu thập niên 60 có xu thế giảm nhẹ, còn lại về tổng thể dân số Trung Quốc đều có xu thế tăng liên tục. Do áp dụng những biện pháp sinh đẻ có kế hoạch cũng như đời sống kinh tế được nâng cao đã khiến cho quan niệm trong việc sinh con đẻ cái của người dân Trung Quốc có nhiều thay đổi. Tốc độ tăng trưởng tự nhiên của Trung Quốc từ giữa và cuối thập niên 80 thế kỷ XX đã cho thấy xu thế giảm dần theo từng năm. Năm 2008, đã giảm xuống còn 5,08‰, con số này chỉ tương đương với mức 1/6 so với tốc độ tăng trưởng dân số trong thời điểm cao nhất vào năm 1957 là 29‰ (xem Biểu đồ 4-10).

Xu thế dân số già trong cơ cấu dân số của Trung Quốc nổi bật rõ. Cùng với sự giảm dần theo từng năm của tỷ lệ sinh đẻ, tỷ lệ phần trăm dân số ở độ tuổi 60 trở lên tăng nhanh mỗi năm, đến năm 2008 đã đến mức 12%, trong đó tỷ lệ dân số 65 tuổi trở lên chiếm 8,3% tổng dân số cả nước. Điều này có lợi cho việc giảm thiểu tỷ lệ sinh đẻ dân số, mặt khác cũng có lợi cho việc kéo dài tuổi thọ dự tính của dân số (vào năm 1950, tuổi thọ dự tính trung bình của người dân Trung Quốc chỉ ở mức 42 tuổi, đến năm 2000, tuổi thọ dự tính trung bình đã là 71,4 tuổi và đến năm 2008 đã đạt 73 tuổi). Trong khi đó, tỷ lệ phần trăm dân số ở độ tuổi dưới 20 giảm dần từng năm, mức độ giảm đã từ 40% vào năm 1989 xuống còn khoảng 26% vào năm 2007. Mấy chục năm sau khi nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa thành lập vào năm 1949, số lượng trẻ em ở độ tuổi từ 0 đến 14 tăng rất nhanh, đến giai đoạn cuối của thập niên 60 thế kỷ XX đã đạt mức 40% tổng dân số cả nước. Sau khi cải cách mở cửa vào năm 1978, xu thế tăng trưởng nhanh chóng này đã có sự thay đổi. Do tỷ lệ sinh đẻ giảm xuống, số lượng trẻ em cũng giảm nên trong tương lai số lượng lực lượng lao động của Trung Quốc sẽ có xu thế giảm dần. Theo dự đoán, đến năm 2030, tỷ lệ này sẽ giảm xuống dưới mức 60%. Cùng với sự phát triển của kinh tế, Trung Quốc sẽ nhanh chóng bước vào hàng ngũ “xã hội dân số già”.



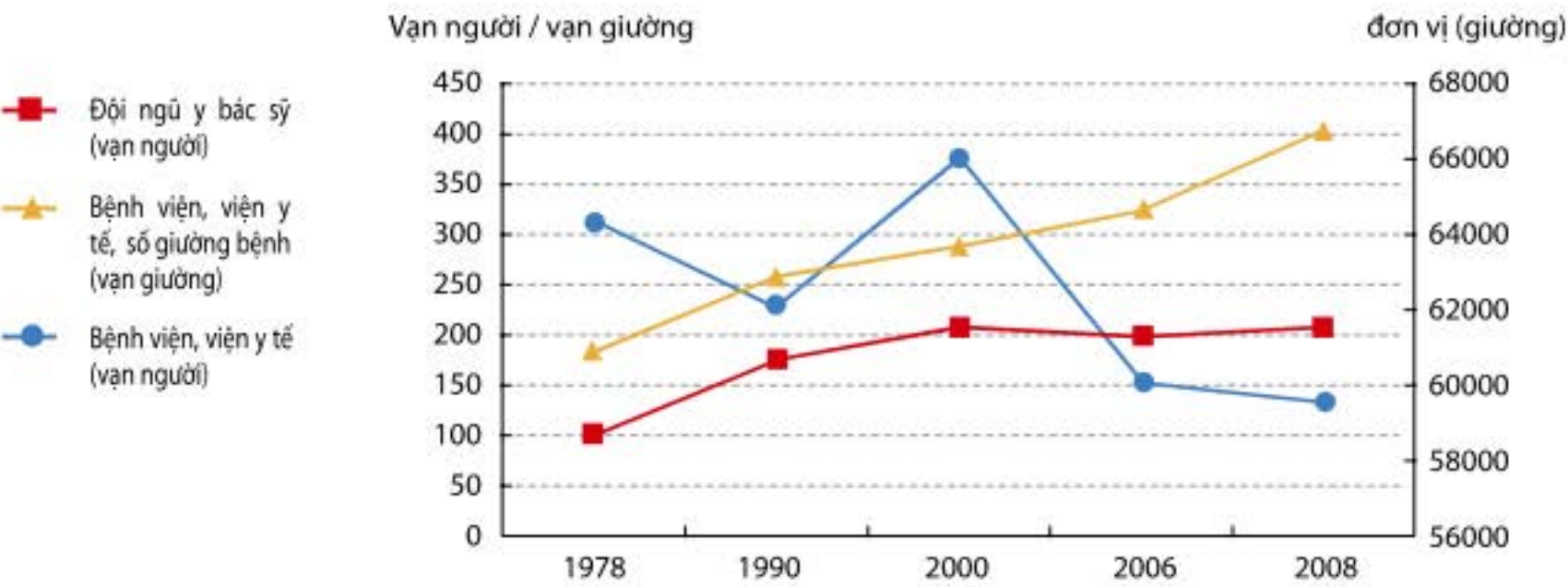
Nguồn số liệu: Cục Thống kê Quốc gia Trung Quốc: “Niên giám thống kê Trung Quốc” (năm tương quan) và “Tóm lược thống kê Trung Quốc: 2009”

Biểu đồ 4-11. Sự phát triển của giáo dục Trung Quốc: 1949 – 2008

VI. TRÌNH ĐỘ GIÁO DỤC VÀ Y TẾ KHÔNG NGỪNG ĐƯỢC NÂNG CAO

Khi nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa thành lập vào năm 1949, nền giáo dục của Trung Quốc vô cùng lạc hậu với khoảng trên 80% dân số mù chữ, chỉ có 20% trẻ em ở độ tuổi phù hợp được nhập học. Chính vì vậy mà ngay sau khi được thành lập, Nhà nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa đã ưu tiên việc khôi phục lại sự nghiệp giáo dục. Nhà nước thành lập Bộ Giáo Dục, xây dựng hệ thống giáo dục bao gồm tiểu học, trung học và đại học; đồng thời triển khai dạy nghề và đào tạo tại chức. Trong thời kỳ “Đại cách mạng văn hóa” từ năm 1966 đến năm 1976, hệ thống giáo dục đại học đã từng bị phá hỏng, đại học ngừng chiêu sinh 4 năm, sau đó lại thực hiện giáo dục đại học theo chế độ giới thiệu, tức là theo tiêu chuẩn chính trị, giới thiệu lựa chọn ra những người thích hợp từ tầng lớp công nhân, nông dân và quân nhân để vào học đại học. Sau khi thực hiện cải cách mở cửa vào năm 1978, Trung Quốc khôi phục lại chế độ thi đại học. Từ đó về sau, sự nghiệp giáo dục của Trung Quốc nhanh chóng phát triển.

Trước hết là do cơ hội được tiếp cận với nền giáo dục của cư dân Trung Quốc tăng lên theo từng năm. Tỷ lệ sinh viên so với tổng dân số ngày càng được nâng cao, từ mức 4,8% vào năm 1949 đã tăng lên 18,2% vào năm 2006. Bắt đầu từ thế kỷ XXI, số lượng sinh viên tăng khá nhanh nhưng số lượng học sinh tiểu học lại có xu hướng giảm. Năm 2008, cứ trong 10 ngàn dân thì có đến 204,2 sinh viên; 766,7 học sinh trung học và 781,9 học sinh tiểu học (xem Biểu đồ 4-11).



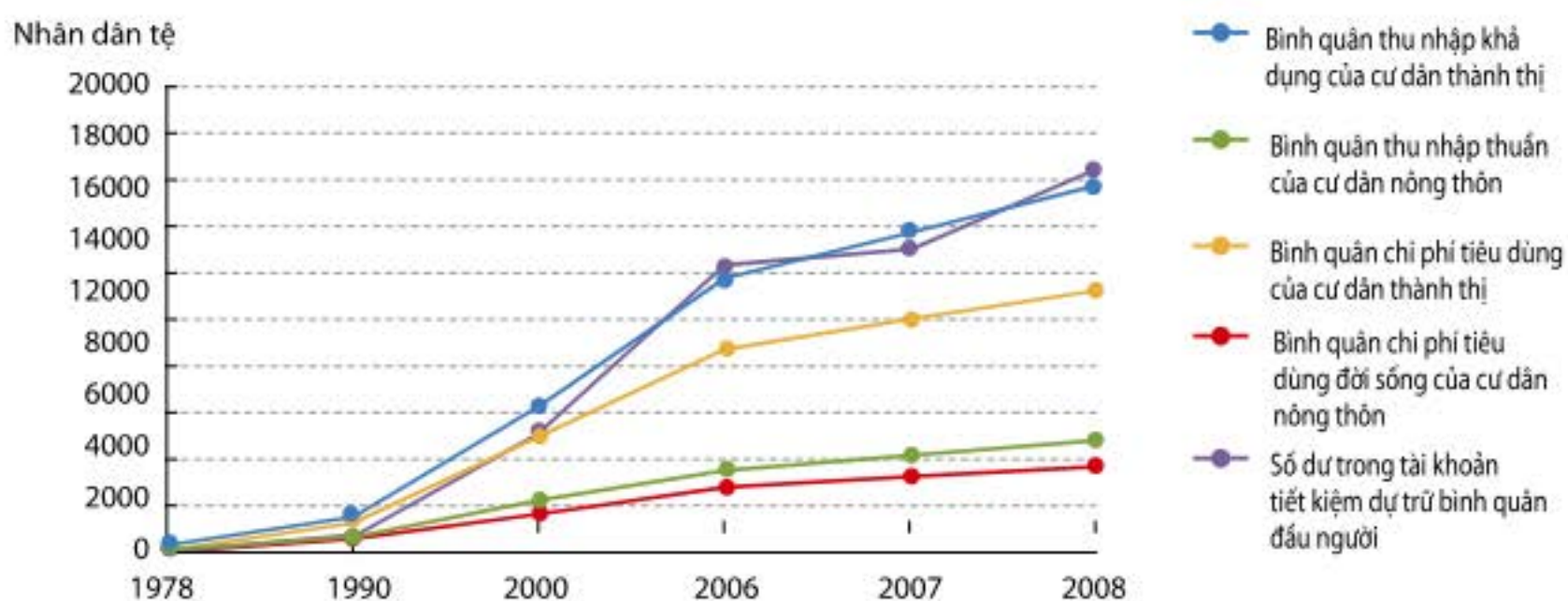
Nguồn số liệu: Cục Thống kê Quốc gia Trung Quốc: “Niên giám thống kê Trung Quốc: 2008” và “Tóm lược thống kê Trung Quốc: 2009”

Biểu đồ 4-12.

Những thay đổi trong điều kiện vệ sinh y tế của Trung Quốc: 1978 – 2008

Tiếp theo là do cơ hội được tiếp cận với nền giáo dục của nam và nữ ngày càng có xu thế bình đẳng. Tại các trường đại học các cấp, tỷ lệ học sinh nữ trong tổng số học sinh đã từ mức 43,7% vào năm 1978 từng bước tăng lên mức 47,1% vào năm 2000. Tỷ lệ giáo viên nữ trong tổng số giáo viên cũng từ mức 32,5% vào năm 1978 tăng lên mức 46,3% vào năm 2000. Tóm lại, cùng với sự phát triển và hoàn thiện của hệ thống giáo dục, chất lượng của dân số Trung Quốc nhìn về tổng thể có sự nâng cao và ổn định, cơ hội được tiếp nhận giáo dục của nam và nữ cũng có xu thế bình đẳng. Điều đó đã tích lũy một nguồn nhân lực lớn cho sự phát triển liên tục của kinh tế.

Điều kiện vệ sinh y tế cũng từng bước được cải thiện. Điều này cũng phát huy tác dụng trong việc nâng cao chất lượng của dân số của Trung Quốc. Từ năm 1949 đến nay, rất nhiều căn bệnh truyền nhiễm nghiêm trọng và những bệnh dịch ký sinh trùng đều được kiểm soát và xóa bỏ. Chỉ tiêu đưa ra về tuổi thọ trung bình của con người cũng như tỷ lệ tử vong của trẻ nhỏ đều đã được cải thiện rõ rệt. Trung Quốc đã từng được các ban ngành như Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), Ngân hàng Thế giới v.v.. ca ngợi là điển hình trong các nước đang phát triển về mặt này, đồng thời cũng ca ngợi Trung Quốc chỉ dùng 1% tài nguyên y tế của thế giới mà giải quyết được vấn đề đảm bảo sức khỏe vệ sinh y tế của 22% dân số trên thế giới. Những năm gần đây, cùng với việc đầu tư tài chính của chính phủ đối với vệ sinh y tế ngày càng nhiều thì nguồn vốn dành cho y tế cũng ngày càng đầy đủ hơn. Số lượng y bác sĩ cũng như số giường bệnh trong bệnh viện, viện y tế đều có xu hướng tăng. Bệnh viện, viện y tế cũng không ngừng được nâng cao về trình độ y học trong quá trình chinh hợp và cạnh tranh thị trường. Năm 2008, số lượng bệnh viện, viện y tế là 59.572 cơ sở, số lượng y bác sỹ lên đến hơn 2,082 triệu người, số giường bệnh cũng đã vượt quá con số 4 triệu giường.



Nguồn số liệu: Cục Thống kê Quốc gia Trung Quốc: “Niên giám thống kê Trung Quốc: 2008”; “Tóm lược thống kê Trung Quốc: 2009” và “Soạn thảo số liệu thống kê 50 năm của nước Trung Quốc mới”.

Biểu đồ 4-13.

Những thay đổi trong đời sống nhân dân: thu nhập và chi tiêu

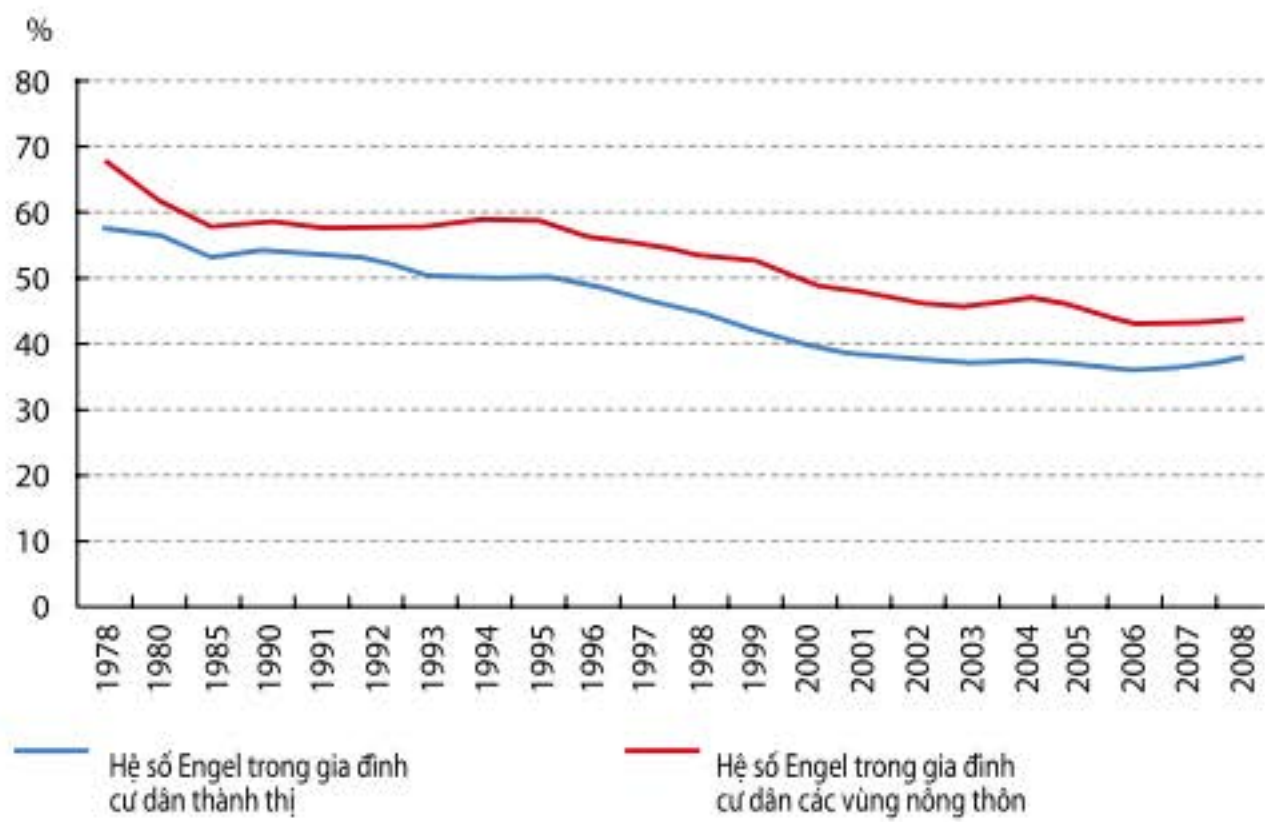
VII. ĐỜI SỐNG NHÂN DÂN ẤM NO HẠNH PHÚC

Từ khi thực hiện cải cách mở cửa từ năm 1978 đến nay, thu nhập khả dụng¹ bình quân của cư dân thành thị đã tăng lên rất nhanh. Năm 1978 chỉ ở mức 343 nhân dân tệ, đến năm 1990 đã đạt mức 1.510 nhân dân tệ, và đến năm 2008 đã lên đến mức 15.781 nhân dân tệ. Tương tự như vậy, bình quân thu nhập thuần của cư dân các vùng nông thôn Trung Quốc cũng tăng cao. Vào năm 1978 chỉ ở mức 134 nhân dân tệ, đến năm 1990 đạt mức 686 nhân dân tệ, và cho đến năm 2008 thì đã lên mức 4.761 nhân dân tệ. Chi phí tiêu dùng bình quân đầu người cũng tăng nhanh. Năm 2008, chi phí tiêu dùng của cư dân thành thị là 11.243 nhân dân tệ, của cư dân nông thôn là 3.661 nhân dân tệ. Số dư trong các khoản tiết kiệm dự trữ nhân dân tệ của cư dân thành thị và nông thôn Trung Quốc cũng tăng lên rất nhanh. Vào năm 1978 chỉ ở mức 21,06 tỷ nhân dân tệ, đến năm 2008 đã lên mức 21.788,54 tỷ nhân dân tệ. Số dư tiết kiệm bình quân đầu người cũng đã từ 22 nhân dân tệ vào năm 1978 tăng lên 16407 nhân dân tệ vào năm 2008.

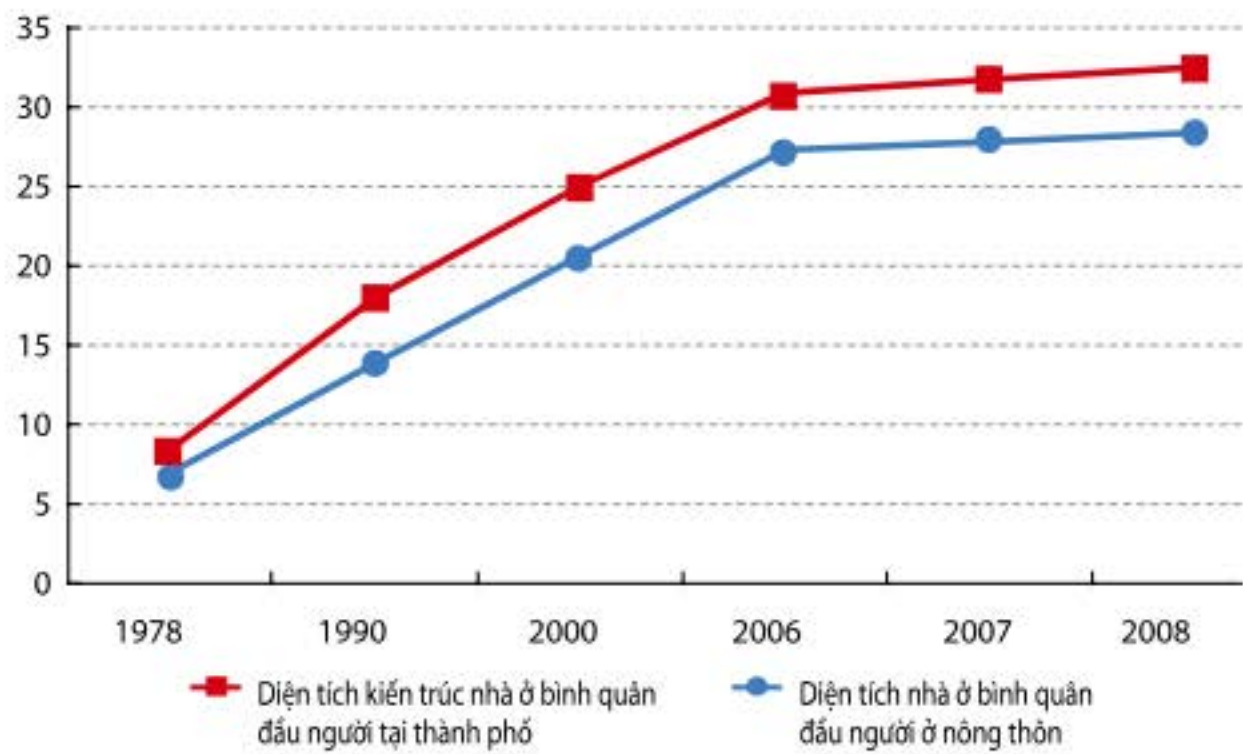
Bất kể là cư dân thành thị hay cư dân ở các vùng nông thôn, về tổng thể, hệ số Engel² đều có xu hướng giảm xuống từng năm. Hệ số Engel trong các gia đình cư dân thành thị đã từ mức 57,5% vào năm 1978 giảm xuống còn 37,9% vào năm 2008. Hệ số Engel trong các gia đình cư dân nông thôn cũng từ mức 67,7% vào năm 1978 giảm xuống còn 43,7% vào năm 2008 (xem Biểu đồ 4-13).

¹ Tiếng Anh: Disposable Income, còn gọi là thu nhập sẵn có (sau khi đã trừ thuế).

² Tiếng Anh: Engel's Coefficient, là tỷ lệ chi phí trong chi tiêu dành cho ăn uống nằm trong tổng số tiêu dùng. Chỉ số Engel được tính bằng chi phí đồ ăn ÷ tổng chi phí sinh hoạt × 100.



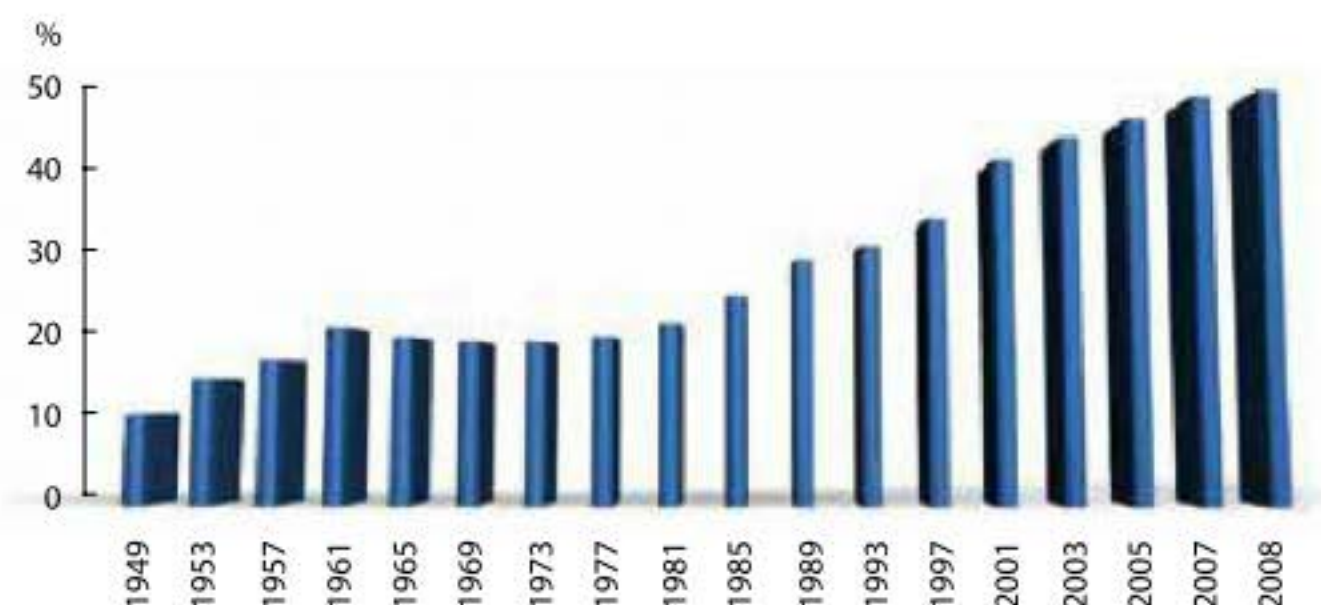
Biểu đồ 4-14.
Những thay đổi trong hệ số Engel của cư dân Trung Quốc



Nguồn số liệu: Cục Thống kê Quốc gia Trung Quốc: “Niên giám thống kê Trung Quốc: 2008”

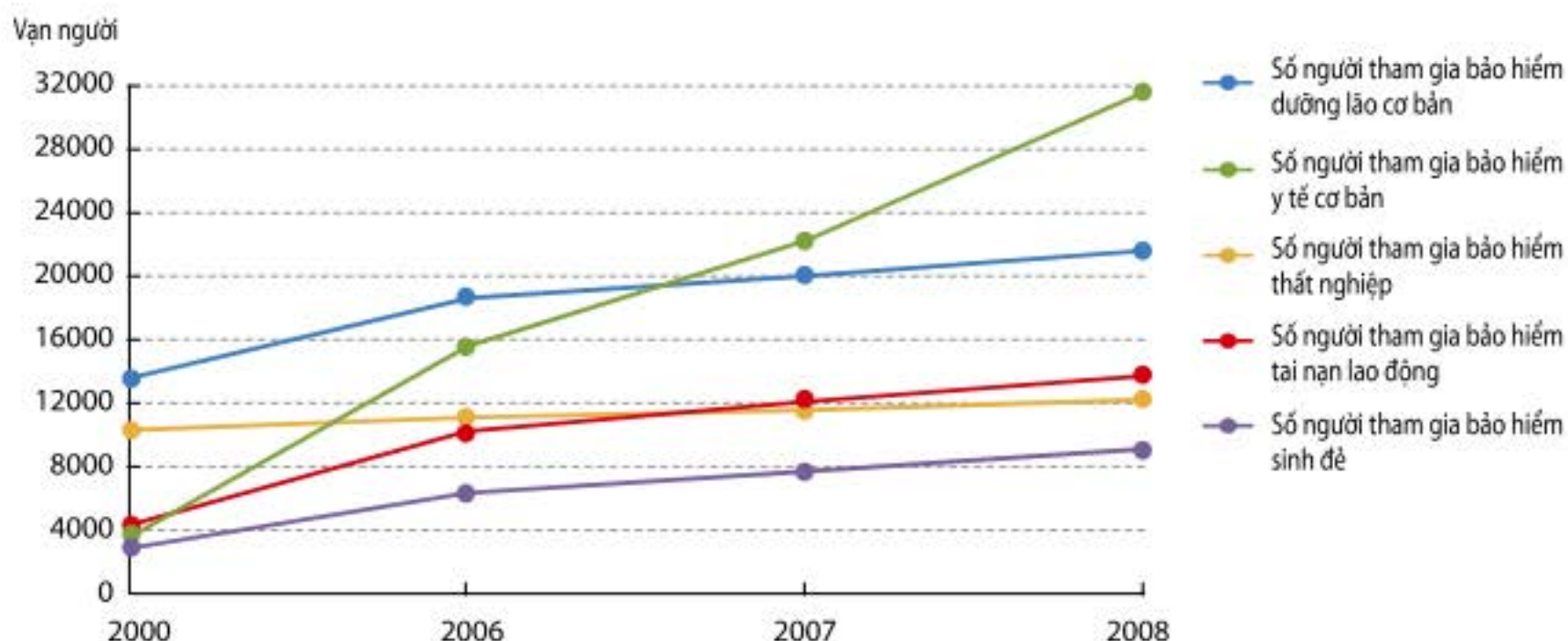
Biểu đồ 4-15.
Những cải thiện trong điều kiện nhà ở
của cư dân Trung Quốc: 1990 – 2007

Từ khi cải cách mở cửa đến nay, điều kiện nhà ở của cư dân không ngừng được cải thiện. Diện tích nhà ở bình quân của cư dân thành thị đã từ 13,7m² vào năm 1990 tăng lên 28m² vào năm 2008; diện tích nhà ở bình quân của cư dân nông thôn cũng từ mức 17,8m² vào năm 1990 tăng lên 32.4m² vào năm 2008 (xem Biểu đồ 4-15). Cùng với việc xây dựng nhà ở có tính đảm bảo trên quy mô lớn, chất lượng và diện tích nhà ở cư dân Trung Quốc tại thành phố sẽ còn được nâng cao hơn nữa. Bên cạnh đó, sự coi trọng của nhà nước đối



Biểu đồ 4-16.

Những thay đổi trong mức đô thị hóa dân số của Trung Quốc: 1949 – 2008



Nguồn số liệu: Cục Thống kê quốc gia Trung Quốc: “Niên giám thống kê Trung Quốc: 2008” và “Báo cáo thống kê về phát triển xã hội và kinh tế quốc dân của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa năm 2008”

Biểu đồ 4-17.

Sự phát triển trong chế độ bảo đảm xã hội ở Trung Quốc: 2000 – 2008

với công cuộc xây dựng nông thôn mới cũng sẽ làm cho môi trường bình quân đầu người ở nông thôn được cải thiện ở mức độ lớn.

Từ năm 1949 đến nay, cùng với sự phát triển của việc xây dựng đô thị và kinh tế, mức độ đô thị hóa ở Trung Quốc không ngừng tăng cao. Mức đô thị hóa dân số từ mức 10% vào thời điểm mới thành lập nước đã tăng lên đến 45,7% vào năm 2008. Từ khi cải cách mở cửa vào năm 1978 đến nay, tốc độ tăng trưởng khá nhanh. Nhất là trong những năm gần đây, cùng với việc xây dựng các thành phố nhỏ và các vùng nông thôn mới, mức đô thị hóa của dân số Trung Quốc đã tăng lên khá nhanh (xem Biểu đồ 4-16).

Những năm gần đây, mức độ bao phủ của chế độ bảo đảm xã hội ở Trung Quốc cũng từng bước được mở rộng thêm. Số người tham gia vào các loại bảo hiểm như dưỡng lão, y tế, thất nghiệp, tai nạn lao động và sinh đẻ ngày càng nhiều (xem Biểu đồ 4-17). Năm 2008, nông dân công¹ tham gia bảo hiểm y tế của thành thị và bảo hiểm tai nạn lao động lần lượt đạt mức 42,49 triệu người và 49,76 triệu người, tăng lên 11,18 triệu người và 9,96 triệu người so với năm 2007. Y tế hợp tác xã nông thôn kiểu mới cũng đã mở rộng trên 2.729 huyện, tỷ lệ tham gia lên đến 91,5%. Kết quả trong công cuộc xóa đói giảm nghèo ở nông thôn là rất khả quan. Tính theo chuẩn nghèo ở nông thôn vào năm 2008 là 1.196 nhân dân tệ, thì vào cuối năm, dân số thuộc diện nghèo ở nông thôn sẽ là 40,07 triệu người, như vậy đã giảm bớt 3,13 triệu người so với chuẩn nghèo được tính là 1.067 nhân dân tệ và dân số thuộc diện nghèo (dân số có thu nhập thấp và dân số thuộc diện nghèo tuyệt đối) ở nông thôn là 43,20 triệu người vào năm 2007.

1 Những người nông dân lên thành phố lao động, làm thêm.

NHỮNG THỬ THÁCH VÀ XU THẾ PHÁT TRIỂN CỦA KINH TẾ TRUNG QUỐC

Trải qua nhiều nỗ lực trong suốt 60 năm, công cuộc phát triển kinh tế của Trung Quốc đã giành được những thành tựu vẻ vang. Cùng với sự lớn mạnh của nền kinh tế, những điều kiện và cơ sở phát triển của kinh tế Trung Quốc cũng xảy ra nhiều thay đổi: Vừa có những nhân tố bất lợi cản trở sự phát triển kinh tế, vừa có những nhân tố có lợi thúc đẩy kinh tế phát triển. Chính phủ Trung Quốc đang cố gắng quán triệt quan điểm phát triển khoa học, thông qua sự chuyển đổi về hình thức tăng trưởng kinh tế và những biện pháp kiểm soát điều chỉnh vĩ mô hiệu quả kịp thời, ra sức giảm thiểu sự cản trở của những nhân tố bất lợi, phát huy ưu thế để chèo lái con thuyền kinh tế Trung Quốc tiếp tục tiến lên phía trước, thực hiện cuộc phục hưng vĩ đại của dân tộc Trung Hoa.



I. NHỮNG NHÂN TỐ BẤT LỢI CẢN TRỞ SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ

Trước hết, sự thiếu thốn về năng lượng và nguồn tài nguyên bình quân đầu người là nhân tố chủ yếu nhất cản trở sự phát triển kinh tế của Trung Quốc trong tương lai. Tổng lượng nguồn tài nguyên năng lượng của Trung Quốc khá phong phú, nhưng do dân số quá đông nên mức độ sở hữu nguồn tài nguyên năng lượng bình quân đầu người ở Trung Quốc là khá thấp so với thế giới. Mức độ sở hữu tài nguyên than đá và tài nguyên nước bình quân đầu người chỉ vào khoảng 50% so với mức bình quân của thế giới; bình quân đầu người đối với tài nguyên dầu mỏ, khí thiên nhiên thì chỉ vào khoảng 1 / 15 so với mức bình quân của thế giới. Đồng thời, tỷ lệ tận dụng nguồn năng lượng của Trung Quốc cũng rất thấp, chỉ vào khoảng 32%, thấp hơn 10% so với các nước phát triển, khoảng chênh lệch này là rất lớn. Việc khai thác các nguồn năng lượng tái sinh và những nguồn năng lượng mới như năng lượng hạt nhân, năng lượng mặt trời, năng lượng gió, năng lượng thủy triều, năng lượng địa nhiệt v.v.. của Trung Quốc cũng có sự chênh lệch rất lớn so với các nước phát triển. Trong cơ cấu tiêu dùng và sản xuất nguồn năng lượng sơ cấp của Trung Quốc, tỷ lệ than đá đạt mức cao, lần lượt là 76% và 68,9%, thuộc nước có tỷ lệ tiêu dùng và sản xuất than đá cao nhất thế giới. So với mức độ bình quân trong cơ cấu năng lượng của thế giới (tỷ lệ tiêu dùng than đá chỉ chiếm 26,5%) và các nước công nghiệp hóa (tỷ lệ tiêu dùng than đá chiếm 21,4%) thì Trung Quốc có một khoảng cách rất lớn. Tỷ lệ tiêu dùng than đá quá cao làm cho hiệu quả của hệ thống năng

Mặc dù mức độ đô thị hóa của Trung Quốc hiện nay vẫn chưa cao, nhưng những vấn đề về "căn bệnh thành thị" đã đang ngày một nổi trội. Năm 2009, sản lượng xe hơi cũng như sản lượng tiêu thụ xe hơi của Trung Quốc đều vượt qua con số 13 triệu chiếc, vượt qua Mỹ và trở thành nước lớn đứng đầu thế giới về xe hơi. Trong hình là cảnh tượng tắc nghẽn giao thông ở khu CBD, thành phố Bắc Kinh vào tháng 8 năm 2009.



lượng Trung Quốc bị giảm sút rõ rệt, áp lực môi trường rất lớn. Ngoài than đá, nguồn năng lượng dầu mỏ và khí thiên nhiên mà Trung Quốc cần sử dụng để thực hiện công cuộc hiện đại hóa cũng rất nhiều, nhưng lượng năng lượng trong nước có thể cung cấp lại khó có thể đáp ứng được nhu cầu. Từ năm 1993, Trung Quốc đã trở thành nước nhập khẩu ròng đối với dầu mỏ. Lượng dầu mỏ nhập khẩu đã từ mức 9,88 triệu tấn vào năm 1993 tăng lên mức vượt quá 200 triệu tấn vào năm 2008, mức độ phụ thuộc vào nước ngoài cũng từ 6,4% tăng lên 52%. Cùng với việc lượng dầu mỏ nhập khẩu mỗi năm một gia tăng và thiếu chiến lược dự trữ dầu mỏ, Trung Quốc rất dễ bị ảnh hưởng bởi sự thay đổi về giá dầu thô trên toàn cầu. Thiếu thốn dầu mỏ sẽ là mâu thuẫn chủ yếu về vấn đề an toàn năng lượng của Trung Quốc ở một thời kỳ lịch sử trong tương lai.

Sự gia tăng nhanh chóng trong nhu cầu đối với nguồn năng lượng còn dẫn đến sự gia tăng lượng khí thải của những chất gây ô nhiễm chủ yếu làm cho áp lực về bảo vệ môi trường cũng mỗi lúc một gia tăng. Hiện nay, mức độ ô nhiễm môi trường và tình trạng xấu đi của môi trường sinh thái ở một số khu vực đã lên đến mức rất nghiêm trọng. Tình trạng ô nhiễm nước, không khí và đất cũng ngày một căng thẳng, những vật ô nhiễm như các phế liệu dạng rắn, khí thải xe hơi và các vật hữu cơ khó phân hủy v.v.. đều liên tục tăng lên. Ngoài ra, ô nhiễm môi trường còn có xu thế mở rộng từ thành thị đến nông thôn. Những năm gần đây, Trung Quốc sử dụng thuốc trừ sâu để kiểm soát sâu bệnh rất có hiệu quả. Diện tích sử dụng thuốc trừ sâu mỗi năm là 2,3 triệu mẫu, lượng phân bón sử dụng mỗi năm cũng lên đến 29,3 triệu tấn, nhưng tỷ lệ sử dụng hiệu quả đối với thuốc trừ sâu và phân bón chỉ đạt 30% (chỉ bằng 1 / 2 so với những khu nông nghiệp tiên tiến ở nước ngoài), phần còn lại đều bốc hơi vào tầng khí quyển hoặc trôi theo dòng nước ngấm vào đất hoặc chảy xuống các ao hồ sông suối, gây nên tình trạng phú dưỡng ở một số thủy vực hoặc làm tăng hàm lượng nitrat trong nguồn nước sử dụng vượt quá tiêu chuẩn. Có đến trên 90% thảo nguyên thiên nhiên bị suy thoái, tính đa dạng trong sinh vật bị giảm thiểu. Đồng thời, cùng với sự phát triển kinh tế và sự gia tăng về dân số, môi trường toàn cầu đang ngày một xấu đi: các vấn đề như tầng ozone bị phá hỏng, rừng mưa nhiệt đới mất dần, hiệu ứng nhà kính và mưa axit v.v.. đang uy hiếp sự sinh



Cùng với sự phát triển từng bước của kinh tế, áp lực trong vấn đề bảo vệ môi trường của Trung Quốc cũng ngày một gia tăng. Trong ảnh là cảnh tượng tảo lam bùng phát ở hồ Đông, thành phố Vũ Hán, tỉnh Hồ Bắc ngày 19 tháng 8 năm 2009.

tồn và phát triển của nhân loại một cách nghiêm trọng. Ô nhiễm môi trường và sinh thái bị phá vỡ đang gây nên những tổn thất vô cùng to lớn đối với kinh tế Trung Quốc, uy hiếp nghiêm trọng đối với sức khỏe và cuộc sống của người dân.

Thứ hai, mức độ đô thị hóa ở Trung Quốc còn thấp cũng là một nhân tố quan trọng cản trở sự phát triển kinh tế. Qua nhiều năm phát triển, mức độ đô thị hóa của Trung Quốc đã có sự phát triển rất lớn, tỷ

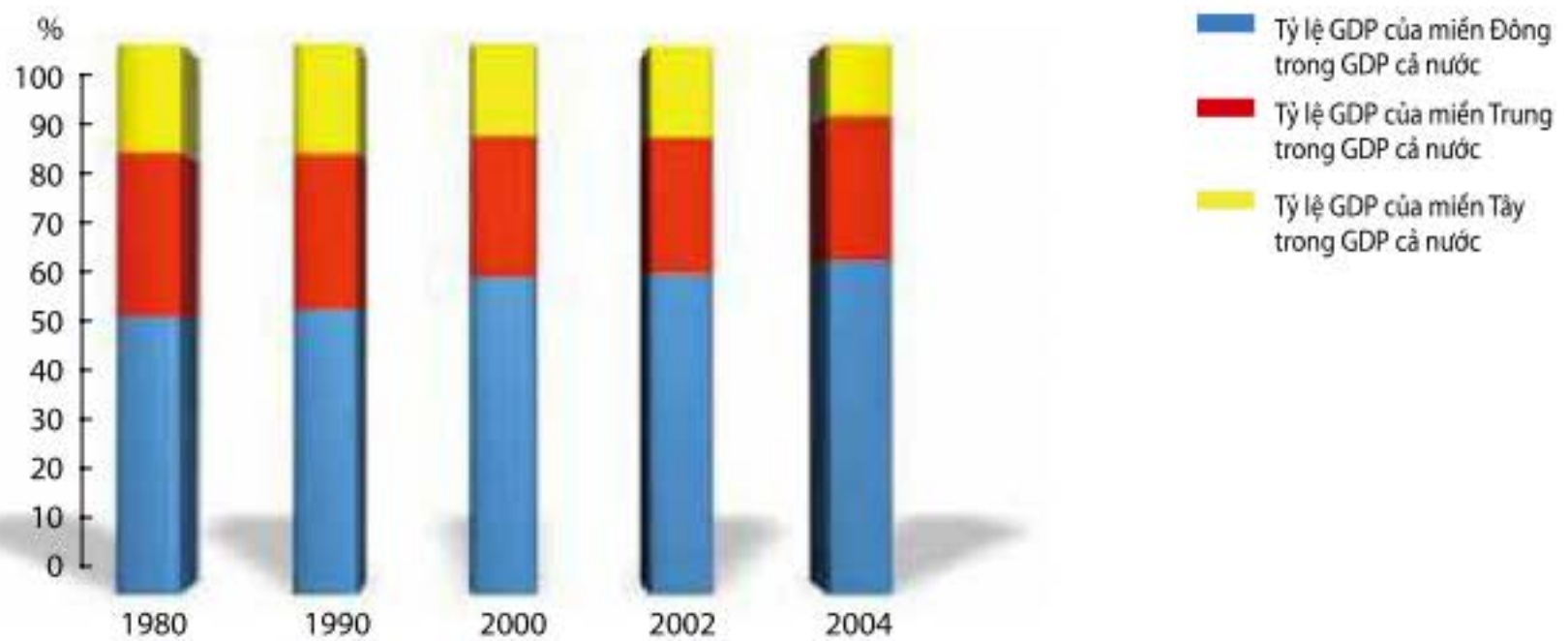
lệ dân số thành phố đã đạt mức 45,7% vào năm 2008, nhưng áp lực đô thị hóa vẫn còn rất nặng nề. Điều này là do Trung Quốc còn một lượng dân số nông thôn rất lớn cần phải chuyển dịch. Theo như tiêu chuẩn của hiện đại hóa thì dân số thành thị ít nhất phải đạt mức 60% mới có thể gọi là một đất nước hiện đại hóa. Nếu dựa theo tiêu chuẩn thấp nhất này, Trung Quốc còn phải đứng trước nhiệm vụ chuyển dịch 200 triệu dân số ở nông thôn để bổ sung vào dân số thành thị. Sau khi những người này



Nâng cao tổ chất của lực lượng lao động dồi dào ở nông thôn là việc làm hiệu quả và thiết thực để thu nhỏ khoảng cách giữa thành thị và nông thôn, cũng là một trong những thử thách quan trọng mà Trung Quốc sẽ phải đối mặt trong tương lai. Trong ảnh là những nhân viên trở về quê ở thành phố Liên Vân Cảng, tỉnh Giang Tô đang tham gia lớp huấn luyện kỹ năng may mặc miễn phí của chính quyền địa phương. Ảnh chụp vào ngày 25 tháng 2 năm 2009.

lên thành phố, để giải quyết vấn đề làm thế nào để họ có thể hoàn thành bước chuyển đổi vai trò từ nông dân sang cư dân thành thị đòi hỏi cần phải có sự đầu tư nhất định của chính phủ về vấn đề tài chính đối với vấn đề giáo dục văn hóa và cơ sở vật chất công cộng. Đồng thời, để giúp cho 200 triệu cư dân thành thị đến từ nông thôn ấy có thể an cư lạc nghiệp tại thành phố, còn phải có sự hỗ trợ của công nghiệp hóa, tức là cần phải cung cấp những chỗ làm mới cho nhóm người này. Làm thế nào để phát triển kinh tế, chuyển đổi phương thức phát triển kinh tế, song song với việc tạo ra nhiều cơ hội việc làm mới, cũng phải nâng cao tiềm lực phát triển kinh tế và khả năng sáng tạo, tất cả những điều này đều là vấn đề nan giải mà chính phủ cần phải đầu tư sức lực để giải quyết. Ngoài ra, do những nguyên nhân như diện tích đất canh tác bình quân đầu người ít, nguồn năng lượng bình quân đầu người không được đầy đủ v.v., môi trường tài nguyên của Trung Quốc cũng trở thành những thử thách rất lớn đối với khả năng chịu đựng của công cuộc đô thị hóa, hiện đại hóa.

Công cuộc cải cách mở cửa của Trung Quốc đã thúc đẩy kinh tế xã hội ở thành thị và nông thôn phát triển nhanh chóng và giành được những thành tựu khiến cả thế giới quan tâm. Mức độ đô thị hóa của Trung Quốc đã được nâng cao lên rất nhiều, đời sống vật chất và đời sống tinh thần của cư dân thành thị cũng như nông thôn đều được cải thiện rõ rệt. Nhưng đặc trưng trong cơ cấu nhị nguyên giữa



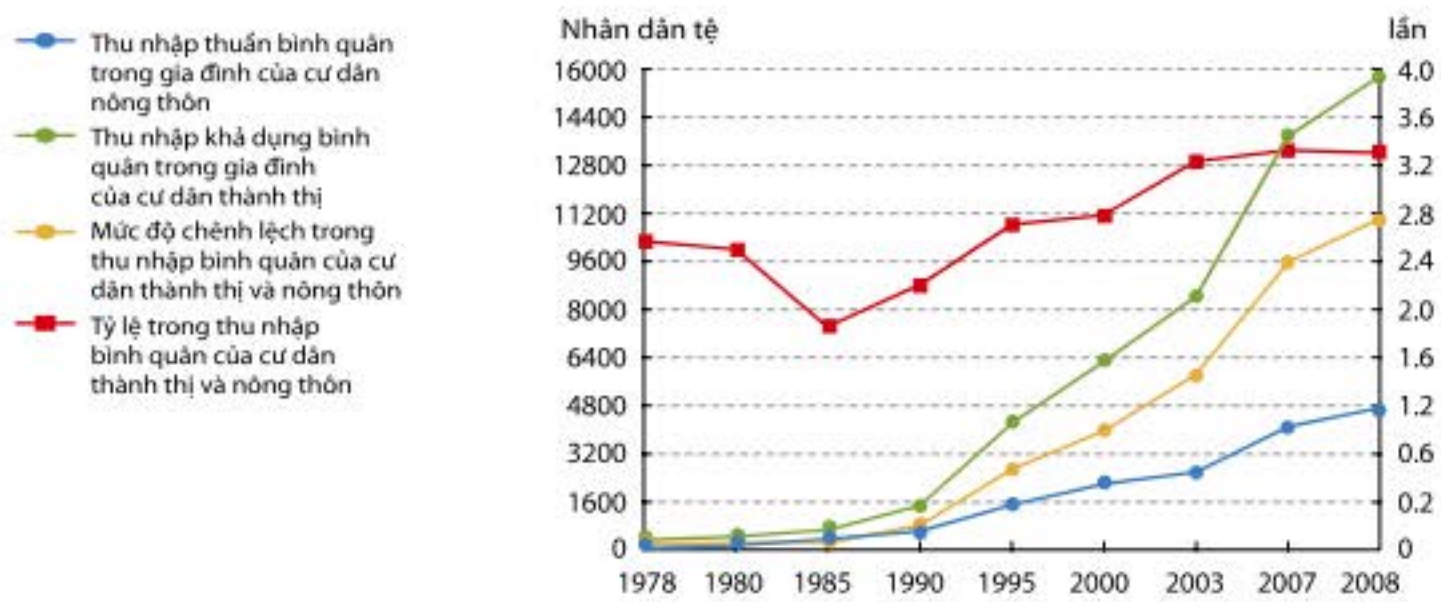
Biểu đồ 5-1.

Sự mất cân đối trong phát triển kinh tế giữa các khu vực của Trung Quốc: 1980 – 2004

thành thị và nông thôn Trung Quốc về cơ bản vẫn chưa được giải quyết. Cư dân thành thị và nông thôn Trung Quốc vẫn thuộc về xã hội mà sự ưu đãi đối với thân phận là không giống nhau, bất kể xét về mặt thu nhập bình quân đầu người, mức độ tiêu dùng hay xét từ góc độ cư dân thành thị và nông thôn được hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội, vệ sinh y tế trình độ văn hóa v.v.. thì sự chênh lệch giữa thành thị và nông thôn vẫn còn rất lớn. Mặc dù những năm gần đây chính phủ đã thực hiện chính sách thống nhất trừ bị phát triển thành thị và nông thôn, nhưng những chênh lệch giữa hai khu vực về cơ bản vẫn chưa có gì thay đổi.

Thứ ba, sự mất cân đối nghiêm trọng trong việc phát triển kinh tế giữa các khu vực cũng trở thành một nhân tố cản trở sự phát triển hài hòa của kinh tế. Do sự khác nhau về cơ sở kinh tế và điều kiện tự nhiên, mức độ phát triển kinh tế của Trung Quốc giữa các khu vực rất không đồng đều, sự phát triển và phân phối của kinh tế đều thể hiện rõ một xu hướng lệch về miền Đông, hụt ở miền Tây, đồng thời sự mất cân đối này còn tiếp tục phát triển thêm nữa (xem Biểu đồ 5-1). Những năm gần đây, tuy các chiến lược đại khai phá miền Tây, chiến lược chấn hưng cơ sở công nghiệp Đông Bắc và chiến lược chấn hưng miền Trung liên tục được thực hiện, nhưng vấn đề phát triển kinh tế mất cân đối giữa các khu vực vẫn còn tồn tại. Những vấn đề này cũng là một thử thách đối với tương lai phát triển kinh tế của Trung Quốc.

Thứ tư, sự chênh lệch quá lớn trong thu nhập của người dân cũng là một nhân tố bất lợi đối với sự tăng trưởng ổn định và bền vững của kinh tế Trung Quốc trong tương lai. Trung Quốc là một nước lớn, tuy tương lai phát triển không thể tách rời việc tận dụng tối đa nguồn vốn và thị trường nước ngoài, nhưng nói một cách cơ bản thì Trung Quốc vẫn phải tự tận dụng những yếu tố trong nước, dựa vào việc không ngừng mở rộng thúc đẩy nhu cầu trong nước để hỗ trợ kinh tế phát triển, mà việc mở rộng nhu cầu trong nước một



Nguồn số liệu: Cục Thống kê Quốc gia Trung Quốc: "Tóm lược thống kê Trung Quốc" và "Báo cáo thống kê về phát triển xã hội và kinh tế quốc dân của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa năm 2008"

Biểu đồ 5-2.
Sự thay đổi trong chênh lệch giữa thành thị và nông thôn: 1978 – 2008

cách có hiệu quả chính là phải thu nhỏ khoảng cách trong thu nhập của người dân. Cùng với sự phát triển của kinh tế Trung Quốc, khoảng cách trong phân phối thu nhập của cư dân thành thị và nông thôn càng có xu hướng rộng thêm, thu nhập khả dụng của cư dân thành thị có xu hướng chiếm tỷ lệ ngày càng cao trong thu nhập khả dụng toàn dân, còn tỷ lệ trong thu nhập khả dụng của nông dân lại có xu thế giảm dần. Do tốc độ gia tăng rất nhanh trong thu nhập của nông dân, nên khoảng cách thu nhập của cư dân thành thị và nông thôn Trung Quốc trong khoảng thời gian "kế hoạch 5 năm lần thứ 6" (từ năm 1980 đến năm 1985) đã được rút lại; thế nhưng bước vào giai đoạn "kế hoạch 5 năm lần thứ 7" cho đến giai đoạn "kế hoạch 5 năm lần thứ 9" (từ năm 1986 đến năm 2000), khoảng cách chênh lệch trong thu nhập của cư dân thành thị và nông thôn lại không ngừng lớn lên (xem Biểu đồ 5-2).

Giữa những nhóm người và tầng lớp khác nhau cũng tồn tại một sự chênh lệch rất lớn trong phân phối thu nhập, thể hiện thấy rõ hiện tượng thu nhập chỉ tập trung vào những nhóm người có thu nhập cao; trong đó tỷ lệ thu nhập của nhóm người có thu nhập ở mức trung bình và mức thấp đang giảm dần còn tỷ lệ thu nhập của những nhóm người có thu nhập cao đang gia tăng. Số liệu công bố của Ngân hàng Thế giới trong "Báo cáo phát triển thế giới 2006" cho thấy, hệ số Gini¹ (mức độ chênh lệch giàu nghèo) trong thu nhập của cư dân Trung Quốc đã từ 0,16 vào thời điểm trước khi cải cách mở cửa tăng lên 0,47 vào năm 2006, không những đã vượt quá giới hạn cảnh báo của quốc tế mà còn vượt qua mức độ của tất cả các nước phát triển trên thế giới. Sự tồn tại của những vấn đề

1 Tiếng Anh: Gini Coefficient, Hệ số Gini dùng để biểu thị độ bất bình đẳng trong phân phối thu nhập. Nó có giá trị từ 0 đến 1 và bằng tỷ số giữa phần diện tích nằm giữa đường cong Lorenz và đường bình đẳng tuyệt đối với phần diện tích nằm dưới đường bình đẳng tuyệt đối. Hệ số này được phát triển bởi nhà thống kê học người Ý Corrado Gini và được chính thức công bố trong bài viết năm 1912 của ông.

này trong phân phối thu nhập cũng sẽ gây ra những ảnh hưởng bất lợi đối với sự phát triển kinh tế xã hội như sau: Một là thu nhập của nông dân tăng trưởng chậm chạp và nhóm người có thu nhập thấp ở thành thị ngày càng lớn hơn, điều này đã cản trở nghiêm trọng đối với việc khai thác thị trường thành thị và nông thôn cũng như việc mở rộng nhu cầu tiêu dùng; Hai là, sự lũng đoạn và cạnh tranh không bình đẳng đã làm cho chênh lệch trong thu nhập càng trở nên lớn, điều đó đã khiến cho tính tích cực, tính sáng tạo trong sản xuất của quần chúng nhân dân bị mai một, hiện tượng này rất bất lợi cho việc nâng cao hiệu quả; Ba là, thái độ bất mãn của quần chúng nhân dân đối với sự phân phối không công bằng cũng như những hiện tượng tham nhũng ngày càng gia tăng, điều này gây những ảnh hưởng lớn đến sự ổn định xã hội.

Thứ năm, do thể chế kinh tế và thể chế chính trị chưa hoàn thiện đã gây nên những hiện tượng tham nhũng, lãng phí trong kinh tế, đó cũng là những nhân tố bất lợi cho sự phát triển ổn định bền vững của kinh tế trong tương lai. Xét từ môi trường chế độ của sự phát triển kinh tế, Trung Quốc đang trải qua sự chuyển đổi kinh tế và chuyển đổi xã hội, không chỉ có thể chế thị trường kinh tế mới được xây dựng còn đang tồn tại rất nhiều lỗ hổng, mà việc thay đổi chức năng kinh tế của chính phủ cũng chưa hoàn thành, những điều này đều bất lợi cho sự phát triển ổn định, bền vững của kinh tế. Nếu xét từ một góc độ sâu xa hơn, với vai trò là sự đảm bảo cơ bản nhất đối với hiệu quả và công bằng của xã hội chủ nghĩa, chế độ dân chủ cũng cần phải được hoàn thiện hơn nữa. Nếu không có sự đảm bảo của chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa hoàn thiện, Trung Quốc rất khó khắc phục được những hiện tượng tồn tại như việc tham nhũng của các quan chức và những hành vi lệch lạc, luồn lách trong khi vận hành kinh tế, như vậy cũng rất khó khăn để thực hiện mục tiêu cuối cùng là “cùng nhau làm giàu”.

II. NHỮNG NHÂN TỐ CÓ LỢI CHO SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ

Là một nước lớn đang phát triển vốn sở hữu nền văn minh xán lạn và lịch sử lâu đời, mặc dù đã trở nên vô cùng tụt hậu trong quá trình công nghiệp hóa của thế giới thời kỳ cận đại, nhưng trong 60 năm kể từ năm 1949, lịch sử đã chứng minh rằng, Trung Quốc hoàn toàn có khả năng, có niềm tin để bước chân vào hàng ngũ các dân tộc thế giới, đồng thời theo kịp các nước phát triển trên thế giới. Sự phát triển của Trung Quốc tuy có nhiều điều kiện và lắm thử thách như đã nói trên, nhưng Trung Quốc cũng có những ưu thế và điều kiện có lợi của riêng mình.

Thứ nhất, chế độ kinh tế cơ bản của Trung Quốc là thể chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa. Trong thể chế này, cơ cấu sở hữu với chủ thể là chế độ công hữu, ngoài ra còn có nhiều chế độ sở hữu kinh tế khác cùng tồn tại và cùng nhau phát triển. Chế độ phân phối với chủ thể là chế độ phân phối theo lao động và được bổ sung bởi các hình thức phân phối khác, trong phân phối sơ cấp thì coi trọng hiệu quả, trong phân phối thứ cấp thì coi trọng công bằng. Cơ cấu chế độ sở hữu và chế độ phân phối đặc biệt của Trung

Quốc không chỉ đảm bảo cho nền kinh tế quốc dân tăng trưởng nhanh chóng trong 30 năm qua, mà còn có lợi cho sự phát triển bền vững của kinh tế Trung Quốc trong tương lai. Trung Quốc hoàn toàn có thể dựa vào cải cách thúc đẩy phát triển, dựa vào phát triển tìm sự ổn định, thực hiện sự tương tác lành mạnh giữa ba yếu tố: cải cách, phát triển và ổn định. Coi chế độ công hữu là chủ thể sẽ đảm bảo được hàng loạt vấn đề liên quan đến sự quan trọng của quốc kế dân sinh và chính phủ sẽ thay mặt toàn thể nhân dân tiến hành quản lý kinh doanh đối với những ngành nghề mang tính lũng đoạn tự nhiên. Các chế độ sở hữu khác cùng tồn tại và phát triển sẽ khuyến khích được các nhà đầu tư nước ngoài và các nhà doanh nghiệp trong nước tự chủ lập nghiệp, phát huy được tính năng động trong xây dựng kinh tế. Chế độ phân phối thể hiện được mục tiêu theo đuổi của xã hội chủ nghĩa mang màu sắc Trung Quốc, đó là: Để cho một số người giàu lên trước, người đi trước giàu kéo theo người đi sau giàu, cuối cùng đạt được mục tiêu "cùng nhau làm giàu".

Thứ hai, hầu hết quần chúng nhân dân Trung Quốc đều có một mong muốn mãnh liệt là xây dựng một quốc gia giàu mạnh, dân chủ, văn minh và hòa hợp. Trong lịch sử phát triển hơn 5 ngàn năm, dân tộc Trung Hoa hình thành nên một tinh thần dân tộc vĩ đại với nòng cốt là chủ nghĩa yêu nước, đó là đoàn kết thống nhất, yêu chuộng hòa bình, dũng cảm can lao, kiên cường bất khuất, những yếu tố này đã trở thành mạch máu tinh thần như ngọn đuốc bất diệt thắp sáng truyền từ đời này sang đời khác. Sau khi cải cách mở cửa vào năm 1978, trong thực tiễn xây dựng xã hội chủ nghĩa hiện đại hóa, nhân dân Trung Quốc lại hình thành nên một hệ thống giá trị nòng cốt của xã hội chủ nghĩa. Tinh thần dân tộc và hệ thống giá trị nòng cốt của xã hội chủ nghĩa đã trở thành một lực lượng tinh thần vững mạnh thúc đẩy Trung Quốc đương đại phát triển và tiến bộ, giúp ích cho sự phát triển kinh tế của Trung Quốc.

Tinh thần dân tộc kiên cường bất khuất là lực lượng tinh thần vững mạnh thúc đẩy Trung Quốc đương đại tiếp tục phát triển và tiến bộ. Trong ảnh là cảnh người dân thành phố Nam Kinh tỉnh Giang Tô tự động xếp thành hàng dài để hiến máu giúp cho những người gặp nạn trong trận động đất tại Tứ Xuyên. Ảnh chụp vào ngày 14 tháng 5 năm 2008.



Thứ ba, năng lực kiểm soát điều chỉnh vĩ mô của Đảng và chính phủ Trung Quốc không ngừng được cải thiện. Lịch sử 60 năm qua đã chứng minh, trong quá trình phát triển kinh tế và xã hội, Đảng Cộng sản Trung Quốc và chính phủ lãnh đạo có khả năng điều chỉnh và xử lý những vấn đề và các mối quan hệ phức tạp, dẫn đường cho nền kinh tế Trung Quốc ổn định tiến lên phía trước. Trong thực tiễn cải cách và phát triển kinh tế, khả năng kiểm soát điều chỉnh vĩ mô của chính phủ Trung Quốc đối với kinh tế ngày càng mạnh mẽ. Lấy thời điểm “hạ cánh an toàn” vào khoảng thời gian từ năm 1993 đến năm 1996 làm ranh giới, biện pháp kiểm soát điều chỉnh vĩ mô của Trung Quốc có nhiều thay đổi lớn. Từ năm 1978 đến năm 1991, biện pháp điều chỉnh kiểm soát vĩ mô của chính phủ Trung Quốc chủ yếu dựa trên hành chính và kế hoạch, mục tiêu điều chỉnh kiểm soát chủ yếu là hạn chế tình trạng lạm phát. Sau năm 1992, thể chế kinh tế thị trường bước đầu được thành lập. Quản lý kinh tế vĩ mô của chính phủ đã từ việc xem biện pháp quản lý hành chính và kế hoạch trực tiếp là chủ yếu phát triển thành xem những biện pháp quản lý gián tiếp như kinh tế, pháp luật v.v.. là chủ yếu; thêm vào đó là những biện pháp trực tiếp như quản lý hành chính cần thiết, đầu tư của chính phủ v.v., Vai trò của chính sách tài chính, tiền tệ ngày càng lớn. Mục tiêu điều chỉnh kiểm soát ngoài việc ngăn chặn tình trạng lạm phát, còn là hạn chế tình trạng thắt chặt lưu thông tiền tệ. Bởi vì, cùng với sự cáo chung của một thời đại thiếu hụt kinh tế, hiện tượng cung lớn hơn cầu ngày càng trở nên phổ biến. Trong phát triển kinh tế, vừa có khả năng xảy ra lạm phát, cũng lại có rủi ro xảy ra tình trạng thắt chặt lưu thông tiền tệ. Thực tế đã chứng minh, từ khi thực hiện cải cách mở cửa đến nay, sáu lần điều chỉnh vĩ mô của chính phủ Trung Quốc đều biểu hiện rất tốt, cho thấy rõ khả năng chèo lái con thuyền kinh tế của chính phủ.

Năm 2008 là một năm càng cho thấy rõ khả năng kiểm soát điều chỉnh vĩ mô của chính phủ càng mạnh hơn. Vào đầu năm, tình trạng vật giá leo thang, kinh tế trở nên quá nóng, chính sách điều chỉnh vĩ mô “hai ngăn chặn” (ngăn chặn cơn sốt đầu tư và ngăn chặn vật giá leo thang) đã được thực hiện. Cùng với những biến động ngày một mạnh mẽ của thị trường tài chính thế giới, tốc độ tăng trưởng trong xuất khẩu của Trung Quốc giảm sút rõ rệt, áp lực lạm phát có đôi chút bớt căng thẳng, nhưng áp lực suy thoái kinh tế lại gia tăng thấy rõ, thế là từ biện pháp điều chỉnh vĩ mô “hai ngăn chặn” đã được chuyển sang chính sách “một đảm bảo, một kiểm soát” (tức là đảm bảo duy trì kinh tế phát triển nhanh chóng ổn định, kiểm soát vật giá leo thang quá nhanh), coi nhiệm vụ hàng đầu là giữ cho nền kinh tế phát triển nhanh chóng ổn định và kiểm soát vật giá leo thang quá nhanh. Bước vào quý 4, khủng hoảng tiền tệ quốc tế đã ảnh hưởng rõ rệt đến thực thể kinh tế, tốc độ tăng trưởng kinh tế của thế giới chậm lại, những ảnh hưởng bất lợi đối với sự phát triển kinh tế của Trung Quốc cũng ngày một rõ nét, chính sách kiểm soát điều chỉnh kinh tế vĩ mô được thay đổi thành “chính sách tài chính tích cực và chính sách nới lỏng tiền tệ phù hợp”. Bên cạnh đó, tập trung vào thúc đẩy tăng trưởng, mở rộng nhu cầu trong nước, điều chỉnh cơ cấu, cải thiện đời sống nhân dân, vừa giải quyết những vấn đề trước mắt, vừa tăng

cường tiềm năng phát triển. Ngoài ra, hàng loạt các chính sách biện pháp về tài chính, tiền tệ, ngành nghề v.v.. cũng được đưa ra. Những chính sách này đã phát huy tác dụng quan trọng đối với việc giảm bớt mức độ thiệt hại trong thảm họa tự nhiên (thảm họa mưa tuyết đóng băng ở miền Nam, thảm họa động đất lớn ở Văn Xuyên, tỉnh Tứ Xuyên v.v.), cũng như giảm bớt những ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu đối với kinh tế Trung Quốc, giữ được nhịp độ phát triển vừa nhanh vừa ổn định của nền kinh tế quốc dân. Sự lớn mạnh trong khả năng điều chỉnh vĩ mô của chính phủ đã giúp ích cho kinh tế Trung Quốc giữ được sự phát triển lành mạnh và ổn định.

Thứ tư, nguồn lao động dồi dào cũng là một sự đảm bảo để kinh tế Trung Quốc có thể tăng trưởng với tốc độ nhanh chóng trong một khoảng thời gian dài. Lực lượng lao động là một trong những yếu tố thúc đẩy kinh tế tăng trưởng. Nó ảnh hưởng đến cơ cấu ngành nghề và cơ cấu nguồn tài nguyên thiên phú của một quốc gia. Tuy rằng mâu thuẫn giữa dân số và nguồn tài nguyên của Trung Quốc vô cùng gay gắt, nhưng đối với sự phát triển của một quốc gia mà nói, nguồn lao động dồi dào chưa chắc đã rơi vào cái mà người ta gọi là “cạm bẫy Malthus”, ngược lại có thể tận dụng lợi thế so sánh để tham gia vào mạng dịch quốc tế, từ đó thúc đẩy kinh tế phát triển. Từ khi cải cách mở cửa vào năm 1978 đến nay, Trung Quốc luôn dựa vào nguồn nhân lực dồi dào để có được lợi thế so sánh trong các ngành nghề có lực lượng lao động tập trung cao, thông qua việc thực hiện chiến lược lợi thế so sánh, Trung Quốc thúc đẩy được sự phát triển liên tục của nền kinh tế. Mặc dù hiện nay Trung Quốc đang chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế, nhưng các ngành nghề có lực lượng lao động tập trung cao vẫn là cách để đảm bảo cho trình độ lao động, thúc đẩy lực lượng lao động ở nông thôn chuyển lên thành thị. Cùng với sự tiến bộ trong kỹ thuật sản xuất nông nghiệp, lực

Trung Quốc sở hữu một nguồn lao động dồi dào, hơn thế tỷ lệ lực lượng lao động có chất lượng cao cũng đang từng bước được nâng lên một cách ổn định. Vào một thời kỳ trong tương lai, điều này có lợi cho việc Trung Quốc giữ được lợi thế so sánh trong nguồn nhân lực dồi dào ấy. Trong ảnh là cảnh tượng ngày hội việc làm và phỏng vấn sinh viên tốt nghiệp mùa hè năm 2009 được tổ chức tại thành phố Hoài An, tỉnh Giang Tô. (Ảnh chụp vào ngày 11 tháng 7 năm 2009)



CẠM BẮY MALTHUS

Nghiên cứu về dân số học đã phát hiện, tình trạng tái sinh sản dân số ngày xưa là tình trạng tỷ lệ sinh đẻ cao và tỷ lệ tử vong cao cùng tồn tại, tỷ lệ sinh đẻ của dân số sau khi đã bị tỷ lệ tử vong loại bớt, thì xu thế của dân số lúc bấy giờ vẫn là tăng trưởng ở mức thấp. Sau cuộc cách mạng công nghiệp, trải qua một khoảng thời gian hơn 100 năm, hiện tượng sinh sản dân số ở phương Tây vốn dĩ nằm trong trạng thái "hai cao một thấp" (tỷ lệ sinh đẻ cao, tỷ lệ tử vong cao, tỷ lệ tăng trưởng thấp) đã dần dần được thay thế bởi xu thế "ba thấp" (tỷ lệ sinh đẻ thấp, tỷ lệ tử vong thấp, tỷ lệ tăng trưởng thấp).

Thomas Robert Malthus cho rằng, chiến tranh, nạn đói và dịch bệnh đều là cách làm cho dân số giảm xuống để phù hợp với trình độ sản xuất của các tư liệu sinh tồn, quan điểm rằng dân số phải tỷ lệ thuận với sự phát triển của nông nghiệp với một hình thức nào đó và một mức độ nào đó chính là một lô gích nội hàm. Malthus còn cho rằng, tăng trưởng dân số là sự tăng trưởng theo cấp số nhân, mà tư liệu sinh tồn lại chỉ tăng trưởng ở cấp số cộng, vì vậy dân số thừa ra phải bị loại bỏ bằng một cách nào đó. Dân số không thể vượt quá trình độ phát triển nông nghiệp tương ứng thì được mọi người gọi là "Cạm bẫy Malthus".

lượng lao động thặng dư mà nông thôn cần phải chuyển dịch cho thành thị vẫn còn rất nhiều. Lực lượng lao động với giá thành rất rẻ này có thể đảm bảo cho Trung Quốc tiếp tục giữ được lợi thế so sánh trong nguồn lao động dồi dào trên thương trường quốc tế.

Cùng với sự nâng cao trình độ giáo dục cũng như những cải thiện về điều kiện vệ sinh y tế, không gian khai thác nguồn nhân lực của Trung Quốc sẽ còn tiếp tục được mở rộng hơn nữa, những tích lũy của nguồn nhân lực cũng sẽ được nâng lên. Mà nguồn nhân lực chính là một nhân tố vô cùng quan trọng trong sự tăng trưởng kinh tế. Lịch sử phát triển kinh tế của thế giới đã chứng minh, sự đóng góp của nguồn nhân lực đối với sự tăng trưởng kinh tế ngày càng lớn. Những nghiên cứu thực tế đối với kinh tế Trung Quốc cũng cho thấy, nguồn nhân lực đã thực sự phát huy vai trò ngày càng quan trọng đối với nền kinh tế của Trung Quốc.

Thứ năm, môi trường quốc tế tương đối rộng thoáng. So với thập niên 50 – 60 của thế kỷ XX, môi trường quốc tế mà hiện nay Trung Quốc đang hội nhập đã được cải thiện rất nhiều. Vào đầu thập niên 70 của thế kỷ XX, Trung Quốc quay trở lại Liên Hiệp Quốc; đồng thời lần lượt thiết lập quan hệ ngoại giao với rất nhiều nước phát triển như Mỹ, Nhật v.v.. Sau khi cải cách mở cửa vào năm 1978, Trung Quốc đã mở cửa hướng ra thế giới, thế giới cũng vẫy tay đón chào Trung Quốc. Vào thập niên 90 của thế kỷ XX, Trung Quốc chính thức đưa ra chính sách xây dựng thể chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa, điều này tiếp tục xóa bỏ thêm các vách ngăn giữa kinh tế Trung Quốc và kinh tế quốc tế. Môi trường quốc tế rộng thoáng có lợi cho việc Trung Quốc tập trung sức lực để tiến hành xây dựng kinh tế, cũng có lợi cho việc Trung Quốc tận dụng triệt để nguồn vốn đầu tư nước ngoài và thị trường ngoài nước để phát triển bản thân. Năm 2001, Trung Quốc gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), việc tận dụng thị trường quốc tế đã tiếp tục được mở rộng thêm nữa, từng bước hội nhập vào làn sóng toàn cầu hóa kinh tế. Những năm gần

đây, mức độ phụ thuộc vào mậu dịch thương mại Trung Quốc không ngừng được nâng cao, kim ngạch xuất nhập khẩu cũng không ngừng gia tăng, đầu tư từ hải ngoại cũng cho thấy một xu thế mạnh mẽ chưa từng có, tất cả những điều này đều chứng tỏ rằng, Trung Quốc đang ngày một hòa nhập vào gia đình phát triển kinh tế của toàn thế giới. Trung Quốc có thể tận dụng triệt để hai nguồn vốn đầu tư trong nước và quốc tế, tiến hành tổ chức tối ưu các nguồn vốn; đồng thời cũng có thể tận dụng triệt để hai thị trường trong nước và quốc tế. Tất cả những lợi thế này đã cung cấp cho Trung Quốc nhiều cơ hội hơn nữa để điều chỉnh và nâng cao khả năng cạnh tranh kinh tế.

III. CHIẾN LƯỢC “BA BƯỚC” VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ CỦA TRUNG QUỐC TRONG TƯƠNG LAI

Ngay từ những thập niên 50 – 60 của thế kỷ XX, chính phủ Trung Quốc đã từng đưa ra mục tiêu to lớn là, đến cuối thế kỷ XX phải thực hiện được “bốn hiện đại hóa” (tức là hiện đại hóa công nghiệp, hiện đại hóa nông nghiệp, hiện đại hóa khoa học kỹ thuật và hiện đại hóa quốc phòng). Sau khi cải cách mở cửa vào năm 1978, căn cứ theo tình hình cơ bản trong nước và khả năng phát triển kinh tế của Trung Quốc, Đặng Tiểu Bình đã đề ra chiến lược “ba bước” để phát triển kinh tế Trung Quốc một cách rất thực tế. Về sau chiến lược này vẫn tiếp tục được hoàn thiện hơn, đó chính là: Đến cuối thế kỷ XX, phải thực hiện nhiệm vụ làm cho nền kinh tế quốc dân “tăng gấp 3”, để đời sống nhân dân đạt được mức độ no ấm; Đến khoảng năm 2021, cơ bản xây dựng chế độ kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa hoàn thiện và thực hiện xã hội ấm no hạnh phúc một cách toàn diện; Đến khoảng năm 2049, tức là khi kỷ niệm Nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa thành lập 100 năm, về cơ bản Trung Quốc đã thực hiện được công cuộc hiện đại hóa, theo kịp các nước phát triển ở mức độ trung bình trên thế giới.

Bắt đầu từ năm 1953 đến năm 2005, Trung Quốc đã thực hiện được mười lần “kế hoạch 5 năm”, từ năm 2006 bắt đầu thực hiện “quy hoạch 5 năm” lần thứ 11, đây cũng là thời điểm mấu chốt kết nối giữa quá khứ và tương lai trong việc xây dựng xã hội ấm no hạnh phúc toàn diện. Quy hoạch “5 năm lần thứ 11” đã xác định mục tiêu phát triển là: Trong thời gian từ năm 2006 đến năm 2010, vừa phải kế thừa những xu thế phát triển tốt đẹp của giai đoạn trước,



Trong thời kỳ mới, “xã hội ấm no hạnh phúc” được giao thêm những nội dung mới.

MỤC TIÊU CỦA "QUY HOẠCH 5 NĂM LẦN THỨ 11" (2006 – 2010)

Trong thời kỳ thực hiện "quy hoạch 5 năm lần thứ 11", Trung Quốc cần phải thực hiện phát triển kinh tế quốc dân liên tục, ổn định, nhanh chóng, lành mạnh, hài hòa và tiến bộ xã hội toàn diện, giành được những tiến triển mang tính giai đoạn quan trọng trong việc xây dựng xã hội ấm no hạnh phúc toàn diện. Trên cơ sở chuẩn hóa cơ cấu, nâng cao hiệu quả và giảm bớt hao tổn, thực hiện mục tiêu tổng giá trị sản phẩm quốc nội năm 2010 sẽ tăng gấp đôi so với năm 2000. Đồng thời yêu cầu, hiệu quả tận dụng nguồn vốn phải được nâng cao rõ rệt, mức tiêu tốn năng lượng trên đơn vị tổng giá trị sản phẩm quốc nội sẽ giảm khoảng 20% so với cuối thời kỳ "kế hoạch 5 năm lần thứ 10", về cơ bản ngăn chặn được tình trạng thoái hóa của môi trường sinh thái, tình trạng diện tích đất canh tác bị giảm bớt quá nhiều cũng cần được kiểm soát một cách có hiệu quả; hình thành nên một loạt thương hiệu nổi tiếng có quyền sở hữu trí tuệ và các công ty có ưu thế có sức cạnh tranh mạnh mẽ trên trường quốc tế; thể chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa tương đối hoàn thiện, mô hình kinh tế mở cửa đạt được trình độ mới, thu chi quốc tế cân đối về cơ bản; phổ cập và củng cố nghĩa vụ giáo dục 9 năm, cơ hội việc làm ở thành thị tiếp tục tăng thêm, hệ thống đảm bảo xã hội tương đối kiện toàn, dân số nghèo giảm thiểu rõ rệt; mức độ thu nhập và chất lượng cuộc sống của cư dân thành thị và nông thôn được nâng cao một cách phổ biến, mức giá chung ổn định về cơ bản, những điều kiện về các mặt nhà ở, giao thông, giáo dục, văn hóa, y tế và môi trường v.v.. được cải thiện rõ rệt; xây dựng pháp chế dân chủ và xây dựng văn minh tinh thần giành được bước tiến triển mới, an ninh xã hội và tình trạng an toàn trong sản xuất lao động tiếp tục có những biến chuyển tốt, xây dựng xã hội hài hòa cũng giành được những bước tiến triển mới.

vừa phải đặt nền tảng phát triển tốt đẹp cho 10 năm tiếp theo; vừa phải kết nối với mục tiêu phát triển xã hội ấm no hạnh phúc toàn diện, vừa phải thể hiện tính giai đoạn trong thời kỳ 5 năm; vừa phải tích cực đi lên, khuyến khích mọi người, dự tính tốt đẹp đối với tình hình thị trường, tạo cho người dân có thêm nhiều hy vọng, vừa phải căn cứ vào thực tế, thiết thực thực hiện, cân nhắc đầy đủ các giai đoạn phát triển và những điều kiện gây ách tắc cho sự phát triển, dự tính đầy đủ đối với những nhân tố thiếu tính xác định để có thể thực hiện được mục tiêu phát triển bằng nỗ lực của chính mình.

Năm 2007, Đại hội Đảng Cộng sản Trung Quốc lần thứ 17 tiếp tục đưa ra yêu cầu mới đối với việc xây dựng xã hội ấm no hạnh phúc toàn diện, đó là GDP bình quân đầu người đến năm 2020 phải tăng gấp 3 so với năm 2000. Như vậy đã từ mục tiêu "tổng lượng" GDP tăng gấp ba chuyển đổi thành mục tiêu GDP "bình quân đầu người" tăng gấp ba. Đương nhiên, mục tiêu phấn đấu xây dựng xã hội ấm no hạnh phúc toàn diện không phải chỉ đơn thuần là một chỉ số phát triển kinh tế, mà là một mục tiêu hoàn toàn phù hợp với việc đẩy nhanh tiến trình hiện đại hóa và gắn liền chặt chẽ với sự nghiệp vĩ đại, xây dựng và phát triển chủ nghĩa xã hội mang màu sắc Trung Quốc một cách toàn diện. Vì vậy, trung ương tiếp tục mở rộng mục tiêu "xây dựng một đất nước hiện đại hóa xã hội chủ nghĩa văn minh, dân chủ, giàu mạnh" thành mục tiêu "xây dựng một đất nước hiện đại hóa xã hội chủ nghĩa hài hòa, văn minh, dân chủ, giàu mạnh". Yêu cầu mới cho việc thực hiện mục tiêu phấn đấu xây dựng xã hội ấm no hạnh phúc

toàn diện là phải tăng cường phát triển tính hài hòa, cố gắng thực hiện phát triển kinh tế vừa nhanh vừa chất lượng; mở rộng dân chủ xã hội chủ nghĩa, đảm bảo tốt hơn quyền lợi nhân dân và xã hội công bằng chính nghĩa; tăng cường xây dựng văn hóa, nâng cao rõ rệt chất lượng văn minh toàn dân tộc; nhanh chóng phát triển sự nghiệp xã hội chủ nghĩa, cải thiện đời sống nhân dân một cách toàn diện; xây dựng văn minh sinh thái, cơ bản hình thành cơ cấu ngành nghề, hình thức tăng trưởng, hình thức tiêu dùng tiết kiệm nguồn năng lượng và bảo vệ môi trường sinh thái.



Sau khi mục tiêu xây dựng xã hội ấm no hạnh phúc toàn diện được thực hiện, tức là khoảng năm 2021, Trung Quốc – một nước văn minh cổ đại có lịch sử lâu đời và một nước lớn đang phát triển này sẽ trở thành một quốc gia đã thực hiện cơ bản công cuộc hiện đại hóa, sức mạnh tổng hợp lớn mạnh, quy mô tổng thể của thị trường trong nước đứng vào hàng đầu của thế giới; sẽ trở thành nước có trình độ dân giàu được nâng cao phổ biến, chất lượng đời sống được cải thiện rõ rệt và môi trường sinh thái trong lành; sẽ trở thành nước mà nhân

dân đều được hưởng quyền lợi dân chủ đầy đủ, có khát vọng cao hơn nữa về văn minh vật chất và văn minh tinh thần; sẽ trở thành nước mà mọi chế độ đều hoàn thiện hơn, xã hội tràn trề sức sống và ổn định đoàn kết hơn; sẽ trở thành nước cởi mở hơn nữa về đối ngoại, thân thiện hữu hảo hơn nữa và đóng góp nhiều hơn nữa cho nền văn minh của nhân loại.

Trong nền kinh tế Trung Quốc hiện nay, kinh tế mạng đang phát huy vai trò ngày càng quan trọng hơn.

VỊ TRÍ VÀ VAI TRÒ CỦA TRUNG QUỐC TRONG KINH TẾ THẾ GIỚI

Những năm gần đây, cùng với sự phát triển của kinh tế Trung Quốc, những nhìn nhận của thế giới đối với Trung Quốc ngày càng nhiều hơn. Có người đánh giá cao tương lai của Trung Quốc, cho rằng Trung Quốc chắc chắn sẽ trỗi dậy; có người lại đánh giá thấp tương lai của Trung Quốc, cho rằng nền kinh tế của Trung Quốc sẽ sụp đổ; có người còn đưa ra ý kiến rằng, cho dù Trung Quốc trỗi dậy hay sụp đổ, cũng đều là một sự uy hiếp đối với thế giới, vì thế đã đặt sự phát triển và cải cách của Trung Quốc cùng với sự phồn vinh hòa bình của thế giới vào thế đối lập nhau. Thực ra, sự phát triển của Trung Quốc đã trở thành một nhân tố quan trọng thúc đẩy sự hòa hợp của thế giới, mà việc đưa ra lý luận “thế giới hòa hợp” sẽ tích cực hơn nữa trong việc điều tiết mối quan hệ giữa Trung Quốc và thế giới. Trung Quốc sẽ tiếp tục trở thành một động cơ để thúc đẩy kinh tế thế giới phát triển, trở thành sức mạnh ổn định của hòa bình thế giới và trở thành cánh tay thúc đẩy văn minh thế giới tiếp tục tiến về phía trước.



I. THÀNH VIÊN QUAN TRỌNG TRONG ĐẠI GIA ĐÌNH KINH TẾ THẾ GIỚI

Ước mơ Trung Quốc sẽ trở thành một thành viên quan trọng không thể thiếu trong đại gia đình kinh tế thế giới đã có ngay từ khi Tôn Trung Sơn lật đổ đế chế và thành lập dân quốc. Việc nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa thành lập vào năm 1949 đã thực hiện được độc lập quốc gia của Trung Quốc và giành được sự tôn trọng của nhân dân thế giới. Nhưng do mối quan hệ chiến tranh lạnh, trong suốt một thời gian dài, nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa đã không được thế giới chủ nghĩa tư bản phương Tây trong đó đứng đầu là Mỹ thừa nhận. Sau thập niên 70 của thế kỷ XX, cùng với sự thay đổi trong cơ cấu chính trị thế giới, Trung Quốc đã khôi phục lại vị trí hợp pháp của mình trong Liên Hiệp Quốc, đồng thời lần lượt thiết lập mối quan hệ ngoại giao với các nước chủ yếu ở phương Tây.

Năm 1971, sau khi khôi phục lại vị trí hợp pháp trong Liên Hiệp Quốc, Trung Quốc đã đủ tư cách gia nhập vào Hiệp ước chung về Thuế quan và Mậu dịch (General Agreement on Tariffs and Trade, viết tắt là GATT). Thế nhưng, do những ràng buộc trong môi trường quốc tế và những ảnh hưởng của lý luận về hai thị trường thế giới¹ của xã hội chủ nghĩa, Trung Quốc chỉ coi mậu dịch đối ngoại là biện pháp bổ sung để chủ nghĩa xã hội mở rộng tái sản xuất, chức năng chỉ giới hạn ở việc trao đổi giữa không và có, điều tiết giữa thiếu và thừa. Vì vậy, không thể tận dụng một cách đầy đủ phân công và trao đổi quốc tế, không coi trọng việc phát huy lợi thế so sánh của bản thân, từ đó cũng không thể tận dụng một cách triệt để nguồn vốn đầu tư và thị trường nước ngoài. Từ năm 1953 đến năm 1978, tỷ lệ kim ngạch xuất khẩu của Trung Quốc từ mức chiếm 1,23% tổng kim ngạch xuất khẩu của thế giới đã giảm xuống còn 0,75%, từ vị trí thứ 17 trên thế giới đã tụt xuống vị trí thứ 32.

Sau khi cải cách mở cửa vào năm 1978, chính phủ Trung Quốc đã nghiên cứu và cân nhắc tình hình, cho rằng hòa bình và phát triển là chủ lưu của cả thế giới, chiến tranh hoàn toàn có thể tránh khỏi. Trung Quốc nên nắm bắt cơ hội phát triển kinh tế thế giới, tích cực thu hút kỹ thuật và đầu tư nước ngoài để phát triển kinh tế của mình, đồng thời quay trở về với đại gia đình thế giới, phát triển mậu dịch với từng thành viên trong đại gia đình thế giới này. Bắt đầu từ năm 1982, Trung Quốc đã đặt chân lên con đường trở về. Tháng 9 năm 1982, Trung Quốc đưa ra đề nghị về tư cách quan sát viên của Hiệp ước chung về Thuế quan và Mậu dịch; đến tháng 7 năm 1986, Trung Quốc đưa ra đề nghị khôi phục lại vị trí quyền hạn của một nước trong Hiệp ước chung về Thuế quan và Mậu dịch.

Trải qua 15 năm đàm phán khôi phục lại vị trí và tư cách trong Hiệp ước chung về Thuế quan và Mậu dịch cũng như gia nhập tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), cuối cùng Trung Quốc cũng đã đạt được ý nguyện vào năm 2001, trở thành một thành viên trong đại gia đình kinh tế thế giới. Gia nhập tổ chức Thương mại Thế giới là một lựa chọn tất yếu để Trung Quốc có thể tham gia vào phân công quốc tế và thích ứng với xu thế toàn cầu hóa kinh tế. Việc Trung Quốc gia nhập WTO cũng sẽ thúc đẩy sự tuần hoàn có lợi cho mậu dịch kinh tế thế giới, cuối cùng mang lại lợi ích chính thể cho các nước trên

¹ Thị trường thế giới xã hội chủ nghĩa và Thị trường thế giới tư bản chủ nghĩa.



thế giới, trong đó có cả bản thân Trung Quốc. Đồng thời việc gia nhập WTO sẽ giúp cho Trung Quốc có thể tiến hành mậu dịch và hợp tác kinh tế quốc tế trong nguyên tắc ưu đãi tối huệ quốc mà các nước thành viên trong tổ chức Thương mại Thế giới cung cấp, đó là đa phương, ổn định và vô điều kiện. Trung Quốc cũng sẽ tiếp tục mở cửa thị trường trong các lĩnh vực như mậu dịch hàng hóa, thương mại dịch vụ v.v., đồng thời tích cực thực hiện chiến lược “đi ra ngoài”, đẩy mạnh việc tham gia các sự vụ kinh tế quốc tế của Trung Quốc trên phạm vi rộng hơn và ở mức độ sâu hơn nữa, từ đó tạo cho công cuộc xây dựng hiện đại hóa của Trung Quốc một môi trường quốc tế có lợi hơn. Gia nhập WTO, Trung Quốc sẽ mở rộng ảnh hưởng của cơ chế vận hành thị trường quốc tế đối với thị trường trong nước, có ích cho việc Trung Quốc hoàn thiện cơ chế thị trường và phát triển hệ thống thị trường, từ đó triển khai tài nguyên xã hội một cách có hiệu quả hơn, thực hiện lưu chuyển hợp lý giữa hàng hóa và yếu tố sản xuất. Trung Quốc cũng có thể dựa trên cơ sở này để tích cực tận dụng hai nguồn vốn trong và ngoài nước, hai thị trường quốc tế và trong nước để phát triển kinh tế, đồng thời cũng làm cho kinh tế thế giới càng đặc sắc hơn vì có sự góp mặt của Trung Quốc.

Cùng với việc tích cực tham gia toàn cầu hóa kinh tế, Trung Quốc cũng tích cực tham gia tổ chức kinh tế khu vực, phát huy tác dụng, vai trò trong phát triển kinh tế khu vực. Toàn cầu hóa và khu

Tháng 11 năm 2001, Trung Quốc chính thức gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), đánh dấu việc Trung Quốc chính thức trở thành một bộ phận cấu thành quan trọng trong hệ thống kinh tế thế giới.

Ngày 27 tháng 7 năm 2009, đối thoại chiến lược và kinh tế Trung Mỹ vòng đầu tiên được tổ chức tại Washinton, Mỹ. Tổng thống Mỹ Obama đã gặp gỡ Ủy viên Quốc vụ Trung Quốc Đới Bình Quốc và Phó Thủ tướng Trung Quốc Vương Kỳ Sơn. Ông Vương Kỳ Sơn bày tỏ rằng, một nền kinh tế Trung Quốc cởi mở hơn, giàu tiềm năng hơn sẽ mang lại cho các nước trên thế giới, trong đó có cả Mỹ những cơ hội phát triển rất lớn.



vực hóa kinh tế là xu thế lớn của phát triển kinh tế thế giới, bất cứ quốc gia nào nếu muốn phát triển kinh tế đều không thể tách rời xu thế này. Là một nước lớn đang phát triển, tất nhiên Trung Quốc cũng phải thuận theo xu thế lịch sử này, không ngừng hội nhập vào phát triển kinh tế thế giới. Sự phát triển của Trung Quốc không thể tách rời thế giới, sự phát triển của thế giới cũng không thể tách khỏi Trung Quốc. Trung Quốc kiên trì cải cách đối ngoại, không bao giờ thực hiện chính sách phong tỏa nữa.

Ngày 15 tháng 9 năm 2005, tại Hội nghị thượng đỉnh 60 năm thành lập Liên Hiệp Quốc, Chủ tịch nước Hồ Cẩm Đào đã có bài phát biểu quan trọng với chủ đề "Nỗ lực xây dựng thế giới hòa hợp cùng nhau phát triển, hòa bình bền vững". Ông nêu rõ, sự phát triển kinh tế của Trung Quốc sẽ có lợi cho hòa bình và ổn định trên toàn cầu, không bao giờ trở thành mối nguy hại cho xã hội quốc tế. Trung Quốc sẽ luôn gắn liền chặt chẽ sự phát triển của bản thân cùng với sự tiến bộ của toàn nhân loại, vừa tận dụng triệt để những cơ hội của thế giới hòa bình mang lại để phát triển bản thân, vừa dựa vào sự phát triển hơn nữa của bản thân để bảo vệ hòa bình thế giới, thúc đẩy cùng nhau phát triển. Sự phát triển của Trung Quốc sẽ không cản trở bất cứ ai, cũng không nguy hại đến bất cứ ai, Trung Quốc sẽ chỉ tận dụng sự hòa bình ổn định của thế giới để cùng nhau phồn vinh.

Vào năm 2008, đứng trước cục diện khủng hoảng tài chính toàn cầu ngày càng trở nên nghiêm trọng, Trung Quốc đã tuyên bố với cả thế giới về chủ trương của mình, truyền bá niềm tin và thúc đẩy hợp tác. Vào tháng 4 năm 2009, tại Hội nghị thượng đỉnh về tài chính của các lãnh đạo tập đoàn 20 nước, Chủ tịch Hồ Cẩm Đào đã đưa ra bốn đề nghị để thúc đẩy kinh tế thế giới tăng trưởng, một lần nữa khẳng định Trung Quốc sẽ tích cực tham gia hợp tác quốc tế để đối phó với khủng hoảng tài chính toàn cầu, sẽ có những đóng góp

cần thiết để thúc đẩy hồi phục sự tăng trưởng của kinh tế thế giới. “Các nước trên toàn cầu đều cùng đi chung trên con thuyền kinh tế của thế giới, đứng trước những trận sóng hoành hành của đợt khủng hoảng tài chính toàn cầu, chỉ khi nào tất cả các thành viên trên con thuyền đều đồng tâm hiệp lực, cùng nhau vượt qua phong ba bão táp, cùng khắc phục những khó khăn gian khổ, thì mới có thể chèo lái con thuyền kinh tế này cập bến bờ một cách bình an vô sự, mới có thể giảm thiểu ở mức độ thấp nhất những ảnh hưởng bất lợi do cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu này gây nên, cố gắng hồi phục sự tăng trưởng của kinh tế thế giới trong thời gian sớm nhất”. Đây là những lời nói mà Chủ tịch Hồ Cẩm Đào thay mặt cho cả đất nước Trung Quốc phát biểu trong hội nghị.

Tại hội nghị của các bộ trưởng Bộ Tài chính trong tập đoàn 20 nước cùng với Ngân hàng Thế giới tổ chức tại Luân Đôn nước Anh vào ngày 4 và 5 tháng 9 năm 2009, Bộ trưởng Bộ Tài chính Trung Quốc Tạ Húc Nhân bày tỏ, chính phủ Trung Quốc đã áp dụng hàng loạt các kế hoạch để thúc đẩy kinh tế Trung Quốc tăng trưởng và đã mang lại hiệu quả rõ rệt, kinh tế hồi phục tăng trưởng ổn định, nhưng cơ sở vẫn chưa được vững chắc. Bước tiếp theo sẽ tiếp tục thực hiện các chính sách tài chính tích cực và chính sách nới lỏng tiền tệ thích hợp để củng cố xu thế hồi phục tăng trưởng của kinh tế một cách vững chắc, thúc đẩy kinh tế phát triển nhanh và ổn định. Ông nêu rõ, hiện nay kinh tế thế giới đang trong giai đoạn phục hồi then chốt, các nước nên duy trì tính liên tục và tính ổn định của các chính sách kinh tế vĩ mô, phản đối chủ nghĩa bảo hộ ở mọi hình thức, thúc đẩy kinh tế toàn cầu hồi phục tăng trưởng. Ông nhấn mạnh, các nước cần phải cùng nhau cố gắng, đẩy nhanh cải cách cơ cấu tiền tệ quốc tế, điều chỉnh cơ cấu cổ phần và quyền bầu cử, nâng cao hơn nữa quyền phát ngôn và tính đại diện của các nước đang phát triển.

Cùng tham dự hội nghị, Thống đốc ngân hàng Nhân dân Trung Quốc Chu Tiểu Xuyên cho rằng, các nước cần phải tiếp tục duy trì quan hệ hợp tác chặt chẽ, thúc đẩy kinh tế hồi phục và hệ thống tiền tệ vận hành ổn định. Ông đôn đốc Quỹ Tiền tệ Quốc tế cần tăng cường cảnh báo nguy cơ, cải thiện giám sát quản lý, giảm bớt những ảnh hưởng của các nhân tố đồng chu kỳ¹ trong hệ thống tiền tệ, tăng cường hợp tác quản lý giám sát và xử lý nguy cơ đa quốc gia, trên cơ sở quản lý giám sát chủ quyền, nâng cao tính khách quan, tính thống nhất và tính hiệu quả của tiêu chuẩn quản lý giám sát đối với tiền tệ quốc tế, hoàn thiện và mở rộng nguyên tắc then chốt trong hệ thống bảo hiểm tiết kiệm và cơ chế bảo vệ người đầu tư một cách hiệu quả.

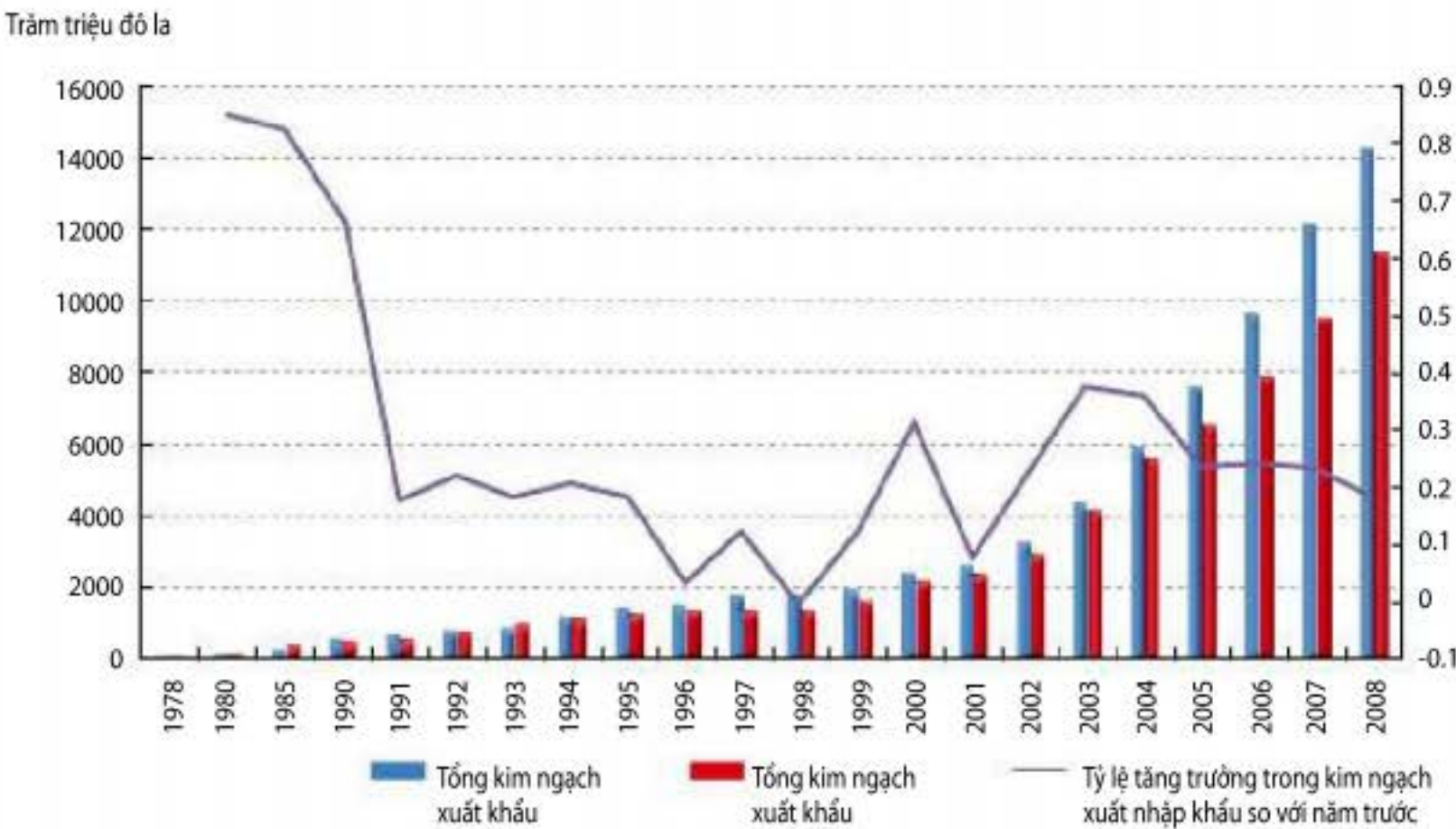
II. TRUNG QUỐC TRONG LÀN SÓNG TOÀN CẦU HÓA KINH TẾ

Từ khi cải cách mở cửa vào năm 1978 đến nay, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa của Trung Quốc tăng trưởng rất mạnh. Năm 1978, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu chỉ có 35,5 tỷ nhân dân tệ, nhưng đến năm 2007, con số này đã trở thành 16.674,02 tỷ nhân dân tệ. Năm 1978, tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa là 16,76 tỷ nhân dân tệ,

¹ Tiếng Anh: Pro-cyclicality, trong lý thuyết chu kỳ kinh doanh, một biến kinh tế tương quan dương và tăng trưởng đồng thời với toàn bộ nền kinh tế được gọi là đồng/cùng chu kỳ. Những biến tăng khi toàn bộ nền kinh tế giảm được gọi là phản chu kỳ.

tổng ngạch nhập khẩu là 18,74 tỷ nhân dân tệ, thâm hụt thương mại là 1,98 tỷ nhân dân tệ, nhưng đến năm 2007, con số tương ứng đã lên đến 9.345,56 tỷ nhân dân tệ, 7.382,46 tỷ nhân dân tệ và thặng dư thương mại là 2.017,11 tỷ nhân dân tệ. Xét về quy mô thương mại, trong thời kỳ mới vừa cải cách mở cửa vào năm 1978, quy mô thương mại của Trung Quốc chỉ đứng ở hàng thứ 29 trên thế giới, đến năm 2004, Trung Quốc đã leo lên vị trí thứ 3. Tốc độ gia tăng trong tổng kim ngạch xuất nhập khẩu mậu dịch thay đổi cùng với sự thay đổi trong môi trường quốc tế. Ví dụ vào thời điểm xảy ra khủng hoảng tài chính châu Á, tốc độ tăng trưởng của tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa của Trung Quốc tương đối thấp. Năm 2008, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa của Trung Quốc là 2.561,6 tỷ đô la, chỉ tăng trưởng 17,8% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa là 1.428,5 tỷ đô la, tăng trưởng 17,2%; tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa là 1,133,1 tỷ đô la, tăng lên 18,5%. Chênh lệch giữa xuất khẩu và nhập khẩu (xuất khẩu trừ đi nhập khẩu) là 295,5 tỷ đô la, tăng lên 32,8 tỷ đô so với cùng kỳ năm trước.

Một tiêu chí khác để Trung Quốc lớn mạnh thành một nước mậu dịch lớn chính là sự gia tăng của mức độ phụ thuộc thương mại (tức là tỷ lệ giữa kim ngạch xuất nhập khẩu và GDP, là một chỉ số biểu thị vị thế của hoạt động mậu dịch nằm trong hoạt động kinh tế quốc dân). Thời đại kinh tế kế hoạch, do sự phong tỏa của môi trường quốc tế đối với Trung Quốc cũng như việc thực hiện chiến lược thay thế xuất nhập khẩu của Trung Quốc, quy mô mậu dịch của Trung Quốc rất nhỏ, chủ yếu là xuất khẩu số lượng lớn sản phẩm



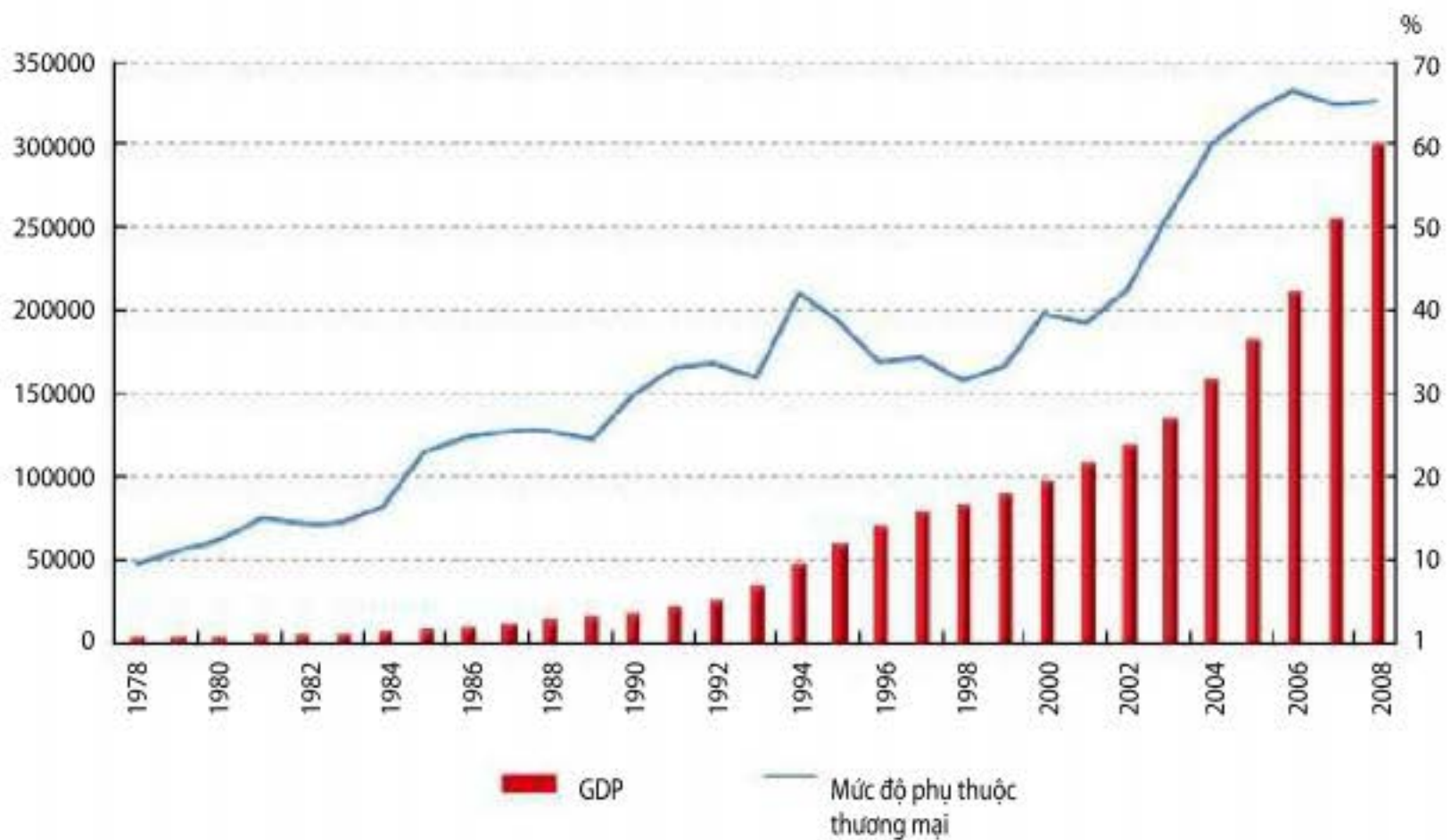
Nguồn số liệu: Cục Thống kê Quốc gia Trung Quốc: “Niên giám thống kê Trung Quốc: 2008”; “Tóm lược thống kê Trung Quốc: 2008” và “Báo cáo thống kê về phát triển xã hội và kinh tế quốc dân của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa năm 2008”

Biểu đồ 6-1.
Kim ngạch và tốc độ tăng trưởng trong xuất nhập khẩu hàng hóa của Trung Quốc: 1978 – 2008

nông nghiệp, sau đó mới hoán đổi lại một số thiết bị công nghiệp từ khối những nước xã hội chủ nghĩa. Sau khi cải cách mở cửa vào năm 1978, quy mô mậu dịch của Trung Quốc bắt đầu được mở rộng thêm. Nhưng vào thời kỳ ban đầu, mức độ phụ thuộc thương mại vẫn còn khá thấp. Vào năm 1978, mức độ phụ thuộc thương mại của Trung Quốc không đến 10%. Sau đó thể hiện một xu hướng gia tăng về tổng thể. Vào thập niên 90 của thế kỷ XX, tỷ lệ này đã vượt quá 30%. Những năm gần đây, tỷ lệ này đã đạt khoảng 65% (xem Biểu đồ 6-2). Mức độ phụ thuộc thương mại của Trung Quốc cao hơn so với mức bình quân của quốc tế, điều này cho thấy nước lớn cũng có thể thực hiện chiến lược phát triển theo định hướng xuất khẩu.

Từ năm 1978 đến nay, phương thức mậu dịch của Trung Quốc cũng như cơ cấu hạch toán cũng xảy ra nhiều thay đổi rõ rệt. Bắt đầu từ cuối thập niên 80 của thế kỷ 20, Trung Quốc tích cực khuyến khích trực tiếp đầu tư nước ngoài đến Trung Quốc để xây dựng các xí nghiệp gia công thương mại, các sản phẩm sẽ dùng để xuất khẩu. Những công ty đầu tư nước ngoài này sử dụng ngoại tệ đầu tư để mua nguyên vật liệu nhập khẩu và hàng hóa tư bản, rồi lại dùng ngoại tệ đầu tư để mua tiền trong nước để chi trả lương cho nhân công trong nước và những chi phí mua bán trong nước, còn lợi nhuận đến từ thu nhập từ doanh số bán hàng ở nước ngoài. Do những ảnh hưởng của những chính sách này, một

Trăm triệu Nhân dân tệ



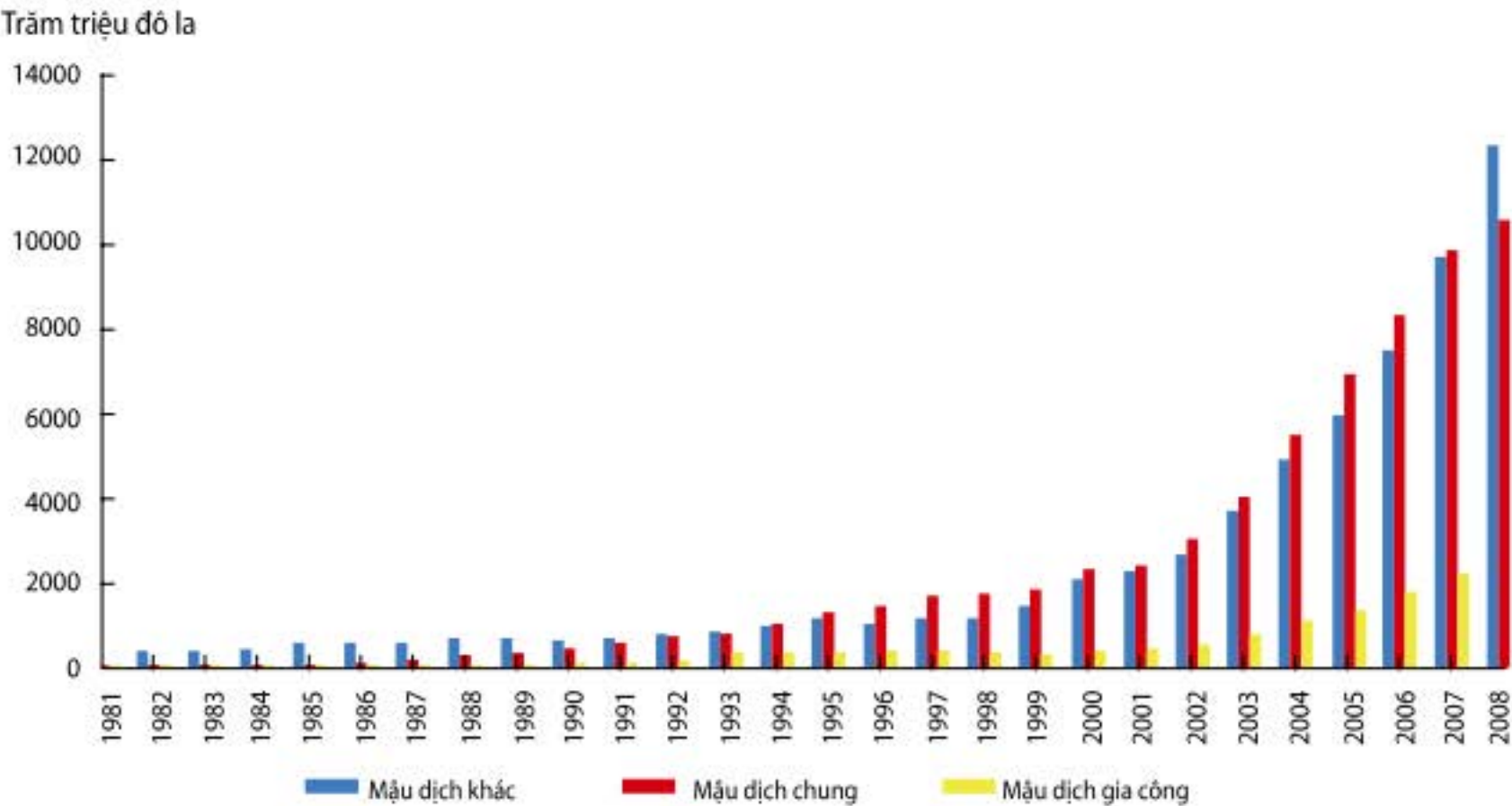
Nguồn số liệu: Cục Thống kê Quốc gia Trung Quốc: "Niên giám thống kê Trung Quốc: 2008"; "Tóm lược thống kê Trung Quốc: 2008" và "Báo cáo thống kê về phát triển xã hội và kinh tế quốc dân của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa năm 2008"

Biểu đồ 6-2.

Sự thay đổi trong mức độ phụ thuộc thương mại của Trung Quốc: 1978 – 2008

phần mậu dịch gia công trong mậu dịch đối ngoại của Trung Quốc đã có sự tăng trưởng liên tục từ những năm 80 của thế kỷ XX. Vào năm 1981, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Trung Quốc là 44 tỷ đô la, trong đó tổng kim ngạch của mậu dịch gia công chỉ là 2,6 tỷ đô. Bắt đầu từ năm 1989, kim ngạch xuất khẩu của mậu dịch gia công mỗi năm đều tăng và bắt đầu vượt qua kim ngạch nhập khẩu. Sau năm 1993, tổng kim ngạch “mậu dịch gia công” mỗi năm đều vượt qua tổng kim ngạch của “mậu dịch chung” (xem Biểu đồ 6-3). Năm 2008, kim ngạch nhập khẩu mậu dịch gia công của Trung Quốc là 1.053,6 tỷ đô la, chiếm 41% tổng ngạch nhập khẩu; trong đó tổng ngạch xuất khẩu mậu dịch gia công lên đến 675.182 tỷ đô la, chiếm 47.3% tổng ngạch xuất khẩu; thặng dư mậu dịch gia công là 296,8 tỷ đô, trở thành nguồn chủ yếu trong thặng dư mậu dịch của Trung Quốc. Sự tăng trưởng của thặng dư mậu dịch chủ yếu là do sự gia tăng của đầu tư trực tiếp nước ngoài.

Từ năm 1978 đến nay, cơ cấu hàng hóa xuất nhập khẩu của Trung Quốc xảy ra nhiều thay đổi. Trong hàng hóa nhập khẩu, tỷ lệ hàng công nghiệp giảm xuống, nhất là trong những năm gần đây. Vào năm 2008, tổng ngạch nhập khẩu của hàng công nghiệp là 770,31 tỷ đô la, chiếm 68% tổng kim ngạch nhập khẩu, các sản phẩm sơ cấp chiếm 32% (xem Biểu đồ 6-4). Trong hàng hóa xuất khẩu, tỷ lệ hàng công nghiệp tăng lên rất nhiều. Vào năm 2008, tổng ngạch xuất khẩu của hàng công nghiệp là 1.350,7 tỷ đô, chiếm 95% tổng ngạch xuất khẩu. So sánh con số này với 50% vào năm 1985, tỷ lệ xuất khẩu công nghiệp đã tăng lên vượt bậc (xem Biểu đồ 6-5). Xuất khẩu hàng công nghiệp đã trở thành nguồn chủ yếu trong thặng dư mậu dịch của Trung Quốc. Sở dĩ tỷ lệ hàng công nghiệp



Nguồn số liệu: Cục Thống kê Quốc gia Trung Quốc: “Tóm lược thống kê Trung Quốc: 2009”

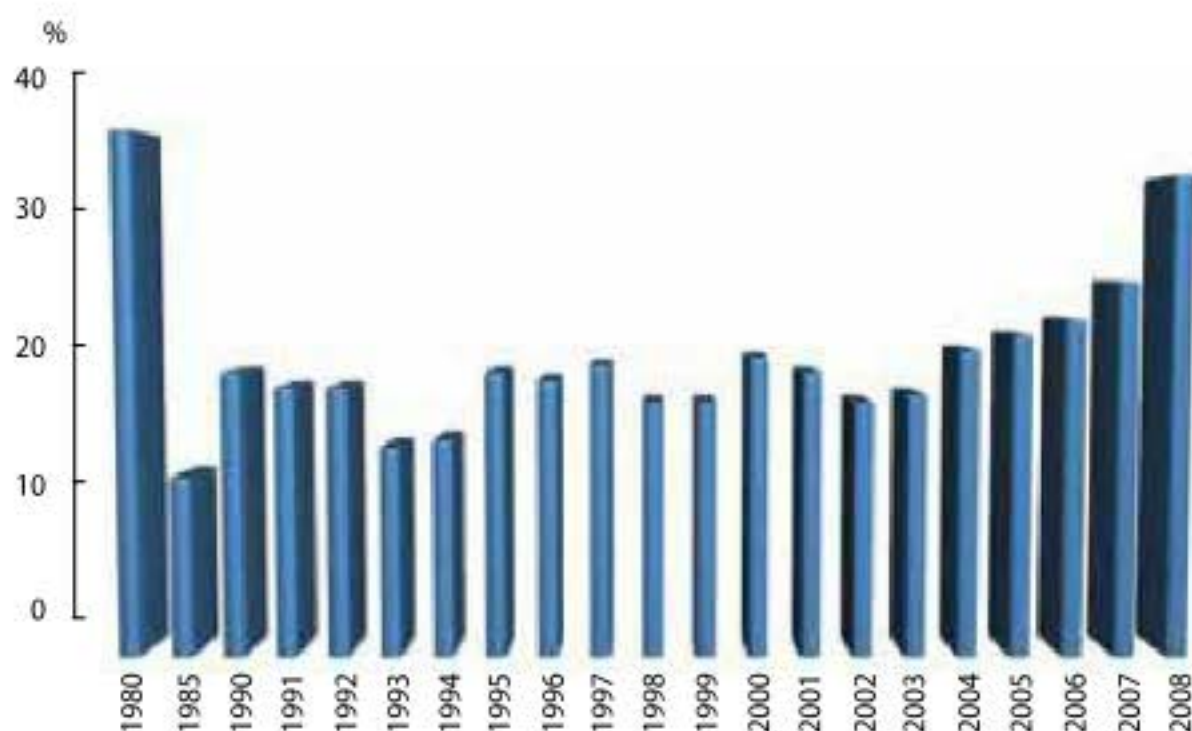
Biểu đồ 6-3.
Sự thay đổi trong phương thức mậu dịch của Trung Quốc

xuất khẩu gia tăng nhanh chóng như vậy giá trị cũng là do nó có mối quan hệ mật thiết với sự phát triển của các công ty đầu tư nước ngoài.

Tỷ lệ xuất khẩu mậu dịch của Trung Quốc có xu hướng tăng lên rất nhanh trong tổng giá trị xuất khẩu của toàn thế giới. Năm 1953, tỷ lệ xuất khẩu của Trung Quốc chỉ chiếm 1,2% trong tổng ngạch xuất khẩu của thế giới, nhưng đến năm 2003, con số này đã thay đổi thành 5,9%, cho đến năm 2007 đã tăng thành 8,9%, trở thành nước xuất khẩu lớn thứ hai thế giới chỉ sau Đức. Ngày 22 tháng 7 năm 2009, tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) đã nhận định rằng, Trung Quốc sẽ vượt qua cả Đức trong năm này và trở thành nước xuất khẩu thương mại lớn nhất trên toàn cầu. Theo số liệu do tổ chức WTO công bố vào hạ tuần tháng 8 năm 2009, tổng ngạch xuất khẩu của Trung Quốc trong sáu tháng đầu năm 2009 đã vượt qua Đức, trở thành nước xuất khẩu lớn nhất trên toàn cầu.

Vào năm 2007, nhập khẩu của Trung Quốc đạt mức 6,8% trong tổng ngạch nhập khẩu của thế giới, chỉ đứng sau Mỹ 14,5% và Đức 7,6%, trở thành nước nhập khẩu lớn thứ 3 trên thế giới.

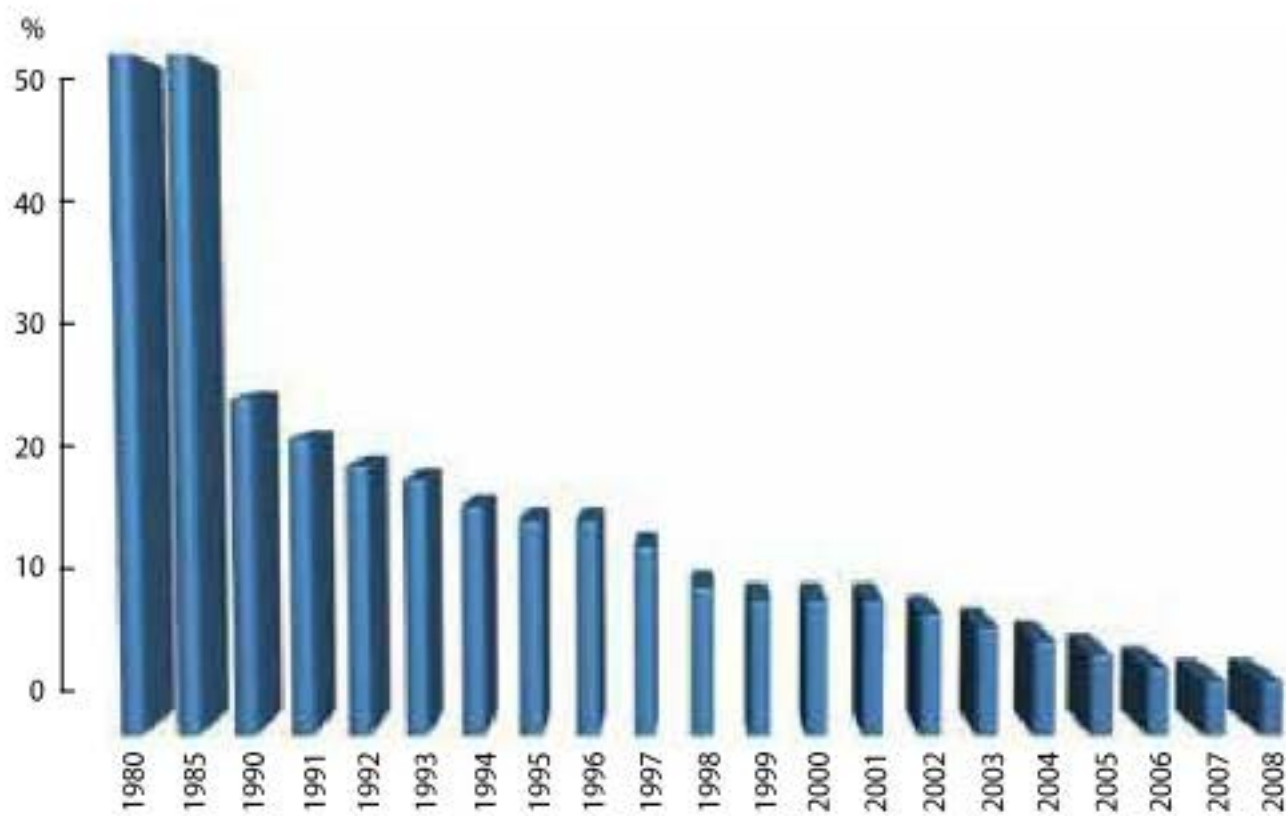
Sự mở rộng quy mô mậu dịch của Trung Quốc có liên quan đến quy mô thu hút đầu tư nước ngoài. Từ khi cải cách mở cửa đến nay, số lượng đầu tư nước ngoài thực hiện của Trung Quốc không ngừng gia tăng (bao gồm cả các khoản vay nước ngoài, đầu tư trực tiếp nước ngoài và các hình thức đầu tư khác). Nhất là sau năm 1992, đầu tư nước ngoài vào Trung Quốc càng nhanh hơn và đã đóng góp rất lớn cho sự phát triển kinh tế của Trung Quốc trong thời kỳ này. Những ảnh hưởng của đầu tư nước ngoài đối với kinh tế Trung Quốc được thể hiện ở những mặt sau: sự phát triển của thị trường hóa và quốc tế hóa, chuyển giao công nghệ và khoa học kỹ thuật tiên tiến mới, sự tăng trưởng của xuất



Nguồn số liệu: Cục Thống kê Quốc gia Trung Quốc: "Niên giám thống kê Trung Quốc" (năm tương quan)

Biểu đồ 6-4.

Tỷ lệ phần trăm của sản phẩm sơ cấp trong sản phẩm nhập khẩu của Trung Quốc



Nguồn số liệu: Cục Thống kê Quốc gia Trung Quốc: “Niên giám thống kê Trung Quốc: 2008”

Biểu đồ 6-5.

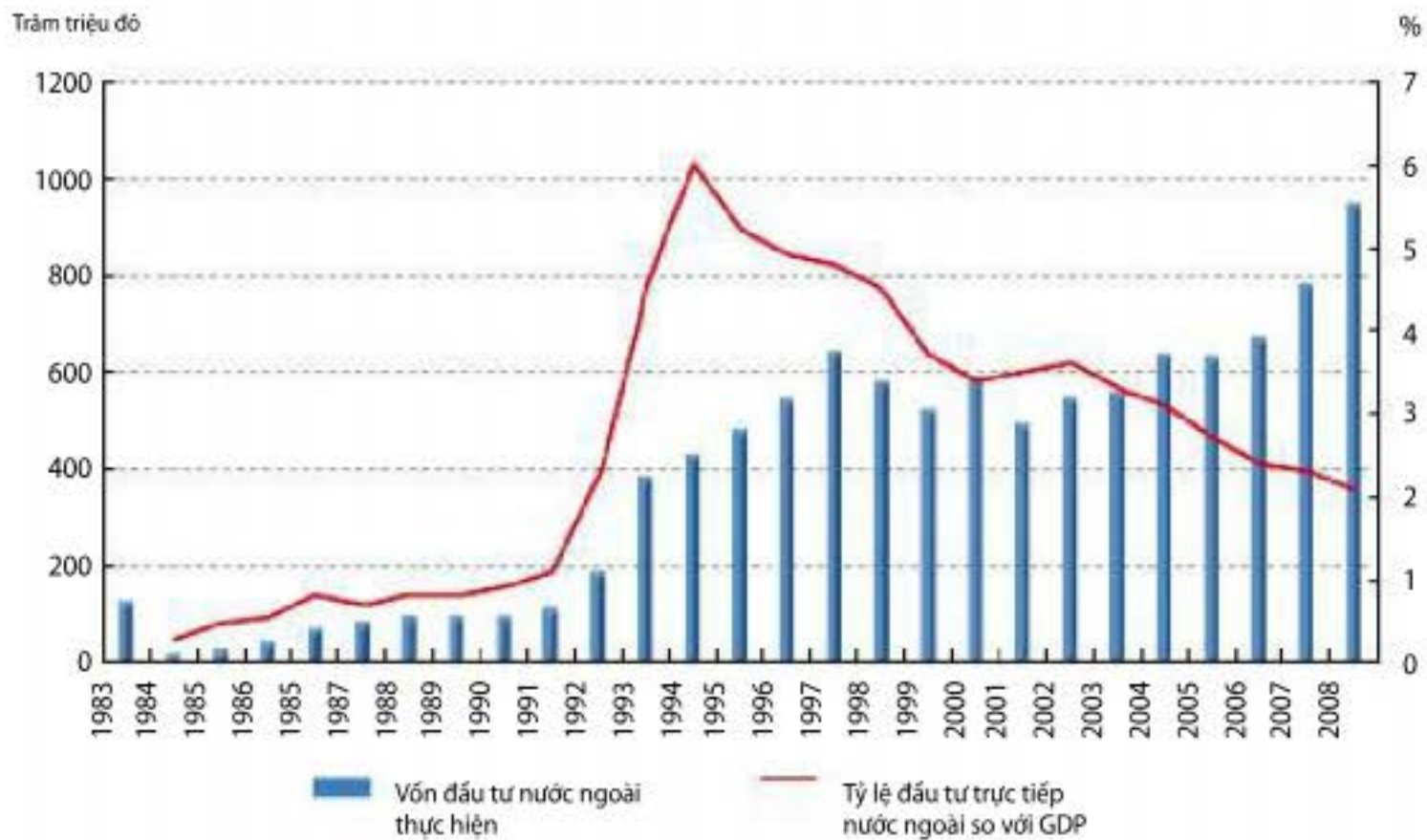
Tỷ lệ sản phẩm sơ cấp trong xuất khẩu thương mại của Trung Quốc: 1980 – 2008

khẩu, sự tăng trưởng trong đầu tư tài sản quốc gia; những sáng tạo trong cơ hội việc làm, thông qua các hình thức như liên doanh, hợp tác nâng cao trình độ quản lý và kỹ thuật của các công ty quốc doanh và các công ty hương trấn v.v.. Vào thời kỳ cuối của thập niên 90 thế kỷ 20, đầu tư nước ngoài vào Trung Quốc với tốc độ ổn định, nhưng số lượng tuyệt đối thì vẫn gia tăng, chỉ khi so sánh với GDP của Trung Quốc thì tỷ lệ có xu hướng giảm (xem Biểu đồ 6-6). Hiện nay, mức độ thu hút đầu tư nước ngoài của Trung Quốc đã đứng đầu thế giới, trở thành quốc gia có sức thu hút đầu tư vốn nước ngoài lớn nhất trên toàn cầu. Năm 2008, kim ngạch đầu tư nước ngoài được Trung Quốc sử dụng thực tế là 92,4 tỷ đô, tăng 23,6%. Trong đó ngành chế tạo chiếm 54%, ngành bất động sản chiếm 20,1%.

Hợp tác kinh tế đối ngoại của Trung Quốc cũng đang tăng trưởng rất mạnh trong những năm gần đây. Năm 2008, doanh thu của các hợp đồng nhận thầu công trình ở nước ngoài là 56,6 tỷ đô, tăng 39,4% so với năm 2007, doanh thu của hợp tác lao động nước ngoài là 8,1 tỷ đô, tăng 19,1%.

III. TRUNG QUỐC CÓ THỂ ĐÓNG GÓP NHIỀU HƠN NỬA CHO SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ THẾ GIỚI

Sáu mươi năm kể từ khi nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa thành lập, Trung Quốc trải qua hai thời kỳ, đó là thời kỳ của chế độ kinh tế kế hoạch và thời kỳ chế độ kinh tế thị trường. Trong thời kỳ thứ nhất, Trung Quốc xây dựng hệ thống kinh tế quốc dân và cơ sở công nghiệp độc lập, đã thử nghiệm thành công quả bom nguyên tử “lưỡng đạn nhất



Nguồn số liệu: Cục Thống kê Quốc gia Trung Quốc: "Niên giám thống kê Trung Quốc: 2008".

Biểu đồ 6-6.

Những thay đổi trong tỷ lệ đầu tư trực tiếp nước ngoài so với GDP và tỷ lệ vốn đầu tư nước ngoài thực hiện của Trung Quốc

tin¹ đầu tiên, thực hiện được mục tiêu đứng vào hàng ngũ các dân tộc thế giới; Vào thời kỳ thứ hai, Trung Quốc nghiên cứu cân nhắc tình hình và đã thực hiện công cuộc cải cách mở cửa, quy mô kinh tế của Trung Quốc được mở rộng một cách nhanh chóng, tổng thu nhập quốc dân bình quân đầu người tăng lên rất nhiều, quy mô mậu dịch ngày càng lớn, sản lượng sản phẩm công nông nghiệp chủ yếu đều đứng ở vị trí hàng đầu trên thế giới (xem Bảng 6-1). Trung Quốc đang ảnh hưởng đến cả thế giới bằng việc thay đổi chính mình, trong đại gia đình thế giới và cũng ngày càng được các nước thành viên khác coi trọng.

Những năm gần đây, biểu hiện trong tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc rất tốt đẹp, duy trì được mức độ tăng trưởng 10% trở lên. Tốc độ này không chỉ cao hơn tốc độ tăng trưởng bình quân của thế giới mà còn cao hơn cả tốc độ tăng trưởng bình quân của các nền kinh tế phát triển. Trong nhóm các nền kinh tế mới nổi (tức là nhóm bốn nước Brazil, Nga, Ấn Độ và Trung Quốc, gọi tắt là BRIC), biểu hiện của Trung Quốc cũng tốt nhất. Vào tháng 9 năm 2009, Diễn đàn Kinh tế Thế giới đã công bố "Báo cáo về sức cạnh tranh toàn cầu 2009 – 2010". Trong 133 nền kinh tế tham gia đánh giá, xếp hạng của Trung Quốc đại lục đã từ vị trí thứ 30 vào năm 2008 nhảy lên thứ 1, tiếp tục dẫn đầu nhóm BRIC.

¹ Lưỡng đan nhất tinh, là tên gọi tắt của vũ khí hạt nhân, tên lửa (lưỡng đan) và vệ tinh nhân tạo (nhất tinh). Ngày 16 tháng 10 năm 1964, Trung Quốc đã thử nghiệm thành công quả bom nguyên tử đầu tiên. Đây là sự kiện đánh dấu sự phát triển trong khoa học kỹ thuật của chính bản thân Trung Quốc. "Lưỡng đan nhất tinh" sau này được coi là sự nghiệp huy hoàng nhất mà Trung Quốc đã tạo dựng vào nửa cuối thế kỷ XX.

Bảng 6-1.
Vị trí những chỉ tiêu chủ yếu của Trung Quốc trên thế giới

	1978	1990	2000	2005	2006	2007
Tổng giá trị sản phẩm quốc nội	10	11	6	4	4	4
Kim ngạch xuất nhập khẩu mậu dịch	27	16	8	3	3	3
Dự trữ ngoại hối	38	7	2	2	1	1
Sản lượng sản phẩm công nghiệp chủ yếu						
Gang thép	5	4	1	1	1	1
Than đá	3	1	1	1	1	1
Dầu thô	8	5	5	5	6	5
Năng lượng điện	7	4	2	2	2	2
Xi măng	4	1	1	1	1	1
Phân bón	3	3	1	1	1	1
Sợi bông	1	1	2	1	1	1
Sản lượng sản phẩm nông nghiệp chủ yếu						
Ngũ cốc	2	1	1	1	1	1
Thịt	3	1	1	1	1	1
Hạt giống bông	2	1	1	1	1	1
Đậu nành	3	3	4	4	4	4
Đậu phộng	2	2	1	1	1	1
Hạt giống rau cải thìa	2	1	1	1	1	1
Mía	7	4	3	3	3	2
Chè	2	2	2	1	1	1
Hoa quả	9	4	1	1	1	1

Nguồn số liệu: Cục Thống kê Quốc gia Trung Quốc; "Niên giám thống kê Trung Quốc: 2008".

Năm 2008, quy mô kinh tế Trung Quốc đã chiếm tỷ lệ 7,23% trong tổng quy mô kinh tế thế giới, chỉ đứng sau Mỹ 23,44% và Nhật Bản 8,09%, tốc độ tăng trưởng đạt mức 9,0%. Tốc độ này không chỉ cao hơn rất nhiều so với tốc độ tăng trưởng bình quân của thế giới là 3,4% mà còn cao hơn hẳn so với tốc độ tăng trưởng của các quốc gia và khu vực chủ yếu trên thế giới. Trong bối cảnh các nước trên thế giới đều chịu ảnh hưởng nghiêm trọng của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu, tốc độ phát triển kinh tế của Trung Quốc được ví như một bông hoa nở rộ duy nhất. Năm 2008, mức độ đóng góp của Trung Quốc đối với sự tăng trưởng kinh tế thế giới vượt qua con số 20%.

Từ khi cải cách mở cửa vào năm 1978 đến nay, về phương diện phát triển kinh tế và thúc đẩy nền kinh tế đa nguyên hóa, Trung Quốc gặt hái được những thành tựu chói lọi.

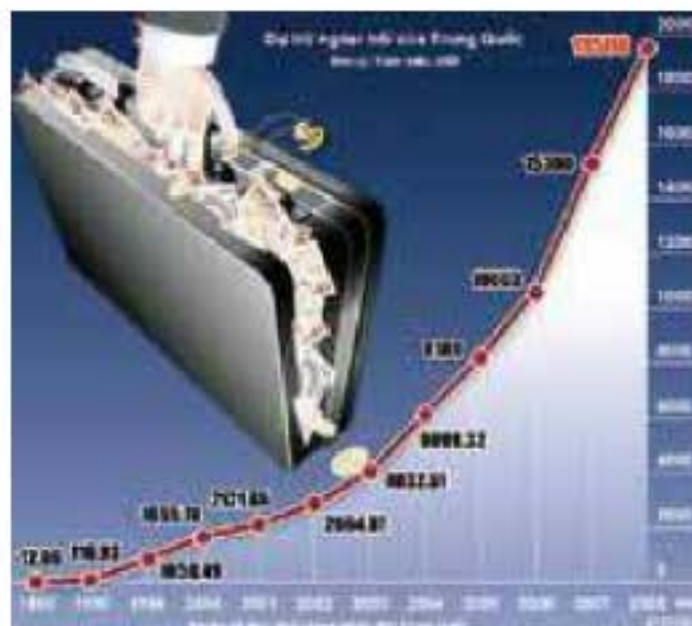
Về mặt xóa đói giảm nghèo và cải thiện mức sống của người dân cũng đã giành được những kết quả khiến cả thế giới phải chú ý. Kinh tế Trung Quốc đã thực hiện được tốc độ phát triển nhanh chóng bền vững trong suốt hơn 30 năm, đồng thời đóng vai trò ngày càng quan trọng trong kinh tế toàn cầu, được coi là một trong những động cơ thúc đẩy kinh tế thế giới tăng trưởng. Trung Quốc có một năng lực thị trường phát triển với tốc độ nhanh chóng và một không gian phát triển với tiềm lực to lớn.

Lượng nhập khẩu lớn của Trung Quốc đã giúp cho các đối tác mậu dịch của Trung Quốc trên toàn cầu hưởng lợi rất nhiều, một số nước còn nhờ Trung Quốc mà thoát ra khỏi bóng tối trì trệ của kinh tế. Môi trường đầu tư chất lượng của Trung Quốc đã cung cấp cho các nhà đầu tư trên các quốc gia những cơ hội hiếm có, trở thành nơi lựa chọn đầu tiên của rất nhiều nhà đầu tư nước ngoài. Sản phẩm xuất khẩu của Trung Quốc hàng đẹp giá rẻ không chỉ đáp ứng được nhu cầu rộng rãi của người tiêu dùng tại các nước nhập khẩu hàng hóa, mà cũng có ích để các nước nhập khẩu ngăn chặn tình trạng lạm phát, duy trì được sự ổn định của kinh tế. Các công ty Trung Quốc ra nước ngoài đầu tư đã làm tăng thu nhập tài chính cho những nước đối tác, tạo thêm nhiều cơ hội việc làm, chính vì thế cũng phát huy vai trò tích cực trong việc thúc đẩy kinh tế của nước đối tác phát triển nhanh. Nói tóm lại, cùng với sự mở rộng về quy mô kinh tế của Trung Quốc, đất nước này không chỉ thúc đẩy trình độ thương mại của thế giới trở nên cao hơn mà còn tạo ra rất nhiều cơ hội cho lĩnh vực đầu tư của thế giới. Quan trọng hơn nữa là, Trung Quốc đã trở

thành đầu tàu để lôi kéo nền kinh tế thế giới tăng trưởng. Kinh tế Trung Quốc sẽ không thể sụp đổ, nhiệm vụ hiện đại hóa của Trung Quốc vẫn chưa hoàn thành, những việc Trung Quốc cần phải làm tiếp vẫn còn rất nhiều, Trung Quốc vẫn tiếp tục đi theo đường lối xây dựng một đất nước "giàu mạnh, dân chủ, hòa hợp".



Rất nhiều sản phẩm "sản xuất tại Trung Quốc" (Made in China) hàng đẹp giá rẻ đã mang lại lợi ích thiết thực cho người tiêu dùng ở các nước. Trong ảnh là cảnh những người mua hàng nước ngoài đang mua đồ điện gia dụng Haier trong hội chợ.



Sau khi gia nhập WTO, Trung Quốc tích cực tham gia mậu dịch quốc tế, dự trữ ngoại hối tích lũy được sẽ có ích cho việc duy trì ổn định tài chính của Trung Quốc và cả thế giới, sẽ có ích cho việc tăng thêm niềm tin ở trong và ngoài nước đối với tương lai phát triển kinh tế của Trung Quốc. Cho đến 6 tháng đầu năm 2009, số dự trữ ngoại hối của Trung Quốc là 2.131,6 tỷ USD.

KINH TẾ TRUNG QUỐC

VŨ LỰC - TÙY PHÚC DÂN - TRỊNH LỖI
Người dịch: ThS. NGUYỄN THỊ THU HẰNG

Chịu trách nhiệm xuất bản
NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG

Biên tập: THANH THỦY, TUỜNG MINH

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP TP. HỒ CHÍ MINH
NHÀ SÁCH TỔNG HỢP

62 Nguyễn Thị Minh Khai, Q.1

ĐT: 38225340 – 38296764 – 38247225

Fax: 84.8.38222726

Email: tonghop@nxbhcm.com.vn

Website: www.nxbhcm.com.vn / www.sachweb.vn

GPXB số: 1131-2012/CXB/478-123/THTPHCM ngày 24/9/2012.